

CỜ VÂN VIỆT NAM

NGUYỄN DU

TRUYỀN THUY KIỀU

BÙI KỶ và TRẦN TRỌNG KIM

HIỆU KHẢO



Sách giáo-khoa — Tân Việt



Tên sách : TRUYỆN THÚY KIỀU – NGUYỄN DU

ĐOẠN-TRƯỜNG TÂN-THANH

Hiệu khảo : BÙI KỶ và TRẦN TRỌNG KIM

Nhà xuất bản : TÂN VIỆT

235, Phan thanh Giản – Saigon

Năm xuất bản : IN LẦN THỨ TÁM

Nguồn sách : Thích Đức Châu

Đánh máy : Zadd3l, hhongxuan, danguyen, princess0917, danguyen,

Harmony, quyche, Uyên Bùi, lovelysnake289, kimtientang, Bellchan

Kiểm tra chính tả : Phạm Thị Kiều Quyên, Quân Nguyễn Tiến, Ngọc Hân,

Hải Hải, Thành Phú Võ, Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Anh, Minh Ánh Đặng,

Thư Võ

Biên tập chữ Hán-Nôm : Dương Nhật Xuân

Biên tập ebook : Thư Võ

Ngày hoàn thành : 27/04/2018

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận « SỔ HÓA 1000
QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG BÓNG » của diễn đàn TVE-
4U.ORG**

**Cảm ơn các tác giả BÙI KỶ, TRẦN TRỌNG KIM và nhà xuất bản
TÂN VIỆT đã chia sẻ với bạn đọc những kiến thức quý giá.**

MỤC LỤC

TỰA

LÝ-THUYẾT PHẬT-HỌC TRONG TRUYỆN KIỀU

CÁI THUYẾT NHÂN-QUẢ

CÁI THUYẾT NHÂN-QUẢ DIỄN RA TRONG TRUYỆN KIỀU

GIÁ-TRỊ TRUYỆN KIỀU

I. TÊN NHỮNG ĐẤT NÓI TRONG TRUYỆN

II. HAI BÀI TỰA BẰNG HÁN-TỰ

A. BÀI THỨ NHẤT

B. BÀI THỨ NHÌ

III. BÀI THƠ CỦA ÔNG PHẠM QUÍ THÍCH

TRUYỆN THÚY KIỀU

I

II

III

IV

V

VI

VII

VIII

IX

X

XI

XII

CỔ VĂN VIỆT NAM

NGUYỄN DU

Truyện THÚY KIỀU

(ĐOẠN-TRƯỜNG TÂN-THANH)

BÙI KỶ và TRẦN TRỌNG KIM HIỆU-KHẢO

IN LẦN THỨ TÁM

*Chữa lại rất kỹ và rất đúng với
bản nô-m cổ và thêm bài nói về lý
thuyết Phật-học trong Truyện Kiều*

SÁCH GIÁO-KHOA

TÂN VIỆT

TỰA

Quyển truyện *Thúy Kiều* này là một quyển sách kiệt-tác làm bằng quốc-âm ta. Người trong nước từ kẻ ngu-phu ngu-phụ cho chí người có văn-học, ai cũng biết, ai cũng đọc, mà ai cũng chịu là hay. Một quyển sách có giá-trị như thế, mà chỉ hiềm vì các bản in ra, có nhiều bản không giống nhau, rồi có người lại tự ý mình đem chữa đi, chữa lại, thành ra càng ngày càng sai-lầm nhiều thêm ra. Mới đây những bản in bằng quốc-ngữ, tuy có dễ đọc và dễ xem hơn trước, nhưng chưa thấy có bản in nào thật chính-đáng, những điều sai-lầm vẫn còn như các bản chữ nôm cũ, mà chữ quốc-ngữ viết lại không được đúng, và những lời giải-thích cũng không kỹ-càng lắm. Chúng tôi thấy vậy, mới nhật-nhạch các bản cũ, rồi so-sánh với các bản mới để hiệu-chính lại cho gần được nguyên-văn. Chúng tôi lại hết sức tìm-tòi đủ các điển-tích mà giải-thích cho rõ-ràng, để ai xem cũng hiểu, không phải ngờ điều gì nữa.

Hiện nay tập nguyên-văn của tác-giả làm ra thì không tìm thấy nữa, chỉ có hai bản khác nhau ít nhiều, là bản Phường, in ở phố hàng Gai, Hà-nội, và bản Kinh của vua Dực-tông bản Triều đã chữa lại.

Bản Phường là bản của ông Phạm Quý Thích đem khắc, in ra trước hết cả. Ông hiệu là Lập Trai, người làng Huê-đường (nay đổi là làng Lương-đường) phủ Bình-giang, tỉnh Hải-dương, đỗ tiến-sĩ về cuối đời Lê, cùng với tác-giả là bạn đồng thanh đồng khí, cho nên khi quyển truyện này làm xong thì tác-giả đưa cho ông xem. Chắc cũng có sửa-đổi lại một vài câu, nhưng xem lời văn thì chỗ nào cũng một giọng cả. Vậy nên chúng tôi thiết-tưởng rằng lấy bản Phường làm cốt, thì có lẽ không sai-lầm là mấy. Còn những chỗ mà bản Kinh đổi khác đi, hoặc những câu mà về sau người ta sửa lại, thì chúng tôi phụ-lục cả ở dưới, để độc-giả có thể xem mà cân-nhắc hơn kém. Lại có một vài chữ người ta muốn đổi đi, nhưng không đúng với các

bản nôm cũ, thì chúng tôi cũng thích xuống dưới, chứ không tự tiện mà đổi nguyên-văn đi. Chủ-ý của chúng tôi là muốn giữ cho đúng như các bản cũ, chứ không muốn làm cho hay hơn.

Truyện Thúy Kiều này nguyên lúc đầu tác-giả nhan là : « ĐOẠN-TRƯỜNG TÂN-THANH 斷腸新聲 » Sau nghe đâu ông Phạm Quí Thích đổi lại là : « KIM, VÂN, KIỀU TÂN-TRUYỆN 金雲翹新傳 ». Nhưng vì trong truyện chỉ có Thúy Kiều là vai chính, còn Kim Trọng và Thúy Vân là vai phụ cả. Nếu đề như vậy, thì e không hợp lẽ. Vả chẳng tục thường gọi là truyện Kiều, thì chi bằng ta cứ theo thói thường mà nhan là **Truyện Thúy Kiều**, rồi ở dưới đề thêm tên cũ « ĐOẠN-TRƯỜNG TÂN-THANH », gọi là để tỏ cái ý tồn cổ.

Song đây là nói về phần hình-thức ở bề ngoài, còn về phần tinh-thần văn-chương trong truyện Thúy Kiều, thì sau này chúng tôi sẽ đem ý-kiến riêng mà bày-tỏ ra đây, họa may có bổ-ích được điều gì chẳng. Vậy trước hết xin lược-thuật cái tiểu-sử của tác-giả để độc-giả hiểu rõ tác-giả là người thế nào.

Tác-giả húy là Du 攸, tự là Tố-như 素如, hiệu là Thanh-hiên 清軒, biệt hiệu là Hồng-sơn Liệp-hộ 鴻山獵戶, quán tại làng Tiên-diên, huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-tĩnh, con thứ bảy ông Hoàng-giáp Xuân-quận-công Nguyễn Nghiễm, làm thủ-tướng Lê-triều. Bác ruột là ông Nguyễn Huệ cùng anh là ông Nguyễn Khản đều đỗ tiến-sĩ, làm quan đồng thời. Ông Nguyễn Khản làm đến Lại-bộ Thượng-thư, sung chức Tham-tụng. Còn người anh thứ hai là Điều-nhạc-hầu, húy là Điều, làm Trấn-thủ Sơn-tây. Cả nhà, cha con, chú bác, anh em, đều là người khoa-giáp, làm quan to đời nhà Lê.

Tố-như tiên-sinh là con bà trắc-thất, người huyện Đông-ngạn, tỉnh Bắc-ninh, tên là Thấn 殯. Bà sinh được bốn người con trai tên là Trự 倬, Nệ 儼, Du 攸 (tức là tiên-sinh) và Ưc 億. Tiên-sinh sinh vào ngày nào, thì nay

ta không rõ, chỉ biết vào năm ất-dậu là năm Cảnh-hưng thứ 26 (1765), nghĩa là vào đời Lê-mạt.

Xem gia-thế nhà tiên-sinh, thì tiên-sinh là dòng-dõi một nhà thế-phiệt trâm-anh đệ-nhất trong nước lúc bấy giờ. Không rõ tiên-sinh thụ-nghiệp ai, có lẽ là học-tập phụ-huynh trong nhà. Tiên-sinh thừa còn trẻ thiên-tư dĩnh-ngộ, năm 19 tuổi đã đỗ ba trường, tức là đỗ tú-tài.

Tiên-sinh là người có khí-tiết, gặp khi trong nước có biến, nhà Nguyễn Tây-sơn dấy lên, nhà Lê bại-vong, tiên-sinh đã nhiều phen lo-toan sự khôi-phục, nhưng vì sự không thành, bỏ về quê ở, lấy sự chơi-bời săn-bắn làm vui thú. Trong vùng chín-mươi-chín ngọn núi Hồng-lĩnh không có chỗ nào là chỗ tiên-sinh không đi đến. Phải thời quốc phá gia vong, tiên-sinh đã toan bỏ việc đời ra ngoài tai, đem cái thân-thế mà vui với non sông. Ấy là cái chí của tiên-sinh đã định như thế, nhưng đến khi vua Thế tổ Cao-hoàng bản Triều đã thống-nhất được giang-sơn, có ý muốn thu-phục lòng người miền Bắc, xuống chiếu trưng-triệu những nhà dòng-dõi cựu-thần nhà Lê ra lục-dụng. Tiên-sinh phải triệu ra làm quan, hai ba lần từ-chối không được. Năm Gia-long nguyên-niên (1802), tiên-sinh phải ra làm tri-huyện huyện Phù-dực, (nay thuộc tỉnh Thái-bình). Được ít lâu bổ đi Tri-phủ Thường-tín. Sau tiên-sinh cáo bệnh xin về. Đến năm Gia-long thứ năm (1806) lại phải triệu vào Kinh thụ chức Đông-các học-sĩ. Năm thứ tám (1809) bổ ra làm Cai-bạ (tức là Bố-chính) Quảng-bình. Năm thứ 12 (1813) thăng lên làm Cần-chính-điện học-sĩ, sung chức chánh-sứ sang cống Tàu. Đến khi về, được thăng Lễ-bộ Hữu-tham-tri. Năm Minh mệnh nguyên-niên (1820) lại có chỉ sai tiên-sinh đi sứ Tàu lần nữa, nhưng chưa kịp đi thì phải bệnh mất.

Sách *Chính biên Liệt-truyện* chép rằng : khi tiên-sinh phải bệnh nặng, không chịu uống thuốc. Lúc gần mất, sai người sờ tay chùn xem còn nóng hay lạnh. Người nhà nói đã lạnh cả rồi. Tiên-sinh nói rằng : được ! Nói xong thì mất, không có một lời nào dặn dò đến việc sau. Tiên-sinh mất vào

này mồng 10 tháng 8 năm canh-thìn là năm Minh-mệnh nguyên-niên (1820), thọ được 56 tuổi.

Cứ theo lời chép trong truyện, thì tiên-sinh làm quan hay bị quan trên đề-nén, không được thỏa chí của mình, cho nên thường buồn-rầu không vui. Đối với nhà vua thì chỉ giữ hết bốn-phận, chứ không hay nói-năng điều gì. Có khi vua đã quở rằng : « Nhà nước dùng người, cứ ai hiền-tài thì dùng, không phân-biệt gì Nam với Bắc cả. Người đã làm đến chức á-khanh, biết việc gì phải nói để tỏ cái chức-trách của mình, có lẽ đâu lại cứ rụt-rè sợ-hãi chỉ vâng vâng, dạ dạ, hay sao ? » – Mấy lời ấy làm bằng-chứng rõ-ràng cái bụng bất-đắc-dĩ của tiên-sinh phải ra làm quan. Tuy thế, nhưng không khi nào tiên-sinh bỏ cái chức-trách của mình, như khi ra làm Cai-bạ coi hạt Quảng-bình, tiên-sinh nghĩ mình đã giữ việc trị dân, thì phải hết lòng làm việc lợi dân, cho nên người thời bấy giờ đều khen tiên-sinh là người giỏi nghề cai-trị.

Tiên-sinh là một người học rộng, kiến-thức nhiều, tinh-thông cả binh-thư võ-ngệ và lại giỏi nghề cầm, kỳ, thi, họa. Tính người khiêm-cần, ít nói, hay xem sách, không hay khoe-khoang, cách ăn-ở trong nhà bao giờ cũng rất giản-dị đơn-sơ. Không những tiên-sinh là người thâm nho-học, mà lại đạt được cả Đạo-học và Phật-học, thường có những cái tư-tưởng siêu-việt, không bó-buộc mình ở chỗ tầm-thường trước mắt, bo bo ở chỗ hiếu danh hiếu lợi như những người khác. Chắc là người có học-lực như tiên-sinh thì trong lòng bao-quát biết bao nhiêu là tình là ý, nhưng đối với người ngoài thì tiên-sinh hay giữ-gìn kín-đáo, không muốn ganh-đua với những phường « giá áo túi cơm » làm gì. Bởi thế cho nên người chép truyện cho rằng tiên-sinh là người bề trong có ý tự-phụ, mà bề ngoài thì làm ra mặt thật-thà cẩn-thận. Câu ấy tuy có ý chê tiên-sinh, nhưng thật là lời nói đúng với cái tâm-lý của tiên-sinh. Mà cái tâm-lý ấy chính là cái tâm-lý của phần nhiều những bậc hơn người, biết mình có cái giá-trị riêng, thì cứ giữ cái địa-vị riêng của

mình, còn đối-đãi với mọi người, thì chỉ lấy sự bình-thường mà thù-tiếp cho êm chuyện.

Tiên-sinh làm ra văn-thơ và sách-vở hoặc bằng hán-tự, hoặc bằng quốc-âm cũng nhiều. Những sách bằng hán-tự thì có :

- Thanh-hiên tiền-hậu-tập 清軒前後集 ;
- Bắc-hành thi-tập 北行詩集 ;
- Nam-Trung tạp ngâm 南中雜吟 ;
- Lê-quí kỷ-sự 黎季紀事 ;

Những sách ấy đều có giá-trị cả, nhưng nay mất-mát đi, chưa tìm được mấy.

Khi tiên-sinh đi sứ Tàu về, có để lại bộ *Bắc hành thi-tập* và làm ra quyển truyện *Thúy Kiều*, nhan là *Đoạn-trường tân-thanh*. Trong tập *Bắc-hành thi-tập* của tiên-sinh, có lắm bài vịnh những danh-nhân bên Tàu, như vịnh Khuất Nguyên. Hạng Vũ, Tần Cối, v.v... Những bài thơ ấy có lắm câu khảng-khái mà bi-đát.

Bài vịnh Khuất Nguyên có câu :

尊國三年悲放逐

Tồn quốc tam niên bi phóng trục.

楚辭萬古擅文章

Sở từ vạn cổ thiện văn-chương.

魚龍江上無殘骨

Ngư long giang thượng vô tàn cốt.

杜若洲邊有眾芳

Đỗ nhược châu biên hữu chúng phương.

Lại có câu :

後世誰人憐獨醒

Hậu thế thùy nhân liên độc tỉnh.

四方何處用孤中

Tứ phương hà xứ dụng cô trung.

Bài vịnh Hạng Vũ thì có câu :

及識敗亡非戰罪

Cập thức bại vong chi chiến tội.

空勞智力與天爭

Không lao tri lực dữ thiên tranh.

古今無那英雄淚

Cổ kim vô ná anh-hùng lệ.

風雨空聞叱咤聲

Phong vũ không văn sất sá thanh.

Bài vịnh Phạm Tăng có câu :

但得此心無負楚

Đản đắc thử tâm vô phụ Hán.

不知天命已歸劉

Bất tri thiên mệnh dĩ quy Lưu.

Bài vịnh Trạng-sa (Giả Nghị) có câu :

立談不展平生學

Lập đàm bất triển bình sinh học.

事職何妨至死悲

Sự chức hà phường chi tử bi.

天降奇才無用處

Thiên giáng kỳ tài vô dụng xứ.

日斜異物有歸時

Nhật tà dị vật hữu quy thì.

Bài vịnh Thiệu-lăng (Đỗ Phủ) có câu :

異代相憐空洒淚

Dị đại tương liên không sái lệ.

一窮至此豈工施

Nhất cùng chí thử khỉ công thi.

Bài vịnh Tần Cối có câu :

是非盡屬千年事

Thị phi tận thuộc thiên niên sự.

笑罵何妨一假身

Tiểu mạ hà phương nhất giả thân.

如此錚錚真鐵漢

Như thử tranh tranh chân thiết hán.

奈何靡靡事金人

Nại hà mị mị sự kim nhân.

Bài vịnh Thăng-long có câu :

千年巨室成官道

Thiên niên cự thất thành quan đạo.

一片新成沒故宮

Nhất phiến tân thành một cố cung.

Hai câu thơ này thật là tiếng than, tiếng khóc của một người cựu-thần đi qua chỗ Kinh-thành của tiền Triều đã bị phá-hoại. Tiên-sinh là dòng-dõi quan nhà Lê, gặp phải khi thời-thế đã biến-đổi phải ra làm quan với triều Nguyễn, lại đi qua chỗ giang-sơn cũ, lòng nào là lòng chẳng chua-xót !

Thơ của tiên-sinh, bài nào cũng ngụ cái ý buồn-rầu, thật là :

Rằng hay thì thực là hay.

Nghe ra ngâm đắng nuốt cay thế nào !

Song những bài thơ ấy làm bằng hán-văn cả, và chẳng qua là nhân cái ngẫu-hứng một lúc mà làm ra, không phải chỗ tiên-sinh chú-ý để giải-bày tâm-sự của mình như ở trong truyện *Thúy Kiều*. Vậy có xem truyện *Thúy*

Kiều thì mới hiểu được cái tâm-sự và cái tài văn-chương bằng quốc-âm của tiên-sinh.

Truyện *Thúy Kiều* không phải là một truyện tự tiên-sinh tưởng-tượng mà đặt ra, tiên-sinh thấy có một tiểu-thuyết của *Thanh-tâm tài-nhân*, văn-chương thật là tầm-thường, nhưng trong bộ sách ấy có truyện một người đàn-bà sắc tài rất mực, khôn-ngoaan đủ điều, lại có lòng trung, hiếu, tiết, nghĩa, mà chỉ bị những bước gian-truân, khổ-sở, phải hoa trôi bèo giạt, thật là đáng thương cho ai mà lại đáng giận cho « *Hóa-nhi sao khéo đa-đoan* », đem chữ tài chữ mệnh mà trêu-gheo người hồng-nhan ! Song truyện dù hay đến đâu mặc lòng, mà câu văn non-nớt, lời-lẽ không đậm-đà, thì cũng là truyện bỏ đi. Bởi thế cho nên bộ tiểu-thuyết ấy là bộ sách ngày nay không mấy người xem đến nữa.

Nhân bộ tiểu-thuyết tầm-thường ấy mà làm thành một tập văn-chương kiệt-tác là bởi Tổ-như tiên-sinh có cái cảm-tình riêng, và cái thiên-tài đem tiếng nước nhà mà thêu-dệt nên được những lời cấm-tú. Tại làm sao trong tiểu-thuyết *Tàu* thiếu gì truyện hay mà tiên-sinh không dịch, lại dịch bộ tiểu-thuyết ấy ? Là tại tiên-sinh thấy cái cảnh-ngộ của cô Kiều đối với cái cảnh-ngộ của tiên-sinh hình như là :

Cùng người một hội, một thuyền đâu xa.

Cho nên tiên-sinh mới dụng tâm lấy truyện *Thúy Kiều* mà bày-tỏ ra cho hết mọi tình mọi ý của mình. Cũng vì vậy mà tiên-sinh nhan quyển truyện này là, *Đoạn-trường tân-thanh*, nghĩa là : « Tiếng than-khóc mới về nỗi đau lòng ». Nghĩ kỹ bốn chữ *Đoạn-trường tân-thanh*, thì tưởng cũng đủ rõ được cái tâm-sự của tiên-sinh. Tiên-sinh dịch, nhưng chỉ chọn lấy những đoạn cốt-tử mà thôi, còn thì tiên-sinh thay đổi đi và bỏ bớt những chỗ rườm-rà thô-tục, hoặc những chỗ gớm-ghê dơ-bẩn, như đoạn Tú-bà dạy *Thúy-Kiều*, và đoạn báo ân báo oán, là tiên-sinh chỉ nói lược qua mà thôi ; cho nên so

quyển truyện *Thúy Kiều* với bộ tiểu-thuyết *Tàu*, thì quyển sách của tiên-sinh thanh-nhã và có văn-vẻ hơn nhiều lắm.

Tổ-như tiên-sinh thấy nàng Kiều là một bậc người đa tình đa cảm ; mà *tình* với *cảm* tuy là hai cái dây oan nó trói-buộc người ta vào trần-lụy, nhưng cũng vì có *tình* có *cảm* mới thật là người, không thì cùng với cỏ-cây có khác gì đâu. Vậy đa tình với đa cảm là hai cái đặc-tính của những bậc thanh-tao phong-nhã. Tiên-sinh với nàng Kiều tuy sinh không đồng thời, ở không đồng xứ, nhưng cũng là một thanh, một khí, cho nên đọc đến truyện nàng Kiều là động mỗi thương-tâm.

Hữu tình ta lại gặp ta

thì sao lại để hững-hờ mà ngảnh mặt làm thinh đi được. Huống-chi hai chữ *tài* với *mệnh* đã không phải là một nỗi bất bình riêng của bạn má hồng, tất là bạn nam-nhi thường cũng nhiều khi vì chữ *tài* với chữ *mệnh* mà thất điên bát đảo. Tiên-sinh là một người trung-thần mà gặp buổi Lê suy, cũng như Kiều là một người trinh-nữ gặp cơn gia biến. Dù tiên-sinh muốn trung với Lê-hoàng, song nhà đổ một cây gỗ chống sao cho nổi, khác gì Kiều muốn thủ nghĩa với Kim Trọng, song chuộc cha thế phải bán mình. Bạch-diện đối với hồng-nhan đã chịu chung một số kiếp, thì quyển truyện *Kiều* có phải là chỉ để than người bạc-mệnh mà thôi, hay là để cho tác-giả nhân đó mà tự than mình nữa ? Thiết-tưởng tiên-sinh cũng nghĩ :

Lời rằng bạc-mệnh cũng là lời chung.

Cho nên than người bạc-mệnh, tức là than thân mình. Vậy lấy truyện *Kiều* mà xét tâm-sự của Tổ-như tiên-sinh thì tưởng không lầm được.

Vì chữ mệnh nó oái-oăm, cứ hay bắt-buộc người ta vào những cảnh bất-đắc-dĩ, như bắt Kiều phải bỏ Kim Trọng mà chịu bước giang-hồ, bắt tiên-sinh phải quên nhà Lê mà theo phù tân quân. Kiều vì gia biến phải bước churen ra đi, tiên-sinh phải khi nhà Lê bại-vong phải ra làm quan với

Nguyễn-triều, hai bên cũng một lòng cay-đắng chua-xót như nhau, cho nên :

Dùng-dăng khi bước churen ra,
Cực trăm nghìn nổi, dạn ba bảy lần.

Được như tiên-sinh đi làm quan, một thời phú-quí, giá ai đã lấy làm vinh, mà tiên-sinh thì tự lấy làm bùi-ngùi tủi thẹn. Thẹn là thẹn vì nổi làm thân trượng-phu đã không thể dọc ngang cho thỏa chí tang-bồng, thì sao không bắt-chước được như Hải-thuyền-sư ¹ lúc bấy giờ, đành mượn cửa Không mà làm một người dật dân triều Nguyễn. Vì thời-thế bắt-buộc, khiến tiên-sinh không giữ được cái nghĩa *trung-thần bất sự nhị quân*, thì dù có

Bó thân về với Triều-đình,
Hàng thần lơ-láo, phận mình ra đâu.

Không hàng thần cũng như hàng thần, cho nên tiên-sinh có ý tự ví mình như một người đàn-bà bạc-mệnh, vì thế bất-đắc-dĩ, phải bán mình mà phụ nghĩa cố-phu. Đã nói thất tiết, thì thân nghìn vàng với thân bảy thước có khác gì nhau ? Bởi thế cho nên làm quan thì làm quan, chứ

Mặc người mưa Sở mây Tần,
Những mình nào biết có xuân là gì ?

Mà có vui nữa, thì cũng :

Vui là vui gượng kéo là,
Ai tri-âm đó mặn-mà với ai ?

Vì cái cảm-tình ấy, cái tư-tưởng ấy, cho nên chung thân tiên-sinh làm quan thường hay buồn-rầu, mà cũng không lúc nào bàn-bạc điều gì. Tiên-sinh có ý muốn làm như Từ Nguyên-trực về với Tào mà thề không bài mưu định kế cho Tào. Nhưng tiên-sinh là người kín-đáo, người ngoài không rõ, mới cho tiên-sinh buồn-rầu về quan trên đè-nén, và tính hay sợ-hãi, cho nên không dám nói-năng gì cả. Thiết-tưởng một người như tiên-sinh sợ gì ai,

mà ai dè-nén được. Chẳng qua là ở vào thời-đại chuyên-chế, tiên-sinh biết theo cái đạo minh-triết : chấp kinh cũng phải có khi tòng quyền, cho nên

Cũng liều nhắm mắt đưa chươn,
Mà xem con tạo xoay vần đến đâu ?

Vả chẳng người đời xu danh trục lợi, đã dễ mấy kẻ tri-âm, mà dám đem bày-tỏ cái tâm-sự của mình, vậy nên tiên-sinh cứ

Một mình mình biết, một mình mình hay.

Miễn là cho qua chuyện đời thì thôi. Ấy là cái tâm-sự của tiên-sinh đã đem gửi vào tập truyện *Thúy Kiều* để hậu thế ai có con mắt tinh đời, thì soi-xét đấy, mà thở dài thay cho một người tài-tình, tiết-nghĩa, sinh không gặp thời, phải đày-đọa ở chốn phong-trần, để tấm lòng son-sắt mai-một đi mất.

Bởi thế nên khi tiên-sinh sắp mất, có khẩu-chiêm hai câu rằng :

不知三百餘年後

Bất tri tam bách dư niên hậu

天下何人泣素如

Thiên-hạ hà nhân khấp Tố-như

Vậy nay ta đọc truyện *Kiều*, mà có « khóc người đời xưa », thì những người thức-giả hẳn không ai cho ta « khéo dư nước mắt » nữa.

*

Đây là phần tâm-sự của Tố-như tiên-sinh. Còn về nhân-vật trong truyện *Kiều*, thì vì cái cảnh-ngộ một người mà miên-man ra đến các hạng người, làm thành ra quyển truyện ấy hình như quyển tiểu-sử cả một xã-hội vậy. Từ ông quan cho đến tên lính-lệ, từ người lương-thiện cho chí những phường tàn-bạo gian-ác : nào người văn-học nho-nhã, nào người chơi-bời phóng-túng, nào người giang-hồ vùng-vẫy, không có mặt nào là mặt tiên-sinh không vẽ rõ cái chân-dung ra. Hạng người nào ra hạng người ấy, lời ăn tiếng nói, cử-chỉ hành-động không có cái gì là không giống nhau như đúc.

Tả ra được như thế, thì không những là Tố-như tiên-sinh có cái đặc tài hơn các nhà văn-sĩ, mà tiên-sinh lại là một nhà tâm-lý-học rất tinh-thâm, thấu suốt được nhân-tình thế-thái, soi rõ đến cái khuất-khúc hóc-hiểm ở trong lòng người ta. Ai thế nào tiên-sinh đem bày ra thế, mà tả người nào cũng có cái khí linh-hoạt rất mạnh, khiến cho khi ta đọc truyện *Thúy Kiều*, ta tưởng-tượng như là những người ấy có ở trước mặt ta, đi lại, nói-năng như thật vậy.

Một nhà trung-hậu thật-thà, giữ nền-nếp, một hạng người trung-lưu đất thành-thị là nhà Vương viên-ngoại. Hai cô con-gái thì

Một người một vẻ, mười phân vẹn mười.

Nhưng cô Vân thì :

Khuôn trắng đầy-đặn, nét ngài nở-nang.

Hoa cười ngọc thốt đoan trang,

Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.

Cái đẹp của cô Vân là cái đẹp phúc-hậu, vẻ người được phong-lưu phú-quí, chứ không phải là cái đẹp sắc-sảo mặn-mà của cô Kiều, như :

Làn thu-thủy, nét xuân-sơn,

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.

Cũng là tả cái đẹp mà cái đẹp của cô Kiều tươi quá, thắm quá, hình như là cái mối sầu, cái dây oan đã phục sẵn ở trong cái đẹp đó rồi. Đã đẹp hơn người mà lại khôn-ngoaan đủ điều như cô Kiều thì thật là ít có. Nhưng đây là cái mồi của Khuôn-xanh để nhử người bạc-mệnh, chứ ở cái đời tầm-thường này, làm chi có những của quý-hóa ấy mà lại để cho hoàn-toàn được.

Có cô Kiều tất phải có Kim Trọng là một bậc tài-tình nho-nhã, thì mới thật xứng đôi. Song ở cõi trần này, những người như Thúy Kiều với Kim Trọng mà nhân-duyên được mỹ-mãn thì chẳng hóa ra bốn chữ : *Càn-khôn khuyết niết* 乾坤缺齧 của cổ-nhân lại không đúng hay sao ? Cho nên Hóa-

công chỉ để cho Kiều được gặp Kim một chốc-lát, rồi bắt phải chia-phôi nhau ra, để cho cứ phải tưởng-vọng suốt đời, hình như cái tưởng-vọng là cái cực-điểm của đời người ta vậy. Nếu không, sao lại có thằng bán tơ gây nên chuyện phong-ba, đến nỗi nhà họ Vương tan-nát ; sao lại có bọn nha-lệ tàn-ác, ông quan bất nhân ăn tiền, để cho Kiều phải bán mình chuộc cha ? Ở đoạn này, tác-giả chỉ lược qua cái chuyện thằng bán tơ tiêu xưng, mà tả rõ cái thói dã-man của bọn sai-nha những-nhiều người lương-thiện, là có cái ý hàm-súc để cho người ta đọc đến khắc hiểu cái chính-sách của những bọn quan-lại tàn-nhẫn. Tuy Tố-như tiên-sinh giữ ý, không nói gì đến quan, nhưng lại mượn lời Chung-công nói rằng :

Có ba trăm lạng việc này mới xuôi.

Thì đủ rõ là bất cứ đời nào, cái thế-lực đồng tiền vào đâu cũng lọt.

Xét cho kỹ, một người lương-thiện bị vu-thác, thì phận-sự người làm quan là phải thân oan cho kẻ vô tội, chứ sao lại vì ba trăm lạng mà làm cho người ta tan cửa nát nhà, làm cho một người thiếu-niên thực-nữ phải bán mình chuộc tội cho cha, mất cả danh, cả tiết, mà chịu đày-đọa ở trong bể trầm-luân. Không rõ những người có cái trách-nhiệm ấy nghĩ ra thế nào ?

Cứ cái lý-tưởng của người Á-đông ta, thì chữ mệnh độc-địa thật ; song cứ thực lý mà suy, thì cái bước long-đong của nàng Kiều là căn-nguyên cái nghiệp của nàng đã định trong số đoạn-trường, mà cái mối đầu là tại cái chính-sách đổi trắng thay đen của người xử kiện thừa ấy. Chỗ này Tố-như tiên-sinh có ý muốn kết một cái án tru-tâm cho kẻ đương lộ lúc bấy giờ. Về sau ông Tam-nguyên Yên-đỗ có bốn câu thơ rằng ;

Có tiền việc ấy mà xong nhĩ !

Đời trước làm quan cũng thế a ?

Tưởng đã là khám-phá lắm. Có lẽ sai-nha ấy, có ông quan ăn tiền ấy, tất phải có mục Tú-bà, gã Mã Giám-sinh với gã Sở Khanh, thì cái kết-quả số đoạn-trường mới ứng nghiệm. Kiều bị một mục giàu với hai tên bợm đem

dập liễu vùi hoa vào chỗ hôi-tanh, làm cho đang « phong gấm rủ là » phải ra « dày gió dạn sương », thật là :

Tiếc thay trong giá trắng ngần,
Đền phong-trần, cũng phong-trần như ai !

Nhưng Kiều có phải là người phải phong-trần mà chịu phong-trần đâu ! Khốn-nạn thay thân mang lấy nghiệp, lại khư khư giữ lấy chữ tình, thành ra cứ phải dày-đọa mãi, « hết nạn ấy đến nạn kia » cho đến đoạn-trường hết kiếp mới thôi !

Kiều ở thanh-lâu gặp Thúc-lang là người hào-phóng, biết quý ngọc yêu hoa, đem Kiều ra khỏi chỗ lửa nòng. Nhưng Thúc lại là người nhu-nhược, sợ vợ hơn sợ cha, để đến nỗi Kiều phải bước gian-nan, làm con đời, con ở. Trong đoạn này, Tố-như tiên-sinh tả rõ một ông nghiêm-phụ trong xã-hội ta, nghiêm nhưng vẫn từ, thấy con làm bậy thì giận, biết người có nết thì thương ; một ông quan biết phân-biệt tình với lý, biết « yêu vì nết trọng vì tài », muốn cho gia-đình người ta được hòa-hợp, không nỡ để cho kẻ tài-tình phải bước gian-truân, thật là một kẻ đáng làm quan phụ-mẫu thời cổ ; một bà mẹ vợ tâm-thường như Hoạn-bà chỉ biết chiều con mà không có lương-tâm ; một người vợ hay ghen mà lại nham-hiểm, hí-lộng người chồng với vợ lẽ như đàn con trẻ.

Kiều một mình bơ-vơ như chiếc lá giữa dòng :

Nơi thời lừa-đảo, nơi thời xót-thương.

Sau lại gặp được Giác-duyên là một người từ-thiện chân tu, thôi thì tưởng mình đã phải nhiều điều cay-đắng như thế, chi bằng đem gửi mình vào chốn Thiền-môn cho trọn quả-kiếp. Ngờ đâu lại gặp Bạc-bà, thật là vãi « nam-mô một bồ dao găm », cùng với Bạc Hạnh, « cũng phường bán thịt, cũng tay buôn người ». Kiều lại phải bán về châu Thai đi ở thanh-lâu lần nữa.

Tiếc thay nước đã đánh phèn,

Mà cho bần lại vẫn lên mấy lần.

Nhưng kiếp phong-trần có chìm phải có nổi, Kiều có về châu Thai mới gặp Từ Hải, tự-hồ như đang đứng chỗ sương-mù u-ám, bất thành-linh trông thấy cái ánh-sáng mặt trời. Một người đi một quãng đường trong mười năm, khi phong gấm rủ là, khi hoa trôi bèo giạt, khi lâu xanh, khi gác tía, đột-nhiên vào đến vòng giáo tuốt gươm trần, vẫy-vùng như cá xuống nước, rồng ra bể, thật là Khuôn-thiên để dành cho khách má-đào được một lúc ngòi hờn hả giận.

Kiều là một người cũng yêu, cũng ghét, cũng tức, cũng giận như mọi người, chứ không phải là bậc trên loài người, cho nên việc báo ân báo oán là việc đặc biệt nhất trong đời Kiều. Giá đem so vào bậc hơn người, thì cái bụng Kiều cũng hơi hẹp-hòi thật, nhưng Kiều là người đàn-bà bị biết bao nhiêu là nỗi uất-ức, tích-lũy đã lâu ngày, phải cho được một lúc như thế, thì dẫu xuống sông Tiền-đường cũng mát mặt kẻ hồng-nhan. Đến tay hào-hiệp như Ngũ Tử Tư đời xưa còn không khỏi cái lỗi đánh vào má vua Sở, huống chi Kiều là một phụ-nhân thì cũng không nên trách. Và chẳng Kiều biết tha Hoạn-thư, tưởng cũng là người có lượng. Chỉ tiếc một điều, Kiều đem giết bọn Khuyển, Ưng, thì khí quá, vì bọn ấy là lũ tội-tử, chẳng qua là người ta chỉ dẫu đánh dấy mà thôi. Đến bọn ấy mà Kiều không tha, thì sao lại không tâm-nã cho được những người những-nhiều về việc can án tiêu xưng ngày trước, để cho trong sự báo ân báo oán đó có một điều bỏ sót, mà lại là một điều ai nghe thấy cũng tức-giận hơn cả.

Cô Kiều dẫu có khôn-ngoa thật, nhưng « vẫn chưa thoát khỏi nữ-nhi thường tình ». Kiều còn muốn về cố-hương, còn muốn về ngôi mệnh-phụ, cho nên mới xui Từ về hàng, để đến nỗi một người dọc ngang như Từ phải mắc lừa Hồ-công. Xem như vậy thì câu « *Nhi-nữ tình trường, anh hùng khí đoản* » thật đúng lắm và thật nên lấy làm răn lắm.

Xui Từ về hàng là Kiều muốn lập một cách an thân, chứ không phải là có ý làm hại Từ. Chẳng qua là gặp phải Hồ Tôn Hiến là một tay làm tướng dùng cách qui-quyết, để đánh lừa kẻ đã hàng mà lập công. Hồ lại không phải là tay phong-nhã, lúc đã phá được Từ, bắt Kiều vào thị yến, đến lúc tỉnh rượu, chữa then đem nàng gán cho thổ-quan. Giá lúc đó, Hồ kiếm cách chu-toàn đưa Kiều về cố-hương, thì sông Tiền-đường sao đến nỗi làm mờ bạc-mệnh !

Dưới trần mấy mặt làng chơi,
Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa.

Tay khá-khá như Hồ Tôn Hiến còn không biết lân-hương tích-ngọc, trách gì những đồ như Mã Bất Tiểu với Sở Khanh !

Đến sông Tiền-đường là Kiều hết kiếp. Cứ như thế siêu-thoát về cung « Ly-hận » để thương, để tiếc cho người đời sau, còn hơn là sống lại để vơ-vét lấy cái vui-thú gượng ở cõi trần-tục. Nhưng theo cái lý-thuyết của nhà Phật thì cái nghiệp này hết, có cái nghiệp khác tiếp theo. Cái nghiệp khác ấy tốt hay xấu lại do cái sự hành-vi của mình mà thành ra. Việc Kiều tái-hợp với Kim Trọng là cái chứng-thực của cái lý-thuyết ấy.

Đoạn tái-hợp này cũng dịch theo trong bộ tiểu-thuyết tàu mà lại là một đoạn văn kết-cấu rất kỳ. Ai đọc đến chỗ Kim, Kiều gặp nhau thì chẳng đoán rằng một đôi giai-nhân tài-tử, hẳn là loan phượng sánh duyên. Đến khi thấy hai người « đem tình cầm sắt đổi ra cầm kỳ » cùng hưởng chung một cái thú rất thanh rất nhã, thì thật là một truyện không ai đoán trước được. Kiều nói với Kim Trọng rằng :

Chữ trinh còn một chút này,
Chẳng cầm cho vững, lại dày cho tan.

Thì rõ là Kiều đã hiểu được cái ái-tình khác hẳn người thường. Thân Kiều còn gì là trinh nữa, song thi-chung Kiều vẫn một lòng giữ nghĩa với Kim Trọng. Trong khi bảy nổi ba chìm, ngờ đâu lại gặp người cũ. Đến khi

tái-ngộ, nữ nào lại bày trò nhơ-nhuốc, đem cánh hoa tàn để tặng người nước-non. Vậy « khép cửa phòng thu » chính là Kiều để tỏ lòng trinh-bạch với chàng Kim, mà lại là một cách tự xử rất cao.

Truyện một người đàn-bà tài sắc như nàng Kiều, mà lại bị những bước gian-truân đầy-đọa như thế, ai đọc đến mà chẳng thương tâm. Truyện đã náo-nùng thảm-thiết, mà vẫn lại tài-tình mỹ-lệ như văn của Tố-như tiên-sinh, thì tưởng trong các truyện của ta không có truyện nào sánh với truyện Thúy Kiều được.

Một tiếng nói hồ-đồ và bề-bộn như quốc-âm ta ngày trước mà Tố-như tiên-sinh làm thành một tập văn-chương rất hay và rất có khuôn-phép. Lời văn thật là thanh-nhã, sung-thiem, hùng-hồn và hàm-súc, phép văn thì khai, thừa, chuyển, hợp, rất có qui-củ. Khởi đầu tiên-sinh dùng hai câu thơ

Trăm năm trong cõi người ta.

Chữ tài, chữ mệnh khéo là ghét nhau.

Lấy hai chữ *tài* với chữ *mệnh* mà nói thay mặt người kim cổ, lời nói ít mà bao-quát được nhiều ý-tứ.

Lung đã nói chữ *tài* chữ *mệnh*, kết lại nói đến chữ *tài* chữ *mệnh*, như :

Có đâu thiên-vị người nào,

Chữ tài chữ mệnh đôi-dào cả hai ?

Có tài mà cậy chi tài,

Chữ tài liền với chữ tai một vần.

... ..

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.

Lối làm văn của ta như thế, thật là khởi thúc đặc pháp. Lối văn « dư ba » như hai câu sau này :

Dưới dòng nước chảy trong veo,

Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt-tha.

Thì thật là khéo lắm. Trong khi ngẫu-nhĩ Kim với Kiều gặp nhau, rồi mỗi người đi một ngả, làm văn đến chỗ ấy là sơn cùng thủy tận. Tiên-sinh thêm hai câu ấy thật « *văn hữu dư ba* », làm cho câu văn không tẻ, mà lại hay hơn, đẹp hơn lên.

Lại như khi Kiều đi thanh-minh về, tâm-tình vợ vãn, nghĩ đến người gặp-gỡ, mà chuyển sang nói Kim Trọng cùng là người chung một tình-chúng, tiên-sinh dùng hai câu

Cho hay là giống hữu tình,
Đố ai gỡ mối tơ-mành cho xong.

Lấy chữ « đố ai » mà chỉ Kim Trọng thì thật là khéo chuyển.

Tiên-sinh lại khéo dùng những chữ đôi như : đập-dù, lơ-thơ, êm-đềm, nao-nao, v.v... mà khiến cái điệu câu thơ lúc mau, lúc khoan, lúc thương-nhớ, lúc buồn-rầu, nó hình-dung ra được. Lắm câu thơ chỉ hay vì cái âm-hưởng những tiếng của tiên-sinh dùng, như câu :

Lơ thơ tơ liễu buông mành,
Con oanh học nói trên cành mĩ-mai.

Đọc lên thật là nhẹ-nhàng êm-ái, nghe như tiếng đàn cầm văng-vẳng bên tai vậy. Tả cái phong-cảnh êm-đềm thì như thế, mà tả cái đường-sá khi-khu thì như câu :

Vó câu khắp-khẽnh, bánh xe gập-ghềnh.

Có phải đọc đến câu ấy, tưởng như nghe thấy tiếng chũn ngựa bước, tiếng bánh xe đi, ở chỗ đường trường không ?

Tả cái lời khoan-hòa dịu-dàng của người đàn-bà như :

Dễ cho thừa hết một lời đã nao ?

Nghe câu ấy, khác nào nghe tiếng người mỹ-nhân nói ngọt-ngào như rót vào tai vậy.

Tả cái cảnh vội-vàng lật-đật thì như :

Đùng-đùng gió giục mây vùn,
Một xe trong cõi hồng-trần như bay.

Tả cái trạng-thái của một người đa tình đa cảm trong lúc đang ngơ-ngẩn về sự mình trông thấy, và trong lòng còn chứa-chan những cái cảm-tình sâu-muộn, mà dùng câu :

Lòng thơ lai-láng bồi-hồi
thì thật là rõ-ràng lắm.

Tả cái ý mong-mỏi khao-khát của người thiếu-niên tương-tư, như :

Hương gậy mùi nhớ, trà khan giọng tình.

Thật đã là tế-nhị lắm, phi tay đại tài không đặt được câu văn như thế.

Lấy một chữ, một câu thơ, mà vẽ những cái vô hình ra đúng như hệt, thì tưởng trong làng văn của ta chưa từng có ai bằng Tố-như tiên-sinh. Đến những cái cảm-tình như là : buồn, giận, thương-nhớ, sợ-hãi, không cái gì là tiên-sinh không tả ra một cách rất phân-minh. Tiên-sinh có cái tài là dùng một chữ hay là một cái cảnh nào để gợi cái tâm-tình của tiên-sinh định tả ra. Người đàn-bà lưu-lạc, ngồi một mình nhớ nhà :

Song sa vò-võ phương trời,
Nay hoàng-hôn đã, lại mai hôn-hoàng.

Hai chữ « hoàng-hôn » và « hôn-hoàng » lách đi lách lại, thật là gợi ra một cái cảnh sâu-muộn hôm nào cũng một màu, một vẻ như thế, thì không gì rõ hơn được nữa. Lại như khi hai vợ chồng đang yêu-mến nhau, mà một người phải đi xa, lấy vầng trăng mà tả cái cảnh hai người cùng một lòng thương-nhớ, như là

Vầng trăng ai xẻ làm đôi,
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.

Thì thật là hay vô cùng và khéo vô cùng.

Tả cái cảnh sợ-hãi như là :

Canh khuya thân gái dậm trường,
Phần e đường-sá, phần thương dải-dầu.

Thì tưởng không có cái sợ nào hơn cái sợ của một người đàn-bà trẻ tuổi mà giữa ban-đêm phải bơ-vơ một thân, một mình, ở chỗ đường xa quăng vắng.

Tả cái tiếc của người giai-nhân bị vào tay phường lái-buôn như câu :

Tiếc thay một đóa trà-mi,
Con ong đã tỏ đường đi lối về.

Mà tiếc người hiệp-sĩ bị sa-cơ thất thế như câu :

Đang khi bất ý chẳng ngờ,
Hùm thiêng khi đã sa-cơ cũng hèn.

Văn mà tả được cái cảm-tình đâu ra đấy như thế, thì ai cũng phải cho là hay.

Trong truyện *Thúy Kiều* lại có những lúc bức-bội về nỗi phong trần, hoặc chua-cay về cái số-kiếp mà than-thở ra những lời chán-ngán như :

Phận bèo bao quản nước sa,
Lênh-đêngh đâu nữa cũng là lênh-đêngh.

Hay là :

Biết thân chạy chẳng khỏi trời,
Cũng liều mặt phấn cho rồi ngày xanh.

Hay là :

Tẻ vui cũng một kiếp người,
Hồng-nhan phải giống ở đời mãi ru.

Hay là :

Ăn-năn thì sự đã rồi, v.v...

Những câu ấy ngày nay thành ra như câu tục-ngữ, không ai là người không biết. Lại có khi tức-giận đến phát bần lên mà chửi. Mà trong lối văn có gì khó bằng dùng tiếng chửi là tiếng thô-tục hơn cả, thế mà nghe câu :

Chém cha cái số hoa-đào,
Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi.

thật là tự-nhiên lắm. Cái số không ra gì, đã gỡ ra được, rồi nó lại buộc vào, thì đáng giận thật, cho nên nghe tiếng chửi ấy không lấy làm thô mà lại cho là hay, là vì nó ngụ cái ý chua-xót ở trong.

Tả cái ý mỉa-mai về sự điên-đảo trong cuộc đời, thì có gì chua-xót bằng câu :

Chút lòng trinh-bạch từ sau cũng chừa.

Đến sự trinh-bạch mà cũng phải xin chừa, thì cuộc đời xấu-xa là dường nào !

Từ khi Kiều phải bước chân ra đi, nào ở thanh-lâu, nào lấy Thúc-sinh, nào lấy Từ Hải, nhưng không lúc nào là lúc quên Kim Trọng. Mà mỗi một lúc Tố-như tiên-sinh tả cái nhớ của Kiều ra một khác.

Lúc đầu, mới đi ở thanh-lâu :

Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,
Tin sương luống hễ rày mong mai chờ.

Khi đã bị Sở Khanh đánh lừa rồi phải ra tiếp khách :

Nhớ lời nguyên-ước ba-sinh,
Xa-xôi ai có biết tình chẳng ai.
Khi về hỏi liễu Chương-đài,
Cảnh xuân đã bẻ cho người chuyên tay

Khi ở với Thúc-sinh :

Tóc thề đã chấm ngang vai,
Nào lời non-nước, nào lời sắt-son.

Khi ở với Từ Hải :

Tiếc thay chút nghĩa cũ-càng,
Dẫu lìa ngó ý, còn vương tơ lòng.
Duyên em dù nổi chỉ hồng,
May ra khi đã tay bông, tay mang.

Kiều đối với Kim Trọng là người non-nước từ lúc đầu về sau, vì thế, vì cảnh, mà phải nương-tựa vào Thúc-sinh với Từ Hải. Nhưng khi nhớ Thúc-sinh thì chỉ có câu :

Săn bìm chút phận con con,
Khuôn duyên biết có vuôn tròn cho chẳng.
Thật là tỏ ra cái cảnh người lẻ-mọn.

Còn như nhớ Từ Hải thì :

Cánh hồng bay bổng tuyệt vời,
Đã mòn con mắt phương trời đăm đăm.

Thật là mong-mỏi một người anh-hùng vẫy-vùng trong khoảng không-gian. Ấy cũng là một ý tả cái nhớ, mà tả ra được như thế, tác-giả đã có công cân-nhắc từng chữ lắm.

Có chỗ tiên-sinh chỉ dùng những chữ nhõn-tự thật là tài, như hai câu này :

Người mà đến thế thời thôi,
... ..
Người đâu gặp-gỡ làm chi.

Lấy một tiếng « mà » và một tiếng « đâu » tả rõ ra được một người quá-khứ, một người hiện-tại, thật là khéo lắm.

Đến cái lối tả nhân-vật và tả cảnh của tiên-sinh thì rất là gọn-gàng, chỉ vắn-tắt độ vài ba câu, chứ không tỉ-mỉ kéo dài kể rõ hết cả mọi cái mảy-may, thế mà tả cái gì là nổi hẳn cái ấy lên. Là bởi tiên-sinh khéo dùng lối hoạt-họa, chọn cái hình-dáng nào rõ thật nổi, rồi tìm một vài chữ thật đúng mà tả ra, hễ đọc qua là nhận ngay được cái chân-tượng.

Tả các vai người, thì người nào vẽ hệt người ấy.

Như Kim Trọng là một bậc người phong-lưu nho-nhã thì :

Đề-huề lưng túi gió trăng.

... ..

Một vùng như thể cây quỳnh cành giao.

Mã Giám-sinh thì :

Quá niên trạc ngoại tứ tuần,
Mày râu nhẵn-nhụi, áo quần bảnh-bao,

Tú-bà thì :

Thoắt trông nhờn-nhột màu da,
Ăn gì cao lớn đầy-đà làm sao !

Sở Khanh thì :

Một chàng vừa trạc thanh-xuân,
Hình-dong chải-chuốt, áo-khăn dịu-dàng.

Từ Hải thì :

Râu hùm, hàm én, mày ngài,
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.

Tả người thật thì thế, tả người thấy trong giấc chiêm-bao thì :

Sương in mặt, tuyết pha thân,

Sen vàng lãng-đăng như gần như xa.

Thật rõ là người trông-thấy trong khi mơ-màng giấc mộng.

Còn ai tính-nết thế nào, khẩu-khí làm sao, tiên-sinh cũng tả ra được như vẽ cả. Một người đàn-bà đa sầu đa cảm như nàng Kiều, mở miệng ra đã có tiếng sầu, tiếng oán rồi, như :

Đau-đớn thay phận đàn-bà !

Lời rằng bạc-mệnh cũng là lời chung.

Hay là năm nghĩ-ngợi những cái lo cái buồn :

Đường xa nghĩ nỗi sau này mà kinh !

Hay là đang lúc vui-vẻ mà nghĩ đến cái buồn :

Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm-bao.

Tú-bà, thì :

Bảo rằng đi dạo lấy người,

Dem về rước khách kiếm lời mà ăn.

thật là khẩu-khí một mẹ giàu.

Sở Khanh :

Hãy xem có biết mặt này là ai.

rõ là khẩu-khí thẳng xỏ-lá.

Từ Hải :

Bỏ chi cá chậu chim lồng mà chơi,

... ..

Anh-hùng đoán giữa trần-ai mới già,

... ..

Giữa đường dầu thấy bất bằng mà tha.

Thật là khẩu-khí một người hiệp-sĩ « *dọc ngang nào biết trên đầu có ai*

».

Đến cách tả cảnh thì tưởng không ai làm thế nào tả được gọn gàng, rõ-ràng hơn Tố-như tiên-sinh. Như tả chỗ mà Đạm Tiên :

Nao-nao dòng nước uốn quanh,
Dịp cầu nho-nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.
Sè-sè nấm đất bên đường,
Dàu dàu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.

Đọc bốn câu thơ ấy thì hình như ta trông-thấy bức tranh sơn-thủy treo trước mặt vậy.

Tả cái cảnh tươi-tốt cuối mùa xuân :

Cỏ non xanh tận chơn trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

Tả cảnh mùa thu :

Long-lanh đáy nước in trời,
Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng.

Tả cảnh chỗ hoang-vắng :

Xập-xè én liệng lâu không,
Cỏ lan mặt đất, rêu phong dấu giày.

... ..

Cuối tường gai-gốc mọc đầy.

Mỗi một cảnh chỉ có độ bốn câu thơ là cùng, thế mà tả được không thiếu không thừa, cảnh nào ra cảnh ấy. Cứ như cái lối văn của ta thế là hay lắm. Văn tả cảnh thiết-tưởng không nên rườm-rà lắm, phải để cho cái tưởng-tượng của độc-giả cũng có phần vào cái đẹp, cái thú đó, thì mới là hay.

Phàm cái văn hay phải như mùi hoa thơm, ngửi đến thì ngào-ngạt bát-ngát, làm thành ra có cái thú-vị không thể hình-dung ra được. Lại cũng như tiếng đàn hay, đánh lên nghe sao đắm-thắm say-sưa, làm cho người ngồi

nghe phải « *khi vò chín khúc, khi chau đôi mày* ». Thiết-tưởng văn của Tố-như tiên-sinh cũng như thế, cho nên ai cũng phải lấy làm hay. Phần thì hay về cái ý-nghĩa hàm-súc, dồi-dào, phần thì hay về cái âm-hưởng véo-von, đậm-đà. Bởi cái văn hay như thế, cho nên ai cũng muốn đọc, mà càng đọc càng thấy hay, càng muốn đọc mãi, không bao giờ chán. Đến những người ít học, như chị vú em, anh làm mướn, đọc không hiểu ý-tứ gì mà cũng thích đọc. Tưởng không phải là chỉ tại những người ấy thấy người ta đọc mà bắt-chước, nhưng có phần là tại đọc lên, nghe hay như nghe khúc hòa-nhạc cho nên mới thích đọc. Vậy nên người mình dễ không mấy người là không biết truyện *Thúy Kiều*. Cũng vì Tố-như tiên-sinh nhân thấy cái cảnh-ngộ đoạn-trường của một khách má đào mà làm ra bộ *Đoạn-trường tân-thanh* để khóc người bạc-mệnh, có ý để than thân mình, cho nên câu văn mới thấm-thía say-sửa như thế.

*

Một đời nàng Kiều phải bao nhiêu cái mối sầu, cái dây oan, là tóm-tắt lại trong mấy lời của bà sư Tam-hợp :

Thúy Kiều sắc-sảo khôn-ngoan,
Vô duyên là phận hồng-nhan đã đành.
Lại mang lấy một chữ tình,
Khư-khư mình buộc lấy mình vào trong.

Trong truyện *Kiều* thi-chung chỉ có chữ *tình*, cay-đắng chua-xót vì tình, mà thanh-cao tao-nhã cũng vì tình, cho nên sư nói

Tu là cỗi phúc, tình là dây oan.

Lời sư dạy thật phải lắm, nhưng chỉ phải cho những nhà tu-hành mà thôi, còn người phàm đã có thân là phải có tình. Chữ tình đây không phải như tình-dục mà người ta thường nói, cũng không phải chỉ nói riêng về tình-duyen của giai-nhân tài-tử.

Tình là nói chung cả cái lòng thương cha nhớ mẹ, lòng yêu chồng, yêu con, lòng thương nhân-loại, lòng ham-mến cái thật, cái hay, cái đẹp, lòng khao-khát những cái tao-nhã thanh-cao. Trung-thần, hiếu-tử, liệt-nữ, kỳ-nam, phạm những công-việc động-địa kinh-thiên đều bởi chữ tình mà ra cả. Cô Kiều chỉ vì có tình, cho nên biết thương cha, biết thương chồng, trong khi lưu-lạc giang-hồ cũng nhiều lúc sung-sướng mà không lúc nào trong lòng được hả-hê. Vị có tình mà mắc lừa Sở Khanh, có tình mà xui Từ Hải về hàng, cũng vì có tình mà nhảy xuống sông Tiền-đường.

« *Tình là dây oan* » cũng như « *chữ tài liền với chữ tai một vần* ». Tài với tình vẫn đi đôi với nhau. Người ta ở đời, may mà có tài-tình, cũng không may mà có tài-tình : có tài-tình là có cái hơn người, nhưng cũng vì tài-tình mà phải nếm đủ mùi chua-cay hơn người. Có tài-tình cho nên mới phải những bước phong-trần ; song càng phong-trần bao nhiêu lại càng thanh-cao bấy nhiêu, hình như hai chữ phong-trần chỉ để dành riêng cho những bậc hay bị trời xanh đánh ghen, chứ những kẻ dung-phu tục-tử thì sao cho xứng-đáng.

Bởi những lẽ ấy, cho nên Tố-như tiên-sinh lấy cái lý-tưởng của Phật-học mà kết-thúc truyện *Kiều*. Người ta :

Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.
Thiện căn ở tại lòng ta,
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.

Tiên-sinh khuyên người ta hãy giữ lấy tấm lòng trong-sạch, dầu có phải phong-trần, cũng không nên đổi lòng thay dạ, ấy là cái thiện-căn ở sẵn đó rồi. Lời kết-luận ấy rất có ý-nghĩa, khiến cho ai đọc đến cũng phải ngẫm-nghĩ.

*

Đây là nói những nhân-vật và văn-chương trong truyện *Thúy Kiều* là thế. Bây giờ hỏi rằng quyển truyện ấy có luân-lý gì không ? Thiết-tưởng một người đàn-bà con-gái đang « *phong gấm rủ là* » mà bị cơn gia biến, biết bỏ mình để giữ cho trọn đạo hiếu, và trong lúc lưu-lạc giang-hồ mà vẫn giữ được lòng tiết-ngĩa như nàng Kiều, thì dẫu ở đời nào, nước nào, ai cũng phải kính-phục. Tuy trong truyện có tả những cảnh thanh-lâu, những phường tàn-ác, nhưng có đem bày-tỏ những cảnh xấu-xa, dơ-bẩn ấy ra, thì mới rõ cái nỗi đoạn-trường của một bậc gia-nhân đáng thương, đáng xót là bao nhiêu ; làm cho người xem truyện sinh ra mối lòng thương, lòng giận. Thương là thương cái số-kiếp con người ta hay phải lắm điều chìm-nổi khổ-khe ; giận là giận một xã-hội hiểm-hoi cái thiện-tính, lương-tâm, để đến nỗi những kẻ liễu-yếu đào-thơ phải những bước góm ghê chua-xót. Có cái lòng thương ấy, thì người ta mới muốn làm những điều từ-thiện ; có cái lòng giận ấy, thì người ta mới mong-mỏi, muốn sửa-đổi việc đời cho thành ra có cái xã-hội hay hơn, đẹp hơn. Đọc một quyển sách mà nảy ra được những cái cảm-tình mật-thiết với loài người như thế, thì quyển sách ấy chắc là không phải không có luân-lý. Thế mà nói đến truyện Kiều, thì có nhiều người chê là truyện tà-dâm, nhảm-nhí. Những người ấy, một hạng là tính nông-nổi, không chịu mất công mà nghĩ-ngợi cho ra lẽ phải trái ; một hạng là bọn giả đạo-đức, chỉ ưa luân-lý ở cửa miệng. Hạng này có lẽ nhiều lắm, mà lại hay chê-bai hơn cả.

Cứ như thiển-kiến của chúng tôi thì nàng Kiều không phải là người tà-dâm ; xem như khi tái-hồi với Kim Trọng mà khẳng-khăng giữ một niềm không chịu đem cánh hoa tàn mà dãi người tình-chung, thì thật là nàng biết trọng sự trinh-tiết lắm. Nàng có nặng về đường tình-ái thật, nhưng cái tình-ái mà trong-sạch thì có điều gì là dở ? Vả làm người, trừ những kẻ trơ như mộc-thạch, chỉ biết ăn, biết ngủ, thì ai là người đã khỏi cái nợ tình-ái ? Tình-ái mà như nàng Kiều trước sau biết nặng về lời nước non, biết lấy « hiếu làm trinh », biết nhân, biết nghĩa, thì sao lại cho là không có luân-lý

được ? Lại còn một lẽ nữa, là tác-giả tuy có nhận rằng người ta ai cũng có số-mệnh, ai cũng phải đeo lấy cái *ngiệp* của mình, nhưng vẫn để cho người ta được tự mình làm điều lành, điều phải, khiến ông Trời phải cân-nhắc lại mà đền-bù cho được sự thanh-thời yên-nhàn ; nghĩa là dầu có số-mệnh mặc lòng, người ta làm điều lành, điều phải thì có thể đổi dở ra hay được.

Như thế, thì quyển truyện *Thúy Kiều* lại chẳng phải là quyển sách có luân-lý lắm hay sao ? Nói rút lại, trong truyện *Thúy Kiều* trước sau chỉ có hiểu với nghĩa là hơn cả, còn những kẻ bạc-ác tình-ma thì :

Càng cay-nghiệt lắm, càng oan-trái nhiều.

Ta nay cứ xem truyện *Thúy Kiều*, không phải là chỉ vì văn hay, ý sâu mà thôi, nhưng lại vì những điều *nhân, nghĩa, trí, tín* nữa, thật là quyển sách rất có luân-lý, rất thanh-nhã vậy.

Hà-nội, mùa hạ, năm ất-sửu (1925)

TRẦN TRỌNG KIM

***Nhân có câu chuyện nói về đạo Phật trong Truyện Kiều, thiết-tưởng nên
đem vào đây để độc-giả hiểu rõ mọi ý-nghĩa.***

LÝ-THUYẾT PHẬT-HỌC TRONG TRUYỆN KIỀU

Truyện Kiều là một truyện ai cũng thích đọc là vì lời văn rất hay, rất thẩm-thía, đọc không bao giờ chán. Nhưng có một điều ít khi người ta nghĩ đến, là quyển truyện ấy dịch theo quyển tiểu-thuyết chữ nho lấy cái thuyết phổ-thông của đạo Phật nói về nhân-quả làm tông-chỉ. Tôi nói là cái thuyết phổ-thông vì rằng chính cái thuyết nhân-quả (Karman) trong đạo Phật có nhiều ý-nghĩa rất khó, không thể đem mà bàn ở đây được.

CÁI THUYẾT NHÂN-QUẢ

Theo cái thuyết phổ-thông nói về nhân-quả trong đạo Phật, thì hai chữ *nhân* và *quả* rất là nặng, và người ta thường lấy thuyết ấy mà giải-thích mọi việc ở trong thế-gian này. Người ta cho là ở đời bất cứ việc gì hay dở, lớn nhỏ, đều là cái quả của một cái nhân tự mình đã tạo-tác ra.

Cái thuyết nhân-quả cốt ở chữ *ngiệp*, bên nhà Nho gọi là chữ *mệnh*. Chữ *ngiệp* đây không có nghĩa như bên nhà Nho thường dùng để chỉ công-việc của người ta làm, như là *sự-ngiệp*, *công-ngiệp*, *nghệ-ngiệp* hay *ngiệp-nông*, *ngiệp-thương* v.v... Chữ *ngiệp* của nhà Phật là dịch theo cái nghĩa tiếng phạn *Karman*, tức là những việc đã làm kiếp trước kết-thành cái quả kiếp sau.

Theo cái lý-thuyết ấy, thì sự-sống, sự chết của vạn vật chỉ là sự ẩn-hiện, thân-khuất của cái phần bất sinh bất diệt ở trong vạn vật mà thôi, chứ không phải là một sự hết hẳn. Cho nên mới có câu rằng :

Thác là thể-phách, còn là tinh-anh.

Phàm là cái hình-hài là phần vật-chất, thì tất-nhiên phải thay-đổi luôn, có có, không không, không có gì là thường-định. Còn cái phần bất sinh bất diệt, thì ta có thể gọi là tinh-anh, là thần-thức hay là linh-hồn của vạn vật, nó cứ luân-lưu ẩn-hiện theo cái lẽ nhân-quả nhất-định. Bởi thế mà thành ra có chữ luân-hồi, tức là chết đi, lại sinh ra, sinh ra lại chết đi, chìm-nổi lẫn-lộn mãi ở chỗ phong-trần cặn-đục.

Khi cái thần-thức ở trong một cái hình-hài thoát ra, là đeo lấy một cái nghiệp. Cái nghiệp ấy là cái kết-quả của những công-việc mình đã làm ở kiếp vừa hết ; mình lại mang cái nghiệp ấy mà hiện ra kiếp khác để hưởng-thụ hay chịu lấy cái phúc hay cái họa đúng với cái nghiệp ấy. Nghĩa là việc của mình đã làm ra ở kiếp trước, lập-thành cái nhân cho đời hiện-tại, mà đời hiện-tại là cái quả của việc mình đã làm ra ở kiếp trước. Bởi vậy trong sách

NHÂN-QUẢ có câu nói rõ ràng : « *Dục tri tiền thế nhân, kim sinh thụ giả thị ; dục tri lai thế quả, kim sinh tác giả thị* 欲知前世因, 今生受者是, 欲知來生果, 今生作者是 », nghĩa là muốn biết cái nhân ở kiếp trước, thì xem sự hưởng-thụ ở đời này thì biết ; muốn biết cái quả kết-thành ở kiếp sau thì xem cái việc làm ở kiếp này thì biết.

Nhân nào quả ấy, hết quả này lại đeo cái nhân đã gây nên mà có cái quả khác. Nhân tốt thì quả tốt, nhân xấu thì quả xấu, cứ luân-chuyển mãi như thế ở trong cõi hồng-trần.

Nhân-quả với *ng nghiệp* thành ra như cái nợ mình vay, cứ vay vay, trả trả mãi không hết. Cái nghiệp cũng thế, có cái nghiệp nặng, có cái nghiệp nhẹ. Mỗi cái nghiệp là cái quả của kiếp trước và lại làm cái nhân cho kiếp sau, rồi cứ mãi thế, trừ khi nào tu được thành Phật, gỡ hết cái nghiệp-chướng, thì cái thần-thức mới vào được chỗ tĩnh--tịch thường-định.

Theo cái lý-thuyết ấy, thì phàm phúc hay họa là ở tự mình gây ra cho mình. Mình đã có cái hoàn-toàn tự-do mà làm việc thiện hay việc ác, thì mình lại có cái hoàn-toàn trách-nhiệm về những việc ấy. Ông trời là đấng thiêng liêng giữ cái công-lệ ở trong vũ-trụ cho đúng, tựa như ông quan tư-pháp cứ theo pháp-luật mà định thưởng-phạt cho công-bằng, không có tây-vị ai cả, và không có thể cho họa làm phúc, hay phúc làm họa được. Vậy nên có câu rằng :

Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.

CÁI THUYẾT NHÂN-QUẢ DIỄN RA TRONG TRUYỆN KIỀU

Cái thuyết nhân-quả của Phật học là thế. Dem cái thuyết ấy mà so với một đời nàng Kiều, thì thấy không có chỗ nào là không đúng.

Cô Kiều là con nhà tử-tế, có nền-nếp, có tài, có sắc, học-hành thông-minh, biết điều nhân-nghĩa phải trái. Thật là « *Đầu xanh chưa tội-tình gì* ». Thế mà ngay từ bước đầu, bước vào cuộc đời là gặp rất những nỗi đoạn-trường, là tại sao ? Tại cô có cái *ngiệp* rất nặng, cho nên cái tên của cô đã đứng ở trong số đoạn-trường rồi.

Cô đã có cái *ngiệp* nặng nằm sẵn ở trong mình. Cho nên từ lời nói cho chí tiếng đàn đánh ra, đều có cái giọng đau-đớn, sầu-khổ. Người đã có cái *ngiệp* như thế, tất là đa tình đa cảm. Hai cái đó là cái mối vô hình, cái dây vô tướng, để nhử người ta vào những chỗ đúng với cái *ngiệp* của mình.

Cô đa cảm cho nên đi Thanh-minh, người khác trông-thấy mà cô Đạm-Tiên thì không ai để ý đến, mà cô trông-thấy thì động lòng, đứng lại hỏi cho biết chuyện. Biết chuyện rồi cô lân-la than-khóc vì nỗi hồng-nhan bạc-mệnh. Cô đa tình, cho nên khi mới trông-thấy chàng Kim Trọng lần đầu mà đã dan-díu mối tơ-tình, để về sau trong mười mấy năm trời, đeo lấy bao nhiêu nỗi sầu-khổ.

Cái khởi duyên một đời cô Kiều, tác-giả đã báo trước cho độc-giả biết ở giấc chiêm-bao sau khi đi Thanh-minh về.

Việc tình-duyên đang dở-dang, thì tình-nhân phải gọi về quê xa. Việc tình chưa xong, việc nghĩa tiếp đến. Không dừng, cha mắc tụng-đình, cửa-nhà tan-nát.

Bao nhiêu cái cơ-hội lúc ấy xoay cả vào một việc làm cho cô Kiều phải đi đến chỗ đau-khổ. Nếu không thì việc Kim Trọng về quê hoãn lại mấy ngày, sao đến nỗi Kiều phải bán mình chuộc cha ? Mà đã phải đi vào con

đường ấy, sao không gặp ai, mà lại gặp Mã Giám-sinh. Nhưng cái dây *ngiệp-chương* cứ mỗi lúc một thắt chặt lại, bắt phải như thế. Người nào vào cái tròng ấy, muốn cựa-cạy thế nào cũng không gỡ ra được.

Nỗi đau đớn của nàng Kiều làm lây đến người đọc truyện của nàng. Người ta càng biết rõ cái lòng hiếu-thảo của nàng, càng trông-thấy nàng cố sức vật-lộn với cái số-mệnh bao nhiêu, thì lại càng đau-khổ với nàng bấy nhiêu, và lại càng sợ-hãi về cái *ngiệp duyên* nó thắt-buộc người ta ghê-gớm quá.

Có người nói rằng việc chẳng may của cô Kiều là một sự ngẫu-nhiên, chứ lấy gì mà bảo là *ngiệp duyên* ?

Vậy xin hỏi lại rằng ngẫu-nhiên là cái gì ? Chẳng qua khi ta trông-thấy một việc gì, mà ta không hiểu căn-duyên từ đâu, thì ta lấy hai chữ *ngẫu-nhiên* (le hasard) mà nói cho xuôi chuyện. Ngẫu-nhiên tức là không biết, chứ không có nghĩa gì cả. Theo đạo Phật thì ở đời không có cái gì là không có cái nhân-duyên (loi de causalité), mà cái nhân-duyên ấy kết-thành cái *ngiệp*.

Cái phần tốt, phần hay của nàng Kiều là ở chỗ dù khổ-sở thế nào, cũng giữ được cái *tâm* trong-sạch, cái bụng nhân-nghĩa và cái sức cố-gắng mà phấn-đấu với *ngiệp-chương* của mình. Cái giá trị của con người ta ở đời cốt ở chỗ ấy, mà cái nhân-cách của con người ta có rõ-rệt ra, là cũng ở chỗ ấy.

Cũng có khi cô Kiều biết là : sống đục sao bằng thác trong ; đã toan liều thân cho khỏi sự dơ-bẩn. Nhưng cái nghiệp mình nó chực sẵn ở đấy, khi nào nó để cho trốn thoát được, cho nên muốn chết cũng không được. Bởi vậy tác giả lại đem cô Đạm Tiên đến báo cho Kiều biết một cách rất rõ ràng :

Rỉ rằng : « Nhân quả dở dang,
Đã toan trốn nợ đoạn-trường được sao ?

Số còn nặng nợ má đào,
Người dù muốn quyết, trời nào đã cho !
Hãy xin hết kiếp liễu-bồ,
Sông Tiền-đường sẽ hẹn-hò về sau ».

Cái nghiệp đã định đến đâu mới hết, thì cứ phải đi cho đến cùng, chứ không sao trốn được. Chẳng khác gì người có tội phải đi đầy trong một hạn đã định, nửa chừng người kia có muốn trốn, quan tư-pháp không cho trốn, bắt phải chịu hết tội, mới tha.

Cái thuyết nhân-quả và cái nghiệp của nhà Phật gần giống như cái thuyết định-mệnh (déterminisme) của triết-học phương Tây. Nhưng chỉ khác ở chỗ cái định-mệnh của nhà Phật do ở tự mình định ra, chứ không phải tự ở sức ngoài sai-khiến. Thành-thử cái thuyết nhân-quả vẫn để cho mình có cái hoàn-toàn tự-do. Mình phải theo cái nghiệp tự mình gây ra cho mình, chứ không phải là cái nghiệp tự đâu gây ra mà bắt mình phải chịu.

Vì cái nghiệp nó buộc cô Kiều chặt-chẽ như thế, cho nên cô phải chịu những sự đắng-cay, như gặp Sở Khanh đánh lừa, bị Tú-bà bắt ra tiếp khách. Thôi thì « *cũng liều mặt phấn cho rồi ngày xanh* ». Đến khi gặp được Thúc-lang, tưởng là thoát khỏi chỗ lửa nòng, ai ngờ lại bị Hoạn-thư hành-hạ. Trốn nhà Hoạn-thư đi ở chùa, tưởng là trút được nợ trần-duyên, không may lại gặp bọn họ Bạc đem về châu Thai. Cứ hết chìm lại nổi, nổi rồi lại chìm. Ở châu Thai gặp được Từ Hải, trong mấy năm nguôi nguôi, nhưng lại nghĩ đến việc binh đao hại người, xui Từ về hàng. Ngờ đâu lại bị Hồ Tôn Hiến đánh lừa, đem gả cho thổ-quan, giắt nàng đến sông Tiền-đường là chỗ vùi-lấp cái thân bèo-bọt.

Cứ chuyện thực, thì đến chỗ sông Tiền-đường là hết đời Kiều. Nhưng nếu đời cô đến đó là hết, thì cái nghĩa chữ *nghiệp* không rõ là cái nghiệp ấy hết lại đến cái nghiệp khác, mà mỗi cái nghiệp là do việc đã làm trước mà thành ra. Vậy nên tác-giả làm nổi thêm đoạn tái-hợp và đem lời bà sư Giác-

duyên nói chuyện với bà Tam-hợp để định rõ chỗ nghiệp nọ chuyển tiếp sang nghiệp kia.

Việc cô Kiều được hưởng-thụ cái nghiệp khác, đã rõ ra ở lời cô Đạm Tiên báo mộng cho cô Kiều khi ở sông Tiên-đường mới vớt lên. Đạm Tiên nói :

Rằng tôi đã có lòng chờ,
Mất công mười mấy năm thừa ở đây.
Chị sao phận mỏng đức dày,
Kiếp xưa đã vậy, lòng này dễ ai !
Tâm thành đã thấu đến Trời,
Bán mình là hiếu, cứu người là nhân.
Một niềm vì nước vì dân,
Âm-công cất một đồng cân đã già.
Đoạn-trường số, rút tên ra,
Đoạn-trường thơ, phải đem mà trả nhau.
Còn nhiều hưởng-thụ về lâu,
Duyên xưa đầy-đặn, phúc sau dồi-dào !

Cái nghĩa mười hai câu thơ ấy chứng rõ là cái nghiệp xấu của cô Kiều đến sông Tiên-đường là hết, mà từ đó về sau là theo cái nghiệp khác.

Cái nghiệp khác của cô tốt, là vì cái lòng của cô tốt. Bởi thế sư Tam hợp nói rằng :

Xét trong tội-nghiệp Thúy Kiều,
Mắc điều tình-ái, khỏi điều tà-dâm.
Lấy tình thâm, trả tình thâm,
Bán mình đã động hiếu tâm đến Trời.
Hại một người, cứu muôn người,
Biết đường khinh-trọng, biết lời phải chẳng.
Thừa công-đức ấy ai bằng,

Túc-khiên đã rửa lông lông sạch rồi !

Khi nên Trời cũng chiều người,

Nhẹ-nhàng nợ trước đèn-bồi duyên sau.

Khi cô Kiều còn đang phải chịu cái nghiệp xấu trước, thì từ lời nói đến tiếng đàn, cái gì cũng có cái giọng sâu-khổ đau-đớn. Thế mà khi cô đã trút hết cái nghiệp trước, bước sang chịu cái nghiệp khác, thì trong lòng thư-thái, không bồn-chồn như trước nữa. Ngay tiếng đàn cô đánh ra lúc ấy, người ta nhận ra rằng :

Xưa sao sâu-thảm, nay sao vui-vầy ?

GIÁ-TRỊ TRUYỆN KIỀU

Cổ-nhân có câu rằng : « Văn dĩ tải đạo 文以載道 », nghĩa là : Văn dùng để chở đạo. Quyển truyện Kiều là quyển sách dùng lời văn rất hay để truyền rộng một cái lý-thuyết triết-học, thì có phải là sách trái luân-lý như có nhiều người đã thường nói không ? Cái lý-thuyết ấy có đúng với chân-lý hay không, điều đó xin để các nhà học-giả nghị-luận, ta không nói ở đây làm gì. Có một điều mà tôi muốn các độc-giả lưu-ý xét cho kỹ, là cứ như ý tôi, thì truyện Kiều bày-tỏ một cách rất rõ ràng cái thuyết nhân-quả của nhà Phật. Quyển sách ấy lại làm cho người nào xem, mà hiểu rõ cái tâm-tình của người đóng vai chính trong truyện, thì ai cũng động lòng thương. Thương con người khôn-ngoa, hiếu-nghĩa mà cứ gặp phải những bước gian-truân.

Cái lòng thương ấy làm nảy ra cái lòng từ-bi bác-ái muốn làm điều lành, điều phải, muốn cứu người trong lúc hoạn-nạn. Một quyển sách có cái ảnh-hưởng hay như thế, có phải là sách nhằm, trái với luân-lý không ? Hay là vì có chuyện người con-gái đi nói chuyện với tình-nhân, vì có chuyện nói đến chỗ thanh-lâu mà bị rìu-búa của các nhà mô-phạm, và cho là sách không nên xem ?

Dạy luân-lý có được phép đem cái xấu, cái bẩn, bày-tỏ ra, để người ta trông-thấy mà tránh, hay là chỉ được phép dùng cách khô-khan vô vị, nói những câu phải làm như thế này, làm như thế nọ mà thôi ?

Tôi tưởng dạy luân-lý không bằng gì cách làm cho xúc-động cái tâm, cái trí của người ta, khiến cho người ta nhân đó mà nghĩ ra việc làm điều lành điều phải. Huống chi xem truyện Kiều, ta lại có lòng kính-trọng một người đàn-bà yếu-đuối biết lấy cái tâm trinh-bạch từ-mẫn mà chống-chọi với bao nhiêu những sự độc-ác dơ-bẩn nó cứ cố làm cho mình chìm-đắm đi. Nhờ có cái tâm ấy mà đứng vững được ở chỗ phong-ba, đẩy những ma-quỉ ;

nhờ có cái tâm ấy mà cái nhân-cách của con người ta mới thành ra tôn-quí rõ-rệt.

Vũ-trụ xoay-vần, vạn vật biến-đổi, cái hình-hài của người ta cũng phải theo cái công-lệ ấy. Nhưng người ta mà biết giữ cái tâm để làm chỗ căn-cứ, để đối đầu với sự vô thường của vạn vật, thì có phải là cái tâm của ta quý hơn cả vạn vật và lên trên cả vạn vật không ?

Tài với tình tự nó vốn có cái giá-trị, nhưng nếu không có cái tâm để làm chỗ nương-tựa, thì tài với tình thường hay làm cho ta xiêu-đổ. Tôi tưởng chỗ ấy là chỗ tác-giả rất lấy làm chú-ý, cho nên mới kết-thúc truyện Kiều bằng hai câu thơ :

Thiện căn ở tại lòng ta,
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.

Cái lý-thuyết tôi vừa nói đó rất rõ-ràng ở trong các kinh truyện của nhà Phật. Ai đã đọc qua cũng hiểu ngay được.

Có người nói rằng : Nguyễn Tố-như tiên-sinh dịch ra truyện Kiều, là một nhà thâm nho nay lại nói tiên-sinh theo Phật-học, thì cho là không đúng sự thực.

Nguyễn Tố-như tiên-sinh không những đã hiểu rõ cái tư tưởng của Phật học ở trong truyện Kiều mà thôi, tiên-sinh còn làm bài « *Văn-tế Thập loại chúng sinh* »² cũng theo đúng cái tư-tưởng ấy. Vậy tôi dám chắc rằng tiên-sinh là một người học rộng, tinh-thông cả Nho-học và Phật-học.

Người đời thường lấy cái ý hẹp-hòi cho Nho với Phật là hai cái học trái nhau, vì thấy chỗ thực-hành Nho thì chú-trọng ở chỗ xử thế, mà Phật thì chú-trọng ở chỗ xuất thế, rồi nhiều người nhân đó mà bài-xích lẫn nhau. Kỳ thực về đường lý-thuyết, hai bên có chỗ rất tương đồng với nhau. Xem như ở đầu sách Đại-học nói rằng ; « *Minh minh đức 明明德* », nghĩa là làm sáng cái đức sáng, mà sách nhà Phật thì nói : « *Minh tâm kiến tính* », nghĩa là

làm cho sáng cái tâm-trí để thấy rõ cái bản-tính. Hai bên lời nói tuy khác, nhưng ý-nghĩa vẫn là một. Cũng vì có chỗ tương đồng như thế, cho nên những danh-nho đời xưa, những người theo phái Nho-học của Chu Hối-am đời Tống và phái Nho-học của Vương Dương-minh đời Minh đều là người hiểu rõ cái lý-học của Nho và của Phật cả. Vậy nói rằng Nguyễn Tố-như tiên-sinh là người tinh thâm Nho-học và Phật-học không phải lời nói ngoa.

Ai xem *Truyện Thúy Kiều*, nên hiểu thấu cái tông-chỉ trong sách ấy, thì không những đã thưởng-thức lời văn hay mà lại thấy những ý-nghĩa cao-xa, rất bổ-ích cho tâm-tình.

Trần trọng Kim

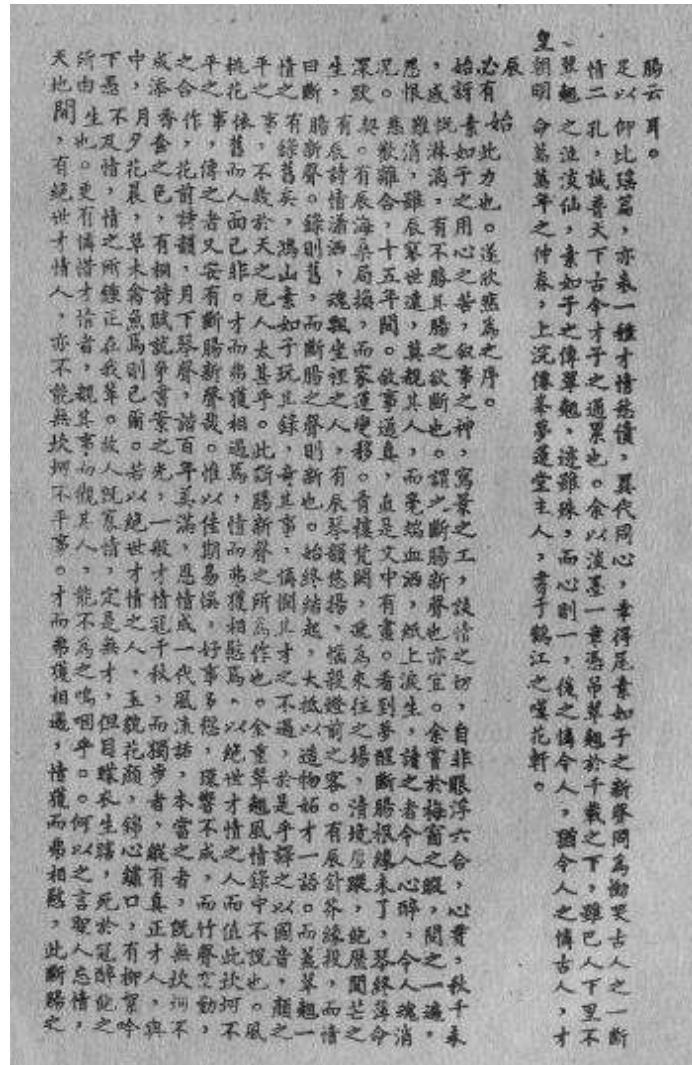
Sau này thêm cái biểu chỉ tên những đất nói trong truyện để độc-giả xem cho dễ hiểu. Và lại in hai bài tựa quyển ĐOẠN-TRƯỜNG TÂN THANH làm bằng chữ nho của hai người đồng thời với Tố-như tiên-sinh, cùng bài thơ của ông Phạm Quý Thích đề đầu quyển KIM VÂN KIỀU TÂN TRUYỆN. mấy người ấy là bạn thân của tiên-sinh, cho nên chúng tôi nghĩ nên đem vào đây để giữ lấy dấu-tích cũ và dịch ra quốc-âm để độc-giả dễ xem.

I. TÊN NHỮNG ĐẤT NÓI TRONG TRUYỆN

1. *Bắc-kinh*, quê Vương Thúy Kiều.
2. *Lâm-thanh*, thuộc tỉnh Sơn-đông, chỗ Mã Giám-sinh khai gian là quê mình.
3. *Lâm-chuy*, thuộc tỉnh Sơn-đông, chỗ Tú-bà với Mã Giám-sinh mở thanh-lâu.
4. *Vô-tích*, thuộc tỉnh Giang-tô, quê Thúc-sinh (Thúc-sinh theo thân-phụ sang buôn-bán ở Lâm-chuy).
5. *Châu Thai*, thuộc tỉnh Chiết-giang, chỗ Kiều bị Bạc Hạng đem bán cho chủ thanh-lâu, rồi sau gặp Từ Hải.
6. *Việt-đông*, tên một huyện thuộc tỉnh Phúc-kiến, quê Từ Hải.
7. *Hàng-châu*, thuộc tỉnh Chiết-giang, chỗ Từ Hải làm giặc.
8. *Sông Tiền-đường*, con sông chảy qua Hàng-châu, tỉnh Chiết-giang.
9. *Nam-bình*, thuộc tỉnh Phúc-kiến.
10. *Phú-dương*, tên huyện thuộc tỉnh Chiết-giang ở gần sông Tiền-đường.

II. HAI BÀI TỰA BẰNG HÁN-TỰ

A. BÀI THỨ NHẤT



Dịch nghĩa

Trong trời đất đã có người tài-tình tuyệt thế, tất thế nào cũng có việc khám-kha bất bình. Tài mà không được gặp-gỡ, tình mà không được hả-hê, đó là cái căn-nguyên của hai chữ đoạn-trường vậy. Thế mà lại có kẻ thương-tiếc tài-tình, xem thấy việc, trông-thấy người, thì còn nhìn thế nào được mà không thở-than rên-rĩ !

Nghĩa là bậc thánh mới quên được tình, bậc ngu không hiểu tới tình, tình chung-chú vào đâu, chính là chung-chú vào bọn chúng ta vậy. Cho nên

phàm người đã ít tình, tất là không có tài, chỉ nửa lòa nửa sáng, sống chết trong vòng ảo-mỹ, trong cuộc no-say, dù có gặp cái cảnh thanh-nhã như hoa thơm buổi sáng, trăng tỏ ban đêm, cũng chỉ trơ trơ như cây cỏ, như cá chim vậy !

Còn đến bậc tuyệt thế tài-tình, mặt ngọc vẻ hoa, lòng gấm miệng vóc, ngâm thơ liễu như ³, nổi tiếng đài gương, vịnh phú ngô-dồng ⁴, khoe tài án-bút, nếu một bậc quán tuyệt thiên-thu ⁵ như thế, lại gặp được bậc chân-chính tài-nhân, kết-duyên tác hợp ⁶, khi thơ ngâm hoa nở, khi đàn gảy trăng lên, nguồn ái-ân trọn nghĩa trăm năm, truyện phong-lưu chép thành một lục, người đương vào cái cảnh ấy đã không gặp phải nỗi khảm-kha bất bình, thì người truyền lại việc ấy còn phải đặt ra truyện *Đoạn-trường tân thanh* làm gì !

Chỉ vì dịp may dễ lỡ, việc tốt thường sai, tiếng hoàn lặng ngắt, còn trơ bóng trúc lung-lay, mặt ngọc vắng tênh, chỉ thấy hoa đào hớn-hở. Có tài mà không gặp được tài, có tình mà không hả được tình, tài-tình đã tuyệt thế, gặp toàn bước khảm-kha, há không phải là con Tào đang tay ách người quá lắm ru ? Ấy chính là truyện *Đoạn-trường tân thanh* vì đấy mà làm ra vậy.

Truyện Thúy Kiều chép ở trong lục *Phong-tình*, ta không cần bàn làm gì. Lục *Phong-tình* cũng đã cũ rồi, Tổ-như-tử xem truyện, thấy việc lạ, lại thương-tiếc đến những nỗi trắc-trở của kẻ có tài, bèn đem dịch ra quốc-âm, đề là *Đoạn-trường tân thanh*, thành ra cái lục *Phong-tình* thì vẫn là cái lục cũ, mà cái tiếng đoạn-trường thì lại là cá tiếng mới vậy.

Trong một tập thi-chung lấy bốn chữ « Tào-vật đồ tài » tóm cả một đời Thúy Kiều : khi lai-láng tình thơ, người tựa án khen tài châu ngọc ; khi nỉ-non tiếng nguyệt, khách dưới đèn đắm khúc tiêu-tao ; khi duyên ưa kim cải, non bể thề bồi ; khi đất nổi ba đào, cửa-nhà tan-tác ; khi lầu xanh, khi rừng tía, côi đi về nghĩ cũng chồn chợn ; khi kinh-kệ, khi can-quả, mùi từng-trải

ngĩ càng tê lười. Vui, buồn, tan, hợp, mười mấy năm trời, trong cuốn văn tả ra như hết, không khác gì một bức tranh vậy.

Xem chỗ giấc mộng đoạn-trường tỉnh dậy mà căn-duyên vẫn gỡ chưa rồi ; khúc đàn bạc-mệnh gãy xong, mà oán-hận vẫn còn chưa hả, thì dầu đời xa người khuất, không được mục-kích tận nơi, nhưng lời văn tả ra hình như máu chảy ở đầu ngọn bút, nước mắt thấm ở trên tờ giấy, khiến ai đọc đến cũng phải thấm-thía ngậm-ngùi, đau-đớn như đứt ruột. Thế thì gọi tên là *Đoạn-trường tân thanh* cũng phải.

Ta lúc nhàn đọc hết cả một lượt, mới lấy làm lạ rằng : Tổ-như-tử dụng tâm đã khổ, tự sự đã khéo tả cảnh đã hết, đàm tình đã thiết, nếu không phải có con mắt trông thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời, thì tài nào có cái bút-lực ấy. Bèn vui mà viết bài tựa này.

*

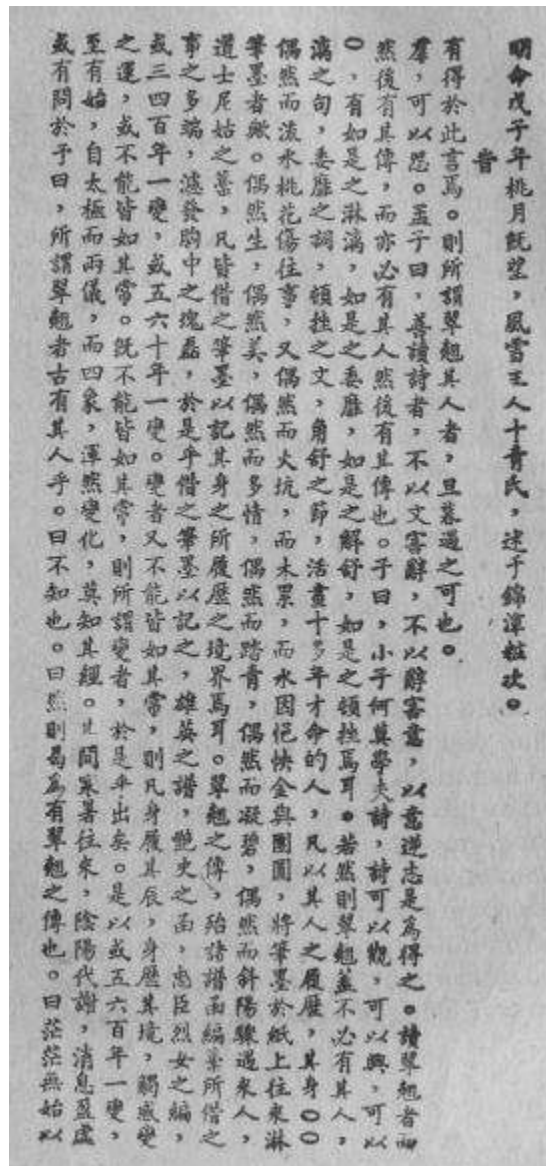
Thúy Kiều khóc Đạm Tiên, Tổ-như-tử làm truyện Thúy Kiều, việc tuy khác nhau mà lòng thì là một ; người đời sau thương người đời nay, người đời nay thương người đời xưa, hai chữ tài tình thật là một cái thông-lục của bọn tài-tử khắp trong gầm trời và suốt cả xưa nay vậy.

Ta lấy một thiên mực nhạt, xa viếng nàng Kiều, tuy lời văn quê-kệch, không đủ sánh với bức giao-thiên, song đủ tỏ ra rằng cái nợ sâu của hai chữ tài tình, tuy khác đời mà chung một dạ. May được nổi ở đằng sau quyển *Tân thanh* của Tổ-như-tử, cùng làm một khúc đoạn-trường để than-khóc người xưa.

Tháng hai, niên-hiệu Minh-mệnh, viết ở Thán-hoa-hiên đất Hạc-giang.

**Tiên-phong,
Mộng liên-đường chủ-nhân**

B. BÀI THỨ NHÌ



Dịch nghĩa

Có người hỏi ta rằng : Thúy Kiều có người thực không ? Ta đáp lại rằng : Không biết. Người ta lại hỏi rằng : Thế thì làm sao mà lại có truyện Thúy Kiều ? Ta đáp lại rằng : Từ lúc mờ-mịt chưa có gì, đến lúc có thái-cực, có lưỡng nghi, có tứ tượng, rồi tự-nhiên biến-hóa không ai dò được manh-mối tự đâu. Trong khoảng ấy có rét, có nắng, có âm, có dương, lúc sinh ra, lúc mòn đi, lúc đầy lên, lúc vơi xuống, không thể nào cứ giữ mãi được mực thường. Đã không giữ được mực thường, thì tất có cuộc biến. Vì

thế hoặc năm sáu trăm năm, hoặc ba bốn trăm năm, hoặc năm sáu mươi năm, cũng phải có một lần biến. Cái biến ấy đã khác với cái thường, thì phàm ai gặp phải thời ấy, bước vào cái cảnh ấy, ngổn-ngang những biến-cổ ở trước mắt, chông-chất những khối lỗi ở trong lòng, mới phải mượn đến bút mực để chép ra, như những truyện anh-hùng, truyện phong-tình, truyện trung-thần, liệt-nữ, truyện đạo-sĩ, ni-cô, chẳng qua là mượn ngòi bút, tờ giấy để chép những cái cảnh-ngộ lịch-duyet của bản-thân mà thôi. Truyện Thúy Kiều có lẽ cũng là một thứ sách như thế cả.

Kiều ngẫu-nhiên mà sinh ra, mà có sắc đẹp, mà lại đa tình, cho đến khi đi Thanh-minh, khi gặp Kim Trọng, khi bán mình chuộc cha, đều là ngẫu-nhiên cả ; cả đến lúc bị hãm ở thanh-lâu, lúc đối-chất ở phủ-đường, lúc đã đâm đầu xuống tiền-đường, lúc lại đoàn viên với Kim Trọng, cũng đều là ngẫu-nhiên cả. Dem bút mực tả lên trên tờ giấy nào những câu vừa lâm-ly, vừa ủy-mĩ, vừa đốn-tỏa, vừa giải-thư, vẽ hết ra một người tài-mệnh trong mười mấy năm trời, cũng là vì cái cảnh lịch-duyet của người ấy có lâm-ly, ủy-mĩ, đốn-tỏa, giải-thư, thì mới có cái văn tả hết ra như thế vậy. Thế thì Thúy Kiều không cần phải có người thực mới có truyện, song cũng phải có người như thế mới có truyện vậy.

Khổng-tử nói rằng : « Tiểu-tử sau không học kinh Thi, kinh Thi có thể xem-xét được biến-cổ, có thể hưng-khởi được lòng người, có thể biết lẽ ở đời, có thể hả-hê được những nông-nỗi uất-ức ở trong lòng ». Mạnh-tử có nói rằng : « Ai khéo đọc kinh Thi không nên nệ câu văn mà làm hại lời, không nệ lời mà làm hại ý, cứ lấy ý đón lấy cái chí của cổ-nhân mà hiểu được, thế là được ». Ai đọc truyện Kiều mà hiểu được ý những lời nói ấy, thì cái người mà ta gọi là Thúy Kiều có thể sớm tối lúc nào cũng gặp được vậy.

Tháng hai năm Mậu-tí, niên-hiệu Minh mệnh, viết ở Cầm đàn trang-thứ.

Phong-tuyệt
Chủ-nhân Thập-thanh-thị

III. BÀI THƠ CỦA ÔNG PHẠM QUÍ THÍCH ⁷

佳人不是到前唐

Giai-nhân bất thị đáo Tiền-đường.

半世煙花債未償

Bán thế yên hoa trái vị thường.

玉面豈應埋水國

Ngọc diện khỉ ứng mai thủy-quốc.

冰心自可對金郎

Băng tâm tự khả đối Kim-lang.

斷腸夢裏根緣了

Đoạn-trường mộng lý căn duyên liễu ;

薄命終琴怨恨長

Bạc mệnh cầm chung oán hận trường.

一片才情千古累

Nhất phiến tài tình thiên cổ lụy.

新聲到底為誰傷

Tân thanh đáo để vị thùi thương.

Chính cụ Phạm Quý Thích ⁸ lại tự dịch luôn ra quốc-âm :

Giọt nước Tiền-đường chẳng rửa oan,

Phong-ba chưa trắng nợ hồng-nhan.

Lòng tơ còn vương chàng Kim Trọng,

Gót ngọc khôn đành giãc thủy quan.

Nửa gối đoạn-trường tan giãc điệp

Một dây bạc mệnh đứt cầm loan.

Cho hay những kẻ tài-tình lắm,

Trời bắt làm gương để thế-gian.

TRUYỆN THÚY KIỀU

MỤC LỤC

I. Lung khởi : Tài với mệnh ghét nhau. – Gia-thế và tài sắc chị em Kiều.

II. Thanh minh chị em Kiều đi chơi xuân. – Thấy mả Đạm Tiên. – Gặp Kim Trọng. – Kiều vợ-vẫn nghĩ những sự trông thấy lúc ban ngày. – Đạm Tiên ứng mộng ra thơ đoạn-trường. – Kiều tình dậy nghĩ mộng-Triệu mà lo buồn.

III. Kim Trọng tương-tư Kiều. – Đi thuê nhà ở vườn Thúy. – Bắt được Kim thoa, Kim và Kiều gặp nhau, hai bên giao-ước lấy nhau. – Được ngày cha mẹ đi vắng, Kiều sang nhà Kim Trọng. – Đến đêm cha mẹ chưa về, hai bên thề-nguyền cùng nhau. – Kim Trọng phải về hộ tang chú.

IV. Vương viên-ngoại mắc nạn. – Kiều phải bán mình chuộc cha. – Mã Giám-Sinh đến mua Kiều. – Vương-ông được tha về, thương con, muốn tự-tử. – Kiều dận Vân thay lời, đèn nghĩa cho Kim Trọng.

V. Mã Giám-sinh đón Kiều về trú-phường. – Giám sinh đem Kiều về Lâm-chuy. – Kiều vào nhà thanh-lâu. – Tú-bà ra oai, Kiều đâm cổ, toan tự vẫn. – Đạm Tiên báo mộng. – Tú-bà dỗ Kiều. – Kiều ở lầu Ngưng-bích. Kiều mắc lừa Sở Khanh. – Tú-bà bắt Kiều phải ra tiếp khách. – Tú-bà dạy Kiều những nghề nguyệt hoa.

VI. Kiều gặp Thúc-sinh được hoàn-lương. – Bị Thúc-công đem cáo cửa quan. – Kiều khuyên Thúc sinh về nhà thăm vợ cả. – Hoạn Thư căm-giận ở nhà. – Thúc-sinh về nhà không dám nói sự thật mình. – Thúc sinh đi, Hoạn Thư lập mưu bắt Kiều. – Sai Khuyển, Ưng đến Lâm-chuy bắt Kiều về Vô-tích. – Thúc sinh đến Lâm-chuy, tưởng Kiều chết, mời thầy đánh đồng thiếp đi tìm hồn Kiều

VII. Khuyến, Ưng đem Kiều về nộp Hoạn-bà. – Hoạn-bà cho Kiều sang hầu hạ Hoạn Thư. – Thúc sinh về, Hoạn Thư bắt Kiều ra hầu rượu. – Hoạn Thư cho Kiều ra ở Quan-âm các. – Thúc sinh lên ra nói chuyện với Kiều, bị Hoạn Thư bắt được.

VIII. Kiều sợ trốn đi đến ở Chiêu-ẩn am với Giác-duyên. – Giác-duyên biết chuyện của Kiều, đem gởi Bạc-bà, bị Bạc Hạnh đem bán về châu Thai.

IX. Kiều gặp Từ Hải kết duyên vợ chồng. – Từ Hải đi làm giặc, cho người về đón Kiều. – Kiều báo ân báo oán. – Giác duyên từ tạ ra về. – Từ Hải xưng hung ở phía hải-tân. – Hồ Tôn Hiến dùng mưu đánh Từ. – Từ nghe Kiều định giải binh ra hang, bị Hồ tập binh đánh phá ; Từ tử trận. – Hồ ép Kiều lấy thổ-quan. – Kiều gieo mình xuống sông Tiền-đường.

X. Giác duyên gặp sư Tam-hợp nói chuyện Kiều. – Giác-duyên thuê thuyền đón-vớt Kiều.

XI. Kim Trọng trở về, biết chuyện gia biến nhà Kiều. – Kim Trọng đón ông bà họ Vương về nhà và thuê người đi tìm Kiều. – Kim Trọng kết duyên với Thúy Vân. – Kim Trọng thi đỗ, bổ đi làm quan ở Lâm-chuy, hỏi được tin Kiều. – Kim được cải-nhậm về Nam-bình, đi qua Hàng-châu biết rõ Kiều đã trầm mình ở sông Tiền-đường.

XII. Kim Trọng lập đàn chiêu-hồn ở bờ sông Tiền-đường, gặp Giác-duyên nói rõ sự tình. – Giác-duyên đem cả nhà họ Vương về am ; cha con, anh em, vợ chồng gặp nhau. – Thúy Kiều tạ từ sư-trưởng, theo cả nhà về quan-nha, một nhà đoàn-tụ.

I

1. Trăm năm, trong cõi người ta,⁹

Chữ *tài* chữ *mệnh*, khéo là ghét nhau.¹⁰

Trải qua một cuộc bể dâu,¹¹

Những điều trông thấy mà đau-đớn lòng.

Lạ gì bỉ sắc, tư phong,¹²
Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.¹³
Kiểu thơm¹⁴ lần giờ trước đèn,
« Phong-tình cổ-lục »¹⁵ còn truyền sử xanh.¹⁶
Rằng : năm Gia-tĩnh triều Minh,
10. Bốn phương phẳng-lặng, hai Kinh¹⁷ vững-vàng.
Có nhà viên-ngoại¹⁸ họ Vương,
Gia-tư nghị¹⁹ cũng thường thường bậc trung.
Một trai con thứ tốt lòng,
Vương Quan là chữ, nổi dòng nho-gia.
Đầu lòng hai ả Tố-nga,²⁰
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân.
Mai cốt cách, tuyết tinh-thần,²¹
Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười.²²
Vân xem trang-trọng khác vời,
20. Khuôn trăng đầy-đặn, nét ngài nở-nang.²³
Hoa cười, ngọc thốt²⁴, đoan trang,
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.
Kiều càng sắc-sảo mặn-mà,
So bề tài sắc, lại là phần hơn.
Làn thu-thủy, nét xuân-sơn,²⁵
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.
Một hai nghiêng nước nghiêng thành,²⁶
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.²⁷
Thông-minh vốn sẵn tính trời,
30. Pha nghề thi họa, đủ mùi ca ngâm,
Cung, thương, lâu bậc ngũ-âm,²⁸
Nghề riêng ăn đứt hồ-cầm²⁹ một trương.
Khúc nhà tay lựa nên chương,³⁰

Một thiên *bạc-mệnh* lại càng nảo nhân.

Phong-lưu rất mực hồng-quần, ³¹

Xuân-xanh xấp-xỉ tới tuần cập kê. ³²

Êm-đềm trướng rủ màn che,

Tường đông ong bướm đi về mặc ai. ³³

II

Ngày xuân con én đưa thoi, ³⁴

40. Thiều-quang chín chục ³⁵ đã ngoài sáu-mười.

Cỏ non xanh tận chũn trời,

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa. ³⁶

Thanh-minh, trong tiết tháng ba,

Lễ là Tảo-mộ, hội là Đạp-thanh. ³⁷

Gần xa nô-nức yến anh, ³⁸

Chị em sắm-sửa bộ-hành chơi xuân.

Đập-dìu tài-tử, giai-nhân,

Ngựa xe như nước, áo quần như nen. ³⁹

Ngõn-ngang gò đồng kéo lên, ⁴⁰

50. Thoi vàng-vó rắc, tro tiền-giấy bay. ⁴¹

*

Tà tà bóng ngả về tây,

Chị em thơ-thần dan tay ra về.

Bước lần theo ngọn tiểu-khê,

Lần xem phong-cảnh có bề thanh-thanh.

Nao-nao dòng nước uốn quanh,

Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.

Sè sè nấm đất bên đường,

Dầu dầu ngọn cỏ, nửa vàng, nửa xanh.

Rằng : « Sao trong tiết Thanh-minh.

60. « Mà đây hương-khói vắng tanh thế mà ? »

Vương Quan mới dẫn gần xa :
 « Đạm Tiên nàng ấy xưa là ca-nhi.
 « Nổi danh tài sắc một thì,
 « Xôn-xao ngoài cửa, hiểm gì yến-anh.
 « Phận hồng-nhan có mong-manh,
 « Nửa chừng xuân, thoát gãy cành thiên-hương. ⁴²
 « Có người khách ở viễn phương,
 « Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi,
 « Thuyền tình vừa ghé đến nơi,
 « Thì đà trâm gãy bình rơi bao giờ ! ⁴³
 « Buồng không lạnh ngắt như tờ,
 « Dấu xe ngựa đã rêu lờ-mờ xanh.
 « Khóc-than khôn xiết sự tình,
 « Khéo vô duyên bấy ⁴⁴ là mình với ta !
 « Đã không ⁴⁵ duyên trước chẳng mà,
 « Thì chi chút ước ⁴⁶ gọi là duyên sau.
 « Sấm-sanh nếp tử, xe châu, ⁴⁷
 « Vui nông ⁴⁸ một năm, mặc dầu cỏ hoa.
 « Trãi bao thỏ lặn, ác tà, ⁴⁹
80. « Ấy mồ vô chủ, ai mà viếng thăm ! »
 Lòng đâu sẵn món ⁵⁰ thương tâm,
 Thoắt nghe Kiều đã đầm đầm châu sa : ⁵¹
 « Đau-đớn thay, phận đàn bà !
 « Lời rằng bạc-mệnh cũng là lời chung.
 « Phũ-phàng chi bấy Hóa-công ! ⁵²
 « Ngày xanh ⁵³ mòn-mỏi, má hồng phôi-pha,
 « Sống làm vợ khắp người ta,
 « Hại thay ⁵⁴ ! thác xuống làm ma không chồng !
 « Nào người phượng chạ loan chung,

90. « Nào người tích lục, tham hồng là ai ? ⁵⁵

« Đã không kẻ đoái, người hoài,

« Sẵn đây ta kiếm ⁵⁶ một vài nén hương.

« Gọi là gặp-gỡ giữa đường,

« Họa là người dưới tuổi vàng ⁵⁷ biết cho ».

Lầm-dầm khăn-khứa ⁵⁸ nhỏ to,

Sụp ngồi, đặt cở ⁵⁹ trước mồ, bước ra.

Một vùng cỏ áy ⁶⁰, bóng tà,

Gió hiu-hiu thổi một và bông lau. ⁶¹

Rút trâm ⁶² sẵn giắt mái đầu,

100. Vạch da cây, vịnh bốn câu ba vần. ⁶³

Lại càng mê-mẩn tâm-thần,

Lại càng đứng lặng tần-ngần chẳng ra. ⁶⁴

Lại càng ủ-dột nét hoa, ⁶⁵

Sầu tuôn đứt nối, châu sa ⁶⁶ vẫn dài !

Vân rằng : « Chị cũng nức cười,

« Khéo dư nước mắt, khóc người đời xưa ! »

Rằng : « Hồng-nhan tự nghìn xưa,

« Cái điều bạc-mệnh có chừa ai đâu.

« Nỗi-niềm tưởng đến mà đau,

110. « Thấy người nằm đó, biết sau ⁶⁷ thế nào ? »

Quan rằng : « Chị nói hay sao,

« Một lời là ⁶⁸ một vận vào khó nghe !

« Ở đây âm-khí nặng-nề,

« Bóng chiều đã ngả, dặm về còn xa ».

Kiều rằng : « Những đấng tài-hoa,

« Thác là thể-phách, còn là tinh-anh.

« Dễ hay ⁶⁹ tình lại gặp tình,

« Chờ xem, ắt thấy hiển-linh bây giờ ».

Một lời nói chưa kịp thưa,
120. Phức đầu trận gió cuốn cờ ⁷⁰ đến ngay.
 Ào ào đổ lộc, rung cây,
 Ở trong đường có hương bay ít nhiều.
 Đề chừng ngọn gió lần theo,
 Dấu giày từng bước in rêu rành-rành.
 Mặt nhìn, ai nấy đều kinh,
Nàng rằng : « Này thực tinh-thành ⁷¹ chẳng xa.
 « Hữu tình ta lại gặp ta,
 « Chớ nề u-hiến, ⁷² mới là chị em ».
 Đã lòng hiển-hiện cho xem,
130. Tạ lòng, nàng lại nối thêm vài lời.
 Lòng thơ ⁷³ lai-láng bồi-hồi,
 Gốc cây, lại vạch một bài cổ thi.
 Dùng-dăng nửa ở, nửa về,
 Nhạc vàng đâu đã tiếng nghe gần gần.
 Trông chừng thấy một văn-nhân,
 Lỏng buông tay khấu ⁷⁴, bước lần dặm băng.
 Đề-huề lưng túi gió trăng. ⁷⁵
 Sau chườn theo một vài thằng con con,
 Tuyết in sắc ngựa câu dòn, ⁷⁶
140. Cỏ pha mùi áo nhuộm non da trời. ⁷⁷
 Nẻo xa mới tỏ mặt người,
 Khách đà xuống ngựa, tới nơi tự tình.
 Hài văn lần bước dặm xanh, ⁷⁸
 Một vùng như thể cây quỳnh, cành dao. ⁷⁹
 Chàng Vương, quen mặt ra chào,
 Hai kiêu ⁸⁰ e-lệ nép vào dưới hoa.
 Nguyên người quanh-quất đâu xa,

Họ Kim tên Trọng, vốn nhà trâm-anh. ⁸¹

Nền phú-hậu, bậc tài-danh,

150. Văn chương nét đất, thông-minh tính trời. ⁸²

Phong-tư tài-mạo tuyệt vời. ⁸³

Vào trong phong-nhã, ra ngoài hào-hoa.

Chung-quanh vẫn đất nước nhà,

Với Vương Quan, trước vẫn là đồng thân. ⁸⁴

Vẫn nghe thơm nức hương lân,

Một nền Đồng-tước, khóa xuân hai Kiều. ⁸⁵

Nước non ⁸⁶ cách mấy buồng thêu. ⁸⁷

Những là trộm dấu, thầm yêu, chốc mòng. ⁸⁸

May thay giải-cầu tương phùng. ⁸⁹

160. Gặp tuần đố lá ⁹⁰, thỏa lòng tìm hoa.

Bóng hồng ⁹¹ nhác thấy nẻo xa,

Xuân lan, thu cúc, mặn-mà cả hai. ⁹²

Người quốc-sắc, kẻ thiên-tài,

Tình trong như đã, mặt ngoài còn e.

Chập-chờn cơn tỉnh, cơn mê,

Rối ngời chẳng tiện, dứt về chĩn ⁹³ khôn.

Bóng tà như giục cơn buồn,

Khách đà lên ngựa, người còn ghé theo. ⁹⁴

Dưới dòng nước chảy trong veo. ⁹⁵

170. Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt-tha. ⁹⁶

*

Kiều từ trở gót trưởng hoa,

Mặt trời gác núi, chiêmng đà thu-không. ⁹⁷

Gương Nga ⁹⁸ chênh-chếch dòm song,

Vàng gieo ngấn nước ⁹⁹, cây lồng bóng sân.

Hải-đường lả ngọn ¹⁰⁰ đông-lân,

Giọt xuân gieo nặng, cảnh xuân la-đà. ¹⁰¹
 Một mình lặng ngắm bóng nga, ¹⁰²
 Rộn đường gần với nổi xa bời bời :
 « Người mà ¹⁰³ đến thế thời thôi,
180. « Đời phồn-hoa cũng là đời bỏ đi.
 « Người đâu ¹⁰⁴ gặp-gỡ làm chi,
 « Trăm năm biết có duyên gì hay không ? »
 Ngổn-ngang trăm mối bên lòng,
 Nên câu tuyệt diệu ¹⁰⁵ ngụ trong tính-tình.
 Chênh-chênh bóng nguyệt xế màn, ¹⁰⁶
 Tựa ngời ¹⁰⁷ bên triện, một mình thiu-thiu.
 Thoắt đâu thấy một tiểu-kiều,
 Có chiều phong-vận, có chiều thanh-tân.
 Sương in mặt, tuyết pha thân, ¹⁰⁸
190. Sen vàng ¹⁰⁹ lãng-đăng ¹¹⁰ như gần như xa.
 Rước mềng ¹¹¹, đón hỏi dò-la :
 « Đào-nguyên ¹¹² lạc lối đâu mà đến đây ? »
 Thưa rằng : « Thanh, khí ¹¹³, xưa nay,
 « Mới cùng nhau lúc ban ngày đã quên ?
 « Hàn-gia ¹¹⁴ ở mái tây thiên. ¹¹⁵
 « Dưới dòng nước chảy, bên trên có cầu.
 « Mấy lòng hạ cổ đến nhau,
 « Mấy lời hạ tứ ném châu gieo vàng.
 « Vâng trình hội chủ ¹¹⁶ xem tường,
200. Mà xem ¹¹⁷ trong sổ đoạn-trường ¹¹⁸ có tên.
 « Âu đành quả kiếp nhân-duyên, ¹¹⁹
 « Cũng người một hội, một thuyền đâu xa ! ¹²⁰
 « Này mười bài mới ¹²¹, mới ra,
 « Câu thần lại mượn bút hoa vẽ-vời ».

Kiều vâng lĩnh ý đề bài,
Tay tiên một vẫy, đủ mười khúc ngâm.
Xem thơ nức-nở ¹²² khen thầm :
« Giá đành tú-khẩu, cầm-tâm ¹²³, khác thường !
« Ví đem vào tập đoạn-trường,
210. « Thì treo giải nhất, chi nhường cho ai ! »
Thềm hoa, khách đã trở hài,
Nàng còn cầm lại một hai tự tình.
Gió đâu sịch ¹²⁴ bức màn mình mình,
Tĩnh ra mới biết rằng mình chiêm-bao.
Trông theo nào thấy đâu nào,
Hương thừa đường hãy ra vào đâu đây. ¹²⁵
Một mình lưỡng-lự canh chầy,
Đường xa, nghĩ nỗi sau này mà kinh !
Hoa trôi, bèo giạt ¹²⁶, đã đành,
220. Biết duyên mình, biết phận mình, thế thôi !
Nỗi riêng lớp lớp sóng giời,
Nghĩ đòi cơn, lại sụt-sùi đòi cơn.

*

Giọng Kiều rền-rĩ trưởng loan,
Nhà huyền ¹²⁷ chợt tỉnh, hỏi : « Cơn-có gì ? ¹²⁸
« Có sao trần-trọc canh khuya. ¹²⁹
« Màu hoa lê hãy dầm-dề giọt mưa ? » ¹³⁰
Thưa rằng : « Chút phận ngây-thơ,
« Dưỡng sinh đôi nợ ¹³¹ tóc tơ chưa đền.
« Buổi ngày chơi mả Đạm Tiên,
230. « Nhấp đi, thoát thấy ứng liền chiêm-bao. ¹³²
« Đoạn-trường là số thế nào,
« Bài ra thế ấy, vịnh vào thế kia.

« Cứ trong mộng-triệu mà suy,
« Phận con thôi có ra gì mai sau ! »
Dạy rằng : « Mộng-triệu cứ đâu ? ¹³³
« Bỗng không mua nảo chuốc sầu, nghĩ nao ! »
Vâng lời khuyên-giải thấp cao,
Chưa xong điều nghĩ, đã dào mạch Tương. ¹³⁴
Ngoài song thỏ-thẻ oanh vàng,
240. Nách tường bông liễu bay sang láng-giềng. ¹³⁵
Hiên tà gác bóng nghiêng-nghiêng,
Nỗi riêng, riêng chạnh ¹³⁶ tắc riêng một mình.

III

Cho hay là giống hữu tình, ¹³⁷
Đố ai gỡ mối tơ-mành cho xong !
Chàng Kim từ lại thư-song,
Nỗi nằng canh-cánh bên lòng biếng khuây. ¹³⁸
Sầu đông càng khắc càng đầy, ¹³⁹
Ba thu dọn lại một ngày dài ghê ! ¹⁴⁰
Mây tần ¹⁴¹ khóa kín song the,
250. Bụi hồng leo-đẻo ¹⁴² đi về chiêm-bao.
Tuần ¹⁴³ trăng khuyết, đĩa dầu hao,
Mặt mơ-tưởng mặt, lòng ngao-ngán lòng.
Buồng vắng hơi lạnh như đồng,
Trúc se ngọn cỏ ¹⁴⁴, tơ chùng phím-loan.
Mành tương ¹⁴⁵ phơn-phớt gió đàn,
Hương gầy mùi nhớ, trà khan giọng tình.
« Ví chăng ¹⁴⁶ duyên nợ ba sinh. ¹⁴⁷
« Làm chi những thói khuynh-thành trên người ? » ¹⁴⁸

*

Bâng-khuâng nhớ cảnh, nhớ người,

260. Nhớ nơi kỳ-ngộ, vội dời chũn đi.
Một vùng ¹⁴⁹ cỏ mọc xanh-rì,
Nước ngâm trong vắt, thấy gì nữa đâu !
Gió chiều như gọi cơn sầu,
Vi-lô ¹⁵⁰ hiu-hắt như màu khơi-trêu.
Nghề riêng nhớ ít tưởng nhiều, ¹⁵¹
Xăm xăm đề nẻo Lam-kiều ¹⁵² lần sang.
Thâm nghiêm, kín cổng, cao tường,
Cạn dòng lá thắm ¹⁵³, dứt đường chim xanh. ¹⁵⁴
Lơ thơ tơ liễu buông màn,
270. Con oanh ¹⁵⁵ học nói trên cành mĩa-mai.
Mấy lần cửa đóng, then cài,
Dấy ¹⁵⁶ thêm hoa rụng biết người ở đâu ?
Tần-ngần đứng suốt giờ lâu,
Dạo quanh, chợt thấy mái sau có nhà.
Là nhà Ngô-việt ¹⁵⁷ thương-gia,
Buồng không để đó, người xa chưa về.
Lấy điều du học, hỏi thuê,
Túi đàn, cặp sách, đề-huê ¹⁵⁸ dọn sang.
Có cây, có đá, sẵn sàng,
280. Có hiên Lãm-thúy ¹⁵⁹, nét vàng chưa phai,
Mãng thâm chốn ấy chữ bài.
Ba sinh âu hẩn duyên trời chi đây !
Song hồ ¹⁶⁰ nửa khép cánh mây,
Tường đông ghé mắt, ngày ngày hăng trông.
Tắc gang đồng tỏa nguyên phong, ¹⁶¹
Tịt-mù nào thấy bóng hồng ¹⁶² vào ra.

*

Nhận từ quán khách lân-la,

Tuần trăng thắm-thoắt nay đà thềm hai. ¹⁶³

Cách tường phải buổi êm trời,

290. Dưới đào đường có bóng người thướt-tha.

Buông cầm, xóc áo, vội ra,

Hương còn thơm nức, người đà vắng tanh.

Lần theo tường gấm ¹⁶⁴ dạo quanh,

Trên đào nhác thấy một cảnh kim-thoa.

Giơ tay vói lấy về nhà :

« Này trong khuê-các, đâu mà đến đây ?

« Gấm âu người ấy, báo này,

« Chẳng duyên chưa dễ vào tay ai cầm ! »

Liền tay ngắt-nghĩa, biếng nằm,

300. Hãy còn thoang-thoảng hương trầm chưa phai. ¹⁶⁵

Tan sương đã thấy bóng người,

Quanh tường ra ý tìm-tòi ngẩn-ngơ.

Sinh đà có ý đợi-chờ,

Cách tường lên tiếng xa đưa ướm lòng :

« Thoa này bắt được hư không,

« Biết đâu Hợp-phố ¹⁶⁶ mà mong châu về ? »

Tiếng Kiều nghe lọt bên kia :

« Ôn lòng quân-tử sá gì của rơi.

« Chiếc thoa nào ¹⁶⁷ của mấy mươi,

310. Mà lòng trọng nghĩa, khinh tài, xiết bao ! »

Sinh rằng : « Lân-lý ra vào,

« Gần đây, nào phải người nào xa-xôi.

« Được rày nhờ chút thơm rơi,

« Kể đà thiếu-não lòng người bấy nay !

« Bấy lâu mới được một ngày.

« Dừng chừn, gạn chút niềm tây ¹⁶⁸ gọi là ».

Vội về thêm lấy của nhà,
 Xuyên vàng đôi chiếc, khăn là một vuông.
 Bạc mây ¹⁶⁹ đón bước ngọn tường,
320. Phải người hôm nọ rõ-ràng, chẳng nhe ?
 Sượng-sùng giữ ý rụt-rè,
 Kẻ nhìn rõ mặt ¹⁷⁰, người e cuối đầu.
 Rằng : « Từ ngẫu-nhĩ ¹⁷¹ gặp nhau.
 « Thăm trông, trộm nhớ, bấy lâu đã chồn. ¹⁷²
 « Xương mai, tính đã rủ mồn, ¹⁷³
 « Lăn-lừa, ai biết hãy còn hôm nay !
 « Tháng tròn như gửi cung mây, ¹⁷⁴
 « Trần trần một phận ấp cây đã liễu ! ¹⁷⁵
 « Tiện đây xin một hai điều,
330. « Đài gương soi đến dấu bèo cho chẳng. ¹⁷⁶
 Ngần-ngừ nàng mới thưa rằng :
 « Thói nhà băng tuyết, chất hăng phi-phong. ¹⁷⁷
 « Dù khi lá thắm, chỉ hồng, ¹⁷⁸
 « Nên chẳng thì cũng tại lòng mẹ cha.
 « Nặng lòng xoát liễu, vì hoa,
 Trẻ thơ đã biết đâu mà dám thưa ! »
 Sinh rằng : « Rày gió, mai mưa,
 « Ngày xuân đã dễ tình-cờ mấy khi !
 « Dù chẳng xét tấm tình si,
340. Thiệt đây mà có ích gì đến ai ?
 « Chút chi gấn bó một hai,
 « Cho đành, rồi sẽ liệu bài mỗi-manh.
 « Khuôn thiêng ¹⁷⁹ dù phụ tắc thành,
 « Cũng liều bỏ quá xuân-xanh một đời.
 « Lợng xuân ¹⁸⁰ dù quyết hẹp hòi,

« Công đeo-đuối chẳng thiệt-thời lắm ru ! »

Lặng nghe lời nói như ru,
Chiều xuân dễ khiến, nét thu ngại-ngùng. ¹⁸¹

Rằng : « Trong buổi mới lạ-lùng,
350. « Nể lòng, có lẽ cầm lòng cho đang !

« Đã lòng quân-tử đa mang,
« Một lời, vâng tạc đá vàng thi-chung ». ¹⁸²

Được lời như cời tấm lòng,
Giở kim-thoa ¹⁸³ với khăn hồng, trao tay.

Rằng : « Trăm năm cũng từ đây,
« Của tin, gọi một chút này làm ghi ».

Sẵn tay khăn gấm, quạt quì, ¹⁸⁴

Với cảnh thoa ấy, tức thì đổi trao.

Một lời gấn-bó tất-giao, ¹⁸⁵

360. Mái sau dương có xôn-xao tiếng người.

Vội-vàng lá rụng, hoa rơi,

Chàng về viện sách ¹⁸⁶ nàng về lầu trang.

Từ phen đá biết tuổi vàng,

Tình càng thắm-thía, dạ càng ngẩn ngơ.

Sông Tương một giải nông sờ,

Bên trông đầu nọ, bên chờ cuối kia. ¹⁸⁷

Một tường tuyết trở ¹⁸⁸ sương che,

Tin xuân đâu dễ đi về cho năng.

*

Lần lần ngày gió đêm trăng,

370. Thưa hồng rậm lục ¹⁸⁹ đã chùng xuân qua.

Ngày vừa sinh-nhật ngoại gia,

Trên hai đường, dưới nữa là hai em.

Tưng-bừng sắm-sửa áo xiêm,

Biện dâng một lễ, xa đem tác thành. ¹⁹⁰
Nhà lan thanh-vắng một mình,
Ngẫm cơn hội-ngộ đã đành hôm nay.
Thì-trân ¹⁹¹ thức thức sẵn bày,
Gót sen thoăn-thoắt dạo ngay mái tường.
Cách hoa, sẽ dựng tiếng vàng,
380. Dưới hoa đã thấy có chàng đứng trông. ¹⁹²
« Trách lòng hờ-hững với lòng,
« Lửa hương chốc để lạnh-lùng bấy lâu.
« Những là đắp nhớ đối sầu,
« Tuyết sương nhuộm nửa mái đầu hoa râu ». ¹⁹³
Nàng rằng : « Gió bắt, mưa cầm,
« Đã cam tộ với tri-âm bấy chầy.
« Vắng nhà, được buổi hôm nay,
« Lấy lòng gọi chút ra đây tạ lòng ».
Lần theo núi giả ¹⁹⁴ đi vòng,
390. Cuối tường dường có nẻo thông mới rào.
Xắn tay mở khóa động đào. ¹⁹⁵
Rẽ mây trong tỏ lối vào Thiên-thai.
Mặt nhìn mặt, càng thêm tươi, ¹⁹⁶
Bên lời vạn phúc, bên lời hàn-huyên. ¹⁹⁷
Sánh vai về chốn thư-hiên,
Góp lời ¹⁹⁸ phong-nguyệt, nặng nguyên non sông.
Trên yên, bút-giá thi-đồng, ¹⁹⁹
Đạm-thanh một bức tranh từng ²⁰⁰ treo trên.
Phong sương ²⁰¹ được vẽ thiên-nhiên,
400. Mặt khen ²⁰² nét bút, càng nhìn càng tươi.
Sinh rằng : « Phác-họa vừa rồi,
« Phấm đề, xin một vài lời thêm hoa ».

Tay tiên gió táp mưa sa, ²⁰³
Khoảng trên, dừng ²⁰⁴ bút thảo và bốn câu.
Khen : « Tài nhả ngọc phun châu,
« Nàng Ban, ả Tạ ²⁰⁵ cũng đâu thế vầy !
« Kiếp tu xưa ví chưa dày,
« Phúc nào nhắc ²⁰⁶ được giá này cho ngang ! »
Nàng rằng : « Trộm liếc dung-quang,
410. « Chẳng sân ngọc-bội ²⁰⁷, thời phùng kim-môn. ²⁰⁸
« Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn,
« Khuôn xanh ²⁰⁹ biết có vuông tròn mà hay ?
« Nhớ từ năm hầy thơ-ngây,
« Có người tương-sĩ đoán ngay một lời. ²¹⁰
« Anh-hoa phát tiết ra ngoài,
« Nghìn thu bạc mệnh, một đời tài-hoa.
« Trông người lại ngắm ²¹¹ đến ta,
« Một dày, một mỏng, biết là có nên ? ».
Sinh rằng : « Giải-cấu ²¹² là duyên,
420. « Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều.
« Ví dù giải-kết ²¹³ đều điều,
« Thì đem vàng đá mà liều với thân ». ²¹⁴
Đủ điều trung khúc ²¹⁵ ân cần,
Lòng xuân phơi-phới, chén xuân tàng-tàng.
Ngày vui ngăn chằng đầy gang,
Trông ra ác đã ngậm gương non đoài. ²¹⁶
Vắng nhà chẳng tiện ngồi dai,
Giã chàng, nàng mới kíp dời song-sa. ²¹⁷

*

Đến nhà vừa thấy tin nhà,
430. Hai thân còn giở tiệc hoa ²¹⁸ chưa về.

Cửa ngoài rủ vội rèm the,
 Xăm-xăm băng lối ²¹⁹ vườn khuya một mình,
 Nhật thừa, gương gioi đầu cành, ²²⁰
 Ngọn đèn trông lọt trướng huỳnh ²²¹ hắt-hiu.
 Sinh vừa tựa án thiu-thiu, ²²²
 Giờ chiều như tỉnh, giờ chiều như mê.
 Tiếng sen khê động giấc hòe, ²²³
 Bóng trăng đã xế hoa lê lại gần. ²²⁴
 Băng-khuâng đỉnh Giáp ²²⁵, non Thần, ²²⁶
440. Còn ngờ giấc mộng đêm xuân mơ-màng.
 Nàng rằng : « Khoảng vắng đêm trường,
 « Vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa.
 « Bây giờ rõ mặt đôi ta,
 « Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm-bao ? » ²²⁷
 Vội mằng làm lễ rước vào,
 Đài sen ²²⁸ nổi sấp, song đào ²²⁹ thêm hương.
 Tiên thề cùng thảo một trướng, ²³⁰
 Tóc mây một món, dao vàng chia đôi.
 Vầng trăng vằng-vặc giữa trời,
450. Đinh-ninh hai miệng, một lời song song. ²³¹
 Tóc tơ căn-vặn tấc lòng,
 Trăm năm tạc một chữ đồng ²³² đến xương.
 Chén hà ²³³ sánh giọng quỳnh-tương, ²³⁴
 Dải hà hương lộn ²³⁵, bình gương ²³⁶ bóng lồng.
 Sinh rằng : « Gió mát trăng trong,
 « Bấy lâu nay một chút lòng chưa cam ;
 « Chày sương chưa nện cầu Lam, ²³⁷
 « Sợ lần-khân quá ra ra sờm-sờ chẳng ? »
 Nàng rằng : « Hồng diệp xích thằng, ²³⁸

460. « Một lời cũng đã tiếng rằng tương tri.
 « Đứng ²³⁹ điều nguyệt nọ, hoa kia,
 « Ngoài ra, ai lại tiếc gì với ai ». ²⁴⁰
 Rằng : « Nghe nổi tiếng cầm đài, ²⁴¹
 « Nước non luống những lắng tai Chung Kỳ ». ²⁴²
 Thừa rằng : « Tiện-kĩ ²⁴³ sá chi !
 « Đã lòng dạy đến, dạy thì phải vâng ».
 Hiên sau treo sẵn cầm-trăng,
 Vội-vàng sinh đã tay nâng ngang mảy. ²⁴⁴
 Nàng rằng : « Nghề mọn riêng tay,
470. « Làm chi cho bận lòng này lắm thân ? » ²⁴⁵
 So dần dây vũ, dây văn, ²⁴⁶
 Bốn dây to nhỏ theo vần cung, thương. ²⁴⁷
 Khúc đầu Hán, Sở, chiến-trường,
 Nghe ra tiếng sắt, tiếng vàng chen nhau.
 Khúc đầu Tư-mã Phượng-cầu, ²⁴⁸
 Nghe ra như oán, như sầu phải chẳng !
 Kê Khang này khúc Quảng-lãng, ²⁴⁹
 Một rằng Lưu-thủy, hai rằng Hành-vân. ²⁵⁰
 Quá quan này khúc Chiêu Quân, ²⁵¹
480. Nửa phần luyện chúa, nửa phần tư-gia.
 Trong như tiếng hạc bay qua,
 Đục như nước suối mới sa nửa vời ;
 Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
 Tiếng mau sầm-sập như trời đổ mưa. ²⁵²
 Ngọn đèn khi tỏ khi mờ,
 Khiến người ngồi đó cũng ngo-ngẩn sầu.
 Khi tựa gối, khi cúi đầu,
 Khi vò chín khúc, khi chau đôi mày.

Rằng : « hay thì thật là hay,
490. « Nghe ra ngậm đắng, nuốt cay thế nào !
 « Sô chi những bậc tiêu-tao, ²⁵³
 « Dột lòng mình cũng nao nao lòng người ? » ²⁵⁴
 Rằng : « Quen mất nết đi rồi,
 « Tẻ vui, thôi cũng tính trời biết sao !
 « Lời vàng vâng lĩnh ý cao,
 « Họa dần dần bớt, chút nào được không ».
 Hoa hương càng tỏ thức hồng. ²⁵⁵
 Đầu mày, cuối mắt, càng nồng tẩm yêu,
 Sóng tình dường đã xiêu xiêu,
500. Xem trong âu-yếm có chiều lả-lơi.
 Thưa rằng : « Đừng lấy làm chơi,
 « Dễ cho thừa hết một lời đã nao !
 « Vẻ chi một đóa yêu đào, ²⁵⁶
 « Vườn hồng, chi dám ngăn rào chim xanh.
 « Đã cho vào bậc bố-kinh, ²⁵⁷
 « Đạo tông phu, lấy chữ trinh làm đầu.
 « Ra tuồng trêu Bộc, trong dâu, ²⁵⁸
 « Thì con người ấy ai cầu làm chi !
 « Phải điều ăn xối ở thì,
510. « Tiết trăm năm, nỡ bỏ đi một ngày !
 « Ngấm duyên kỳ-ngộ xưa nay,
 « Lửa đôi ai lại đẹp tày Thôi, Trương. ²⁵⁹
 « Mây mưa đánh đổ đá vàng, ²⁶⁰
 « Quá chiều nên đã chán-chường yển-anh.
 « Trong khi chấp cánh, liền càn, ²⁶¹
 « Mà lòng rẻ-rúng đã dành một bên !
 « Mái tây để lạnh hương nguyên,

« Cho duyên đằm-thắm ra duyên bề-bàng.
« Gieo thoi ²⁶², trước chẳng giữ giàng,
520. « Để sau nên thẹn cùng chàng bởi ai ?
« Vội chi liễu ép hoa nài,
« Còn thân còn một đèn-bồi có khi ». ²⁶³
Thấy lời đoan-chính dễ nghe,
Chàng càng thêm nể, thêm vì mười phân.
Bóng tà vừa nhạt vẻ ngân, ²⁶⁴
Tin đâu đã thấy cửa ngăn gọi vào. ²⁶⁵
Nàng thì vội trở buồng thêu,
Sinh thì dạo gót sân đào vội ra.

*

Cửa sài ²⁶⁶ vừa ngỏ then hoa,
530. Gia-đồng vào gửi thư nhà mới sang.
Đem tin thúc-phụ từ-đường, ²⁶⁷
Bơ vơ lữ-thần ²⁶⁸ tha-hương đề-huê.
Liêu-dương cách trở sơn khô,
Xuân-đường kíp gọi sinh về hộ tang.
Mảng tin xiết nỗi kinh-hoàng,
Bằng mình lén trước đài-trang tự tình.
Gót đâu mọi nỗi đình-ninh, ²⁶⁹
Nỗi nhà tang-tóc, nỗi mình xa-xôi :
« Sự đâu chưa kịp đôi-hồi, ²⁷⁰
540. « Duyên đâu chưa kịp một lời trao tơ.
« Trăng thề còn đó tơ tơ,
« Dám xa-xôi mặt, mà thừa-thốt lòng.
« Ngoài nghìn dặm, chốc ba đông,
« Mối sầu khi gỡ cho xong còn chầy ! ²⁷¹
« Gìn vàng, giữ ngọc, cho hay,

« Cho đành lòng kẻ chườn mây, cuối trời ». ²⁷²

Tai nghe ruột rối bời bời,
Ngập ngừng ²⁷³, nàng mới giải lời trước sau :

« Ông tơ gàn-quải ²⁷⁴ chi nhau,

550. « Chưa vui sum-hạp đã sầu chia-phôi !

« Cùng nhau trót đã nặng lời,

« Dầu thay mái tóc, dăm rời lòng tơ !

« Quấn bao thắm đợi, năm chờ,

« Nghĩ người ăn gió, nằm sương, xót thăm. ²⁷⁵

« Đã nguyên hai chữ đồng-tâm,

« Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai. ²⁷⁶

« Còn non, còn nước, còn dài,

« Còn về, còn nhớ đến người hôm nay ! »

Dùng-dăng chưa nở rời tay,

560. Văng đông, trông đã đứng ngay nóc nhà.

Ngại-ngùng một bước, một xa,

Một lời trân-trọng ²⁷⁷, châu sa mấy hàng.

Buộc yên, quảy gánh, vội-vàng,

Mỗi sầu xẻ nửa, bước đường chia hai.

Buồn trông phong-cảnh quê người,

Đầu cành quên nhật, cuối trời nhận thừa. ²⁷⁸

Não người cử gió, tuần mưa,

Một ngày nặng gánh tương-tư một ngày.

IV

Nàng còn đứng tựa hiên tây,

570. Chín hồi vấn-vít như vầy mối tơ.

Trông chừng khói ngất song thưa,

Hoa trôi-giạt thăm, liễu xơ-xác vàng. ²⁷⁹

Tần-ngần dạo gót lầu-trang,

Một đoàn mường thọ ngoại-hương mới về
Hàn-huyên ²⁸⁰ chưa kịp dãi-dề,
Sai-nha bỗng thấy bốn bề xôn-xao :
Người nách thước, kẻ tay dao,
Đầu trâu, mặt ngựa, ào-ào như sôi.
Già giang ²⁸¹ một lão một trai,
580. Một dây vô-lại buộc hai thâm tình.
Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh, ²⁸²
Rụng-rời giọt liễu, tan-tành gối mai. ²⁸³
Đồ tuế-nhuyễn ²⁸⁴, của riêng tây,
Sạch-sành-sanh vết ²⁸⁵ cho đầy túi tham.
Điều đâu ai buộc, ai làm ?
Này ai đan dập, giật giàm bỗng dừng ? ²⁸⁶
Hỏi ra, sau mới biết rằng :
Phải tên xưng-xuất ²⁸⁷ tại thẳng bán tơ.
Một nhà hoảng-hốt ²⁸⁸ ngẩn-ngơ,
590. Tiếng oan dậy đất, án ngờ lò mây.
Hạ từ, van lạy ²⁸⁹ suốt ngày,
Điếc tai lân-tuất, phũ tay tồi-tàn. ²⁹⁰
Giường cao ²⁹¹ rút ngược dây oan,
Dầu là đá ²⁹² cũng nát gan, lọ người !
Mặt trông đau-đớn rụng-rời,
Oan này còn một kêu Trời, nhưng xa ! ²⁹³
Một ngày, lạ thói sai-nha,
Làm cho khốc-hại chẳng qua vì tiền.

*

Sao cho cốt-nhục vẹn-tuyền,
600. Trong khi ngộ-biến ²⁹⁴ từng quyền, biết sao ?
Duyên hội-ngộ, đức cù-lao, ²⁹⁵

Bên tình, bên Hiếu ²⁹⁶, bên nào nặng hơn ?

Để lời thệ hải minh sơn, ²⁹⁷

Làm con trước phải đền ơn sinh-thành. ²⁹⁸

Quyết tình, nàng mới hạ tình :

« Dễ cho dễ thiếp bán mình chuộc cha ! »

Họ Chung có kẻ lại già,

Cũng trong nha-dịch, lại là từ tâm ;

Thấy nàng ²⁹⁹ hiếu trọng tình thâm,

610. Vì nàng, nghĩ cũng thương thâm xót vay.

Tính bài lót đó, luôn đây,

Có ba trăm lạng, việc này mới xuôi.

Hãy về tạm phó giam ngoài,

Dặn nàng qui-liệu ³⁰⁰ trong đôi ba ngày.

Thương lòng ³⁰¹ con trẻ thơ-ngây,

Gặp cơn vạ gió, tai bay bất kỳ ! ³⁰²

Đau lòng ³⁰³ tử biệt sinh ly,

Thân còn chẳng tiếc, tiếc gì đến duyên !

Hạt mưa ³⁰⁴ sá nghĩ phận hèn,

620. Liệu đem tắc cỏ, quyết đền ba xuân. ³⁰⁵

Sự lòng ngỗ với băng-nhân, ³⁰⁶

Tin sương ³⁰⁷ đồn-đại, xa gần xôn-xao.

Gần miền có một mục nào,

Đưa người viễn-khách, tìm vào vấn danh.

Hỏi tên, rằng : « Mã Giám-sinh » ;

Hỏi quê, rằng : « Huyện Lâm-thanh cũng gần ».

Quá niên ³⁰⁸ trạc ngoại tứ tuần,

Mày râu nhẵn-nhụi, áo quần bảnh-bao.

Trước thầy, sao tố xôn-xao,

630. Nhà băng đưa mối, rước vào lầu-trang.

Ghế trên ngời tốt số-sàng, ³⁰⁹
Buồng trong mỗi đã giục nàng kíp ra.
Nỗi mình thêm ³¹⁰ tức nỗi nhà,
Thềm hoa một bước, lệ hoa ³¹¹ mấy hàng !
Ngại-ngùng dín gió ³¹² e sương,
Ngùng ³¹³ hoa bóng thẹn, trông gương mặt dày.
Mỗi càng vén tóc, bắt tay ;
Nét buồn như cúc, điệu gầy như mai. ³¹⁴
Đẩn-đo cân sắc, cân tài,
640. Ép cung cầm nguyệt, thử bài quạt thơ.
Mặn nồng một vẻ một ưa,
Bằng lòng, khách mới tùy cơ dặt-dìu.
Rằng : « Mua ngọc đến Lam-kiều,
« Sính-nghi, xin dạy bao nhiêu cho tường ». ³¹⁵
Mỗi rằng : « Đáng giá nghìn vàng,
« Dớp nhà ³¹⁶, nhờ lượng người thương dám nài ! ». ³¹⁵
Cò-kè bớt một thêm hai,
Giờ lâu ngã giá ³¹⁷ vâng ngoài bốn trăm.
Một lời thuyên đã êm giâm, ³¹⁸
650. Hãy đưa canh-thiếp ³¹⁹, trước cầm làm ghi.
Định ngày nạp thái vu qui,
Tiền lưng đã có, việc gì chẳng xong !
Một lời cậy với Chung-công,
Khất-từ tạm lĩnh Vương-ông về nhà.

*

Thương tình con trẻ, cha già,
Nhìn nàng, ông những máu sa, ruột dầu :
« Nuôi con những ước về sau,
« Trao tơ phải lứa, gieo cầu đáng nơi. ³²⁰

« Trời làm chi cực bấy ³²¹ trời !

660. « Này ai vu thác, cho người hợp tan !

« Búa rìu bao quản thân tàn,

« Nỡ đày-đọa trẻ, càng oan-khốc già !

« Một lần sau trước cũng là, ³²²

« Thôi thì mặt khuất, chẳng thà lòng đau ! »

Theo lời càng chảy dòng châu,

Liều mình, ông đã ³²³ gieo đầu tường vôi.

Vội-vàng kẻ giữ, người coi,

Nhỏ to, nằng lại tìm lời khuyên-can :

« Vẻ chi một mảnh ³²⁴ hồng-nhan,

670. « Tóc-tơ chưa chút đền ơn sinh-thành.

« Dâng thư đã thẹn nằng Oanh, ³²⁵

« Lại thua ả Lý ³²⁶ bán mình hay sao ?

« Cỗi xuân ³²⁷ tuổi hạc càng cao,

« Một cây gánh-vác biết bao nhiêu cành.

« Lòng tơ ³²⁸ dù chẳng dứt tình,

« Gió mưa âu hắt tan-tành nước non.

« Thà rằng liều một thân con,

« Hoa dù rã cánh, lá còn xanh cây. ³²⁹

« Phận sao ³³⁰ đành vậy cũng vầy,

680. « Cầm như chẳng đỡ những ngày còn xanh. ³³¹

« Cũng đừng tính quẩn, lo quanh, ³³²

« Tan nhà là một, thiệt mình là hai ».

Phải lời ông cũng êm tai,

Nhìn nhau giọt vắn, giọt dài ngổn-ngang.

Mái ngoài, họ Mã vừa sang,

Tờ hoa đã ký, cân vàng mới trao.

Trăng già độc-địa làm sao ?

Cầm dây chẳng lựa, buộc vào tự-nhiên !
Trong tay đã sẵn đồng tiền,
690. Dầu lòng đổi trắng, thay đen, khó gì ! ³³³
Họ Chung ra sức giúp vì,
Lễ tâm ³³⁴ đã đặt, tụng kỳ đã xong.

*

Việc nhà đã tạm thông-dong,
Tình-kỳ ³³⁵ giục-giã đã mong trở về.
Một mình nàng, ngọn đèn khuya,
Áo đầm giọt lệ ³³⁶, tóc se mái sâu :
« Phận dầu, dầu vậy cũng dầu,
Xót lòng đeo-đăng bấy lâu một lời !
« Công-trình kể biết mấy mươi,
700. « Vì ta khăng-khít cho người dở dang.
« Thề hoa chưa ráo chén vàng,
« Lỗi thề, thôi đã phụ-phàng với hoa !
« Trời Liêu ³³⁷ non nước bao xa,
« Nghĩ đâu rẽ cửa, chia nhà tự tôi !
« Biết bao duyên-nợ thề-bồi,
« Kiếp này thôi thế thì ³³⁸ thôi còn gì ?
« Tái sinh chưa dứt hương thề,
« Làm thân trâu ngựa ³³⁹ đèn nghì trúc mai. ³⁴⁰
« Nợ tình chưa trả cho ai,
710. « Khỏi tình mang xuống tuyền-đài ³⁴¹ chưa tan ! »
Nỗi riêng, riêng những bàn-hoàn. ³⁴²
Dầu chong trắng đĩa, lệ tràn ³⁴³ thấm khăn.
Thúy Vân chợt tỉnh giấc xuân, ³⁴⁴
Dưới đèn ghé đến ân-cần hỏi-han :
« Cơ trời dâu bể đa đoan,

« Một nhà để chị riêng oan một mình.
 « Cớ gì ngồi nhẩn tàn canh,
 « Nỗi riêng còn mắc với tình chi đây ?
 Rằng : « Lòng rồn-rã thức đầy, ³⁴⁵
720. « Tơ-duyên ³⁴⁶ còn vương mối này chưa xong.
 « Hở môi ra cũng thẹn-thùng, ³⁴⁷
 « Để lòng, thì phụ tấm lòng với ai !
 « Cậy em, em có chịu lời,
 « Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.
 « Giữa đường đứt gánh tương-tư,
 « Giao-loan ³⁴⁸ chấp mối tơ thừa mặt em.
 « Kể từ khi gặp chàng Kim,
 « Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề.
 « Sự đâu sóng gió bất kỳ,
730. « Hiếu tình có lẽ ³⁴⁹ hai bề vẹn hai ?
 « Ngày xuân em hãy còn dài,
 « Xót tình máu-mủ, thay lời nước-non.
 « Chị dầu thịt nát xương mòn,
 « Ngậm cười chín tuổi ³⁵⁰ hãy còn thơm lây,
 « Chiếc vành ³⁵¹ với bức tờ mây,
 « Duyên này thì giữ, vật này của chung. ³⁵²
 « Dù em nên vợ, nên chồng,
 « Xót người mệnh bạc, ắt lòng chẳng quên.
 « Mất người còn chút của tin,
740. « Phím đàn với mảnh hương nguyên ngày xưa.
 « Mai sau, dầu có bao giờ,
 « Đốt lò hương ấy, so tơ phím này ;
 « Trông ra ngọn cỏ lá cây,
 « Thấy hiu-hiu gió, thì hay chị về.

« Hồn còn mang nặng lời thề,
 « Nát thân bồ-liều, đèn nghì trúc mai. ³⁵³
 « Dạ đài ³⁵⁴ cách mặt, khuất lời,
 « Rảy xin chén nước ³⁵⁵ cho người thác oan.
 « Bây giờ trâm gãy, gương tan,
 750. « Kể làm sao xiết muôn vàn ái-ân !
 « Trăm nghìn gởi lạy tình-quân,
 « Tư-duyen ngăn-ngủi có ngần ấy thôi.
 « Phận sao, phận bạc như vôi ?
 « Đã đành nước chảy, hoa trôi ³⁵⁶ lỡ-làng.
 « Ôi Kim-lang ! Hỡi Kim-lang !
 « Thôi thôi ! thiếp đã phụ chàng từ đây ! »
 Cạn lời, hồn ngất, máu say, ³⁵⁷
 Một hơi lạnh ngắt, đôi tay lạnh đồng.
 Xuân, huyên, chợt tỉnh giấc nồng,
 760. Một nhà tấp-nập, kẻ trong người ngoài.
 Kẻ thang, người thuốc bồi-bồi,
 Mới giàu cơn vịnh ³⁵⁸, chưa phai giọt hồng.
 Hỏi : « Sao ra sự lạ-lùng ? »
 Kiêu càng nức-nở, mở không ra lời.
 Nỗi nàng, Vân mới rĩ tai :
 « Chiếc vành này, với tờ bồi ở đây ! »
 – « Đây cha làm lỗi duyên mày,
 « Thôi thì nỗi ấy sau này đã em !
 « Vì ai rụng cái, rơi kim, ³⁵⁹
 770. « Để con bèo nổi, mây chìm vì ai ?
 « Lời con dặn lại một hai,
 « Dầu mòn bia đá, dăm sai tấc vàng ! »
 Lạy thôi, nàng lại rén chiềng : ³⁶⁰

« Nhờ cha trả được nghĩa chàng cho xuôi.
« Sá chi thân-phận tôi-đòi,
« Dầu rằng xương trắng quê người, quản đâu ! » ³⁶¹

V

Xiết bao kể nỗi thảm-sầu !
Khắc canh đã giục nam-lâu ³⁶² mấy hồi.
Kiệu hoa đâu đã đến ngoài,
780. Quán huyện ³⁶³, đâu đã giục người sinh ly.
Đau lòng kẻ ở, người đi,
Lệ rơi thấm áo, tơ chia rũ tằm.
Trời hôm, mây kéo tối rằm, ³⁶⁴
Dầu-dầu ngọn cỏ, đầm-đầm cảnh sương.
Rước nàng về đến trú-phường, ³⁶⁵
Bốn bề xuân tỏa ³⁶⁶, một nàng ở trong.
Ngập-ngừng then lục, e hồng,
Nghĩ lòng, lại xót-xa lòng đòi phen :
« Phẩm tiên rơi đến tai hèn,
790. « Hoài công năng giữ, mưa gìn với ai !
« Biết thân đến bước lạc-loài,
« Nhị đào thà bẻ cho người tình chung ! ³⁶⁷
« Vì ai ngăn đón gió đông,
« Thiệt lòng khi ở, đau lòng khi đi.
« Trùng-phùng dầu họa có khi,
« Thân này thôi có còn gì mà mong !
« Đã sinh ra số long-đong,
« Còn mang lấy kiếp má hồng được sao ? »
Trên yên sẵn có con dao,
800. Giấu cầm nàng đã gói vào chéo khăn :
« Phòng khi nước đã đến chừ,

« Dao này thì liệu với thân sau này ».
 Đêm thu, một khắc một chầy, ³⁶⁸
 Băng-khuông như tỉnh, như say một mình.
 Chẳng ngờ gã Mã Giám-sinh,
 Vẫn là một đứa phong-tình đã quen.
 Quá chơi lại gặp hồi đen,
 Quen rồi lại kiếm ăn miền nguyệt-hoa.
 Lầu xanh có mụ Tú-bà,
810. Làng chơi đã trở về già hết duyên.
 Tình-cờ chẳng hẹn mà nên,
 Mạt-cửa, mướt-đăng ³⁶⁹, đôi bên một phường.
 Chung lưng mở một ngôi hàng,
 Quanh năm buôn phẩn, bán hương đã lẽ.
 Đạo tìm khắp chợ thì quê,
 Giả danh hầu-hạ, dạy nghề ăn-chơi.
 Rủi may, âu cũng sự trời,
 Đoạn-trường lại chọn mặt người vô duyên !
 Xót nàng chút phận thuyền-quyên,
820. Cành hoa đem bán vào thuyền lái buôn.
 Mẹo lừa đã mắc vào khuôn,
 Sính-nghi rẻ giá, nghênh-hôn sẵn ngày.
 Măng thâm : « Cờ đã đến tay, ³⁷⁰
 « Càng nhìn vẻ ngọc, càng say khúc vàng. ³⁷¹
 « Đã nên quốc sắc, thiên hương,
 « Một cười này, hẵn nghìn vàng chẳng ngoa ! ³⁷²
 « Về đây, nước trước bẻ hoa,
 « Vương-tôn, quý khách, ắt là đua nhau.
 « Hẳn ba trăm lạng kém đâu,
830. « Cũng đà vừa vốn, còn sau thì lời.

« Miếng ngon kể đến tận nơi,
 « Vốn nhà cũng tiếc, của trời cũng tham.
 « Đào tiên đã bén tay phàm,
 « Thì vinh càn quét, cho cam sự đời ! ³⁷³
 « Dưới trần mấy mặt làng chơi, ³⁷⁴
 « Chơi hoa, đã dễ mấy người biết hoa !
 « Nước vỏ lựu, máu mào gà, ³⁷⁵
 « Mượn màu chiêu-tập ³⁷⁶ lại là còn nguyên.
 « Mập-mờ đánh lộn con đen, ³⁷⁷
840. « Bao nhiêu cũng bấy nhiêu tiền, mất chi ?
 « Mụ già hoặc có điều gì,
 « Liều công mất một buổi quì mà thôi.
 « Vả đây ³⁷⁸ đường-sá xa-xôi,
 « Mà ta bất động, nửa người sinh nghi ».
 Tiếc thay một đóa trà-mi, ³⁷⁹
 Con ong đã mở đường đi lối về !
 Một cơn mưa gió nặng-nề,
 Thương gì đến ngọc, tiếc gì đến hương. ³⁸⁰
 Đêm xuân một giấc mơ-màng,
850. Đuốc hoa ³⁸¹ để đó, mặc nàng nằm trơ !
 Giọt riêng tâm-tã tuôn mưa,
 Phần cảm nỗi khách, phần nhớ nỗi mình :
 « Tuồng chi là giống hôi-tanh, ³⁸²
 « Thân nghìn vàng ³⁸³ để ô danh má hồng !
 « Thôi còn chi nữa mà mong,
 « Đời người thôi thế là xong một đời ! »
 Giận duyên, tủi phận, bời bời,
 Cầm dao, nàng đã toan bài quyên sinh. ³⁸⁴
 Nghĩ đi, nghĩ lại, một mình :

860. « Một mình thì chớ, hai tình thì sao ? ³⁸⁵

« Sau đầu sinh sự thế nào,

« Truy nguyên, chẳng kéo lụy vào song thân.

« Nỗi mình âu cũng giãn dần, ³⁸⁶

« Kíp chầy thôi cũng một lần mà thôi ! »

Những là đo-đắn ngược xuôi,

Tiếng gà nghe đã gáy sôi ³⁸⁷ mái tường.

Lầu mai vừa rúc còi sương, ³⁸⁸

Mã-sinh giục-giã vội-vàng ra đi.

Đoạn-trường thay, lúc phân-kỳ ! ³⁸⁹

870. Vó câu khắp-khến, bánh xe gập-ghềnh.

Bề ngoài mười dặm tràng-đình, ³⁹⁰

Vương-ông mở tiệc ³⁹¹ tiến-hành đưa theo.

Ngoài thì chủ khách dập dìu,

Một nhà huyên với một Kiều ở trong.

Nhìn cànng lã-chã giọt hồng, ³⁹²

Rỉ tai, nàng mới giải lòng trước sau :

« Hồ sinh ra phận thơ-đào,

« Công cha nghĩa mẹ kiếp nào trả xong ?

« Lỡ-làng nước đục, bụi trong, ³⁹³

880. « Trăm năm để một tấm lòng từ đây.

« Xem gương trong bấy nhiêu ngày,

« Thân con chẳng kéo mắc tay bọm già.

« Khi về, bỏ vắng trong nhà,

« Khi vào đôi-đóa ³⁹⁴, khi ra vội-vàng.

« Khi ăn, khi nói lỡ-làng,

« Khi thầy, khi tớ, xem thường, xem khinh.

« Khác màu kẻ quý, người thanh,

« Ngắm ra cho kỹ, như hình con buôn.

« Thôi con, còn nói chi con.

890. « Sống nhờ đất khách, thác chôn quê người ! »

Vương-bà nghe bấy nhiêu lời,

Tiếng oan đã muốn vạch trời kêu lên.

Vài tuần chưa cạn chén khuyên, ³⁹⁵

Mái ngoài, nghỉ đã giục liền ruỗi xe. ³⁹⁶

Xót con lòng nặng chề-chề,

Trước yên ông đã năn-nì thấp cao :

« Chút thân liễu yếu, thơ đào,

« Dóp nhà đến đổi giãn vào ³⁹⁷ tôi người.

« Từ đây góc bể, bên trời,

900. « Nắng mưa thui-thủi, quê người một thân.

« Nghìn tâm nhờ bóng tùng-quân, ³⁹⁸

« Tuyết sương che-chở cho thân cát-đăng. ³⁹⁹

Cạn lời khách mới thưa rằng :

« Buộc chươn, thôi cũng xích-thăng nhiệm-trao. ⁴⁰⁰

« Mai sao dầu đến thế nào,

« Kìa gương nhật-nguyệt, nọ dao quỷ-thần ! »

Đùng đùng gió giục, mây vùn, ⁴⁰¹

Một xe trong cõi hồng-trần ⁴⁰² như bay.

Trông vời, gạt lệ, phân tay,

910. Góc trời thăm-thẳm, ngày ngày dăm-dăm.

Nàng thì dậm khách xa-xăm,

Bạc phau cầu giá ⁴⁰³, đen rầm ngàn mây.

Vi-lô san-sát hơi may, ⁴⁰⁴

Một trời thu để riêng ai một người. ⁴⁰⁵

Dặm khuya ⁴⁰⁶ ngất tạnh, mù khơi,

Thấy trăng mà thẹn những lời non song !

Rừng thu từng biếc chen hồng, ⁴⁰⁷

Nghe chim như nhắc tấm lòng thần-hôn ! ⁴⁰⁸

*

Những là lạ nước, lạ non,
920. Lâm-chuy vừa một tháng trời tới nơi.

Xe châu dừng bánh cửa ngoài,
Rèm trong đã thấy một người bước ra.

Thoắt trông nhờn-nhợt ⁴⁰⁹, màu da,

Ăn gì cao lớn, đầy-đà làm sao ?

Trước xe, lời-lả han chào,

Vâng lời, nàng mới bước vào tận nơi.

Bên thì mấy ả mày ngài,

Bên thì ngồi bốn năm người làng chơi.

Giữa thì hương-lửa hân-hoi,

930. Treo trên một tượng trắng đôi lông mày. ⁴¹⁰

Lầu-xanh quen lối xưa nay,

Nghề này thì lấy ông này tiên-sư.

Hương-hoa hôm sớm phụng-thờ, ⁴¹¹

Cô nào xấu vía, có thừa mỗi hàng.

Cối xiêm lột áo chán-chường, ⁴¹²

Trước thần, sẽ nguyện mảnh hương lăm-dầm.

Đổi hoa lót xuống chiếu nằm, ⁴¹³

Bướm-ong bay lại ⁴¹⁴ âm-âm tứ vi !

Kiều còn ngơ-ngẩn biết gì,

940. Cứ lời, lạy xuống, mụ thì khẩn ngay :

« Cửa hàng buôn-bán cho may,

« Đêm đêm hàn-thực, ngày ngày nguyên-tiêu. ⁴¹⁵

« Muôn nghìn người thấy cũng yêu,

« Xôn-xao anh yến, dập-dìu trúc-mai !

« Tin nhận vẫn ⁴¹⁶, lá thơ bài,

« Đưa người cửa trước, rước người cửa sau ! »

Lạ tai, nghe chưa biết đâu,
Xem tình ra cũng như màu dờ-dang.

*

Lễ xong hương-hỏa gia-đường,
950. Tú-bà vắt nóc ⁴¹⁷ lên giường ngồi ngay.

Dạy rằng : « Con lạy mẹ đây,
« Lạy rồi sang lạy cậu mầy bên kia ».

Nàng rằng : « Phải bước lưu-ly,
« Phận hèn vâng đã cam bề tiểu-tinh. ⁴¹⁸

« Điều đâu lấy yến làm anh,
« Ngây-thơ chẳng biết là danh-phận gì ?

« Đủ điều nạp thái vu qui, ⁴¹⁹
« Đã khi chung-chạ, lại khi đứng ngồi.

« Giờ ra ⁴²⁰ thay bạc, đổi ngôi,
960. « Dám xin gọi lại một lời cho mình ».

Mụ nghe nàng nói hay tình,
Bấy giờ mới nổi tam bành ⁴²¹ mụ lên :

« Này này sự đã quả-nhiên,
« Thôi đà cướp sống chồng mình đi rồi !

« Bảo rằng : đi dạo lấy người,
« Đem về rước khách kiếm lời mà ăn.

« Tuồng vô nghĩa, ở bất nhân,
« Buồn mình, trước đã tần-mần thử chơi.

« Màu hồ đã mất đi rồi,

970. « Thôi thôi vốn-liếng đi đời nhà ma !

« Con kia đã bán cho ta,

« Nhập gia ⁴²², cứ phải phép nhà ta đây.

« Lão kia có giờ bài này,

« Chẳng vắng vào mặt mà mây lại nghe !

« Cớ sao chịu tốt ⁴²³ một bề,

« Gái tơ mà đã ngựa ghề sớm sao !

« Phải làm cho biết phép tao !

« Chập bì-tiên ⁴²⁴, rắp sẵn vào ra tay ».

Nàng rằng : « Trời thăm đất dày !

980. « Thân này đã bỏ những ngày ra đi !

« Thôi thì thôi ⁴²⁵, có tiếc gì ! »

Sẵn dao tay áo, tức thì giở ra.

Sợ gan, nát ngọc liễu hoa, ⁴²⁶

Mụ còn trông mặt, nàng đà quá tay.

Thương ôi, tài sắc bậc này,

Một dao oan-nghiệt, dứt dây phong-trần !

Nỗi oan vỡ lở xa gần,

Trong nhà người chật một lần như nen.

Nàng thì bắn-bật giặc tiên,

990. Mụ thì cầm-cập, mặt nhìn hồn bay.

Vực nàng vào chốn hiên tây,

Cắt người coi-sóc, rước thầy ⁴²⁷ thuốc-men.

*

Nào hay chưa hết trần-duyên,

Trong mê đường đã đứng bên một nàng. ⁴²⁸

Rỉ rằng : « Nhân-quả ⁴²⁹ dở-dang,

« Đã toan trốn nợ đoạn-tràng được sao !

« Số còn nặng nghiệp má đào,

« Người dù muốn quyết ⁴³⁰, trời nào đã cho !

« Hãy xin hết kiếp liễu-bồ, ⁴³¹

1000. « Sông Tiền-đường sẽ hẹn-hò về sau ».

*

Thuốc-thang suốt một ngày trâu,
 Giấc mê nghe đã giàu-giàu vừa tan.
 Tú-bà chực sẵn bên màn,
 Lựa lời khuyên-giải ⁴³², mơn-man gỡ dần.
 « Một người dễ có mấy thân !
 « Hoa xuân đương nhụy ⁴³³, ngày xuân còn dài.
 « Cũng là lỡ một, lầm hai,
 « Đá vàng sao nỡ ép-nài mưa-mây. ⁴³⁴
 « Lỡ chùn trót đã vào đây,
1010. « Khóa buồng xuân để đợi ngày đào non. ⁴³⁵
 « Người còn thì của hãy còn,
 « Tìm nơi xứng-đáng là con-cái nhà. ⁴³⁶
 « Làm chi tội báo oan-gia,
 « Thiệt mình mà hại đến ta hay gì ? »
 Kề tai mấy nỗi năn-ni,
 Nàng nghe dường cũng thị-phi rạch-ròi.
 Vả trong ⁴³⁷ thần-mộng mấy lời,
 Túc-nhân ⁴³⁸ âu cũng có trời ở trong.
 Kiếp này nợ trả chưa xong,
1020. Làm chi thêm một nợ chồng ⁴³⁹ kiếp sau !
 Lặng nghe, thấm-thía gót đầu, ⁴⁴⁰
 Thừa rằng : « Ai có muốn đâu thế này.
 « Được như lời, thế là may,
 « Hẳn rằng mai có như vầy cho chẳng !
 « Sợ khi ong-bướm đãi-đăng, ⁴⁴¹
 Đến điều sống đục, sao bằng thác trong ! »
 Mụ rằng : « Con hãy thông-dong,
 « Phải điều lòng lại dối lòng mà chơi !
 « Mai sau ở chẳng như lời,

1030. « Trên đầu có bóng mặt trời rạng soi ».

Thấy lời quyết đoán hăn-hoi,
Đành lòng, nàng cũng sẽ nguôi-nguôi dần.

*

Trước lầu Ngưng-bích ⁴⁴² khóa xuân,

Vẻ non xa, tấm trăng gần, ở chung.

Bốn bề bát-ngát xa trông, ⁴⁴³

Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia.

Bẽ-bàng mây sớm đèn khuya,

Nửa tình, nửa cảnh, như chia tấm lòng.

Tưởng người dưới nguyệt chén đồng, ⁴⁴⁴

1040. Tin sương luống hầy rày trông mai chờ.

Bên trời gốc bể bờ-vỡ, ⁴⁴⁵

Tấm son gột rửa ⁴⁴⁶ bao giờ cho phai.

Xót người tựa cửa ⁴⁴⁷ hôm mai,

Quạt nồng ấp lạnh ⁴⁴⁸ những ai đó giờ ?

Sân Lai ⁴⁴⁹ cách mấy nắng mưa,

Có khi gốc tử đã vừa người ôm ? ⁴⁵⁰

Buồn trông cửa bể gần hôm, ⁴⁵¹

Thuyền ai thấp-thoáng cánh buồm xa xa ?

Buồn trông ngọn nước mới sa,

1050. Hoa trôi man mác, biết là về đâu ?

Buồn trông nội cỏ dầu-dầu,

Chưn mây mặt đất một màu xanh xanh.

Buồn trông gió cuốn mặt duềnh, ⁴⁵²

Ầm-ầm ⁴⁵³ tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

*

Chung-quanh những nước non người,

Đau lòng lưu-lạc, nên vài bốn câu.

Ngậm-ngùi rủ bước rèm châu, ⁴⁵⁴
Cách tường, nghe có tiếng đâu họa vờ. ⁴⁵⁵
Một chàng vừa trạc thanh-xuân,
1060. Hình-dong chải-chuốt, áo khăn dịu-dàng.
Nghĩ rằng cũng mạch ⁴⁵⁶ thư-hương,
Hỏi ra mới biết rằng chàng Sở Khanh.
Bóng Nga thấp-thoáng dưới màn,
Trông nàng, chàng cũng ra tình đeo-dai. ⁴⁵⁷
« Than ôi ! sắc nước hương trời,
« Tiếc cho đâu bỗng lạc-loài đến đây ?
« Giá đành trong nguyệt trên mây,
« Hoa sao, hoa khéo đọa-đày bấy hoa ?
« Nỗi gan ⁴⁵⁸ riêng giận trời già,
1070. « Lòng này ai tỏ cho ta, hỡi long ?
« Thuyền-quyên ví biết anh hùng,
« Ra tay tháo cũi, sổ lồng, như chơi ! »
Song thu đã khép cánh ngoài, ⁴⁵⁹
Tai còn đồng-vọng ⁴⁶⁰ mấy lời sắt đanh.
Nghĩ người thôi lại nghĩ mình,
Cám lòng chua-xót, nhạt tình chơ-vơ. ⁴⁶¹
Những là lần-lữa nắng mưa,
Kiếp phong-trần biết bao giờ là thôi ?
Đánh liều nhả một hai lời,
1080. Nhờ tay tể-độ ⁴⁶² vớt người trầm-luân.
Mảnh tiên ⁴⁶³ kể hết xa gần,
Nỗi nhà báo-đáp, nỗi thân lạc-loài.
Tan sương vừa rạng ngày mai,
Tiện-hồng ⁴⁶⁴ nàng mới nhả lời gởi sang.
Trời tây lãng-đăng ⁴⁶⁵ bóng vàng,

Phúc thư đã thấy tin chàng đến nơi.
 Mở xem một bức tiên mai, ⁴⁶⁶
 Rành rành « tích việt » ⁴⁶⁷ có hai chữ đề.
 Lấy trong ý-tứ mà suy :
1090. « Ngày hai mươi mốt, tuất thì ⁴⁶⁸ phải chẳng ? »
 Chim hôm thoi-thót về rừng,
 Đóa trà-mi đã ngậm trăng nửa vành.
 Tường đông lay động bóng càn, ⁴⁶⁹
 Rẽ song, đã thấy Sở Khanh lén vào.
 Sượng-sùng đánh dạn ra chào,
 Lạ thôi, nàng mới rí trao ân-cần.
 Rằng : « Tôi bèo-bọt chút thân,
 « Lạc đàn ⁴⁷⁰ mang lấy nợ-nần yến-anh.
 « Dám nhờ cốt-nhục tử sinh, ⁴⁷¹
1100. « Còn nhiều kết cỏ ⁴⁷² ngậm vành ⁴⁷³ về sau ! »
 Lặng ngời, lăm-nhắm gật đầu :
 « Ta đây phải mượn ai đâu mà rằng !
 « Nàng đà biết đến ta chẳng,
 « Bể trầm-luân, lấp cho bằng mới thôi ! »
 Nàng rằng : « Muôn sự ơn người,
 « Thế nào xin quyết một bài cho xong ».
 Rằng : « Ta có ngựa truy phong, ⁴⁷⁴
 « Có tên dưới trướng ⁴⁷⁵ vốn dòng kiện nhi. ⁴⁷⁶
 « Thừa cơ lén bước ra đi,
1110. « Ba-mười-sáu chước, chước gì là hơn. ⁴⁷⁷
 « Dù khi gió kếp, mưa đơn,
 « Có ta đây cũng chẳng can có gì ! »
 Nghe lời, nàng đã sinh nghi,
 Song đà quá đổi, quản gì được thân.

Cũng liều nhắm mắt đưa chân,
Mà xem con Tào xoay-vần đến đâu.
Cùng nhau lén bước xuống lầu. ⁴⁷⁸
Song song ngựa trước, ngựa sau một đoàn.
Đêm thu khắc lậu canh tàn, ⁴⁷⁹
1120. Gió cây trút lá, trăng ngàn ngậm gương.
Lối mòn cỏ nhợt mùi sương, ⁴⁸⁰
Lòng quê ⁴⁸¹ đi một bước đường một đau.
Tiếng gà xao-xác gáy mau,
Tiếng người đâu đã mái sau dậu-dàng. ⁴⁸²
Nàng càng thốn-thức gan vàng,
Sở Khanh đã rẽ dây cương lối nào !
Một mình khôn biết làm sao,
Dặm rừng bước thấp bước cao hải-hùng.

*

Hóa nhi thật có nữ lòng,
1130. Làm chi dây tía, vò hồng, lảm nau !
Một đoàn đổ đến trước sau,
Vuốt đầu xuống đất, cánh đầu lên trời.
Tú-bà tốc thẳng đến nơi,
Hăm-hăm áp điệu một hơi lại nhà.
Hung-hăng chẳng hỏi chẳng tra,
Đang tay vùi liễu, giập hoa tươi-bời,
Thịt da ai cũng là người,
Lòng nào hồng rụng, thắm rời, chẳng đau.
Hết lời thú-phục, khẩn-cầu,
1140. Uốn lưng thịt đổ, giập đầu máu sa.
Rằng : « Tôi chút phận đàn-bà,
« Nước non lìa cửa, lìa nhà, đến đây.

« Bấy giờ sống thác ở tay,
« Thân này đã đến thể này thì thôi !
« Nhưng tôi có sá chi tôi,
« Phận tôi đành vậy, vốn người để đâu ?
« Thân lươn bao quản lấm đầu,
« Chút lòng trinh-bạch từ sau cũng chừa ! » ⁴⁸³

Được lời mụ mới tùy cơ,
1150. Bắt người bảo-lĩnh làm tờ cung-chiều.

Bày vai có ả Mã Kiều,
Xót nàng, ra mới đành liều chịu đoan.
Mụ càng kể nhặt, kể khoan,
Gạn-gùng ⁴⁸⁴ đến mực, nồng-nàn mới tha.
Vực nàng vào nghỉ trong nhà,
Mã Kiều lại ngỏ ý ra dặn lời :
« Thôi đà mắc lận thì thôi !

« Đi đâu chẳng biết con người Sở Khanh ?
« Bạc tình, nổi tiếng lâu xanh,

1160. « Một tay chôn biết mấy cành phù-dung ! » ⁴⁸⁵

« Đà đao ⁴⁸⁶ lập sẵn chước dung,
« Lạ gì một cốt, một đồng ⁴⁸⁷ xưa nay !
« Có ba mươi lạng trao tay,
« Không dưng chi có chuyện này, trò kia ! » ⁴⁸⁸
« Rồi ra trở mặt tức thì,
« Bớt lời, liệu chớ trây chi, mà đời ! » ⁴⁸⁹

Nàng rằng : « Thề-thốt nặng lời,
« Có đâu mà lại ra người hiểm-sâu ! »

Còn đương suy trước, nghĩ sau,
1170. Mặt mo đã thấy ở đâu dẫn vào.

Sở Khanh lên tiến râu-rao :

« Nọ nghe rằng có con nào ở đây. ⁴⁹⁰

« Phao cho quuyến gió rủ mây,

« Hãy xem cho biết mặt này là ai ? »

Nàng rằng : « Thôi thế thì thôi !

« Rằng không, thì cũng vâng lời rằng không ! »

Sở Khanh quát mắng dùng dùng,

Bước vào, vừa rắp thị hùng ra tay.

Nàng rằng : « Trời nhé ⁴⁹¹ có hay !

1180. « Quyến anh, rủ yến, sự này tại ai ?

« Đem người giấy xuống giếng thơi. ⁴⁹²

« Nói rồi, rồi lại ăn lời được ngay !

« Còn tiên « *tích việt* » ở tay,

« Rõ-ràng mặt ấy, mặt này chứ ai ? »

Lời ngay, đông mặt trong ngoài,

Kẻ chê bất nghĩa, người cười vô lương ! ⁴⁹³

Phụ tình án đã rõ-ràng,

Nhờ tuồng, nghỉ mới kiếm đường tháo lui. ⁴⁹⁴

Buồng riêng, riêng những sứt-sùi :

1190. « Nghĩ thân mà lại ngậm-ngùi cho thân.

« Tiếc thay trong giá trắng ngần, ⁴⁹⁵

« Đến phong-trần, cũng phong-trần như ai !

« Tẻ vui cũng một kiếp người,

« Hồng-nhan phải giống ở đời mãi ru !

« Kiếp xưa đã vụng đường tu,

« Kiếp này chẳng kéo đèn-bù mới xuôi !

« Dầu sao bình đã vỡ rồi,

« Lấy thân mà trả nợ đời cho xong ! »

*

Vừa tuần nguyệt sáng, gương trong,

1200. Tú-bà ghé lại thông-dong dặn-dò :

« Nghề chơi cũng lắm công phu,

« Làng chơi ta phải biết cho đủ điều ».

Nàng rằng : « Mưa gió dập-dù,

« Liều thân, thì cũng phải liều thế thôi ! »

Mụ rằng : « Ai cũng như ai,

« Người ta ai mất tiền hoài đến đây ?

« Ở trong còn lắm điều hay,

« Nỗi đêm khếp mở, nỗi ngày riêng chung.

« Đây con thuộc lấy làm lòng,

1210. « Vành ngoài bảy chữ ⁴⁹⁶, vành trong tám nghề. ⁴⁹⁷

« Chơi cho liễu chán, hoa chê,

« Cho lăn-lóc đá, cho mê-mẩn đời. ⁴⁹⁸

« Khi khoé hạnh, khi nét ngài ⁴⁹⁹,

« Khi ngậm-ngợi nguyệt, khi cười-cợt hoa.

« Đều là nghề-nghiệp trong nhà.

« Đủ gần ấy nét, mới là người soi ». ⁵⁰⁰

Gót đầu vâng dạy mấy lời,

Dường chau nét nguyệt, đường phai vẽ hồng.

Những nghe nói, đã thẹn-thùng,

1220. Nước đời lắm nỗi lạ-lùng khắt-khe !

Xót mình cửa các, buồng khuê,

Vỡ lòng, học lấy những nghề-nghiệp hay !

Khéo là mặt dạn, mày dày,

Kiếp người đã đến thế này, thì thôi !

Thương thay thân-phận lạc-loài,

Dẫu sao cũng ở tay người biết sao ?

Lầu xanh, mới rủ trướng đào,

Càng treo giá ngọc, càng cao phẩm người.

Biết bao bướm lả, ong lơi,
1230. Cuộc say đầy tháng, trận cười suốt đêm.
Đập-dìu lá gió, cành chim, ⁵⁰¹
Sớm đưa Tống Ngọc, tối tìm Tràn-khanh. ⁵⁰²
Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh,
Giật mình, mình lại thương mình xót-xa.
Khi sao phong gấm rủ là,
Giờ sao tan-tác như hoa giữa đường ?
Mặt sao dày gió dạn sương,
Thân sao bướm chán, ong chường bấy thân ?
Mặt người mưa Sở, mây Tần,
1240. Những mình nào biết có xuân là gì !
Đôi phen gió tựa, hoa kề,
Nửa rèm tuyết ngậm, bốn bề ⁵⁰³ trắng thâu.
Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,
Người buồn, cảnh có vui đâu bao giờ.
Đôi phen nét vẽ, câu thơ,
Cung cầm trong nguyệt, nước cờ dưới hoa.
Vui là vui gượng kéo là, ⁵⁰⁴
Ai tri-âm đó, mận-mà với ai ?
Thờ-ơ gió trúc, mưa mai, ⁵⁰⁵
1250. Ngẩn-ngơ trăm nỗi, giúi-mài một thân.
Nỗi lòng đòi đoạn xa gần, ⁵⁰⁶
Chẳng vò mà rối, chẳng dần mà đau !
Nhớ ơn chín chữ cao sâu. ⁵⁰⁷
Một ngày một ngả bóng dâu tà tà. ⁵⁰⁸
Dặm ngàn, nước thăm, non xa,
Nghĩ đâu thân-phận con ra thế này !
Sân hòe ⁵⁰⁹ đôi chút thơ-ngây, ⁵¹⁰

Trân-cam, ai kẻ đỡ thay việc mình ?
Nhớ lời nguyện-ước ba-sinh,
1260. Xa-xôi ai có biết tình chẳng ai ?
Khi về hỏi liễu Chương-đài, ⁵¹¹
Cành xuân đã bẻ cho người chuyên tai !
Tình sâu, mong trả nghĩa dày,
Hoa kia đã chấp cây này cho chưa ?
Mỗi tình đòi-đoạn vò tơ,
Giấc hương-quan ⁵¹² luống lần mơ canh dài.
Song-sa vò-vỡ phương trời,
Nay hoàng-hôn đã, lại mai hôn-hoàng. ⁵¹³
Lần lần thả bạc ác vàng,
1270. Xót người trong hội đoạ-trường đòi cơn !
Đã cho lấy chữ hồng-nhan,
Làm cho, cho hại, cho tàn, cho cân !
Đã dày vào kiếp phong-trần,
Sao chi sĩ-nhục một lần mới thôi !

VI

Khách du bong có một người,
Kỳ Tâm họ Thúc, cũng nòi thư-hương.
Vốn người huyện Tích, châu Thường,
Theo nghiêm-đường mở ngôi hàng Lâm-chuy.
Hoa-khôi ⁵¹⁴ mộ tiếng Kiều-nhi,
1280. Thiếp hồng tìm đến hương-khuê gợi vào.
Trưởng tô, giáp mặt hoa đào, ⁵¹⁵
Vẻ nào chẳng mặn, nét nào chẳng ưa ?
Hải-đường mơn-mỡn cành tơ,
Ngày xuân ⁵¹⁶ càng gió, càng mưa, càng nồng !
Nguyệt-hoa, hoa-nguyệt, nảo-nùng,

Đêm xuân ai dễ cầm lòng được chẳng !
 Lạ gì thanh, khí, lẽ hăng, ⁵¹⁷
 Một dây một buộc, ai giăng cho ra ?
 Sớm đào, tối mận, lân-la,
1290. Trước còn trăng-gió, sau ra đá-vàng.
 Dịp đâu may-mắn lạ đường !
 Lại vừa gặp khoảng xuân-đường lai quê.
 Sinh càng một tỉnh mười mê,
 Ngày xuân, lắm lúc đi về với xuân.
 Khi gió gác, khi trăng sân,
 Bầu tiên chuốc rượu, câu thần nổi thơ.
 Khi hương sớm, khi trà trưa,
 Bàn vây điểm nước, đường tơ họa đàn.
 Miệt-mài ⁵¹⁸ trong cuộc truy-hoan,
1300. Càng quen thuộc nết, càng dan-dịu tình.
 Lạ cho cái sóng khuynh-thành,
 Làm cho đổ quán, xiêu đình, như chơi.
 Thúc-sinh quen nết bốc rời, ⁵¹⁹
 Trăm nghìn đổ một trận cười như không !
 Mụ càng tô lục, chuốt hồng,
 Máu tham hễ thấy hơi đồng thì mê.
 Dưới trăng, quyên đã gọi hè,
 Đầu tường lửa lựu ⁵²⁰ lập-lòe đâm bông.
 Buồng the phải buổi thông-dong,
1310. Thang lan, rủ bức trướng hồng, tẩm hoa. ⁵²¹
 Rõ màu trong ngọc, trắng ngà, ⁵²²
 Dày-dày sẵn đúc một tòa thiên-nhiên ! ⁵²³
 Sinh càng tỏ nết, càng khen,
 Ngụ tình tay thảo một thiên luật Đường. ⁵²⁴

Nàng rằng : « Vâng biết lòng chàng,
 « Lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu.
 « Hay hèn lẽ cũng nổi điều, ⁵²⁵
 « Nỗi quê ⁵²⁶ nghĩ một hai điều ngang-ngang.
 « Lòng còn gởi áng mây vàng, ⁵²⁷
1320. « Họa vắn xin hãy chịu chàng hôm nay ».

Rằng : « Sao nói lạ-lùng thay !
 « Cành kia chẳng phải cỗi này mà ra ? » ⁵²⁸
 Nàng càng ủ-dột thu ba, ⁵²⁹
 Đoạn-trường lúc ấy dờ mà buồn tênh :
 « Thiếp như hoa đã lìa cành,
 « Chàng như con bướm lượn vành mà chơi.
 « Chúa xuân đành đã có nơi,
 « Ngăn ngày, thôi chớ dài lời làm chi ! »
 Sinh rằng : « Từ thừa tương-tri,
1330. « Tắm riêng, riêng những nặng vì nước-non.
 « Trăm năm, tính cuộc vuông tròn,
 « Phải dò cho đến ngọn nguồn, lạch sông ». ⁵³⁰
 Nàng rằng : « Muôn đội ơn lòng,
 « Chút e bên thú, bên tòng ⁵³¹ dễ đâu,
 « Bình-khang ⁵³² nấn-ná bấy lâu,
 Yêu hoa, yêu được một màu điểm-trang.
 « Rôi ra lở phấn, phai hương,
 « Lòng kia giữ được thường thường mãi chẳng ? ⁵³³
 « Vả chẳng thêm quế, cung trăng,
1340. « Chủ-trương đành đã chị Hằng ở trong.
 « Bấy lâu khăng-khít giải đồng, ⁵³⁴
 « Thêm người, người cũng chia lòng riêng tây.
 « Vẻ chi chút phận bèo mây,

« Làm cho bể ái, khi đầy, khi vơi.
 « Trăm điều ngang-ngửa vì tôi,
 « Thân sau ai chịu tội trời ấy cho ?
 « Như chàng có vừng tay co,
 « Mười phần cũng đắp-điểm cho một vài. ⁵³⁵
 « Thế trong dù lớn hơn ngoài,
1350. « Trước hàm sư-tử gởi người đăng-la. ⁵³⁶
 « Cúi đầu luôn xuống mái nhà,
 « Giẫm chua lại tội bằng ba lửa nòng. ⁵³⁷
 « Ở trên còn có nhà thông, ⁵³⁸
 « Lòng trên trông xuống, biết lòng có thương ?
 « Sá chi liễu ngõ, hoa tường, ⁵³⁹
 « Lầu xanh, lại bỏ ra phường lầu xanh !
 « Lại càng dơ-dáng đại hình,
 « Đành thân-phận thiếp, nghĩ ⁵⁴⁰ danh-giá chàng.
 « Thương sao cho vẹn thì thương,
1360. « Tính sao cho trọn mọi đường thì vâng ».

Sinh rằng : « Hay nói dè chừng,
 « Lòng đây, lòng đấy chưa từng hay sao ?
 « Đường xa chớ ngại Ngô Lào, ⁵⁴¹
 « Trăm điều hãy cứ trông vào một ta,
 « Đã gần chi có đường xa,
 « Đá-vàng cũng quyết, phong-ba cũng liều ».

Cùng nhau căn-vặn đến điều,
 Chỉ non thề bể nặng gieo đến lời.
 Ni-non đêm ngắn tình dài,
1370. Ngoài hiên thỏ đã non đoài ngậm gương.
 Mượn điều trúc viện thừa lương, ⁵⁴²
 Rước về hãy tạm giấu nàng một nơi

Chiến hòa ⁵⁴³ sắp sẵn hai bài,
Cậy người thầy-thợ, mượn người dò-la.
Bắn tin đến mặt Tú-bà,
Thua cơ, mụ cũng cầu hòa, dám sao.
Rõ-ràng của dẫn, tay trao,
Hoàn lương ⁵⁴⁴ một thiệp, thân vào cửa công.
Công tư đôi lẽ đều xong,
1380. Gót tiên phút đã thoát vòng trần-ai. ⁵⁴⁵
Một nhà sum-hợp trúc mai,
Càng sâu nghĩa bể, càng dài tình sông.
Hương càng đượm, lửa càng nồng,
Càng xôi ⁵⁴⁶ vẻ ngọc, càng lồng ⁵⁴⁷ màu sen.
Nửa năm hơi tiếng vừa quen,
Sân ngô cảnh biếc đã chen lá vàng. ⁵⁴⁸
Giậu thu vừa nẩy gió sương, ⁵⁴⁹
Gối yên ⁵⁵⁰ đã thấy xuân-đường đến nơi.
Phong-lôi ⁵⁵¹ nổi trận bồi-bồi,
1390. Nặng lòng e-ấp ⁵⁵², tính bài phân-chia.
Quyết ngay biện-bạch một bề, ⁵⁵³
Dạy cho má phấn lại về lầu xanh !
Thấy lời nghiêm-huấn rành-rành,
Đánh liều sinh mới lấy tình nài kêu.
Rằng : « Con biết tội đã nhiều,
« Dầu rằng sấm-sét búa-rìu cũng cam. ⁵⁵⁴
« Trót vì tay đã nhún chàm,
« Đại rồi, còn biết khôn làm sao đây ?
« Cùng nhau vả tiếng một ngày,
1400. « Ôm cầm, ai nỡ dứt dây cho đành.
« Lượm trên quyết chẳng thương tình,

« Bạc đen ⁵⁵⁵ thôi có tiếc mình làm chi ! »

Thấy lời sắt đá tri tri,

Sốt gan, ông mới cáo quì cửa công.

Đất bằng nổi sóng dùng dùng. ⁵⁵⁶

Phủ-đường sai lá phiếu hồng ⁵⁵⁷ thôi tra.

Cùng nhau theo gót sai-nha,

Song song vào trước sân hoa, lạy quì.

Trông lên mặt sắt ⁵⁵⁸ đen sì,

1410. Lập nghiêm trước đã, ra uy nặng lời :

« Gã kia dạy nết chơi-bời, ⁵⁵⁹

« Mà con người thế là người đong-đưa ! ⁵⁶⁰

« Tuồng gì hoa thải, hương thừa,

« Mượn màu son-phấn đánh lừa con đen !

« Suy trong tình-trạng bên nguyên, ⁵⁶¹

« Bề nào, thì cũng chưa yên bề nào.

« Phép công chiếu án luận vào,

« Có hai đường ấy, muốn sao mặc mình.

« Một là cứ phép gia hình,

1420. « Một là lại cứ lầu xanh phó về ! »

Nàng rằng : « Đã quyết một bề,

« Nhện này vương lấy tơ kia mấy lần !

« Đục trong, thân cũng là thân,

« Yếu thơ, vâng chịu trước sân lôi-đình ». ⁵⁶²

Dạy rằng : « Cứ phép gia hình ! »

Ba cây ⁵⁶³ chấp lại một cành mẫu-đơn. ⁵⁶⁴

Phận đành chi dám kêu oan,

Đào hoen-quyện má, liễu tan-tác mày. ⁵⁶⁵

Một sân lằm cát đã đầy,

1430. Gương lờ nước thủy, mai gầy vóc sương. ⁵⁶⁶

Nghĩ tình chàng Thúc mà thương,
 Nẻo xa trông thấy, lòng còn xót-xa.
 Khóc rằng : « Oan-khốc vì ta,
 « Có nghe lời trước, chớ đà lụy sau. ⁵⁶⁷
 « Cạn lòng, chẳng biết nghĩ sâu,
 « Để ai trắng túi, hoa sầu, vì ai ? »
 Phủ-đường nghe thoảng vào tai,
 Động lòng, lại gạn đến lời riêng-tây.
 Sụt-sùi, chàng mới thừa ngay, ⁵⁶⁸
1440. Đầu-đuôi kể lại sự ngày cầu thân : ⁵⁶⁹
 « Nàng đà tính hết xa gần,
 « Từ xưa nàng đã biết thân có rày !
 « Tại tôi hăng lấy một tay,
 « Để nàng cho đến nỗi này, vì tôi ! »
 Nghe lời nói cũng thương lời,
 Dẹp uy, mới dạy mở bài giải vi. ⁵⁷⁰
 Rằng : « Như hăn có thể thì,
 « Trắng hoa, song cũng thị-phi biết điều ! »
 Sinh rằng : « Chút phận bọt-bèo,
1450. « Theo đòi vả cũng ít nhiều bút-nghiên ».

Cười rằng : « Đã thế thì nên !
 « Mộc-già ⁵⁷¹ hãy thử một thiên, trình nghề ».

Nàng vâng cất bút tay đề,
 Tiên-hoa ⁵⁷² trình trước án phê, xem tường.
 Khen rằng : « Giá lợp Thịnh Đường, ⁵⁷³
 Tài này sắc ấy nghìn vàng chưa cân !
 « Thực là tài-tử giai-nhân,
 « Châu Trần, còn có Châu Trần nào hơn ? ⁵⁷⁴
 « Thôi đừng rước dữ, cửu hờn,

1460. « Làm chi lỡ nhịp cho đồn ngang cung.

« Đã đưa đến trước cửa công,

« Ngoài thì là lẽ, song trong là tình. ⁵⁷⁵

« Dâu con trong đạo gia đình,

« Thôi thì dẹp nổi bất bình, là xong ! »

Kíp truyền sắm-sửa lễ công,

Kiếp hoa cất gió, đuốc hồng điểm sao. ⁵⁷⁶

Bày hàng cổ xúy ⁵⁷⁷ xôn-xao,

Song song đưa tới trướng đào sánh đôi. ⁵⁷⁸

Thương vì hạnh, trọng vì tài,

1470. Thúc-ông thôi cũng dẹp lời phong-ba.

Huệ lan sức-nước một nhà, ⁵⁷⁹

Từng cây-đăng, lại mặn-mà hơn xưa.

*

Màng vui ⁵⁸⁰ rượu sớm, cờ trưa,

Đào đà phai thắm, sen vừa nảy xanh. ⁵⁸¹

Trướng hồ vắng-vẻ đêm thanh,

E tình, nàng mới bày tình riêng chung.

« Phận bồ ⁵⁸² vừa vẹn chữ tòng, ⁵⁸³

« Đổi thay nhận yến đã hồng đầy niên. ⁵⁸⁴

« Tin nhà ngày một vắng tin,

1480. « Mặn tình cát-lũy ⁵⁸⁵, nhạt tình tao khang. ⁵⁸⁶

« Nghĩ ra, thật cũng nên đường,

« Tắm hơi, ai kẻ giữ-giàng cho ta ?

« Trộm nghe kẻ lớn trong nhà,

« Ở vào khuôn-phép, nói ra mỗi giường.

« E thay những dạ phi-thường, ⁵⁸⁷

« Dễ dò rốn bể, khôn lường đáy sông ! ⁵⁸⁸

« Mà ta suốt một năm ròng,

« Thế nào cũng chẳng giấu xong được nào.
 « Bấy-chầy như tỏ tiêu-hao,
1490. « Hoặc là trong có làm sao chẳng là ?
 « Xin chàng liệu kíp lại nhà,
 « Trước người đẹp ý, sau ta biết tình.
 « Đêm ngày ⁵⁸⁹ giữ mực giấu quanh,
 « Rày lần, mai lửa, như hình chưa thông ! »
 Nghe lời khuyên-nhủ thông-dong,
 đành lòng sinh mới quyết lòng hồi trang. ⁵⁹⁰
 Rạng ra gởi đến xuân-đường,
 Thúc-ông cũng vội giục chàng ninh-gia.
 Tiễn đưa một chén quan-hà, ⁵⁹¹
1500. Xuân-đình thoát đã dạo ra cao-đỉnh. ⁵⁹²
 Sông Tân ⁵⁹³ một giải xanh xanh,
 Loi-thoi bờ liễu mấy cành Dương-quan. ⁵⁹⁴
 Cầm tay dài ngắn thở-than,
 Chia-phôi ngừng chén, hợp-tan nghẹn lời.
 Nàng rằng : « Non nước xa khơi,
 « Sao cho trong ấm, thì ngoài mới êm.
 « Dễ lừa yếm thắm, tròn kim, ⁵⁹⁵
 « Làm chi bưng mắt bắt chim khó lòng !
 « Đôi ta chút nghĩa đèo-bông,
1510. « Đến nhà, trước liệu nói sòng cho mình.
 « Dù khi sóng gió bất tình,
 « Lớn ra uy lớn, tôi đành phận tôi.
 « Hơn điều giấu ngược, giấu xuôi.
 « Lại mang những việc tà trời đến sau.
 « Thương nhau xin nhớ lời nhau,
 « Năm chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy !

« Chén đưa nhớ bữa hôm nay,
« Chén mừng, xin đợi ngày này năm sau ! »
Người lên ngựa, kẻ chia bào,
1520. Rừng phong, thu đã nhuốm màu quan-san. ⁵⁹⁶
Dặm hồng bụi cuốn chinh-an, ⁵⁹⁷
Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh. ⁵⁹⁸
Người về chiếc bóng năm canh,
Kẻ đi muôn dặm một mình xa-xôi.
Vầng trăng ai xẻ làm đôi ?
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.

*

Kể chi những nỗi dọc đường,
Buồng trong, này nỗi chủ-trương ở nhà.
Vốn dòng họ Hoạn danh-gia,
1530. Con quan Lại-bộ tên là Hoạn Thư.
Duyên dang ⁵⁹⁹ thuận nẻo gió đưa,
Cùng chàng kết tóc, xe tơ những ngày.
Ở-ăn, thì nết cũng hay,
Nói điều ràng-buộc thì tay cũng già. ⁶⁰⁰
Từ nghe vườn mới thêm hoa,
Miệng người đã lắm, tin nhà thì không.
Lửa tâm càng giập, càng nồng,
Trách người đen-bạc, ra lòng trắng-hoa :
« Ví bằng thú thật cùng ta,
1540. « Cũng dong kẻ dưới, mới là lượng trên.
« Đại chi chẳng giữ lấy nền,
« Tốt chi mà rước tiếng ghen vào mình ?
« Lại còn bưng-bít giấu quanh,
« Làm chi những thói trẻ ranh nực cười !

« Tính rằng cách mặt, khuất lời,
« Giấu ta, ta cũng liệu bài giấu cho !
« Lo gì việc ấy mà lo,
« Kiến trong miệng chén lại bò đi đâu ?
« Làm cho nhìn chẳng được nhau,
1550. « Làm cho đầy-đọa cất đầu chẳng lên !
« Làm cho trông thấy nhõn tiền,
« Cho người thăm ván, bán thuyền ⁶⁰¹ biết tay ».

Nỗi lòng kín chẳng ai hay,
Ngoài tai để mặt gió bay mái ngoài.
Tuần sau bỗng thấy hai người,
Mách tin, ý cũng liệu bài tâng công. ⁶⁰²
Tiểu-thư nổi giận ùng-ùng :
« Gớm tay thêu-dệt, ra lòng trêu-ngươi !
« Chồng tao nào phải như ai,
1560. « Điều này hẩn miệng những người thị-phi ! »

Vội-vàng xuống lệnh ra uy,
Đứa thì vả miệng, đứa thì bẻ răng. ⁶⁰³
Trong ngoài kín-mít như bưng.
Nào ai còn dám nói-năng một lời !
Buồng đào khuya sớm thành-thời,
Ra vào một mực nói cười như không.

*

Đêm ngày lòng những giận lòng,
Sinh đà về đến lầu hồng, xuống yên.
Lời tan-hợp, nổi hàn-huyên, ⁶⁰⁴
1570. Chữ tình càng mặn, chữ duyên càng nồng.
Tấy trần ⁶⁰⁵ vui chén thông-dong,
Nỗi lòng, ai ở trong lòng mà ra ?

Chàng về xem ý-tử nhà,
Sợ mình cũng rấp lân-la giải-bày.
Mấy phen cười nói tỉnh say, ⁶⁰⁶
Tóc-tơ bất động mảy-may sự tình.
Nghĩ : « Đà bưng kín miệng bình, ⁶⁰⁷
« Nào ai có khảo mà mình lại xưng ? »
Những là e-ấp ⁶⁰⁸ dùng-dăng,

1580. Rút dây, sợ nữa động rừng, lại thôi.

Có khi vui miệng mua cười,
Tiểu-thư lại giở những lời đầu đầu.
Rằng : « Trong ngọc đá vàng thau,
« Mười phần ta đã tin nhau cả mười.
« Khen cho những miệng rông-dài,
« Bướm-ong, lại đặt những lời nọ kia !
« Thiếp dù vụng, chẳng hay suy,
« Đã dơ bụng nghĩ, lại bìa miệng cười ! »

Thấy lời thủng-thỉnh như chơi,
1590. Thuận lời, chàng cũng nói xuôi đỡ đòn. ⁶⁰⁹

Những là cười phấn, cột son,
Đèn khuya chung bóng, trăng tròn sánh vai.

*

Thú quê thuần hức bén mùi, ⁶¹⁰
Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô. ⁶¹¹
Chạnh niềm nhớ cảnh giang-hồ,
Một niềm quan-tái ⁶¹², mấy mùa gió trắng.
Tình riêng chưa dám rỉ rã,
Tiểu-thư trước đã liệu chừng nhủ qua :
« Cách năm, mây bạc ⁶¹³ xa xa,
1600. « Lâm-chuy cũng phải tính mà thần-hôn ». ⁶¹⁴

Được lời như cối tắc son,
Vó câu thẳng ruỗi, nước non quê người.
Long-lanh đáy nước in trời, ⁶¹⁵
Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng. ⁶¹⁶
Roi câu vừa giống dặm trường,
Xe hương ⁶¹⁷, nàng cũng thuận đường qui-ninh. ⁶¹⁸
Thưa nhà huyên hết mọi tình,
Nỗi chàng ở bạc, nỗi mình chịu đen.
Nghĩ rằng : « Ngựa ghẻ hờn ghen,
1610. « Xấu chàng mà có ai khen chi mình !
« Vậy nên ngoảnh mặt làm thình,
« Mưu cao vốn đã rắp-ranh những ngày.
« Lâm-chuy đường bộ thánng chầy,
« Mà đường hải-đạo sang ngay thì gần.
« Dọn thuyền lựa mặt gia-nhân,
« Hãy đem dây xích ⁶¹⁹ buộc chân nàng về.
« Làm cho, cho mệt, cho mê,
« Làm cho đau-đớn, ê-chề, cho coi !
« Trước cho bỏ ghét những người,
1620. « Sau cho để một trò cười ⁶²⁰ về sau ! »
Phu-nhân khen chúc rất mầu,
Chiều con, mới dạy mặc dầu ra tay.
Sửa-sang buồm gió, lèo mây,
Khuyến, Ưng lại lựa một bầy côn-quang. ⁶²¹
Dặn-dò hết các mọi đường,
Thuận phong một lá, vượt sang bến Tề.
Nàng từ chiếc bóng song the,
Đường kia nổi nọ như chia mối sầu.
Bóng dậu đã xế ngang đầu, ⁶²²

1630. Biết đâu ấm-lạnh, biết đâu ngọt-bùi. ⁶²³

Tóc thề đã chấm ngang vai,
Nào lời non-nước, nào lời sắt-son ?
Sấn-bìm ⁶²⁴ chút phận con con,
Khuôn duyên biết có vuông tròn cho chẳng ?
Thân sao nhiều nỗi bất bằng ?
Liều như cung Quảng ả Hằng, nghĩ nau ! ⁶²⁵
Đêm thu, gió lọt song đào,
Nửa vành trăng khuyết, ba sao giữa trời ! ⁶²⁶
Nén hương đến trước Thiên-đài, ⁶²⁷

1640. Nỗi lòng khẩn chữa cạn lời vân vân. ⁶²⁸

Dưới hoa dậy lũ ác-nhân,
Ầm-ầm khốc quỷ, kinh thần, mọc ra ! ⁶²⁹
Ầy sân gươm tuốt sáng lòe,
Thất kinh, nàng chữa biết là làm sao ?
Thuốc mê đâu đã tưới vào,
Mơ-màng như giấc chiêm-bao biết gì !
Vực ngay lên ngựa tức thì,
Phòng đào, viện sách, bốn bề lửa dong.
Sấn thầy vô chủ bên sông,

1650. Đem vào để đó, lặn sông ⁶³⁰, ai hay.

Tôi-đòi phách lạc, hồn bay,
Pha càn ⁶³¹ bụi cỏ, gốc cây, ẩn mình.
Thúc-ông nhà cũng gần quanh,
Chợt trông ngọn lửa, thất kinh rụng-rời.
Tớ thầy chạy thẳng đến nơi,
Tơ-bời tưới lửa, tìm người lao-xao.
Gió cao, ngọn lửa càng cao,
Tôi-đòi tìm đủ nàng nào thấy đâu !

Hốt-hơ, hốt-hải, nhìn nhau,
1660. Giếng sâu bụi rậm, trước sau tìm quàng.
Chạy vào chốn cũ, phòng hương,
Trong tro, thấy một đồng xương cháy tàn.
Ngay tình, ai biết mưu gian,
Hắn nàng, thôi lại còn bàn rằng ai !
Thúc-ông sùi-sụt ngắn dài,
Nghĩ con vắng-vẻ, thương người nết-na.
Di-hải nhật sắp về nhà,
Nào là khâm-niệm, nào là tang-trai. ⁶³²

Lễ thường đã đủ một hai,
1670. Lục-trình ⁶³³ chàng cũng đến nơi bây giờ.
Bước vào chốn cũ lâu thư,
Tro than một đồng, nắng mưa bốn tường.
Sang nhà cha, tới trung-đường,
Linh-sàn, bài-vị, thờ nàng ở trên.
Hỡi ôi ! Nói hết sự duyên,
Tơ tình đứt ruột, lửa phiền cháy gan !
Gieo mình, vật-vã, khóc than :
« Con người thế ấy, thác oan thế này !
« Chắc rằng mai trúc lại vầy,

1680. « Ai hay vĩnh-quyết là ngày đưa nhau ! ⁶³⁴
« Thương càng nghĩ, nghĩ càng đau,
« Để ai rắp thăm, quạt sầu cho khuây ». ⁶³⁵

*

Gần miền nghe có một thầy,
Phi phù trí quỉ ⁶³⁶, cao tay thông huyền.
Trên tam đảo ⁶³⁷, dưới cửu tuyền, ⁶³⁸
Tìm đâu thì cũng biết tin rõ-ràng.

Sấm-sanh lẽ-vật rước sang,
Xin tìm cho thấy mặt nàng, hỏi-han.
Đạo-nhân phục trước tỉnh-đàn,
1690. Xuất thần giây-phút chưa tàn nén hương.

Trở về minh-bạch nói tường :
« Mặt nàng chẳng thấy, việc nàng đã tra.
« Người này nặng kiếp ⁶³⁹ oan-gia
« Còn nhiều nợ lắm, sao đà thác cho !
« Mệnh-cung ⁶⁴⁰ đang mắc nạn to,
« Một năm nữa, mới thăm-dò được tin.
« Hai bên giáp mặt chiến chiến, ⁶⁴¹
« Muốn nhìn, mà chẳng dám nhìn, lạ thay ! »
Nghe lời nói lạ đường này, ⁶⁴²

1700. Sự nàng đã thế, lời thầy dám tin !
Chẳng qua đồng-cốt quàng xiên,
Người đâu mà lại thấy trên côi trần ?
Tiếc hoa, những ngậm-ngùi xuân,
Thân mà dễ lấy mấy lần gặp tiên !

VII

Nước trôi hoa rụng đã yên, ⁶⁴³
Hay đâu địa-ngục ở miền nhân-gian !
Khuyến, Ưng đã dắt mưu gian,
Vực nàng đưa xuống để an dưới thuyền.
Buồm cao, lèo thẳng cánh suyền, ⁶⁴⁴
1710. Đè chừng huyện Tích, băng miền vượt sang.
Dỡ dò, lên trước sảnh-đường,
Khuyến, Ưng, hai đứa nộp nàng dâng công.
Vực nàng tạm xuống môn-phòng,
Hãy còn thêm-thiếp giấc nồng, chưa phai.

Hoàng-lương ⁶⁴⁵, chợt tỉnh hồn mai, ⁶⁴⁶
Cửa-nhà đâu mất, lâu-đài nào đây ?
Bàng-hoàng ⁶⁴⁷ giở tỉnh, giở say,
Sảnh-đường mắng tiếng, đòi ngay lên hầu.
Ả-hoàn ⁶⁴⁸ liền xuống giục mau,
1720. Hãi-hùng nàng mới theo sau một người. ⁶⁴⁹
Ngước ⁶⁵⁰ trông tòa rộng, dãy dài,
« Thiên-quang-chủng-tể » ⁶⁵¹, có bài treo trên.
Ban ngày, sắp thấp hai bên,
Giữa giường thất-bảo, ngồi trên một bà.
Gạn-gùng ngọn hỏi, ngành tra,
Sự mình, nàng đã cứ mà gởi thưa.
Bất tình nổi trận mây mưa,
Dức rằng : « Những giống bơ-thờ quen thân. ⁶⁵²
« Con này chẳng phải thiện-nhân,
1730. « Chẳng màu ⁶⁵³ trốn chúa, thì quân lộn chồng ?
« Ra tuồng mèo mả, gà đồng, ⁶⁵⁴
« Ra tuồng lúng-túng, chẳng xong bề nào ?
« Đã đem mình bán cửa tao,
« Lại còn khùng-khỉnh làm cao thế này !
« Nào là gia-pháp nọ bay ! ⁶⁵⁵
« Hãy cho ba chục, biết tay một lần ! »
Ả-hoàn trên dưới dạ rân, ⁶⁵⁶
Dẫu rằng trăm miệng khôn phân lẽ nào !
Trúc-côn ⁶⁵⁷, ra sức đập vào,
1740. Thệt nào chẳng nát, gan nào chẳng kinh !
Xót thay đào lý một cành,
Một phen mưa gió, tan-tành một phen !
Hoa-nô, truyền dạy đổi tên,

Buồng the, dạy ép vào phiên thị-tì. ⁶⁵⁸

Ra vào theo lũ thanh-y, ⁶⁵⁹

Dãi-dầu tóc rối, da chì quấn bao !

Quản-gia ⁶⁶⁰ có một mục nào,

Thấy người, thấy nết, ra vào mà thương.

Khi chè chén, khi thuốc thang,

1750. Đem lời phương-tiện ⁶⁶¹ mở đường hiếu sinh. ⁶⁶²

Dạy rằng : « May rủi đã đành ;

« Liễu-bồ mình giữ lấy mình cho hay.

« Cũng là oan-nghiệt chi đây,

« Sa cơ, mới đến thế này, chẳng dưng.

« Ở đây tai vách, mạch dừng, ⁶⁶³

« Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi. ⁶⁶⁴

« Kéo khi sấm-sét bất kỳ,

« Con ong, cái kiến, kêu gì được oan ! »

Nàng càng giọt ngọc như chan, ⁶⁶⁵

1760. Nỗi lòng, luống những bàng-hoàng niềm tây.

« Phong-trần, kiếp đã chịu đày,

« Lầm-than, lại có thứ này bằng hai ! ⁶⁶⁶

« Phận sao bạc chẳng vừa thôi ? ⁶⁶⁷

« Khăng-khăng buộc mãi lấy người hồng-nhan !

« Đã đành tước trái tiền oan, ⁶⁶⁸

« Cũng liều ngọc nát, hoa tàn, mà chi ! »

*

Những là ⁶⁶⁹ nường-náu qua thì,

Tiểu-thư phải buổi mới về ninh-gia. ⁶⁷⁰

Mẹ con trò chuyện lân-la,

1770. Phu-nhân mới gọi nàng ra dạy lời :

« Tiểu-thư, dưới trướng thiếu người,

« Cho về bên ấy, theo đòi lâu-trang » ⁶⁷¹

Lĩnh lời, nàng mới theo sang,
Biết đâu địa-ngục, thiên-đường là đâu !
Sớm khuya khăn mặt, lượt đầu,
Phận con hầu, giữ con hầu, dám sai !
Phải đêm êm-ả chiều trời,
Trúc tơ ⁶⁷² hỏi đến nghề chơi một ngày.

Lĩnh lời nàng mới lựa dây,
1780. Ni-non, thánh-thót, dễ say lòng người !

Tiểu-thư xem cũng thương tài,
Khuôn uy dường cũng bớt vài bốn phân.
Cửa người, đầy-đọa chút thân,
Sớm năn-nỉ bóng, đêm ngơ-ngẩn lòng. ⁶⁷³
Lâm-chuy chút nghĩa đèo-bồng,
Nước non ⁶⁷⁴ để chữ tương-phùng kiếp sau !
Bốn phương mây trắng một màu, ⁶⁷⁵
Trông vời cố-quốc, biết đâu là nhà ?

*

Lần lần tháng trọn ngày qua,
1790. Nỗi gần, nào biết đường xa thế này ?
Lâm-chuy từ thửa uyên bay, ⁶⁷⁶
Buồng không, thương kẻ tháng ngày chiếc thân.
Mây xanh, trắng mới in ngần, ⁶⁷⁷
Phấn thừa, hương cũ, bội phần xót-xa. ⁶⁷⁸
Sen tàn, cúc lại nở hoa, ⁶⁷⁹
Sầu dài, ngày ngắn, đông đà sang xuân. ⁶⁸⁰
Tìm đâu cho thấy cố-nhân ?
Lấy câu vận-mệnh, khuây dần nhớ thương.
Chạnh niềm, nhớ cảnh gia-hương,

1800. Nhớ quê, chàng lại tìm đường thăm quê.

Tiểu-thư đón cửa dã-dề,

Hàn-huyên vừa cạn mọi bề gần xa,

Nhà hương ⁶⁸¹ cao cuốn bức là, ⁶⁸²

Buồng trong, truyền gọi nàng ra lạy mừng.

Bước ra một bước, một dừng,

Trông xa, nàng đã tỏ chừng nẻo xa

« Phải rằng nắng quáng, đèn lò,

« Rõ-ràng ngồi đó, chẳng là Thúc-sinh ?

« Bấy giờ, tình mới tỏ tình,

1810 « Thôi thôi đã mắc vào vành, chẳng sai !

« Chước đâu, có chước lạ đời !

« Người đâu, mà lại có người tinh-ma !

« Rõ-ràng thật lứa đôi ta,

« Làm ra con ở, chúa nhà, đôi nơi !

« Bề ngoài thơn-thớt nói cười,

« Mà trong nham-hiểm, giết người không dao. ⁶⁸³

« Bấy giờ đất thấp, trời cao,

« Ăn làm sao, nói làm sao, bấy giờ ? » ⁶⁸⁴

Càng trông mặt, càng ngẩn-ngơ, ⁶⁸⁵

1820. Ruột tấm đòi-đoạn như tơ rối bời.

Sợ uy, dám chẳng vâng lời,

Cúi đầu nép xuống sân mai một chiều.

Sinh đà phách lạc hồn xiêu :

« Thương ôi ! chẳng phải nàng Kiều ở đây !

« Nhân làm sao đến thế này ?

« Thôi thôi, ta đã mắc tay ai rồi ! »

Sợ quen, dám hở ra lời,

Khôn ngăn giọt ngọc, sụt-sùi nhỏ sa.

Tiểu-thư trông mặt hỏi tra :

1830. « Mới về, có việc gì mà động dong ? » ⁶⁸⁶

Sinh rằng : « Hiếu phục vừa xong,
« Suy lòng trắc dĩ, đau lòng chung thiên ! » ⁶⁸⁷

Khen rằng : « Hiếu-tử đã nên !
« Tẩy trần, mượn chén giải phiền đêm thu ». ⁶⁸⁸

Vợ chồng chén tạc, chén thù, ⁶⁸⁹
Bắt nàng đứng chực trì-hồ hai nơi. ⁶⁹⁰

Bắt khoan, bắt nhặt, đến lời,
Bắt quì tận mặt, bắt mời tận tay.
Sinh càng như đại, như ngậy,

1840. Giọt dài, giọt ngắn, chén đầy, chén vơi.
Ngánh đi, chột nói, chột cười,
Cáo say, chàng đã giạm bày lảng ra.
Tiểu-thư vội thét : « Con Hoa !
« Khuyên chàng chẳng cạn, thì ta có đòn ! » ⁶⁹¹

Sinh càng nát ruột, tan hồn,
Chén mời, phải ngậm bồ-hòn ⁶⁹², rào ngay !
Tiểu-thư cười nói tỉnh say ⁶⁹³,
Chửa xong cuộc rượu, lại bày trò chơi.
Rằng : « Hoa-nô đủ mọi tài,

1850. « Bản ⁶⁹⁴ đàn thử giao một bài chàng nghe ! »
Nàng đà tán-hoán ⁶⁹⁵, tê mê,
Vâng lời, ra trước bình the, vắn đàn :
Bốn dây như khóc, như than,
Khiến người trên tiệc cũng tan-nát lòng !
Cũng trong một tiếng tơ đồng, ⁶⁹⁶
Người ngoài cười nụ, người trong ⁶⁹⁷ khóc thầm !
Giọt châu lã-chã khôn cầm,

Cúi đầu, chàng những gạt thắm giọt sương. ⁶⁹⁸

Tiểu-thư lại thét lấy nàng :

1860. « Cuộc vui, gảy khúc đoạn-tràng ấy chi !

« Sao chẳng biết ý-tứ gì ?

« Cho chàng buồn-bã, tội thì tại người ! »

Sinh càng thảm-thiết bồi-bồi, ⁶⁹⁹

Vội-vàng gương nói, gương cười cho qua. ⁷⁰⁰

Giọt rờn ⁷⁰¹ canh đã điểm ba,

Tiểu-thư nhìn mặt, dường đà cam tâm.

Lòng riêng tấp-tễnh mằng thắm :

« Vui này đã bỏ đau ngẫm xưa nay ! »

Sinh thì gan héo, ruột đầy,

1870. Nỗi lòng, càng nghĩ càng cay-đắng lòng,

Người vào chung gối loan-phòng,

Nàng ra tựa bóng đèn dong canh dài.

Bây giờ mới rõ tấm-hơi,

Máu ghen, đâu có lạ đời nhà ghen !

Chước đâu rẽ thúy, chia uyên ! ⁷⁰²

Ai ra đường nấy, ai nhìn được ai.

Bây giờ một vực, một trời,

Hết điều khinh-trọng, hết lời thị-phi !

Nhẹ như bắc, nặng như chì,

1880. Gỡ cho ra nữa ⁷⁰³, còn gì là duyên !

Lỡ-làng chút phận thuyền-quyên,

Bể sâu, sóng cả, có tuyền được vay.

Một mình âm-ỷ đêm chầy,

Đĩa dầu vơi, nước mắt đầy, năm canh.

*

Sớm khuya hầu-hạ đài doanh, ⁷⁰⁴

Tiểu-thư chạm ⁷⁰⁵ mặt, đề tình hỏi tra.
 Lựa lời, nàng mới thưa qua :
 « Phải khi mình lại xót-xa nỗi mình ».
 Tiểu-thư hỏi lại Thúc-sinh :
1890. « Cây chàng tra lấy thực tình cho nao ! »
 Sinh đà rất ruột như bào,
 Nói ra chẳng tiện, trông vào chẳng đang !
 Những e lại lụy đến nàng,
 Đánh liều ⁷⁰⁶ mới sẽ lựa đường hỏi tra.
 Cúi đầu quì trước sân hoa,
 Thân-cung ⁷⁰⁷ nàng mới dâng qua một tờ.
 Diện tiền trình với Tiểu-thư,
 Thoắt xem dường có ⁷⁰⁸ ngấn-ngơ chút tình.
 Liền tay trao lại Thúc-sinh,
1900. Rằng : « Tài nên trọng, mà tình nên thương !
 « Ví chẳng có số giàu sang,
 « Giá này dầu đúc nhà vàng ⁷⁰⁹ cũng nên !
 « Bể trần, chìm nổi thuyền-quyên,
 « Hữu tài, thương nỗi vô duyên, lạ đời ! »
 Sinh rằng : « Thật có như lời,
 « Hồng-nhan bạc-mệnh, một người nào vay !
 « Nghìn xưa âu cũng thế này,
 « Từ-bi âu liệu bớt tay mới vừa ». ⁷¹⁰
 Tiểu-thư rằng : « Ý trong tờ,
1910. « Rắp đem mệnh bạc, xin nhờ cửa Không. ⁷¹¹
 « Thôi thì thôi, cũng chiều lòng, ⁷¹²
 « Cũng cho nghỉ-ngự trong vòng bước ra. ⁷¹³
 « Sẵn Quan-âm-các vườn ta,
 « Có cây trăm thước, có hoa bốn mùa. ⁷¹⁴

« Có cổ thụ ⁷¹⁵, có sơn hồ,
« Cho nàng ra đó, giữ chùa tụng kinh ». ⁷¹⁶
Tâng tâng, trời mới bình-minh,
Hương hoa, ngũ cúng, sắm-sanh lễ thường.
Đưa nàng đến trước Phật-đường, ⁷¹⁷
1920. Tam qui, ngũ giới, cho nàng xuất gia. ⁷¹⁸
Áo xanh đổi lấy cà-sa,
Pháp-danh lại đổi tên ra Trạc-tuyền.
Sớm khuya tính đủ dầu đèn,
Xuân, Thu ⁷¹⁹ cắt sẵn hai tên hương trà.
Nàng từ lánh gót vườn hoa,
Dường gần rừng tía, dường xa bụi hồng. ⁷²⁰
Nhân-duyên đâu lại còn mong ?
Khỏi điều thẹn phẫn, tủi hồng thì thôi.
Phật-tiền thăm lấp sâu vùi,
1930. Ngày pho thủ tự, đêm nhồi tâm hương. ⁷²¹
Cho hay giọt nước cành dương. ⁷²²
Lửa lòng tưới tắt mọi đường trần-duyên.
Nâu sông từ trở màu thuyền,
Sân thu trắng đã vài phen đứng đầu.
Quan-phòng ⁷²³, then nhật, lưới mau,
Nói lời trước mặt, rơi châu vắng người.
Gác kinh, viện sách, đôi nơi,
Trong gang-tấc, lại gặp mười quan-san.

*

Những là ngậm thở, nuốt than,
1940. Tiểu-thư phải buổi vấn an về nhà.
Thừa cơ, sinh mới lên ra,
Xăm xăm đến mé vườn hoa với nàng.

Sút-sùi giờ nổi đoan-tràng,
 Giọt châu tâm-tã, đắm tràng áo xanh : ⁷²⁴
 « Đã cam chịu bạc với tình,
 « Chúa xuân để tội một mình cho hoa !
 « Thấp cơ thua trí đàn-bà,
 « Trông vào đau ruột, nói ra ngại lời.
 « Vì ta cho lụy đến người,
1950. « Cát lằm ngọc trắng, thiệt đời xuân xanh !
 « Quản chi lên thác, xuống ghềnh,
 « Cũng toan sống thác với tình cho xong.
 « Tông-đường, chút chừa cam lòng, ⁷²⁵
 « Nghiến răng bẻ một chữ đồng làm hai.
 « Thẹn mình đá nát, vàng phai,
 « Trăm thân, dễ chuộc một lời được sao ? » ⁷²⁶
 Nàng rằng : « Chiếc bách ⁷²⁷ sóng đào, ⁷²⁸
 « Nổi chìm cũng mặc lúc nào rủi may !
 « Chút thân quẩn-quại vũng lầy,
1960. « Sống thừa, còn tưởng đến rày nữa sao ?
 « Cũng liều một giọt mưa đào,
 « Mà cho thiên-hạ trông vào cũng hay !
 « Xót vì cầm đã bén dây,
 « Chẳng trăm năm, cũng một ngày duyên ta.
 « Liệu bài mở cửa cho ra,
 « Ấy là tình nặng, ấy là ân sâu ! »
 Sinh rằng : « Riêng tưởng bấy lâu,
 « Lòng người nham-hiểm biết đâu mà lường.
 « Nửa khi giông-tổ phũ-phàng,
1970. « Thiệt riêng đây, cũng lại càng cực đây.
 « Liệu mà xa chạy cao bay,

« Ái-ân ta có ngần này mà thôi !
« Bây giờ kẻ ngược, người xuôi,
« Biết bao giờ lại nổi lời nước non ?
« Dẫn rằng sông cạn đá mòn,
« Con tắm đến thác, cũng còn vương tơ ! » ⁷²⁹

Cùng nhau kể-lẽ say xưa,
Nói rồi lại nói, lời chưa hết lời.
Mặt trông tay chẳng nở rời,
1980. Hoa-tì đã động đến người nẻo xa.
Nhận ngừng ⁷³⁰, nuốt tủi, đứng ra,
Tiểu-thư đâu đã rẽ hoa bước vào.
Cười cười, nói nói ngọt-ngào,
Hỏi chàng mới ở chốn nào lại chơi ?
Dối quanh, sinh mới liệu lời :
« Tìm hoa quá bước, xem người viết kinh ».
Khen rằng : « Bút-pháp ⁷³¹ đã tinh,
« So vào với thiệp Lan-đình ⁷³², nào thua !
« Tiếc thay lưu-lạc giang-hồ,
1990. « Nghìn vàng, thật cũng nên mua lấy tài ! »
Thuyền trà cạn nước hồng-mai, ⁷³³
Thong-dong nổi gót thư-traí cùng về.

VIII

Nàng càn e-lệ ủ-ê,
Rỉ tai, hỏi lại hoa-tì trước sau,
Hoa rằng : « Bà đến đã lâu,
« Dón chùng đứng núp độ đâu nửa giờ.
« Rành-rành kẻ tóc chơn tơ,
« Mấy lời nghe hết đã dư tỏ tường.
« Bao nhiêu đoạn khổ, tình thương.

2000. « Nỗi ông vật-vã, nỗi nàng thở-than. ⁷³⁴

« Dặn tôi đứng lại một bên,
« Chán tai rồi mới bước lên trên lầu ».

Nghe thôi kinh-hãi xiết đâu : ⁷³⁵

« Đàn-bà thế ấy, thấy âu một người !

« Ấy mới gan, ấy mới tài,

« Nghĩ càng thêm nỗi sồn gai rụng-rời !

« Người đâu sâu-sắc nước đời,

« Mà chàng Thúc phải ra người bó tay ! ⁷³⁶

« Thực tang, bắt được đường này,

2010. « Máu ghen, ai cũng chau mày nghiêng răng.

« Thế mà im chẳng dãi-đăng, ⁷³⁷

« Chào mời vui-vẻ, nói-năng dịu-dàng !

« Giận dầu ra dạ thế thường,

« Cười dầu mới thực khôn lường hiểm-sâu. ⁷³⁸

« Thân ta, ta phải lo âu,

« Miệng hùm nọc rắn, ở đâu chốn này !

« Ví chẳng chấp cánh cao bay,

« Trèo cây lâu cũng có ngày bẻ hoa !

« Phận bèo, bao quản nước sa,

2020. « Lênh-đênh đâu nữa, cũng là lênh-đênh.

« Chín e quê khách một mình,

« Tay không chưa dễ tìm vành ấm-no ! »

Nghĩ đi, nghĩ lại quanh-co,

Phật tiền, sẵn có mọi đồ kim-ngân.

Bèn mình giắt để hộ thân,

Lần nghe canh đã một phần trống ba.

Cất mình qua ngọn tường hoa,

Lần đường theo bóng trăng tà về tây.

Mịt-mù dậm cát đồi cây,
2030. Tiếng gà điểm nguyệt, dấu giày cầu sương. ⁷³⁹
 Canh khuya, thân gái dậm trường,
 Phần e đường-sá, phần thương dài-dầu !
 Trời đông vừa rạng ngàn dâu, ⁷⁴⁰
 Bơ vơ nào đã biết đâu là nhà !
 Chùa đâu trông thấy nẻo xa,
 Rành rành « Chiêu-ẩn am » ba chữ bài.
 Xăm xăm gỗ mái cửa ngoài,
 Trụ-trì ⁷⁴¹ nghe tiếng, rước mời vào trong.
 Thấy màu ăn-mặc nâu sồng,
2040. Giác-duyên sư-trưởng đành lòng liền thương.
 Gạn-gùng ngành-ngọn cho tường,
 Lạ-lùng, nàng hãy tìm đường nói quanh :
 « Tiểu-thiền quê ở Bắc-kinh,
 « Qui sư, qui Phật, tu-hành bấy lâu.
 « Bản-sư rồi cũng đến sau,
 « Dạy đưa pháp-bảo sang hầu sư-huynh ».

Rày vâng diện hiến rành-rành, ⁷⁴²
 Chuông vàng, khánh bạc, bên mình giở ra.
 Xem qua, sư mới dạy qua :
2050. « Phải nơi Hắng thủy ⁷⁴³ là ta hậu tình.
 « Chín e đường-sá một mình,
 « Ở đây chờ-đợi sư-huynh ít ngày ».

Gửi thân, được chốn am mây,
 Muối dưa đắp-đổi tháng ngày thông-dong.
 Kệ kinh câu cũ thuộc lòng,
 Hương-đèn việc cũ, trai-phòng quen tay.
 Sớm khuya lá bối ⁷⁴⁴ phướn mây,

Ngon đèn khêu nguyệt, tiếng chày nện sương. ⁷⁴⁵

Thấy nàng thông tuệ khác thường,

2060. Sự càng nề mặt, nàng càng vững chừn.

Cửa thuyền vừa cử cuối xuân,

Bóng hoa đầy đất, vẻ ngân ngang trời.

Gió quang, mây tạnh, thanh-thời,

Có người đàn-việt lên chơi cửa Già. ⁷⁴⁶

Giở đồ chuông khánh xem qua,

Khen rằng : « Khéo giống của nhà Hoạn-nương ! »

Giác-duyên thực ý lo-lường,

Đêm thanh, mới hỏi lại nàng trước sau.

Nghĩ rằng khôn nổi giấu màu,

2070. Sự mình nàng mới gót đầu bày ngay :

« Bây giờ, sự đã đường này,

« Phận hèn dù rủi, dù may, tại người ».

Giác-duyên nghe nói rúng-rời,

Nửa thương, nửa sợ, bồi-hồi chẳng xong.

Rỉ tai mới kể sự lòng :

« Ở đây cửa Phật, là không hẹp gì ;

« E chẳng những sự bất kỳ,

« Để nàng cho đến thế thì cũng thương ! ⁷⁴⁷

« Lánh xa, trước liệu tìm đường,

2080. « Ngồi chờ nước đến, nên đường còn quê ! » ⁷⁴⁸

Có nhà họ Bạc bên kia,

Am mây quen lối đi về đầu nường.

Nhấn sang, dặn hết mọi đường,

Dọn nhà hãy tạm cho nàng trú chừn.

Những mằng được chốn an thân,

Vội vàng, nào kíp tính gần, tính xa.

Nào ngờ cũng tổ bọm già,
 Bạc-bà học với Tú-bà đồng môn !
 Thấy nàng mận phấn, tươi son, ⁷⁴⁹
2090. Mừng thầm được buổi bán-buôn có lời. ⁷⁵⁰
 Hư-không đặt để nên lời,
 Nàng đà lớn sự rụng-rời lăm phen. ⁷⁵¹
 Mụ càng xua-đuổi cho liền,
 Lấy lời hung-hiêm, ép duyên Châu Trần. ⁷⁵²
 Rằng : « Nàng muôn dậm một thân,
 « Lại mang lấy tiếng dữ gần, lành xa.
 « Khéo oan-gia ⁷⁵³, của phá gia,
 « Còn ai dám chứa vào nhà nữa đây !
 « Kíp toan kiếm chốn xe dây,
2100. « Không-dưng chưa dễ mà bay đường trời !
 « Nơi gần, thì chẳng tiện nơi,
 « Nơi xa, thì chẳng có người nào xa.
 « Nay chàng Bạc Hạnh cháu nhà,
 « Cùng trong thân-thích ruột-rà, chẳng ai.
 « Cửa nhà buôn-bán châu Thai,
 « Thực-thà có một, đờn-sai chẳng hề.
 « Thế nào nàng cũng phải nghe,
 « Thành thân rồi sẽ liệu về châu Thai.
 « Bấy giờ ai lại biết ai,
2110. « Dầu lòng bể rộng, sông dài, thênh-thênh.
 « Nàng dù quyết chẳng thuận tình, ⁷⁵⁴
 « Trái lời nẻo trước, lụy mình đến sau ». ⁷⁵⁵
 Nàng càng mặt ủ, mày châu, ⁷⁵⁵
 Càng nghe mụ nói, càng đau như dầm.
 Nghĩ mình túng đất, sẩy chân,

Thế cùng, nàng mới xa gần thở-than :
« Thiếp như con én lạc đàn,
« Phải cung, rày đã sợ làn cây cong ! ⁷⁵⁶
« Cùng đường dù tính chữ tòng,
2120. « Biết người biết mặt, biết lòng làm sao ?
« Nửa khi muôn một thế nào,
« Bán hùm, buôn sói, chắc vào lưng đâu ?
« Dù ai lòng có sở cầu,
« Tâm minh ⁷⁵⁷, xin quyết với nhau một lời.
« Chứng-minh có Đất, có Trời, ⁷⁵⁸
« Bấy giờ vượt bể, ra khơi quản gì ? »
Được lời mụ mới ra đi,
Mách tin họ Bạc tức thì sắm-sanh.
Một nhà dọn-dẹp linh-đình,
2130. Quét sân, đặt trác ⁷⁵⁹, rửa bình, thắp hương.
Bạc-sinh quì xuống vội-vàng,
Quá lời nguyện hết Thành-hoàng, Thổ-công.
Trước sân ⁷⁶⁰, lòng đã giải lòng,
Trong màn làm lễ tơ-hồng kết-duyên.
Thành thân, mới rước xuống thuyền,
Thuận buồm một lá, xuôi miền châu Thai.
Thuyền vừa đỗ bến thành-thời,
Bạc-sinh lên trước tìm nơi mọi ngày.
Cũng nhà hành-viện ⁷⁶¹ xưa nay,
2140. Cũng phường bán thịt, cũng tay buôn người.
Xem người, định giá, vừa rồi,
Mỗi hàng một, đã ra mười, thì buông. ⁷⁶²
Mượn người, thuê kiện, rước nường,
Bạc đem mặt bạc, kiếm đường cho xa ! ⁷⁶³

Kiếp hoa đặt trước thêm hoa,
Bên trong thấy một nụ ra vôi-vàng.
Đưa nàng vào lạy gia-đường,
Cũng thần mày trắng, cũng phùng lầu xanh !
Thoắt trông nàng đã biết tình,
2150. Chim lồng khôn lẽ cất mình bay cao.
Chém cha cái số hoa đào, ⁷⁶⁴
Gỡ ra, rồi lại buộc vào như chơi !
Nghĩ đời mà ngán cho đời !
Tài tình chi lắm, cho trời đất ghen.
Tiếc thay nước đã đánh phèn,
Mà cho bùn lại vẫn lên mấy lần !
Hong-quân với khách hong-quân, ⁷⁶⁵
Đã xoay đến thế, còn vãn chữa tha.
Lỡ từ lạc bước, bước ra, ⁷⁶⁶
2160. Cái thân liệu những từ nhà liệu đi.
Đầu xanh đã tội-tình gì ?
Má hồng đến quá nửa thì, chưa thôi.
Biết thân chạy chẳng khỏi trời,
Cũng liều mặt phấn, cho rồi ngày xanh.

IX

Lần đầu ⁷⁶⁷ gió mát, trăng thanh,
Bồng đầu có khách biên-đình ⁷⁶⁸ sang chơi.
Râu hùm, hàm én, mày ngài,
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.
Đường đường một đấng anh-hào,
2170. Côn-quyền hơn sức, lược-thao gồm tài.
Đội trời, đạp đất, ở đời,
Họ Từ, tên Hải, vốn người Việt-đông.

Giang-hồ quen thú vầy-vùng,
Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo. ⁷⁶⁹
Qua chơi thấy tiếng ⁷⁷⁰ nàng Kiều,
Tấm lòng nhi-nữ, cũng xiêu anh hùng.
Thiếp-danh đưa đến lầu hồng,
Hai bên cũng liếc, hai lòng cũng ưa.
Từ rằng : « Tâm-phúc tương cờ, ⁷⁷¹

2180. « Phải người trăng gió, vật-vờ hay sao ?

« Bấy lâu nghe tiếng má đào,
« Mắt xanh ⁷⁷² chẳng để ai vào, có không ?
« Một đời được mấy anh-hùng,
« Bỏ chi cá chậu, chim lồng ⁷⁷³, mà chơi ! »
Nàng rằng : « Người dạy quá lời,
« Thân này còn dám xem ai là thường !
« Chút riêng chọn đá thử vàng,
« Biết đâu mà gởi can-tràng vào đâu ?
« Còn như vào trước, ra sau,

2190. « Ai cho kén-chọn vàng thau tại mình ? »

Từ rằng : « Lời nói hữu tình,
« Khiến người lại nhớ câu Bình-nguyên-quân. ⁷⁷⁴
« Lại đây xem lại cho gần,
« Phỏng tin được một vài phần, hay không ? »
Thưa rằng : « Lượm cả bao-dong,
« Tấn-dương được thấy mây rồng có phen. ⁷⁷⁵
« Rộng thương cỏ nội, hoa hèn,
« Chút thân bèo-bọt, dám phiền mai sau ».

Nghe lời vừa ý, gật đầu,

2200. Cười rằng : « Tri-kỷ trước sau mấy người ? ⁷⁷⁶

« Khen cho con mắt tinh đời,

« Anh hùng, đoán giữa trần-ai mới già ! ⁷⁷⁷

« Một lời đã biết đến ta,

« Muôn chung, nghìn tứ ⁷⁷⁸, cũng là có nhau ! »

Hai bên ý hợp, tâm đầu,

Khi thân, chẳng lọ là cần với thân !

Ngỏ lời nói với băng nhân,

Tiền trăm ⁷⁷⁹ lại cứ nguyên ngân phát hoàn.

Buồn riêng, sửa chốn thanh-nhàn,

2210. Đặt giường thất bảo ⁷⁸⁰, xây màn bát tiên. ⁷⁸¹

Trai anh-hùng, gái thuyền-quyên,

Phỉ nguyên sánh phượng, đẹp duyên cười rờng.

*

Nửa năm hương-lửa đương nồng,

Trượng-phu thoát đã động lòng bốn phương.

Trông vời ⁷⁸² trời bể mệnh-mang,

Thanh gươm yên ngựa, lên đànang thẳng giong.

Nàng rằng : « Phận gái chữ tòng,

« Chàng đi thiếp cũng một lòng xin đi ».

Từ rằng : « Tâm-phúc tương tri,

2220. « Sao chưa thoát khỏi nữ-nhi thường tình ?

« Bao giờ mười vạn tinh-binh,

« Tiếng chiêng ⁷⁸³ dậy đất, bóng tinh dợp đường.

« Làm cho rõ mặt phi thường,

« Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi-gia, ⁷⁸⁴

« Bấy nay bốn bể không nhà,

« Theo càn thêm bận, biết là đi đâu ?

« Đành lòng chờ đón ít lâu,

« Chầy chẵng là một năm sau, vội gì ? »

Quyết lời dứt áo ra đi, ⁷⁸⁵

2230. Gió đưa bằng tiện đã là dậm khơi. ⁷⁸⁶

Nàng thì chiếc bóng song mai, ⁷⁸⁷

Đêm thâm đằng-đặng, nhạt cày then mây.

Sân rêu chẳng vẽ dấu giày, ⁷⁸⁸

Cỏ cao hơn thước, liễu gãy vài phân. ⁷⁸⁹

Đoái thương muôn dậm tử phần, ⁷⁹⁰

Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa. ⁷⁹¹

Xót thay huyên cỗi, xuân già,

Tấm lòng thương-nhớ biết là có nguôi ?

Chốc là mười mấy năm trời,

2240. Còn ra khi đã da mồi, tóc sương. ⁷⁹²

Tiếc thay chút nghĩa cũ-càng,

Dẫu là ngó ý ⁷⁹³, còn vương tơ lòng.

Duyên em dầu nổi chỉ hồng,

May ra khi đã tay bông, tay mang.

Tấc lòng cố quốc, tha hương,

Đường kia, nổi nọ, ngổn-ngang bởi bởi.

Cánh hồng bay bổng tuyệt vời,

Đã mòn con mắt, phương trời dăm dăm. ⁷⁹⁴

Ngày đêm luống những âm-thầm,

2250. Lửa binh đâu đã âm-âm một phương !

Ngất trời, sát khí mơ-màng,

Đầy sông kinh-ngạc, chật đường giáp-binh.

Người quen-thuộc, kẻ chung quanh,

Nhủ nàng hãy tạm lánh mình một nơi.

Nàng rằng : « Trước đã hẹn lời,

« Dẫu trong nguy-hiểm, dám rời ước xưa ! »

Còn đang dùng-dặng ngẩn-ngơ,

Mái ngoài đã thấy bóng cờ, tiếng la.

Giáp-binh kéo đến quanh nhà,
2260. Đồng thanh cùng gọi : « Nào là phu-nhân ? »
 Hai bên mười vị tướng-quân,
 Đặt gươm, cỡi giáp, trước sân khấu đầu.
 Cung-ngã, thế-nữ, nối sau,
 Rằng : « Vâng lệnh-chỉ ⁷⁹⁵, rước châu vu-qui ». ⁷⁹⁶
 Sẵn-sàng phượng-liễn, loan-nghi, ⁷⁹⁷
 Hoa-quân giáp-giới, hà-y rõ-ràng. ⁷⁹⁸
 Dựng cờ, nối trống, lên đàn,
 Trúc tờ nổi trước, đào vàng kéo sau. ⁷⁹⁹
 Hỏa-bài tiền lộ ruổi mau, ⁸⁰⁰
2270. Nam-đình, nghe động trống châu đại doanh.
 Kéo cờ lũy, phát súng thành,
 Từ-công ra ngựa, thân nghênh cửa ngoài.
 Lửa mình là vẻ cân-đai ⁸⁰¹,
 Hãy còn hàm én, mảy ngài như xưa.
 Cười rằng : « Cá nước duyên ư !
 « Nhớ lời nói những bao giờ, hay không ?
 « Anh-hùng mới biết anh-hùng,
 « Rày xem phỏng đã cam lòng ấy chưa ? »
 Nàng rằng : « Chút phận ngây-thơ,
2280. « Cũng may dây cát được nhờ bóng cây ! ⁸⁰²
 « Đến bây giờ, mới thấy đây,
 « Mà lòng đã chắc những ngày một hai ! »
 Cùng nhau trông mặt cả cười,
 Đan tay về chốn trướng-mai tự tình.
 Tiệc bày thưởng tướng, khao binh,
 Om-thòm trống trận, rập-rình nhạc quân. ⁸⁰³
 Vinh-hoa bỏ lúc phong-trần,

Chữ tình, ngày lại thêm xuân một ngày.

*

Trong quân có lúc vui-vầy,
2290. Thông-dong mới kể sự ngày hàn-vi,
« Khi Vô-tích, khi Lâm-chuy,
« Nơi thì lừa-đảo, nơi thì xót-thương.
Tấm thân rày đã nhẹ-nhàng,
« Chút còn ân-oán đôi đường chưa xong ».
Từ-công nghe nói thử-chung,
Bất bình nổi trận đùng-đùng sấm vang.
Nghiêm quân, tuyển tướng sẵn-sàng,
Dưới cờ một lệnh vội-vàng ruổi sao. ⁸⁰⁴

Ba quân chỉ ngọn cờ đào,
2300. Đạp ra Vô-tích, đạp vào Lâm-chuy.
Mấy người phụ-bạc xưa kia,
Chiếu danh tầm-nã ⁸⁰⁵, bắt về hỏi tra.
Lại sai lệnh-tiến truyền qua, ⁸⁰⁶
Giữ-giàng họ Thúc, một nhà cho yên.
Mụ quản-gia, vãi Giác-duyên,
Cũng sai lệnh-tiến đem tin rước mời.
Thệ-sư ⁸⁰⁷ kể hết mọi lời,
Lòng lòng cũng giận, người người chấp uy. ⁸⁰⁸
Đạo trời, báo phục chĩnh ghê,

2310. Khéo thay một mẻ tóm về đây nơi ! ⁸⁰⁹
Quân-trung, gươm lớn, giáo dài,
Vệ trong thị lập, cơ ngoài song phi. ⁸¹⁰
Sẵn-sàng tề-chỉnh uy-nghi,
Bác đồng ⁸¹¹ chặt đất, tinh kỳ dợp sân.
Trướng hùm mở giữa trung-quân,

Từ-công sánh với phu-nhân cùng ngồi.
 Tiên nghiêm ⁸¹², trống chũm dứt hồi,
 Điểm danh trước dẫn chực ngoài cửa viên. ⁸¹³
 Từ rằng : « Ân oán hai bên,
2320. « Mặc nàng xử quyết, báo-đền cho mình ».
 Nàng rằng : « Nhờ cậy uy-linh,
 « Hãy xin báo đáp ân-tình cho phu ;
 « Báo ân rồi sẽ trả thù »,
 Từ rằng : « Việc ấy để cho mặc nàng ».
 Cho gươm mời đến Thúc-lang, ⁸¹⁴
 Mặt như chàm đỏ, mình dường giẽ-giun.
 Nàng rằng : « Nghĩa trọng nghìn non,
 « Lâm-chuý người cũ, chàng còn nhớ không ?
 « Sấm Thương ⁸¹⁵ chẳng vẹn chữ tòng,
2330. « Tại ai, há dám phụ lòng cố-nhân ?
 « Gấm trăm cuốn, bạc nghìn cân,
 « Tạ lòng dễ xứng báo ân gọi là.
 « Vợ chàng qui-quái, tình-ma,
 « Phen này kẻ cắp, bà già gặp nhau !
 « Kiến bò miệng chén chưa lâu,
 « Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa ! » ⁸¹⁶
 Thúc-sinh trông mặt bấy giờ,
 Mồ-hôi chàng đã như mưa ướt đầm.
 Lòng riêng mường sợ khôn cầm,
2340. Sợ thay, mà lại mường thăm cho ai. ⁸¹⁷ !
 Mụ già, sư-trưởng ⁸¹⁸, thứ hai,
 Thoắt đưa đến trước, vội mời lên trên.
 Dắt tay, mở mặt cho nhìn :
 « Hoa-nô kia, với Trạc-tuyền, cũng tôi !

« Nhớ khi lỡ bước, sẩy vời,
« Non vàng chưa dễ đèn-bồi tấm thương.
« Nghìn vàng gọi chút lễ thường,
« Mà lòng Phiếu-mẫu ⁸¹⁹, mấy vàng cho cân ! »
Hai người trông mặt tần-ngần,
2350. Nửa phần khiếp-sợ, nửa phần mừng-vui.
Nàng rằng : « Xin hãy rốn ngồi,
« Xem cho rõ mặt, biết tôi báo-thù ! »
Kíp truyền chư tướng hiến phù, ⁸²⁰
Lại đem các tích phạm-đồ hậu tra.
Dưới cờ, gươm tuốt nắp ra,
Chính danh thủ-phạm tên là Hoạn Thư.
Thoắt trông, nàng đã chào thưa :
« Tiểu thư cũng có bây giờ đến đây !
« Đàn-bà dễ có mấy tay,
2360. « Đời xưa mấy mặt, đời này mấy gan !
« Dễ-dàng là thói hồng-nhan,
« Càng cay-nghiệt lắm, càng oan-trái nhiều ! »
Hoạn Thư hồn lạc phách xiêu,
Khẩu đầu dưới trướng, dờ ⁸²¹ điều kêu ca.
Rằng : « Tôi chút dạ đàn-bà,
« Ghen-tuông, thì cũng người ta thường tình !
« Nghĩ cho khi các viết kinh, ⁸²²
« Với khi khỏi cửa, dứt tình chẳng theo.
« Lòng riêng, riêng cũng kính-yêu,
2370. « Chồng chung, ai dễ ai chiều cho ai !
« Trót lòng gây việc chông gai,
« Còn nhờ lượng bể thương bài nào chẳng ! »
Khen cho : « Phật đã ⁸²³ nên rằng :

« Khôn-ngoa đến mực, nói-năng phải lời,
« Tha ra thì cũng may đời,
« Làm ra thì cũng ra người nhỏ-nhen. ⁸²⁴
« Đã lòng tri quá thời nên !
« Truyền quân-lệnh xuống, trưởng-tiền tha ngay ». ⁸²⁵

Tạ lòng, lạy trước sân mây,
2380. Cửa viên ⁸²⁶ lại dắt một dây dẫn vào.

Nàng rằng : « Lồng-lộng trời cao !
« Hại nhân, nhân hại sự nào tại ta ?
« Trước là Bạc Hạnh, Bạc-bà,
« Bên là Ưng, Khuyển, bên là Sở Khanh ; ⁸²⁷
« Tú-bà với Mã Giám-sinh,
« Các tên tội ấy đáng tình còn sao ? »
Lệnh quân truyền xuống nội đao, ⁸²⁸
Thề sao, thì lại cứ sao gia hình.

Máu rơi, thịt nát, tan-tành,
2390. Ai ai trông thấy hồn kinh, phách rời !
Cho hay muôn sự tại trời,
Phụ người, chẳng bỏ, khi người phụ ta !
Mấy người bạc-ác, tình-ma,
Mình làm, mình chịu, kêu mà ai thương !
Ba quân đông mặt pháp-trường,
Thanh-thiên, bạch-nhật, rõ-ràng cho coi.

*

Việc nàng báo-phục vừa rồi,
Giác-duyên vội đã gởi lời từ qui.
Nàng rằng : « Thiên tai nhất thì,
2400. « Cố-nhân đã dễ mấy khi bàng-hoàng. ⁸²⁹
« Rồi đây bèo hợp, mây tan,

« Biết đâu hạc nội, mây ngàn là đâu ! » ⁸³⁰

Sư rằng : « Cũng chẳng mấy lâu,

« Trong năm năm lại gặp nhau đó mà.

« Nhớ ngày hành cước phương xa, ⁸³¹

« Gặp sư Tam-hợp, vốn là tiên-tri.

« Bảo cho hội-họp chi kỳ,

« Năm nay là một, nửa thì năm năm.

« Mới hay tiên-định chẳng lầm,

2410. « Đã tin điều trước, ắt nhằm điều sau.

« Còn nhiều ân-ái với nhau, ⁸³²

« Cơ duyên nào đã hết đâu, vội gì ? »

Nàng rằng : « Tiên-định tiên-tri,

« Lời sư đã dạy, ắt thì chẳng sai.

« Họa bao giờ có gặp người,

« Vì tôi cậy hỏi một lời chung thân ».

Giác-duyên vâng dặn ân-cần,

Tạ từ, thoát đã dời chân cõi ngoài.

Nàng từ ân-oán rạch-ròi,

2420. Bể oan đường đã vơi-vơi cạnh lòng.

Tạ ân, lạy trước Từ-công :

« Chút thân bồ-liễu, mà mong có rày !

« Trộm nhờ sấm sét ra tay,

« Tắc riêng như cát gánh đầy đổ đi !

« Chạm xương, chếp dạ, xiết chi, ⁸³³

« Dễ đem gan-óc ⁸³⁴, đèn nghì trời mây ! »

Từ rằng : « Quốc-sĩ xưa nay,

« Chọn người tri-kỷ, một ngày được chẳng ?

« Anh-hùng tiếng đã gọi rằng,

2430. « Giữa đường dầu thấy bất bằng mà tha !

« Huống-chi việc cũng việc nhà,
 « Lọ là thâm tạ, mới là tri ân !
 « Xót nàng còn chút song thân,
 « Bấy nay kẻ Việt, người Tần cách xa.
 « Sao cho muôn dặm một nhà,
 « Cho người thấy mặt, là ta cam lòng ».
 Vội truyền sửa tiệc quân-trung,
 Muôn binh, nghìn tướng hội đồng tấy oan. ⁸³⁵
 Thừa cơ trúc chẻ ⁸³⁶, ngói tan, ⁸³⁷
2440. Binh-uy từ ấy sấm ran trong ngoài.
 Triều-đình riêng một góc trời,
 Gồm hai văn-võ, rạch đôi sơn hà.
 Đòi cơn gió quét ⁸³⁸ mưa sa,
 Huyện-thành đập đổ năm tòa cõi nam. ⁸³⁹
 Phong-trần, mài một lưỡi gươm,
 Những loài giá áo, túi cơm sá gì ! ⁸⁴⁰
 Nghênh-ngang một cõi biên-thùy,
 Thiếu gì cô-quả, thiếu gì bá-vương ! ⁸⁴¹
 Trước cờ, ai dám tranh cường,
2450. Năm năm hùng-cứ một phương hải-tần. ⁸⁴²

*

Có quan Tổng-đốc trọng thần,
 Là Hồ Tôn Hiến, kinh-luân gồm tài.
 Đẩy xe ⁸⁴³ vàng chỉ đặc sai,
 Tiện-nghi bát-tiểu, việc ngoài đồng-nhung. ⁸⁴⁴
 Biết Từ là đáng anh-hùng,
 Biết nàng cũng dự quân-trung luận-bàn.
 Đóng quân, làm chước chiêu-an, ⁸⁴⁵
 Ngọc, vàng, gấm, vóc, sai quan thuyết hàng. ⁸⁴⁶

Lại riêng một lễ với nàng,
2460. Hai tên thể-nữ, ngọc vàng nghìn cân.
Tin vào gởi trước trung-quân,
Từ-công riêng hãy mười phân hồ-đồ.
Một tay gây-dựng cơ-đồ,
Bấy lâu bể Sở, sông Ngô, tung-hoành !
Bó thân về với triều-đình,
Hàng-thân lơ-láo, phận mình ra đâu ?
Áo xiêm buộc trói lấy nhau,⁸⁴⁷
Vào luôn ra cúi công hầu mà chi ?
Sao bằng riêng một biên-thù,
2470. Sức này, đã dễ làm gì được nhau ?
Chọc trời, quấy nước, mặc dầu,
Dọc ngang, nào biết trên đầu có ai ?
Nàng thời thật dạ, tin người,
Lễ nhiều, nói ngọt, nghe lời dễ xiêu.
Nghĩ mình, mặt nước, cánh bèo,
Đã nhiều lưu-lạc, lại nhiều gian-truân.
Bằng nay chịu tiếng vương-thần,
Thên-thên đường cái thanh vân hẹp gì.
Công, tư, vẹn cả hai bề,
2480. Dần-dà rồi sẽ liệu về cố-hương.
Cũng ngôi mệnh-phụ đường đường,
Nở-nang mày mặt, rõ-ràng mẹ cha.
Trên vì nước, dưới vì nhà,
Một là đặc hiếu, hai là đặc trung.
Chẳng hơn chiếc bách giữa dòng,
E dè sóng gió, hải-hùng cỏ hoa.⁸⁴⁸
Nhân khi bàn-bạc gần xa,

Thừa cơ, nàng mới bàn ra nói vào.

Rằng : « Ổn Thánh-để dỗi-dào. ⁸⁴⁹

2490. « Tuổi ra đã khắp, thắm vào đã sâu.

« Bình-thành ⁸⁵⁰ công-đức bấy lâu,

« Ai ai cũng đội trên đầu biết bao.

« Ngấm từ đây việc binh-đao,

« Đồng xương Vô-định ⁸⁵¹ đã cao bằng đầu.

« Làm chi để tiếng về sau,

« Nghìn năm ai có khen đầu Hoàng Sào. ⁸⁵²

« Sao bằng lộc trọng, quyền cao,

« Công-danh ai dứt lối nào cho qua ? » ⁸⁵³

Nghe lời nàng nói mặn-mà,

2500. Thế-công, Từ mới trở ra thế hàng.

Chinh nghi tiếp sứ vội-vàng,

Hẹn kỳ thúc giáp, quyết đường giải binh.

*

Tin lời thành hạ yêu minh, ⁸⁵⁴

Ngọn cờ ngơ-ngác, trống canh trẻ-tràng.

Việc binh bỏ chẳng giữ-giàng,

Vương-sư dòm đã tỏ tường thực hư.

Hồ-công quyết kế thừa cơ,

Lễ tiên, binh hậu, khắc cờ tập công. ⁸⁵⁵

Kéo cờ chiêu-phủ ⁸⁵⁶ tiên-phong,

2510. Lễ-nghi giàn trước, bác đồng phục sau.

Từ-công hờ-hững biết đâu ?

Đại-quan lễ-phục ra đầu ⁸⁵⁷ cửa viên,

Hồ-công ám-hiệu trận tiền,

Ba bề phát súng, bốn bên kéo cờ. ⁸⁵⁸

Đang khi bất ý chẳng ngờ,

Hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn !
 Tử sinh, liễu giữa trận tiền,
 Dạn-dày cho biết gan liên tướng-quân ?
 Khí thiêng khi đã về thần,
2520. Nhơn-nhơn còn đứng chôn churen giữa vòng !
 Trơ như đá, vững như đồng, ⁸⁵⁹
 Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rời.
 Quan quân truy-sát đuổi dài, ⁸⁶⁰
 Hăm-hăm sát khí, ngất trời ai đang !
 Trong hào, ngoài lũy, tan-hoang,
 Loạn quân vừa dặt tay nàng đến nơi.
 Trong vòng tên đá bời bời,
 Thấy Từ còn đứng giữa trời trơ trơ.
 Khóc rằng : « Trí-dũng có thừa,
2530. « Bối nghe lời thiếp, đến cơ-hội này !
 « Mặt nào trông thấy nhau đây ?
 « Thà liều sống chết một ngày với nhau ! »
 Dòng thu như xối cơn sâu, ⁸⁶¹
 Dứt lời, nàng cũng gieo đầu một bên.
 Lạ thay oan khí tương triền, ⁸⁶²
 Nàng vừa phục xuống, Từ liền ngã ra !
 Quan quân, kẻ lại người qua,
 Xót nàng, sẽ lại vực ra dần dần.
 Dem vào đến trước trung-quân, ⁸⁶³
2540. Hồ-công thấy mặt, ân-cần hỏi-han.
 Rằng : « Nàng chút phận hồng-nhan,
 « Gặp cơn binh-cách, nhiều nàn cũng thương !
 « Đã hay thành toán miếu-đường, ⁸⁶⁴
 « Chấp công ⁸⁶⁵ cũng có lời nàng mới nên.

« Bây giờ sự đã vẹn-tuyên,
 « Mặc lòng nghĩ lấy, muốn xin bề nào ? »
 Nàng càng giọt ngọc tuôn dào,
 Ngập-ngừng mới gởi thấp cao sự lòng.
 Rằng : « Từ là đấng anh-hùng,
2550. « Dọc ngang trời rộng, vẫy-vùng bể khơi.
 « Tin tôi, nên quá nghe lời,
 « Đem thân bách-chiến làm tôi Triều-đình.
 « Ngờ là phu quý, phụ vinh,
 « Ai ngờ một phút tan-tành thịt xương !
 « Năm năm trời bể ngang-tàng, ⁸⁶⁶
 « Dẫn mình đi bỏ chiến-trường như không. ⁸⁶⁷
 « Khéo khuyên kể lấy làm công,
 « Kể bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu !
 « Xét mình công ít, tội nhiều,
2560. « Sống thừa, tôi đã nên liều mình tôi !
 « Xin cho thiên-thổ một đôi, ⁸⁶⁸
 « Gọi là đáp-điểm lấy người tử-sinh ! »
 Hồ-công nghe nói thương tình,
 Truyền cho kiêu-táng ⁸⁶⁹ di hình bên sông.
 Trong quân mở tiệc hạ công, ⁸⁷⁰
 Xôn-xao tờ trúc, hội-đồng quân quan.
 Bắt nàng thị yến dưới màn,
 Giở say, lại ép vắn đàn nhật tâu.
 Một cung gió tủi, mưa sầu,
2570. Bốn dây giỏ máu năm đầu ngón tay !
 Ve ngâm, vượn hót, nào tà,
 Lọt tay, Hồ cũng nhả mây rơi châu.
 Hỏi rằng : « Này khúc ở đâu ?

« Nghe ra muôn oán, nghìn sầu, lắm thay ! »

Thưa rằng : « Bạc-mệnh khúc này,

« Phổ vào đàn ấy, những ngày còn thơ.

« Cung cầm, lựa những ngày xưa,

« Mà gương bạc-mệnh, bây giờ là đây ».

Nghe càng đắm, đắm càng say, ⁸⁷¹

2580. Lạ cho mặt sắc, cũng ngây vì tình !

Dạy rằng : « Hường-hỏa ba-sinh, ⁸⁷²

« Dây loan xin nối cầm lành cho ai ».

Thưa rằng : « Chút phận lạc-loài,

« Trong mình, nghĩ đã có người thác oan.

« Còn chi nữa, cánh hoa tàn,

« Tơ lòng đã đứt dây đàn Tiểu Lân. ⁸⁷³

« Rộng thương còn mảnh hồng-quần,

« Hơi tàn được thấy gốc phần ⁸⁷⁴ là may ! »

Hạ-công ⁸⁷⁵ chén đã quá say,

2590. Hồ-công đến lúc rạng ngày nhớ ra.

Nghĩ mình phương-diện quốc-gia,

Quan trên nhắm xuống, người ta trông vào.

Phải tuồng trăng-gió hay sao ?

Sự này, biết tính thế nào được đây ? ⁸⁷⁶

Công-nha vừa buổi rạng ngày,

Quyết tình, Hồ mới đoán ngay một bài.

Lệnh quan, ai dám cãi lời,

Ép tình mới gán cho người thổ-quan.

Ông tơ thực nhé ⁸⁷⁷ đa đoan !

2600. Xe tơ sao khéo vợ càn, vợ xiên ?

Kiệu hoa áp thẳng xuống thuyền,

Lá màn rủ thấp, ngọn đèn khêu cao.

*

Nàng càng ủ liễu, phai đào,
Trăm phần, nào có phần nào phần tươi ?
Đành thân cát dập, sóng vùi,
Cướp công cha mẹ, thiệt đời thông-minh !
Chưn trời mặt bể lênh-đênh,
Năm xương biết gởi tử sinh chốn nào ?
Duyên đâu, ai dứt tơ đào,
2610. Nợ đâu, ai đã dắt vào tận tay ?
Thân sao, thân đến thế này ?
Còn ngày nào cũng dư ngày ấy thôi !
Đã không biết sống là vui,
Tấm thân nào biết thiệt-thời là thương !
Một mình cay-đắng trăm đường,
Thôi thì nát ngọc, tan vàng, thì thôi !
Mảnh trăng đã gác non đoài,
Một mình luống những đứng ngời chưa xong.
Triều ⁸⁷⁸ đâu nổi tiếng dùng dùng,
2620. Hỏi ra mới biết rằng sông Tiền-đường,
Nhớ lời thần-mộng rõ-ràng,
Này thôi hết kiếp đoạn-tràng là đây !
« Đạm Tiên, nàng nhé, có hay ?
« Hẹn ta, thì đợi dưới này, rước ta ». ⁸⁷⁹
Dưới đèn sẵn bức tiên-hoa,
Một thiên tuyệt bút ⁸⁸⁰ gọi là để sau.
Cửa bông ⁸⁸¹ vội mở rèm châu,
Trời cao, sông rộng, một màu bao-la. ⁸⁸²
Rằng : « Từ-công hậu-đãi ta,
2630. « Xót vì việc nước mà ra phụ lòng.

« Giết chồng mà lại lấy chồng,
« Mặt nào mà lại đứng trong cỏi đời ?
« Thôi thì một thác cho rồi,
« Tắm lòng phó mặc trên trời, dưới sông ! »
Trông vời con nước ⁸⁸³ mênh-mông,
Dem mình gieo xuống giữa dòng tràng-giang.
Thổ-quan theo vớt vội-vàng,
Thì đà đắm ngọc, chìm hương cho rồi ! ⁸⁸⁴
Thương thay, cũng một thân người !
2640. Hại thay, mang lấy sắc tài làm chi !
Những là oan-khổ lưu-ly,
Chờ cho hết kiếp, còn gì là thân ?
Mười-lăm năm, bấy nhiêu lần,
Làm gương cho khách hồng-quần thử soi !
Đời người đến thế thì thôi !
Trong cơ âm cực, dương hồi ⁸⁸⁵, khôn hay.
Mấy người hiếu-nghĩa xưa nay,
Trời làm chi đến lâu ngày càng thương !

X

Giác-duyên từ tiết già nằng,
2650. Đeo bầu quảy níp, rộng đường vân-du. ⁸⁸⁶
Gặp bà Tam-hợp đạo-cô, ⁸⁸⁷
Thong-dong, hỏi hết nhỏ to sự nằng :
« Người sao, hiếu-nghĩa đủ đường ?
« Kiếp sao, rặt những đoạn-trường thế thôi ? » ⁸⁸⁸
Sư rằng : « Phúc họa đạo Trời,
« Cỏi nguồn, cũng ở lòng người mà ra.
« Có trời mà cũng tại ta,
« Tu là cỏi phúc, tình là dây oan.

« Thúy Kiều sắc-sảo khôn-ngoa,
2660. « Vô duyên là phận hồng-nhan đã đành ;
 « Lại mang lấy một chữ tình,
 Khư khư mình buộc lấy mình vào trong.
 « Vậy nên những chốn thông-dong, ⁸⁸⁹
 « Ở không yên-ổn, ngồi không vững-vàng.
 « Ma đưa lối, quỷ đưa đường,
 « Lại tìm những chốn đoạn-trường mà đi.
 « Hết nạn ấy, đến nạn kia,
 « Thanh-lâu hai lượt, thanh-y hai lần. ⁸⁹⁰
 « Trong vòng giáo dục, gươm trần,
2670. « Kề lưng hùm-sói, gởi thân tôi-đòi.
 « Giữa dòng nước chảy, sóng giồi,
 « Trước hàm rồng-cá gieo mồi vắng-tanh. ⁸⁹¹
 « Oan kia theo mãi với tình,
 « Một mình mình biết, một mình mình hay.
 « Làm cho sống đoạ, thác đầy,
 « Đoạn-trường cho hết kiếp này mới thôi ! »
 Giác duyên nghe nói rụng-rời :
 « Một đời nàng nhé ! Thương ôi còn gì ? »
 Sư rằng : « Song chẳng hề chi,
2680. « Nghiệp duyên cân lại, nhắc đi còn nhiều !
 « Xét trong tội nghiệp ⁸⁹² Thúy Kiều :
 « Mặc điều tình ái, khỏi điều tà dâm.
 « Lấy tình thâm, trả tình thâm,
 « Bán mình đã động hiếu-tâm đến Trời !
 « Hại người một, cứu muôn người, ⁸⁹³
 « Biết đường khinh-trọng, biết lời phải chẳng.
 « Thửa công-đức ấy ai bằng ?

« Túc khiên ⁸⁹⁴ đã rửa lằng lằng sạch rồi !
Khi nên, Trời cũng chiều người,
2690. « Nhẹ-nhàng nợ trước, đền-bồi duyên sau.
« Giá-duyên dù nhớ nghĩa nhau,
« Tiền-đường thả một bè lau rước-người.
« Trước sau vẹn cho một lời,
« Duyên ta mà cũng phúc Trời chi không ! »

*

Giác-duyên nghe nói mằng lòng,
Lân-la tìm thú ⁸⁹⁵ bên sông Tiền-đường.
Đánh tranh, chụm nóc thảo-đường, ⁸⁹⁶
Một gian nước biếc, mây vàng chia đôi.
Thuê năm ⁸⁹⁷, ngư-phủ hai người,
2700. Đóng thuyền trực bến, kết chài giăng sông.
Một lòng chẳng quản mấy công,
Khéo trong gập-gở cũng trong chuyển-vân ! ⁸⁹⁸
Kiều từ gieo xuống duênh ngân, ⁸⁹⁹
Nước xuôi bỗng đã trôi dần tới nơi.
Ngư-ông kéo lưới vớt người,
Ngắm lời Tam-hợp rõ mười chẳng ngoa !
Trên mui lướt-mướt áo là,
Tuy dầm hơi nước, chưa lòa bóng gương.
Giác-duyên nhận thật mặt nàng,
2710. Nàng còn thiếp-thiếp giấc vàng chưa phai.
Mơ-màng phách-quế, hồn mai, ⁹⁰⁰
Đạm Tiên thoát đã thấy người ngày xưa.
Rằng : « Tôi đã có lòng chờ,
« Mất công mười mấy năm thừa ở đây.
« Chì sao phận mỏng, đức dày ?

« Kiếp xưa đã vậy, lòng này ⁹⁰¹ dễ ai !
« Tâm thành đã thấu đến Trời,
« Bán mình là hiếu, cứu người là nhân. ⁹⁰²
« Một niềm ⁹⁰³ vì nước, vì dân,
2720. « Âm-công cất một đồng cân đã già ?
« Đoạn-trường số, rút tên ra,
« Đoạn-trường thơ, phải đưa mà trả nhau.
« Còn nhiều hưởng thụ về lâu,
« Duyên xưa đầy đặn ⁹⁰⁴, phúc sau dồi dào ! »
Nàng còn ngỡ ngẩn biết sao,
« Trạc-tuyền » ! Nghe tiếng gọi vào bên tai.
Giật mình thoát tỉnh giấc mai,
Bâng-khuâng nào đã biết ai mà nhìn.
Trong thuyền, nào thấy Đạm Tiên ?
2730. Bên mình chỉ thấy Giác duyên ngồi kề.
Thấy nhau mừng-rỡ trăm bề,
Dọn thuyền, mới rước nàng về thảo-lư.
Một nhà chung-chạ sớm trưa,
Gió trắng mát mặt, muối dưa chay lòng.
Bốn bề bát-ngát mênh-mông,
Triều ⁹⁰⁵ dâng hôm sớm, mây lồng trước sau.

XI

Nạn xưa, trút sạch lâu lâu,
Duyên xưa, chưa dễ biết đâu trốn này.
Nỗi nàng tai-nạn đã đầy,
2740. Nỗi chàng Kim Trọng bấy-chầy mới thương.
Từ ngày muôn dặm phù tang, ⁹⁰⁶
Nửa năm ở đất Liêu-dương lại nhà.
Vội sang vườn Thúy dò-la,

Nhìn phong-cảnh cũ, nay đã khác xưa.
Đầy vườn cỏ mọc, lau thưa,
Song trắng quanh-quẽ ⁹⁰⁷, vách mưa rã rời ;
Trước sau nào thấy bóng người,
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông. ⁹⁰⁸
Xập-xoè én liệng lâu không, ⁹⁰⁹
2750. Cỏ lan mặt đất, rêu phong dấu giày.
Cuối tường gia-gốc mọc đầy,
Đi về, này những lối này ngày xưa,
Chung-quang lặng ngắt như tờ,
Nỗi-niềm tâm-sự bây giờ hỏi ai ?
Láng-giềng có kẻ sang chơi,
Lân-la sẽ hỏi một hai sự tình.
Hỏi ông, ông mắc tụng-đình,
Hỏi nàng, nàng đã bán mình chuộc cha.
Hỏi nhà, nhà đã rời xa,
2760. Hỏi chàng Vương, với cùng là Thuý Vân.
Đều là ⁹¹⁰ sa sút khó-khăn,
Thuê may, bán viết, kiếm ăn lần hồi.
Điều đâu sét đánh lưng trời,
Thoắt nghe, chàng thoắt rụng-rời xiết-bao !
Vội han ⁹¹¹ di-trú nơi nao ?
Đánh đường chàng với tìm vào tận nơi.
Nhà tranh, vách đất tả-tơi,
Lau treo rèm nát, trút gài phen thưa.
Một sân đất cỏ dầm mưa,
2770. Càng ngao-ngán nỗi, càng ngơ-ngẩn đường !
Đánh liều lên tiếng ngoài tường,
Chàng vương nghe tiếng, vội-vàng chạy ra.

Dắt tay, vội bước vào nhà,
 Mái sau, viên-ngoại ông bà ra ngay.
 Khóc than kể hết niềm tây :
 « Chàng ôi ! Biết nỗi nước này cho chưa ?
 « Kiêu-nhi phận mỏng như tờ,
 « Một lời đã lỗi tóc-tơ với chàng !
 « Gặp cơn gia biến lạ đường,
2780. « Bán mình nó phải tìm đường cứu cha.
 « Dừng-dắng khi bước chườn ra,
 « Cực trăm nghìn nỗi, dặn ba bốn lần.
 « Trót lời nặng với lang-quân,
 « Mượn con em nó Thúy Vân thay lời.
 « Gọi là trả chút nghĩa người,
 « Sầu này dằng-dặc muôn đời chưa quên. ⁹¹²
 « Kiếp này, duyên đã phụ duyên,
 « Dạ-dài còn biết, sẽ đền lai sinh. ⁹¹³
 « Mấy lời ký-chú ⁹¹⁴ đình-ninh,
2790. « Ghi lòng để dạ, cắt mình ra đi. ⁹¹⁵
 « Phận sao bạc bấy Kiêu-nhi !
 « Chàng Kim về đó, con thì đi đâu ? »
 Ông bà càng nói càng đau,
 Chàng càng nghe nói, càng đau như dứa.
 Vật mình vẫy gió, tuôn mưa,
 Dầm-dề giọt ngọc, thần-thờ hồn mai !
 Đau đòi đoạn, ngắt đòi thôi, ⁹¹⁶
 Tỉnh ra lại khóc, khóc rồi lại mê.
 Thấy chàng đau nỗi biệt-ly,
2800. Nhận ngừng ⁹¹⁷, ông mới vỗ-về giải-khuyên :
 « Bây giờ ván đã đóng thuyền,

« Đã đành phận bạc, không đền tình chung !

« Quá thương chút nghĩa đèo-bồng,

« Nghìn vàng thân ấy, dễ hòng bỏ sao ! »

Đỗ-dành, khuyên-giải trăm chiều, ⁹¹⁸

Lửa phiền càng đập, càng khêu mối phiền. ⁹¹⁹

Thề xưa, giờ đến kim-hoàn,

Của xưa, lại giờ đến đàn với hương. ⁹²⁰

Sinh càng trông thấy, càng thương,

2810. Gan càng tức tối, ruột càng xót xa.

Rằng : « Tôi trót quá churen ra,

« Để cho đến nỗi trôi hoa, dạt bèo.

« Cùng nhau thề-thốt đã nhiều,

« Những điều vàng đá, phải điều nói không.

« Chưa chẵn-gối, cũng vợ chồng,

« Lòng nào mà nỡ dứt lòng cho đang ?

« Bao nhiêu của, mấy ngày đàn,

« Còn tôi, tôi gặp mặt nàng mới thôi ! »

Nỗi thương nói chẳng hết lời,

2820. Tạ từ, sinh mới sứt-sùi trở ra,

*

Vội về sửa chốn vườn hoa,

Rước mời viên-ngoại ông bà cùng sang.

Thần hôn, chăm chút lễ thường,

Dưỡng thân, thay tấm lòng nàng ngày xưa.

Đinh-ninh mài lệ, chép thư, ⁹²¹

Cắt người tìm-tôi, đưa tờ nhắn-nhe.

Biết bao công mượn, của thuê,

Lâm-thanh mấy độ đi về dặm khơi.

Người một nơi, hỏi một nơi,

2830. Mênh-mông nào biết bể bơi trời nơi nao ?

Sinh càng thảm-thiết, khát-khao,
Như nung gan sắt, như bào lòng son.
Ruột tằm, ngày một héo dòn,
Tuyết sương ngày một hao mòn mình ve.
Thần-thơ, lúc tỉnh lúc mê,
Máu theo nước mắt, hồn lìa chiêm-bao ?

*

Xuân-huyên lo sợ xiết bao,
Quá ra, khi đến thế nào mà hay !
Vội-vàng sắm-sửa chọn ngày,
2840. Duyên Vân sớm đã xe dây cho chàng.

Người yếu-điệu, kẻ văn-chương,
Trai tài gái sắc, xuân đương vừa thì.
Tuy rằng vui chữ vu-qui,
Vui này, đã cất sầu kia được nào !

Khi ăn ở, lúc ra vào,
Càng sâu duyên mới, càng dào tình xưa.
Nỗi nàng nhớ đến bao giờ,
Tuôn châu đòi trận, vò tơ trăm vòng.
Có khi vắng-vẻ thư phòng,

2850. Đốt lò hương, giờ phím đồng ⁹²² ngày xưa :

Bẻ-bai, rủ-rỉ tiếng tơ, ⁹²³
Trầm bay nhạt gió, gió đưa lay rèm.
Dường như bên nóc, bên thềm,
Tiếng Kiều đồng-vọng, bóng xiêm mớ-màng.
Bởi lòng tạc đá, ghi vàng,
Tưởng nàng, nên lại thấy nàng về đây.

*

Những là phiên-muộn đêm ngày,
Xuân thu, biết đã đổi-thay mấy lần ?
Chế-khoa ⁹²⁴ gặp hội tràng-văn,
2860. Vương, Kim cùng chiếm bảng xuân ⁹²⁵ một ngày.

Cửa trời rộng mở đường mây,
Hoa chào ngõ hạnh, hương bay dặm phần. ⁹²⁶
Chàng Vương nhớ đến xa gần,
Sang nhà Chung-lão, tạ ân Chu-tuyền.
Tình xưa, ân trả, nghĩa đền,
Gia-thân bèn mới kết duyên Châu Trần.
Kim từ nhẹ bước thanh-vân, ⁹²⁷
Nỗi nàng, càng nghĩ xa gần, càng thương.
Ấy ai dặm ngọc, thề vàng,

2870. Bây giờ kim-mã, ngọc-đường với ai ?
Rể bèo, chừn sóng, lạc-loài, ⁹²⁸
Nghĩ mình vinh-hiến, thương người lưu-ly.
Vâng ra ngoại nhậm Lâm-chuy,
Quan-sơn nghìn dặm, thê-nhi một đoàn.
Cầm-đường ⁹²⁹ ngày tháng thanh-nhàn,
Sớm khuya tiếng hạc, tiếng đàn, tiêu-dao. ⁹³⁰
Phòng xuân trưởng rủ hoa đào,
Nàng Vân nằm, bỗng chiêm-bao thấy nàng.
Tĩnh ra mới rỉ cùng chàng,

2880. Nghe lời, chàng cũng hai đường tin nghi.
Nọ Lâm-thanh với Lâm-chuy,
Khác nhau một chữ, hoặc khi có lầm.
Trong cơ thanh, khí, tương tâm, ⁹³¹
Ở đây hoặc có giai-âm chẳng là ?
Thăng đường chàng mới hỏi tra,

Họ Đô có kẻ lại già thừa lên :

« Sự này đã ngoại mười niên,
 « Tôi đã biết mặt, biết tên rành-rành,
 « Tú bà cùng Mã Giám-sinh,

2890. « Đi mua ⁹³² người ở Bắc Kinh đưa về.
 « Thuý Kiều tài sắc, ai bì,
 « Có nghề đàn, lại đủ nghề văn thơ !
 « Kiên trinh ⁹³³ chẳng phải gan vừa,
 « Liều mình thế ấy, phải lừa thế kia.
 « Phong-trần, chịu đã ê-chề,
 « Dây duyên, sau lại gả về Thúc-lang.
 « Phải tay vợ cả phũ-phàng,
 « Bắt về Vô-tích, toan đường bẻ hoa.
 « Bực mình, nàng phải trốn ra,

2900. « Chẳng may lại gặp một nhà Bạc kia.
 « Thoắt buôn về, thoắt bán đi,
 « Mây trôi bèo nổi, thiếu gì là nơi !
 « Bỗng đâu lại gặp một người,
 « Hơn người ⁹³⁴ trí-dũng, nghiêng trời uy-linh.
 « Trong tay muôn vạn tinh binh,
 « Kéo về đóng chặt một thành Lâm-chuy.
 « Tóc-tơ các tích mọi khi,
 « Oán thì trả oán, ân thì trả ân.
 « Đã nên có nghĩa, có nhân,

2910. « Trước sau trọn-vẹn, xa gần ngợi-khen.
 « Chưa tường được họ được tên, ⁹³⁵
 « Sự này, hỏi Thúc-sinh viên mới tường ».

Nghe lời Đô nói rõ-ràng,
 Tức thì đệ thiếp mời chàng Thúc-sinh.

Nỗi nàng hỏi hết phân-minh,
 Chồng con dâu tá ⁹³⁶ tính danh là gì ?
 Thúc rằng : « Gặp lúc lưu-ly, ⁹³⁷
 « Trong quân, tôi hỏi thiếu gì tóc-tơ.
 « Đại-vương tên Hải họ Từ,
2920. « Đánh quen trăm trận, sức dư muôn người.
 « Gặp nàng thời ở châu Thai,
 « Lạ gì quốc-sắc, thiên-tài phải duyên.
 « Vầy-vùng trong bấy nhiêu niên,
 « Làm cho động địa kinh thiên ùng ùng.
 « Đại-quân đồn đóng cỏi đông,
 « Về sau, chẳng biết vân-mông ⁹³⁸ làm sao ? »
 Nghe tường ngành-ngọn tiêu-hao, ⁹³⁹
 Lòng riêng, chàng luống lao-đao thẩn-thờ.
 Xót thay chiếc lá bơ vơ !
2930. Kiếp trần, biết đủ bao giờ cho xong ? ⁹⁴⁰
 Hoa theo nước chảy xuôi dòng,
 Xót thân chìm-nổi, đau lòng hợp tan !
 Lời xưa đã lỗi muôn vàn,
 Mảnh hương ⁹⁴¹ còn đo, phím đàn còn đây.
 Đàn cầm khéo ngẩn-ngơ dây,
 Lửa-hương ⁹⁴² biết có kiếp này nữa thôi ?
 Bình-bồng ⁹⁴³ còn chút xa-xôi,
 Đỉnh-chung ⁹⁴⁴ sao nỡ ăn ngồi cho an !
 Rắp mong treo ấn, từ quan,
2940. Mấy sông cũng lội, mấy ngàn cũng qua.
 Giấn mình trong áng can-quà, ⁹⁴⁵
 Vào sinh, ra tử, họa là thấy nhau.
 Nghĩ điều trời thăm vực sâu,

Bóng chim, tăm cá, biết đâu mà nhìn !
 Những là nấn-ná đợi tin,
 Nắng mưa ⁹⁴⁶ đã biết mấy phen đổi dời ?
 Năm mây ⁹⁴⁷, bỗng thấy chiếu Trời,
 Khâm ban sắc-chỉ đến nơi rành-rành :
 Kim thì cải-nhậm Nam-bình, ⁹⁴⁸
2950. Chàng Vương, cũng cải-nhậm thành Phú-dương. ⁹⁴⁹
 Sấm-sanh xe ngựa vội-vàng,
 Hai nhà cũng thuận một đường phó quan. ⁹⁵⁰
 Xảy nghe thế giặc đã tan,
 Sóng êm Phúc-kiến, lửa tàn Tích-giang.
 Được tin, Kim mới rủ Vương,
 Tiễn đường, cùng lại tìm nàng sau xưa.
 Hàng-châu, đến đó bấy giờ,
 Thật tin hỏi được tóc-tơ rành-rành.
 Rằng : « Ngày hôm nọ giao binh,
2960. « Thất cơ, Từ đã thu linh trận tiền.
 « Nàng Kiều công cả, chẳng đền,
 « Lệnh-quân ⁹⁵¹ lại bắt ép duyên Thổ-tù.
 « Nàng đà gieo ngọc, trầm châu,
 « Sông Tiền-đường đó, ấy mồ hồng-nhan ! »
 Thương ôi ! Không hợp mà tan,
 Một nhà vinh-hiến, riêng oan một nàng !

XII

Chiêu hồn, thiết vị, lễ thường,
 Giải-oan, lập một đàn-tràng bên sông.
 Ngọn triều, non bạc, trùng-trùng,
2970. Vời trông ⁹⁵² còn tưởng cánh hồng lúc gieo.
 Tình thâm, bể thảm, lạ điều,

Nào hồn tinh-vệ ⁹⁵³ biết theo chốn nào ?
 Cơ-duyên đâu bỗng lạ sao ?
 Giác-duyên đâu bỗng tìm vào đến nơi.
 Trông lên linh-vị chữ bài,
 Thất kinh mới hỏi : « Những người đâu ta ?
 « Với nàng thân-thích gần xa ?
 « Người còn, sao bỗng làm ma khóc người ? »
 Nghe tin ngơ-ngác rụng-rời,
2980. Xúm quanh kể họ ⁹⁵⁴, rộn lời hỏi tra :
 « Này chồng, này mẹ, này cha,
 « Này là em ruột, này là em dâu.
 « Thật tin nghe đã bấy lâu,
 « Pháp-sư dạy thế, sự đâu lạ đường ! »
 Sư rằng : « Nhân-quả với nàng,
 « Lâm-chuy buổi trước, Tiên-đường buổi sau.
 « Khi nàng gieo ngọc, trầm châu,
 « Đón nhau, tôi đã gặp nhau rước về.
 « Cùng nhau nường cửa Bồ-đề, ⁹⁵⁵
2990. « Thảo-am ⁹⁵⁶ đó, cũng gần kề chẳng xa.
 « Phật tiền ngày bạc lân-la,
 « Đăm-đăm, nàng cũng nhớ nhà khôn khuây ».

Nghe tin, nở mặt, mở mày,
 Măng nào lại quá măng này nữa chẳng ?
 Từ phen chiếc lá lìa rừng,
 Thăm tìm luống những liệu chừng nước mây.
 Rõ-ràng hoa rụng, hương bay,
 Kiếp sau họa thấy, kiếp này hân thôi.
 Minh ⁹⁵⁷ dương đôi ngả chắc rồi,
3000. Cõi trần mà lại thấy người cửu-nguyên ! ⁹⁵⁸

Cùng nhau lạy tạ Giác-duyên,
Bộ hành một lũ, theo liền một khi.
Bẻ lau, vạch cỏ, tìm đường,
Tình thâm luống hầy hồ-nghi nửa phần.
Quanh-co theo dây giang-tân,
Khỏi rừng lau đã tới sân Phật-đường.
Giác-duyên lên tiếng gọi nàng,
Buồng trong, vội dạo sen vàng bước ra.
Trông xem đủ mặt một nhà :
3010. Xuân già còn khoẻ, huyên già còn tươi ;
Hai em phương-trưởng hòa hai,
Nọ chàng Kim đó, là người ngày xưa !
Tưởng bây giờ, là bao giờ,
Rõ-ràng mở mắt, còn ngờ chiêm-bao !
Giọt châu thánh-thót quuyến ⁹⁵⁹ bào,
Măng măng, túi túi, xiết bao sự tình !
Huyên già dưới gối gieo mình, ⁹⁶⁰
Khóc than, mình kể sự mình đầu đuôi :
« Từ con lưu-lạc quê người,
3020. « Bèo trôi, sóng vỗ, chốc mười-lăm năm !
« Tính rằng sông nước cát lằm,
« Kiếp này, ai lại còn cầm gập đây ! »
Ông bà trông mặt, cầm tay,
Dung-quang chẳng khác chi ngày bước ra.
Bấy chầy dãi nguyệt, dầu hoa,
Mười phần xuân, có gầy ba bốn phần.
Nỗi mường, biết lấy gì cân ?
Lời tan-hợp, chuyện xa gần, thiếu đâu ?
Hai em hỏi trước, han sau,

3030. Đứng trông, chàng cũng trở sầu làm tươi. ⁹⁶¹

Quây nhau ⁹⁶² lạy trước Phật-đài,

Tái sinh trần-tạ lòng người từ-bi. ⁹⁶³

Kiếp hoa giục-giã tức thì,

Vương-ông dạy rước cùng về một nơi.

Nàng rằng : « Chút phận hoa rơi,

« Nửa đời nếm trải mọi mùi đắng-cay.

« Tính rằng mặt nước, chừn mây,

« Lòng nào còn tưởng có rày nữa không ?

« Được rày tái-thế tương-phùng,

3040. « Khát khao đã thỏa tấm lòng lâu nay !

« Đã đem mình bỏ am mây,

« Tuổi này gởi với cỏ-cây cũng vừa.

« Mùi thiền, đã bén muối dưa,

« Màu thiền, ăn-mặc đã ưa nâu sồng.

« Sự đời, đã tắt lửa lòng,

« Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi !

« Dở-dang, nào có hay gì ?

« Đã tu, tu trót qua thì, thì thôi !

« Trùng-sinh ân nặng bể trời,

3050. « Lòng nào nỡ dứt nghĩa người ra đi ? »

Ông rằng : « Bĩ thử nhất thì,

« Tu-hành, thì cũng phải khi tòng quyền.

« Phải điều cầu Phật, cầu Tiên,

« Tình kia, hiếu nọ, ai đền cho đây ?

« Độ sinh ⁹⁶⁴ nhờ đức cao dày,

« Lập am, rồi sẽ rước thầy ở chung ».

Nghe lời nàng phải chiều lòng,

Giã sư, giã cảnh, đều cùng bước ra.

Một đoàn về đến quan-nha,
3060. Đoàn viên, vội mở tiệc hoa vui-vầy.
 Tàng-tàng, chén cúc dở say,
 Đứng lên, Vân mới giải-bày một hai.
 Rằng : « Trong tác-hợp cơ trời, ⁹⁶⁵
 « Hai bên gặp-gỡ, một lời kết-giao.
 « Gặp cơn bình-địa ba-đào,
 « Vậy đem duyên chị buộc vào duyên em :
 « Cũng là phận cải, duyên kim, ⁹⁶⁶
 « Cũng là máu chảy, ruột mềm, chớ sao ?
 « Những là rày ước, mai ao,
3070. « Mười-lăm năm ấy, biết bao nhiêu tình !
 « Bây giờ gương vỡ lại lành, ⁹⁶⁷
 « Khuôn thiêng lừa lọc ⁹⁶⁸, đã dành có nơi.
 « Còn duyên, may lại còn người,
 « Còn vàng trắng bạc ⁹⁶⁹, còn lời nguyên xưa.
 « Quả mai ba bảy đương vừa, ⁹⁷⁰
 « Đào non ⁹⁷¹ sớm liệu xe tơ kịp thì ».

Dứt lời, nàng vội gặt đi :
 « Sự muôn năm cũ, kể chi bây giờ ? ⁹⁷²
 « Một lời tuy có ước xưa,
3080. « Xét mình dải gió, dầm mưa, đã nhiều.
 « Nói càng hổ-thẹn trăm chiều,
 « Thì cho ngọn nước thủy-triều chảy xuôi ! » ⁹⁷³
 Chàng rằng : « Nói cũng lạ đời !
 « Dầu lòng kia vậy, còn lời ấy sao ?
 « Một lời đã trót thâm-giao,
 « Dưới dày có đất, trên cao có trời !
 « Dầu rằng vật đổi, sao dời, ⁹⁷⁴

« Tử sinh, cũng giữ lấy lời tử sinh !
 « Duyên kia có phụ chi tình. ⁹⁷⁵

3090. « Mà toan chia gánh chung tình làm hai ? »
 Nàng rằng : « Gia-thất duyên hài, ⁹⁷⁶
 « Chút lòng ân-ái, ai ai cũng lòng.
 « Nghĩ rằng : trong đạo vợ chồng,
 « Hoa thơm phong nhị ⁹⁷⁷ trăng vòng tròn gương.
 « Chữ trinh đáng giá nghìn vàng,
 « Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa.
 « Thiếp từ ngô biển đến giờ,
 « Ong qua bướm lại, đã thừa xấu-xa.
 « Bấy-chầy, gió táp mưa sa,

3100. « Mấy trăng cũng khuyết, mấy hoa cũng tàn.
 « Còn chi là cái hồng-nhan ?
 « Đã xong thân-thế, còn toan nổi nào ?
 « Nghĩ mình, chẳng hổ mình sao ?
 « Dám đem trần-cầu ⁹⁷⁸ dự vào bố-kinh ! ⁹⁷⁹
 « Đã hay chàng nặng vì tình,
 « Trông hoa đèn, chẳng thẹn lắm ru !
 « Tứ rày khép cửa phòng thu,
 « Chẳng tu, thì cũng như tu mới là !
 « Chàng dù nghĩ đến tình xa,

3110. « Đem tình cầm-sắt đổi ra cầm-cờ. ⁹⁸⁰
 « Nói chi kết tóc, xe tơ,
 « Đã buồn cả ruột, mà nhơ cả đời ! »
 Chàng rằng : « Khéo nói nên lời,
 « Mà trong lẽ phải có người có ta !
 « Xưa nay trong đạo đàn-bà,
 « Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường :

« Có khi biến, có khi thường,
 « Có quyền, nào phải một đường chấp kinh ? ⁹⁸¹
 « Như nàng lấy hiếu làm trinh,
 3120. « Bụi nào cho đục, được mình ấy vay ? ⁹⁸²
 « Trời còn để có hôm nay,
 « Tan sương đầu ngõ, vén mây giữa trời. ⁹⁸³
 « Hoa tàn mà lại thêm tươi,
 « Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa,
 « Có điều chi nữa mà ngờ,
 « Khách qua đường để hững-hờ chàng Tiêu ». ⁹⁸⁴
 Nghe chàng nói đã hết điều,
 Hai thân, thì cũng quyết theo một bài.
 Hết lời khôn lẽ chối lời, ⁹⁸⁵
 3130. Cúi đầu ⁹⁸⁶, nàng những ngăn dài thở-than.
 Nhà vừa mở tiệc đoàn viên, ⁹⁸⁷
 Hoa soi ngọn đuốc, hồng chen ⁹⁸⁸ bức là.
 Cùng nhau giao-bái một nhà,
 Lễ đà đủ lễ, đôi đà đủ đôi. ⁹⁸⁹
 Động phòng dìu-dặt chén mời,
 Bâng-khuâng duyên mới, ngậm-ngùi tình xưa.
 Những từ sen ngó, đào tơ, ⁹⁹⁰
 Mười-lăm năm, mới bây giờ là đây !
 Tình-duyen ấy, hợp-tan này, ⁹⁹¹
 3140. Bi-hoan mấy nỗi, đêm chầy ⁹⁹² trăng cao.
 Canh khuya bức gấm rủ thao,
 Dưới đèn tỏ dạng, má đào thêm xuân.
 Tình-nhân lại gặp tình-nhân,
 Hoa xưa ong cũ, mấy phen chung tình !
 Nàng rằng : « Phận thiệp đã đành,

« Có làm chi nữa, cái mình bỏ đi !
 « Nghĩ chàng nghĩa cũ, tình ghi,
 « Chiều lòng gọi có xướng-tù mảy-may.
 « Riêng lòng đã thẹn lắm thay,
3150. « Cũng đà mặt dạn, mày dày, khó coi !
 « Những như âu-yếm vành ngoài,
 « Còn toan mở mặt với người cho qua.
 « Lại như những thói người ta,
 « Với hương dưới đất, bẻ hoa cuối mùa.
 « Cũng như⁹⁹³ dở nhuộm bày trò,
 « Còn tình đâu nữa, là thù đẩy thôi !
 « Người yêu, ta xấu với người,⁹⁹⁴
 « Yêu nhau, thì lại bằng mười phụ nhau !
 « Cửa nhà dù tính về sau,
3160. « Thì còn em đó⁹⁹⁵, lộ cầu chi đây ?
 « Chữ trinh còn một chút này,⁹⁹⁶
 « Chẳng cầm cho vững, lại⁹⁹⁷ giày cho tan !
 « Còn nhiều ân-ái chan-chan,
 « Hay gì vầy cái hoa tàn mà chơi ? »
 Chàng rằng : « Gắn bó một lời,
 « Bỗng không cá nước, chim trời, lỡ nhau.
 « Xót người lưu lạc bấy lâu,
 « Tưởng thề thốt nặng cũng đau-đớn nhiều !
 « Thương nhau sinh tử đã liều,
3170. « Gặp nhau còn chút bấy nhiêu là tình.
 « Chừng xuân tơ liễu còn xanh,
 « Nghĩ rằng chưa thoát khỏi vành ái-ân.
 « Gương trong chẳng chút bụi trần,
 « Một lời quyết hẳn muôn phần kính thêm !

« Bấy lâu đáy bể mò kim,
« Là nhiều vàng-đá, phải tìm-hoa ?
« Ai ngờ lại hợp một nhà,
« Lọ là chẵn-gối, mới ra sắt-cầm ! »
Nghe lời sửa áo cài trâm,

3180. Khẩu đầu lạy tạ cao thâm nghìn trùng :

« Thân tàn gạn đục⁹⁹⁸ khơi trong,
« Là nhờ quân-tử khác lòng người ta,
« Mấy lời tâm-phúc ruột-rà,
« Tương tri đường ấy, mới là tương tri !
« Chở-che, đùm bọc, thiếu gì ?
« Trăm năm danh tiết cũng vì đêm nay ! »

Thoắt trôi, tay lại cầm tay,
Càng yêu vì nết, càng say vì tình,
Thêm nển giá, nổi hương bình,

3190. Cùng nhau lại chúc chén huynh giao hoan.

Tình xưa lai-láng khôn hàn,⁹⁹⁹
Thong-dong lại hỏi ngón đàn ngày xưa.
Nàng rằng : « Vì mấy đường tơ,
« Lầm người cho đến bây giờ mới thôi !
« Ăn-năn thì sự đã rồi !
« Nể lòng người cũ, vâng lời một phen ».
Phím đàn dìu-dặt tay tiên,
Khói trầm cao thấp, tiếng huyền gần xa.
Khúc đầu đầm-ấm dương hòa !

3200. Ấy là hồ-diệp hay là Trang-sinh ?¹⁰⁰⁰

Khúc đầu êm-ái xuân tình !
Ấy hồn Thục-đế hay mình Đỗ-quyên ?¹⁰⁰¹
Trong sao châu đỏ duềnh quyền !¹⁰⁰²

Ấm sao hạt ngọc Lam-diền mới đông ! 1003

Lọt tay nghe suốt năm cung,
Tiếng nào, là chẳng nảo-nùng xôn-xao. 1004

Chàng rằng : « Phổ ấy tay nào ?
« Xưa sao sâu-thắm, nay sao vui-vầy ?
« Tẻ vui bởi tại lòng này, 1005

3210. « Hay là khổ-tận, đến ngày cam lai ? »
Nàng rằng : « Vì chút nghề chơi,
« Đoạn-trường tiếng ấy hại người bấy lâu !
« Một phen tri-kỷ cùng nhau, 1006
« Cuốn dây từ đấy, về sau cũng chừa ».

Chuyện-trò chưa cạn tóc-tơ,
Gà đà gáy sang, trời vừa rạng đông. 1007

Tình riêng, chàng lại nói sòng,
Một nhà ai cũng lạ-lùng khen khao.
Cho hay thực-nữ chí cao,

3220. Phải người sớm muộn, tối đào như ai ?
Hai tình vẹn-vẽ hòa hai,
Chẳng trong chẵn-gối, cũng ngoài cầm-thơ.

Khi chén rượu, khi cuộc cờ,
Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên.
Ba sinh đã phỉ mười nguyên,
Duyên đôi-lúa cũng là duyên bạn-bầy,
Nhớ lời, lập một am mây,
Khiến người thân-tín rước thầy Giác-duyên.

Đến nơi đóng cửa, cài then,
3230. Rêu trùm kẽ ngạch, cỏ lên mái nhà.

Sư đà hái thuốc phương xa,
Mây bay, hạc lánh, biết là tìm đâu ? 1008

Nặng vì chút nghĩa bấy lâu.
Trên am cứ giữ hương dầu hôm mai.
Một nhà phúc lộc gồm hai,
Nghìn năm dằng-dặc, quan giai ¹⁰⁰⁹ lần lần.
Thừa gia ¹⁰¹⁰ chẳng hết nàng Vân,
Một cây cù-mộc, một sân quế-hòe.
Phong-lưu phú-quí ai bì,
3240. Vườn xuân ¹⁰¹¹ một cửa, để bia muôn đời.

*

Ngẫm hay muôn sự tại trời,
Trời kia đã bắt làm người có thân.
Bắt phong-trần, phải phong-trần,
Cho thanh-cao, mới được phần thanh-cao,
Có đâu-vị người nào,
Chữ *tài*, chữ *mệnh*, dồi-dào cả hai.
Có tài, mà cậy chi tài ?
Chữ *tài* liền với chữ *tai* một vần. ¹⁰¹²
Đã mang lấy nghiệp vào thân, ¹⁰¹³
3250. Cũng đừng trách lẫn Trời gần, Trời xa. ¹⁰¹⁴
Thiện căn ¹⁰¹⁵ ở tại lòng ta,
Chữ *tâm* kia mới bằng ba chữ *tài* ! ¹⁰¹⁶
Lời quê chấp nhật đông-dài,
Mua vui cũng được một vài trống canh.

= CHUNG =

Văn-phẩm giá-trị TÂN VIỆT

Đã Phát-hành

1. NHO-GIÁO của cụ Trần trọng Kim
2. VIỆT-NAM SỬ LƯỢC của cụ Trần trọng Kim
3. VIỆT-NAM THI-VĂN GIẢNG-LUẬN tập I và II của Hà như Chí
4. VIỆT-NAM VĂN-HỌC GIẢNG-BÌNH của Phạm văn Diêu
5. VĂN-HỌC VIỆT-NAM của Phạm văn Diêu
6. NGHÌN LỄ MỘT ĐÊM – Bản dịch của Quách Tấn (4 quyển đóng lại)
7. THỦY HỮ TOÀN THƯ (đã ra trọn bộ) Ban Tu-thư Tân Việt phiên dịch
8. MÁI TÂY tức TÂY SƯƠNG KÝ Bản dịch của Nhượng Tống
9. NAM-HOA KINH (Đệ-nhất Tài-tử Trung-Hoa) Bản dịch của Nhượng Tống
10. THƯỢNG THƯ tức KINH THƯ do chính tay Khổng Tử san-định (Bản dịch cuối-cùng của Nhượng Tống)
11. DƯƠNG TỪ – HÀ MẬU tác-phẩm chưa hề xuất-bản của Cụ Đồ Chiểu do Phan văn Hùm hiệu-đính. Sắp có bán
12. ĐƯỜNG THI (In lần thứ hai) của cụ Trần Trọng Kim.

Nhà xuất-bản TÂN-VIỆT

235, Phan thanh Giản – Saigon

Giấy phép xuất-bản số 832/T.X.B. của nhà T.T. Nam-Việt

TRUYỆN THUÝ KIỀU

IN LẦN THỨ TÁM Giá Nam Việt 65\$00 Giá các nơi 70\$00



Notes

[← 1]

Lê Duy Giao, tôn-thất nhà Lê, bỏ đi tu, đặt hiệu là Hải-thuyền-sư.

[← 2]

Nhà «*Tân Việt* » sẽ xuất-bản trong loại Cổ-văn Việt-nam.

[← 3]

Tạ Đạo Uẩn ngâm thơ liễu như.

[← 4]

Mạnh Hạo Nhiên vịnh cây ngô-đồng.

[← 5]

Vượt hơn tất cả xưa nay.

[← 6]

Bởi chữ « thiên tác chi hợp » ở Kinh Thi, ý nói trời xe duyên vợ chồng.

[← 7]

Nghĩa tám câu này là : Nàng Kiều nếu không đến sông Tiền-đường (thì) cái nợ yên-hoa nửa đời trả sao xong ? Cái tài-sắc của nàng không đáng vùi xuống dưới nước ; tấm lòng trong-sạch của nàng lúc nào cũng không thẹn với Kim-lang. (Nhưng ngẫm) trong giấc mộng đoạn-trường thì đã hiểu rõ cái căn-duyên cả đời nàng, nghe tiếng đàn bạc-mệnh tuy đã gãy hết khúc, mà nỗi oán-hận vẫn còn dài. (Thế mới hay) Một mảnh tài-tình là cái lụy chung muôn đời. (Vậy thì) quyền Tân-thanh này cốt để thương xót ai ?

[← 8]

Cụ Phạm là một danh-sĩ đời Lê mạc, giao-du rất thân với cụ Nguyễn Du. Chẳng những hay thơ chữ, cụ cũng hay cả thơ nôm. Xem bản dịch của cụ đã nêu liền dưới bài thơ chữ, quả tài-tình rất mực.

[← 9]

Trang tử : **百年境而我猶為人** *Bách niên cảnh nhi ngã do vi nhân* : trong một cõi trăm năm mà ta vẫn là người, tức là trong cuộc đời người.

[← 10]

Minh thi : **古來才命兩相妨** *cổ lai tài mệnh lưỡng tương phương* : Xưa nay tài mệnh không ưa nhau.

[← 11]

Thần-tiên truyện : 滄海變為桑田 *thương hải biến vi tang điền* : Bể rộng hóa ra ruộng dâu, tức là nói sự thay-đổi trong cuộc đời.

[← 12]

豐于彼，嗇于此 hay là **豐于才，嗇于遇** *phong vu bi, sắc vu thử*, hay là *phong vu tài, sắc vu ngộ* : Tạo-hóa đã cho mình hơn cái nọ, thì phải kém cái kia, hay là đã cho hơn cái tài, thì lại không được gặp thời. Đây tác-giả dùng chữ **tư 斯** thay vào chữ **thử 此** cho kêu câu.

[← 13]

Tình-sử : **造物妒紅顏** *tạo vật đố hồng-nhan* : Tạo-hóa hay ghen với người đàn-bà đẹp. Có bản viết là... *quen* với.

[← 14]

Kiểu thơm hay là cảo thơm, bởi chữ phương cảo 芳稿, pho sách thơm tức là pho sách hay.

[← 15]

風情古錄 « Phong-tình cổ-lục » là bộ sách nói những truyện *phong-tình* đời xưa.

[← 16]

Sử xanh là bởi chữ thanh sử 青史 : Đời thượng-cổ chép sử vào mảnh tre. Cái sắc cật tre vốn xanh, cho nên gọi là thanh sử.

[← 17]

Đời nhà Minh ở bên Tàu có hai kinh là Nam-kinh và Bắc-kinh.

[← 18]

員外 *viên-ngoại* tức như ta gọi là trường-giả.

[← 19]

Nghi là tiếng gọi thay, như tiếng va, nó, ông ấy, v.v... Trong truyện Hoa Tiên có câu : « *Mới rồi hăn nghi chẳng sai...* ». *Hăn nghi*, nghĩa là chính nó.

[← 20]

素娥 *tổ-nga* là người con gái-đẹp.

[← 21]

Mai cốt-cách là người tầm-thước ; *tuyệt tình-thần* là người trắng trẻo.

[← 22]

Mỗi người một vẻ, mà vẻ nào cũng đẹp cả.

[← 23]

Tướng-thư : 面如滿月, 眉如臥蠶 : *diện như mãn nguyệt, mi như ọa tà*. Mặt như mặt trăng tròn, mà lông mi như còn tằm nằm ngang. Đây nói cái tướng phúc-hậu của cô Vân.

[← 24]

*Thốt là nói : Ta thường nói : Biết thì thưa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe. Có bản viết là :
Hoa cười ngọc thuyết đoan-trang. Hay là : Hoa cười ngọc nói...*

[← 25]

Tình sử **眼如秋, 眉如春山**. *Nhôn như thu thủy, my tự xuân sơn* : Mắt trong như nước mùa thu, lông mày phơn-phớt như núi mùa xuân.

[← 26]

Bài ca của Lý Duyên niên : **一顧傾人城, 再顧傾人國** *nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc* : Ngoảnh lại một cái xiêu thành, ngoảnh lại cái nữa đổ nước, nghĩa là tả cái vẻ đẹp tuyệt thế của người đàn-bà làm cho người ta say-mê đến nỗi mất thành, mất nước.

[← 27]

Ý nói là tài cô Kiều thi họa có người nữa sánh ngang với được, chữ sắc thì thật không ai bằng.

[← 28]

宮,商,角,徵,羽, *cung, thương, giốc, trủy, vũ*, là năm âm về nhạc bộ.

[← 29]

胡琴, *hồ cầm* là cái đàn tì-bà, vì đời xưa vua Hán Nguyên-đế có bà Chiêu Quân phải đi cống rợ Hồ, thường hay đánh cái đàn ấy, cho nên mới gọi là Hồ-cầm.

[← 30]

Nên chương tức là thành ra bài hay. Có bản chữa ra chữ xoang 腔, thì cũng có nghĩa, vì chữ *xoang* là điệu đàn, nhưng nghe vẫn cầu-kỳ, không được tự-nhiên như chữ chương. Và các bản cũ đều viết chữ chương 章 cả.

[← 31]

紅裙 *hồng-quần* là con-gái. Tục bên Tàu ngày trước con-gái hay mặc quần đỏ.

[← 32]

及笄 *cập kê* chữ kinh Lễ : Con-gái đến 15 tuổi thì búi tóc và cài *kê*, cũng tựa cái *trâm*, nghĩa là từ đó đã thành người khôn lớn.

[← 33]

Mạnh-tử : **踰東鄰而搜其處子** *du đông lân nhi lâu kỳ xử tử* : Trèo qua sang nhà láng-giềng ở
đàng đông để dỗ con-gái người ta. Đây nghĩa là Kiều chưa vương-vú gì với ai.

Đường-thi lại có câu : **東鄰宋玉墻** *đông lân Tống Ngọc tường* cũng là một nghĩa ấy.

[← 34]

Ngày xuân thấm-thoắt mau như cái thoi dệt cử. Cái thoi thường làm giống như hình con chim én.

[← 35]

九十韶光 *cửu thập thiêu quang* : Chín mươi cái bóng sáng, đẹp-đẽ, nghĩa là 90 ngày hay là 3 tháng mùa xuân, mà đây đã ngoài 60 là đã qua 2 tháng rồi.

[← 36]

Thơ cổ : **芳草連天碧, 梨支數點花** *phương thảo liên thiên bích, lê chi số điểm hoa* : Sắc cỏ trông lẫn với trời xanh, cành lê lác-đắc có vài bông hoa, tức là cảnh tháng ba.

[← 37]

踏青 *đạp-thanh* là đi chơi giẫm trên đám cỏ xanh.

[← 38]

Yến anh là đi từng đàn, từng lũ như đàn chim yến chim anh.

[← 39]

Các bản cũ đều in chữ *nêm* 拏 hay là 拏, nghĩa là đông người. Nhưng dùng chữ *nêm* thì không đúng vắn, chữ *nen*, nghĩa là nén chặt. Có người cho chữ *nen* là tên một thứ cây giây quăn-quít vào nhau như tóc rối. (*Nhà xuất-bản chú*).

[← 40]

Có bản viết là : ...*gò đồng cầu liên*. Nghĩa là nói nhiều gò đồng liên như cầu.

[← 41]

Ở vùng Nghệ-Tĩnh gọi vàng-hồ là vàng-vó. Tro tức là gio.

[← 42]

Tình sử : **天香一枝** *thiên-hương nhất chi* : một cành hoa thơm của trời. Ý nói người đàn-bà đẹp.

[← 43]

Đây theo các bản cũ mà đề chữ *trâm gãy*, nhưng để chữ *hoa gãy* thì đúng với ý câu thơ Đường-thi như sau này : **一片情舟已到岸, 瓶沈花折已多時** *nhất phiến tình chu dĩ đáo ngạn, bình trầm hoa chiếc dĩ đa thời* : một chiếc thuyền tình mới tới bờ, cái bình đã chìm, cành hoa đã gãy từ bao giờ.

[← 44]

Những bản mới, bản thì dùng chữ *mấy*, bản thì dùng chữ *mới*, đều không đúng với bản cũ dùng chữ *bấy*, là tiếng cổ của ta, nghe mạnh-mẽ hơn.

[← 45]

Có bản viết là : *Đã đành...*

[← 46]

Có bản chữa là *chút đỉnh*, nhưng các bản cũ đều viết là *chút ước*. Và chữ *chút đỉnh* nghe ra thiếu-cận không bằng chữ *chút ước*, có ý hẹn-hò để dành về kiếp sau. Có bản viết là : *Thì xin chút ước...*

[← 47]

Nếp tử là áo quan ; *xe châu* là cái linh xa. Đây là nói người khách viễn phương làm lễ táng cho Đạm Tiên, vì lúc chết rồi còn để quàn một chỗ.

[← 48]

Vùi nông là có ý nói chôn xong rồi bỏ đó, không ai nhìn-nhận đến, chứ không phải theo nghĩa chôn không sâu. Có bản viết là : *Bụi hồng*...

[← 49]

Thỏ là ngọc thỏ tức là mặt trăng ; *ác* là kim-ô, tức là mặt trời, nghĩa là trải bao ngày tháng.

[← 50]

Có bản viết là : *Lòng đâu sẵn mối...*

[← 51]

Châu sa là giọt nước mắt chảy xuống.

Có sách chép rằng về đời cổ có thứ người gọi là *Giao-nhân* 蛟人, ở dưới bể Nam-hải lên buôn bán với người ta. Đến cuối năm lại phải về thủy-phủ để đi châu trời. Lúc về từ-biệt những người quen-biết khóc-lóc thảm-thiết. Mà khóc bao nhiêu thì những giọt nước mắt chảy ra hóa thành ngọc châu. Bởi vậy mới gọi châu là giọt nước mắt

[← 52]

化工 *hóa-công* là thợ tạo-hóa, nghĩa là ví ông Trời như người thợ, có thể biến-hóa được vạn vật.

[← 53]

Ngày xanh là bởi chữ 青春 *thanh xuân*, nói về tuổi trẻ, ví như những cỏ cây xanh tốt ở mùa xuân.

[← 54]

Có bản viết là : *Khéo hay !*

[← 55]

*Nào người phượng chạ loan chung, là nói những người có vợ chồng sum-hợp sung-sướng.
Nào người tích lục tham hồng, là nói những người tiếc mùi xanh thềm mùi đỏ mà không được,
nghĩa là than thân cho Đạm Tiên, chồng con không có.*

[← 56]

*Kiểm là để đem dâng, đem lễ, chứ không phải là tìm kiếm. Có bản viết là : *Sẵn đây ta đắp một vài nén hương*, lấy nghĩa đắp đất làm hương.*

[← 57]

Tả-truyện : **不及黃泉, 無相見也** *bất cập hoàng tuyền, vô tương kiến giả* : không đến suối vàng thì không bao giờ gặp nhau. *Suối vàng* là âm-phủ, vì ta thường tin rằng ở dưới âm-phủ có chín cái suối vàng, cũng vì thế cho nên có nơi gọi là *cửu tuyền* **九泉**, nghĩa là chín suối.

[← 58]

Có bản viết là : *khẩn vái*.

[← 59]

Có bản viết là : và *gật*. Nhưng tưởng *đặt* cỏ thì có nghĩa hơn, vì lấy chữ Kinh Thí : 生芻一束 *sinh xô nhất thúc* : một nắm cỏ tươi. Tục cổ hay dùng bó cỏ làm lễ viếng, lễ tế, để rót rượu vào, hay để thay nén hương.

[← 60]

Cỏ ấy là ngọn cỏ đã úa ra, có dáng tiều-tụy buồn-bã.

[← 61]

Có bản viết là : ...*ngọn lau*.

[← 62]

Có bản viết là : *Chiếc trâm*.

[← 63]

Có bản viết là : ...*tám câu bốn vắn*.

[← 64]

Chẳng ra : đây nghĩa là bâng-khuâng vơ-vẩn không nghĩ ra thế nào.

[← 65]

Có bản viết là : *Lại càng liễu ủ dầu hoa.*

[← 66]

Châu sa là giọt nước mắt chảy xuống.

[← 67]

Thấy người là thấy Đạm Tiên ; biết sau là biết mình về sau ra thế nào. Có bản viết là : Thấy người trước đó biết sau thế nào.

[← 68]

Có bản viết là : *một câu là...* Có bản viết là : *Một điều là.*

[← 69]

Dễ hay cũng như nói : dễ đâu, nghĩa là nói cái cơ-hội không mấy khi có.

[← 70]

捲旗風 *quyển kỳ phong*, hay là **羊角風** *dương giốc phong*, tức là gió lốc.

[← 71]

Tinh-thành là bụng thành rất thuần-túy.

[← 72]

幽 *U* là tối, là người đã chết rồi : *hiển* 顯 là rõ, là người hãy còn sống.

[← 73]

Lòng thơ, là bụng hứng làm thơ.

[← 74]

Buông ngựa đi thông thả.

[← 75]

半囊風月 *bán nang phong nguyệt* : Nửa túi gió trăng : chữ *lương* ở đây nghĩa là nửa. Ý nói cách tao-nhã của người văn-sĩ.

[← 76]

Tuyết in sắc : sắc trắng như tuyết.

Câu là ngựa con. Ta thường nói bạch câu là con ngựa trắng non.

Dòn là đẹp.

[← 77]

Áo mùi lam.

[← 78]

Dặm xanh là cánh đồng cỏ xanh.

[← 79]

王衍如瓊林瑤樹 *Vương Diễm như quỳnh lâm giao thụ* : người Vương Diễm đẹp như cây ngọc-giao ở trong rừng ngọc-quỳnh. Đây nói một người rất đẹp.

[← 80]

Hai kiều là hai người con-gái đẹp.

[← 81]

Trâm-anh là con nhà thế-gia.

[← 82]

Văn-chương nết đất, là nói nhà dòng-dôi văn-chương ; *thông-minh tính trời*, là cái tính thông-minh trời phú cho.

[← 83]

Bản kinh chữa lại : *Thiên tư dung mạo khác vời*. Lại có bản viết là : *Thiên tư tài mạo tốt vời*.

[← 84]

Đồng thân cùng nghĩa như *đồng song*. *Song* là cửa sổ. Đây nghĩa là bạn học cùng ngồi đọc sách ở cửa sổ, cũng như nói *thư-song* là buổi đọc sách.

[← 85]

Thơ của Đỗ Mục đời nhà Đường : **東風不與周郎便, 銅雀春深鎖二喬** *đông phong bất dữ Chu-lang tiện, Đồng-tước xuân thâm tỏa nhị Kiều* : Nếu gió đông không giúp cho Chu Du, thì hai Kiều phải khóa xuân trong đền Đồng-tước. Hai Kiều là Đại Kiều và Tiểu Kiều đời Tam-quốc, một người lấy Tôn Sách, một người lấy Chu Du.

[← 86]

Sách Quốc-sắc thiên-hương có câu rằng : 相親咫尺而渺若河山 *tương thân chỉ xích nhi diêu nhược hà sơn* : gần nhau độ một gang một thước mà không được gặp nhau, như cách trở núi sông.

[← 87]

Buồng thêu là bởi chữ 繡房 *tú phòng*, nghĩa là buồng người con-gái thêu dệt.

[← 88]

Dấu là yêu, nhớ, chứ không là giấu-diếm. *Chốc mòn* là biết bao nhiêu, bấy lâu nay.

[← 89]

Kinh Thi 邂逅相遇, 適我願兮 *giải cẩu tương ngộ, thích ngã nguyện hề* : tình-cờ không hẹn mà gặp, thực thỏa lòng ước-ao của ta.

[← 90]

Đỗ lá là hội đỗ lá.

[← 91]

Bóng hồng là bởi chữ : **美人紅影** *mỹ-nhân hồng ảnh* : bóng hồng của người đẹp, nghĩa là cái giáng-diệu của người đàn-bà đẹp.

[← 92]

Tùy-sử : 春蘭秋菊, 皆一時之秀也 *xuân lan thu cúc giai nhất thời chi tú giã* : hoa lan mùa xuân, hoa cúc mùa thu, mỗi thứ nở một mùa, đẹp một vẻ.

[← 93]

Chín là tiếng cổ, bởi chữ cổ 𠂔 mà ra, nghĩa là : chi là. Ý nói dứt về cũng khó.

[← 94]

Ghé theo : ghé mắt trông theo. Bản kinh viết là *trông theo*.

[← 95]

Bản kinh : *Dưới cầu đáy nước trong veo*. Mà các bản phường thì có nơi viết là : *dưới cầu* hoặc *dưới khe*. Nhưng thiết-tưởng để chữ *dưới dòng* thì đúng với câu thơ Đường-thi rằng : **一渠春碧弄孱孱, 綠柳橋邊掩映間** Nhất cử xuân bích lộng sần sần, lục liễu kiều biên yếm ánh gian : một dòng nước biếc gờn-gợn, bên cầu thì phất-phơ cảnh liễu.

[← 96]

Có bản viết là : *la tha*, nghĩa là ngã từ từ xuống.

[← 97]

Thu-không là thu ban ngày, tức là lúc bắt đầu tối.

[← 98]

Gương Nga là cái gương của ả Hằng Nga, tức là mặt trăng. Có bản viết là : *Gương Nga văng-vặc đầy song*, hay là : *Gương Nga văng-vặc sa song*.

[← 99]

Có bản viết là viết là : *Vàng gieo đáy nước...*

[← 100]

Hải-đường là thứ cây có hoa, đến đêm thì lả ngọn xuống.

[← 101]

La-đà : thấp xuống gần đất. Bốn câu này tả cái cảnh đêm mùa xuân.

[← 102]

素娥 Tố Nga, là mặt trăng. Bản kinh đối là : *Đăm đăm lặng ngắm bóng hoa.*

[← 103]

Người mà... là nói Đạm Tiên.

[← 104]

Người đâu... là nói Kim Trọng.

[← 105]

Tuyệt diệu là cực hay, lấy chữ của Thái Ung đời Hậu-Hán, phê vào bài văn bia rằng : 絕妙好辭 *tuyệt diệu hảo từ* : bài văn rất hay.

[← 106]

Bản kinh đối là : *Buồng xuân êm rủ bức màn.*

[← 107]

Bản kinh viết là *Tựa làn...*

[← 108]

Chữ *sương* và chữ *tuyết* dùng để nói cái vẻ trắng và đẹp của người đàn-bà. Bản kinh viết là :
Tuyết in vóc, tố pha thân.

[← 109]

Đời Nam Bắc-triều bên Tàu, Đông-hôn-hầu đời Nam Tề khi làm vua, yêu Phan-phi, làm hoa sen bằng vàng mà lát xuống đất cho nàng đi, rồi cười mà nói rằng : « Quý-phi đi mỗi bước chầm nở ra một cái hoa sen ». Từ đấy lấy hai chữ *sen vàng* nói bước chầm của người đàn-bà.

[← 110]

Lãng-dã : mập-mờ, không rõ. Có bản viết là : *Sen vàng lững-thững...*

[← 111]

Có bản viết là : « *Chào mừng...* »

[← 112]

Cuối đời nhà Tấn, có một người đi đánh cá vào một cái suối hoa đào đi mãi theo suối ấy vào đến chỗ động tiên.

[← 113]

Kinh Dịch **同聲相應, 同氣相求**, *đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu* : cùng một thanh thì hợp nhau, cùng một khí thì tìm đến nhau.

[← 114]

Hàn gia cũng như là *tệ xá*, *tệ cư*, *tệ ốc*, *hàn môn*, *hàn tộc*, *tiện cư*, v.v... đều là lối nói khiêm, tức là nói nhà tôi.

[← 115]

西阡 *tây thiên* là cánh đồng phía tây, hay là *tây thiên* **西天** là phía tây.

[← 116]

Chủ hội đoạn-trường.

[← 117]

Có bản viết là : *Mà sao...*

[← 118]

Đoạn-trường nghĩa đen là đau-đớn như đứt ruột, mà nghĩa bóng là cái oan-nghiệp của những kẻ đa tình, người bạc-mệnh. *Số đoạn-trường* là sổ kê tên những người phải chịu sự đau-đớn khổ-sở.

[← 119]

Kinh nhà Phật : 欲知前世因, 今生受者是, 欲知來世果, 今生作者是 *dục tri tiền thế nhân, kim sinh thu giả thị ; dục tri lai thế quả, kim sinh tác giả thị* : muốn biết cái nhân-duyên trước thế nào, thì hãy xem đời nay được hưởng thế nào ; muốn biết quả-kiếp đời sau thế nào, hãy xem kiếp này ăn-ở thế nào.

[← 120]

Thanh-tâm tài-nhân nói rằng : 前船後船, 安知你我非再來人 *tiền thuyền hậu thuyền, an tri nễ ngã phi tái lai nhân* : cái thuyền trước với cái thuyền sau, biết đâu người ta với mình lại không phải là người chết đi rồi lại tái sinh kiếp sau.

[← 121]

Mười bài là :

1. Tích đa tài 惜多才
2. Liên bạc mệnh 憐薄命
3. Bi kỳ lộ 悲歧路
4. Ưc cố nhân 憶故人
5. Niệm nô kiều 念奴嬌
6. Ai thanh xuân 哀青春
7. Ta kiến ngộ 嗟蹇遇
8. Khổ linh lạc 苦零落
9. Mộng cố viên 夢故園
10. Khốc tương tư 哭相思

[← 122]

Có bản viết là : *Xem thơ nấc-nởm.*

[← 123]

繡口 *tú khẩu* là miệng thêu ; **錦心** *cẩm tâm* là lòng gấm. Ý nói có tài làm văn hay.

[← 124]

Có bản viết là : *Gió đâu khuà.*

[← 125]

Tây-sương : 蘭麝香仍在 *lan xạ hương nhưng tại* : người đi rồi mà mùi hương hầy còn phảng-phất.

[← 126]

Ý nói số phận chìm-nổi long-đong.

[← 127]

Kinh Thi : 焉得萱草言樹之背 *yên đắc huyên thảo ngôn thụ chi bội* : Ước gì được cỏ huyên mà trồng thêm phía bắc. Cỏ huyên có tính làm cho giải phiền, cho nên dùng chữ *huyên* để nói mẹ.

[← 128]

Có bản viết là : *Nhà huyền chột tỉnh hời-han mọi bề.*

[← 129]

Bản kinh chứa hai câu này là : *Cớ sao sầu-não ử-ê. Canh khuya dong bóng thức chi đến giờ ?*

[← 130]

Bài *Tràng-hận* ca của Bạch Cư Dị đời nhà Đường có câu : 玉容寂寞淚闌干, 梨花一枝春帶雨
ngọc dung tịch mịch lệ lan can, lê hoa nhất chi xuân đới vũ : Mặt ngọc ủ-ê, nước mắt dầm-
dề như cái hoa lê mùa xuân có bám mấy giọt nước mưa.

[← 131]

Ta thường nói cha sinh mẹ dưỡng. Có bản viết là : *Dưỡng sinh đôi đức*.

[← 132]

Có bản viết là : *Nhấp đi phút thấy...*

[← 133]

Có bản viết là : *Dạy rằng : mộng ảo « chắc đâu ».*

[← 134]

Bà Nga Hoàng và bà Nữ Anh ngày xưa khóc vua Thuấn ở trên bờ sông Tương, cho nên bây giờ người ta thường lấy chữ *tương* mà ví nước mắt đàn bà, hay là nói tương-tư. Ý câu này nói Kiều chưa nghĩ xong cái mộng-triệu của Đạm Tiên thì đã nhớ đến Kim Trọng.

[← 135]

Có bản chữa lại là : *Nách tường bóng liễu bay ngang trước màn*, nhưng không đúng vần.

[← 136]

Chạnh là vương, mắt.

[← 137]

Có bản viết là... là *thói hữu tình*. Nhưng không đúng nghĩa với chữ 情種 *tình chủng*.

[← 138]

Bản kinh chữ là : ...*khôn khuấy*.

[← 139]

Câu này nghĩa là : Cái sầu đong cho vơi đi, thì chốc chốc lại đầy lên ; cũng như nói : buồn muốn làm khuây mà không khuây được. Có nhiều bản viết là : *Sầu đong càng lắc càng đầy* ; hay là ...*càng gạt càng đầy*.

[← 140]

Kinh Thi : **一日不見如三秋兮** *nhất nhật bất kiến như tam thu hề* : một ngày không trông thấy mặt bằng ba mùa thu.

[← 141]

Tình-sử : 秦雲趙雨 *Tần vân Triệu vũ* : mây nước Tần, mưa nước Triệu, là nói chỗ đàn-bà ở im-lặng mát-mẻ.

[← 142]

Có bản viết là : *Bóng hồng liệu nẻo...*

[← 143]

Bản kinh chữ là : *Vãng trăng khuyết.*

[← 144]

Bút ta làm quản bằng trúc, và ngòi bằng lông thỏ, để lâu không viết ngòi se khô đi. Có bản viết là : *Trúc se ngón thỏ*, là nói ngón tay không để vào ống sáo.

[← 145]

Mành tương là bởi chữ tương liên 細簾 là mành-mành căng the, gió thổi vào nghe như tiếng đàn.

[← 146]

Ví chẳng, tức là ví chẳng.

[← 147]

Tình-sử : 三生石上舊精魂 *tam sinh thạch thượng cựu tinh hồn*, nghĩa là người có duyên-số là có nợ-nần với nhau, thì viết tên lên hòn đá để kiếp này không trả được thì kiếp sau phải trả, đến ba kiếp mà không trả được mới thôi.

[← 148]

Bản kinh : *Thì chi đem giống khuynh-thành trên người.* Hay là : *Cớ chi đem giống khuynh-thành...*

[← 149]

Có bản viết là : *Một làn.*

[← 150]

Vi-lô là cây lau. Có bản viết là : *bông lau*.

[← 151]

Bản kinh : *Chạnh riêng tường ít, nhớ nhiều.* Hay là : *Chạnh riêng tường ít, tình nhiều.*

[← 152]

Ngày xưa Bùi Hàng đời nhà Đường gặp nàng Vân Kiều cho một bài thơ, trong thơ có câu : 藍橋本是神仙窟 *Lam-kiều bản thị thần tiên quật* : Lam-kiều là chỗ thần-tiên ở. Đến sau đi qua cầu Lam, khát nước, vào hàng uống nước, thì thấy nàng Vân Anh đẹp lắm, muốn lấy làm vợ. Bà mẹ nàng ấy bảo rằng : Hễ có cái chày ngọc đem lại kháp vừa vào cái cối ngọc thì gả cho. Bùi Hàng về gặp tiên cho chày ngọc, lấy được Vân Anh, rồi hai vợ chồng đều được thành tiên cả. Đây là nói chỗ người đàn-bà đẹp ở.

[← 153]

Đời vua Đường Hi-tông, người Vu Hựu có bắt được một cái lá đỏ trôi từ trong cung vua trôi ra, trong cái lá có đề thơ. Vu Hựu bèn đề một bài vào cái lá ấy rồi thả xuống sông, thì nó lại trôi trở vào. Cung-nhân là Hàn-thị, bắt được. Về sau vua thả 3.000 cung-nữ ra. Vu-Hựu lấy được Hàn-thị, mới biết rằng những bài thơ ở cái lá đỏ ngày trước là thơ của Hàn-thị.

[← 154]

Vua Hán Vũ-đế ngày xưa đương ngự chơi, có hai con chim xanh bay đến. Đông Phương Sóc
tâu rằng : Đây là sứ-giả của Tây-vương-mẫu đem tin đi trước. Được một lát thì Tây-vương-
mẫu đến thật.

[← 155]

Đừng lẫn con oanh với con hoàng-oanh. *Oanh* là một thứ chim nhỏ lông răn, hay hót ở trong bụi ; hoàng-oanh là thứ chim lông vàng, mỏ nhọn-phớt đỏ và tiếng hót khác tiếng con oanh.

[← 156]

Dấy là đảy lên, ngập lên. Có bản viết là : đảy thêm.

[← 157]

Bản Kinh viết là 胡越, *hồ-việt*. Hồ-việt hay là 吳越 *Ngô-việt* cũng nghĩa là người đi buôn-bán nay đây mai đó. Có bản viết là : Hòỉ ra *ngô-việt*.

[← 158]

Đề-huề là giặt-díu.

[← 159]

覽翠軒 *Lãm-thúy hiên*, nghĩa là cái mái để ngắm cảnh tươi-tốt của hoa cỏ. Nhân tên Kiêu với Vân đều đệm bằng chữ *thúy*, cho nên Kim Trọng có ý mừng, chắc có duyên gì với người mình đang mong-mỏi chẳng.

[← 160]

Song hồ là cửa sổ dán giấy hồ.

[← 161]

Trong một chỗ gần bằng một gang, một tắc, mà cái khoá đồng cứ khoá mãi, không thấy người nào vào ra cả.

[← 162]

Bóng hồng là bóng người con-gái đẹp.

[← 163]

Bản Kinh viết là : *Tuần trắng khuất ngón thoắt đà thềm hai*. Khuất ngón tức là đếm đốt ngón tay, bởi vậy có người đọc là : *Tuần trắng đếm đốt nay đà thềm hai*.

[← 164]

Tường gấm là bởi chữ 錦牆 *cẩm tường* là nói cái tường gạch có hoa như gấm, nghĩa là nói cách văn-hoa cho lịch-sự.

[← 165]

Có bản đối hai câu này là : *Đêm khuya dẫn-dọc mông thâm, Trời như xui khách tri cầm biết
nơi.*

[← 166]

Hợp-phố xưa thuộc về Giao-châu, tức là nước Nam ta, nay là vùng châu Khâm, châu Liêm bên Quảng-đông. Về thời-đại Bắc-thuộc, ở miền bể ấy có nhiều ngọc trân-châu, quan Tào cứ bắt dân phải đi lấy, bao nhiêu ngọc trai đều bỏ đi nơi khác. Sau người Mạnh Thường sang làm quan, có nhân chính, những ngọc trai tự nhiên lại về. Đây ý nói rằng của báu này biết là của ai mà đem trả người ta.

[← 167]

Có bản viết là : *Chiếc thoa là...*

[← 168]

Niềm tây là ý-nghĩa riêng của mình.

[← 169]

Có bản viết là : *Thang mây...*

[← 170]

Có bản viết là : *Kẻ nhìn tận mặt...*

[← 171]

偶爾 *Ngẫu-nhĩ* là tình-cờ.

[← 172]

Chồn là moi.

[← 173]

Đường-thi : 梅骨瘦難支, *mai cốt sấu nan chi* : người gầy như cành mai, đứng không vững.

Rủ mòn cũng như gầy mòn. Ý nói vì tương-tư mà gầy mòn.

[← 174]

Có bản viết là : *Năm tròn như cuội cung mây*, lấy cái điển thẳng cuội năm gốc cây đa. Lại có bản viết là : *Tháng tròn như gửi song mây*, lấy chữ *vân song* là chỗ người đẹp ở. Nhưng đây theo bản cũ, lấy nghĩa câu : **月奇心于月宫** *nguyệt kỳ tâm vu nguyệt cung* : tháng nào cũng để bụng ở cung tiên trong mặt trăng.

[← 175]

So câu này với câu : « *Ấp cây một mực trần trần* » trong truyện Hoa Tiên thì cùng một nghĩa. Đời xưa có một người đi cà, thấy con thỏ bị đuổi chạy đụng vào cây mà chết, người ấy bắt được, rồi từ đó bỏ việc đi cà, cứ ngày ngày đến ôm gốc cây chờ bắt thỏ. Ý ở đây nói đợi mãi mà không thấy gì.

[← 176]

Đài gương cũng như *đài trang* là chỗ người đàn-bà ở. Nghĩa rộng là nói tôn người đàn-bà.

Dấu bèo là nói phận nhỏ-mọn, lời Kim Trọng nói khiêm.

[← 177]

Thói nhà băng-tuyết cũng như ta nói : nhà tôi thanh-bạch : chất hăng phi-phong là chữ Kinh

Thi : 采葑采菲 *thái phong thái phi* : hái rau phong rau phi, ý nói mình quê-mùa mộc-mạc.

[← 178]

Bởi chữ **紅葉赤繩** hồng diệp xích thằng.

Lá thắm đã nói bên trên.

Chi hồng là tích Vì Cỗ đi kén vợ, vào cái chùa gặp một ông già, bên mình có cái túi chỉ hồng, tay mở quyển sách, soi ra sáng trắng mà xem. Vì Cỗ hỏi thì nói : Sách ấy là sách Hôn-thư, là sổ những người phải lấy nhau. Chi đã buộc rồi, thì dù thân, thù, quý, tiện, thế nào rồi cũng phải hợp. Ông già ấy xe dây cho Vì Cỗ lấy một đứa con nhà hàng rau, rách-rưới bẩn-thiu... Vì Cỗ giận toan giết đi, mà rồi sau cũng lại lấy nhau.

[← 179]

Khuôn thiêng là Trời.

[← 180]

Xuân dùng để gọi người đàn-bà đẹp và trẻ tuổi. *Lượng xuân* đây là nói lượng cô Kiều.

[← 181]

Chiều xuân tức là **春思** *xuân tứ* là tình ; *nét thu* là **秋破** *thu ba* là sóng mùa thu, tức là con mắt.

[← 182]

Có bản viết là : ...*đá vàng nằm trong*, lấy nghĩa câu **金石之言刻于五内** *kim thạch chi ngôn khắc vu ngũ nội*. *Ngũ nội* cũng như *ngũ phủ*, nghĩa là lời vàng đá thì ghi vào trong bụng.

[← 183]

Có bản viết là *kim châu* 金珠 nghĩa là những của Kim Trọng đem cho Thúy Kiều. Có bản viết là *kim hoàn*.

[← 184]

Nhiều bản viết là : *Sẵn tay bả quạt hoa quì*. Đây theo trong sách của Thanh-tâm-tài-nhân có câu rằng : 翹以手中金扇袖內錦悅答之 *Kiêu dĩ thủ trung kim phiến tụ nội cầm thuế đáp chi* : Kiều lấy cây quạt cầm sẵn ở tay, và cái khăn tay ở trong ống tay áo cùng chiếc thoa mà đáp lại. Có bản viết là : *Khăn tay gấm, quạt hoa quì*. Có bản lại viết là : *Quạt vàng khăn gấm sẵn tay*.

[← 185]

膝膠 *tất-giao* là sơn với keo, nghĩa là lâu-bền, chặt-chẽ. Có bản viết là : *Một lời vừa gắn tất-giao*.

[← 186]

Có bản viết là : *Chàng về thư-viện...* thì cũng một nghĩa như thế.

[← 187]

Tình-sử : 君在湘江頭, 妻在湘江尾 *Quân tại Tương-giang đầu, thiếp tại Tương-giang vĩ,*
tương-tư bất tương kiến, đồng ẩm Tương-giang thủy : chàng ở đầu sông Tương, thiếp ở cuối
sông Tương, nhớ nhau không thấy mặt nhau, cùng uống nước sông Tương.

[← 188]

Có bản viết là : *Một tướng tuyết điểm sương che*, hay là : ...*tuyết đón sương che*.

[← 189]

Tây-sương : 錄暗紅稀春去也, *lục ám hồng hí xuân khứ giả* : mùi xanh đã nhiều, mùi hồng đã thừa, mùa xuân đã đi. Đây nghĩa là cuối xuân sang hè.

[← 190]

Biện : sửa-sang. Có bản viết là : Cần dâng một lễ, quì đem tấc thành. Cần là rau cần, quì là hoa quì, hai chữ ấy đi dóng đôi với nhau, có ý nói thật-thà, thành-kính. Có bản viết là : Bèn dâng một lễ...

[← 191]

時珍 *thì-trần* là hoa-quả hay là vật quý đang mùa bầy giờ. Cứ theo trong bản tiểu-thuyết của tàu là Kiều làm đồ uống rượu để đem sang bên Kim Trọng, vì tục bên Tàu cuộc vui phải có ăn-uống. Bởi vậy khi gặp Kim Trọng và đã tìm được lối đi sang, Kiều chạy trở về bưng đồ rượu sang nhà Kim Trọng. Nhưng chỗ này tác-giả chỉ nói có một câu rồi sau không nhắc lại nữa, cho nên thành ra tối, đọc không hiểu là Kiều bày những đồ thì-trân ra để làm gì.

[← 192]

Trông : trông-đợi.

[← 193]

Dầm tuyết dài sương đến nổi mái tóc lốm-đốm bạc.

[← 194]

假山 *giả sơn* là núi non-bộ.

[← 195]

Động đào : động tiên.

[← 196]

Có bản viết là : *càng nhìn mặt, càng thêm tươi.*

[← 197]

萬福 *vạn phúc* là lời đàn-bà hay dùng làm lời chào.

寒暄 *hàn-huyên* là lời hỏi thăm, đàn-ông hay đàn-bà dùng cũng được.

[← 198]

Có bản viết là : *Ngãm lời...* Lại có bản viết là : *phi tình phong nguyệt...*

[← 199]

筆架 *bút-giá* là cái giá để bút.

詩筒 *thi đồng* là cái hộp đựng thơ.

[← 200]

淡青 *đạm-thanh* là vẽ thủy-mạc, *tranh-tùng* là bức tranh vẽ cây thông.

[← 201]

風霜 *phong sương* là nói cái tiết-tháo của cây tùng đứng trơ-trơ giữa trời, chịu dài-dầu sương gió.

[← 202]

Có bản viết là : *Mặn-mà...*

[← 203]

Cổ thi 風雨催詩思 *phong vũ thôi thi tứ* : cái thi-tứ nhanh như gió mưa đùn-đẩy.

[← 204]

Có bản viết là : *Khoảng trên vậy bút...*

[← 205]

Nàng *Ban* là **班昭** *Ban Chiêu* đời nhà Hán. Á *Tạ* là **謝道韞** *Tạ Đạo Uẩn* đời nhà Tấn, hai người đàn-bà có tiếng hay chữ đời xưa.

[← 206]

Nhắc : cân-nhắc. Có bản viết là Phúc nào đổi được... Hay là Phúc nào đo được...

[← 207]

Lễ-ký : 君子佩玉 *quân-tử bội ngọc* là nói bậc quân-tử đeo ngọc, để ví cái đức-hạnh cũng thanh-quí như ngọc. Về sau cho tiếng *bội ngọc* là người làm quan to.

[← 208]

金門 *kim môn* tức là **金馬門** *kim mã-môn*, lấy câu : 漢武帝使學士待詔金馬門 *Hán Vũ-đế sử học sĩ đãi chiêu kim mã môn* : Vua Hán Vũ-đế cho những người có văn-học chực ở cửa kim mã, để khi có điều gì thì vua han-hỏi. Sau người ta lấy chữ *kim mã* mà nói chỗ để tiếp các bậc văn-học.

[← 209]

Khuôn xanh là trời. Có bản viết là : *Khuôn xanh đã biết vuông tròn mà hay.*

[← 210]

Có bản viết là : *Cứ trong tướng-pháp lắm người chê bời.*

[← 211]

Có bản viết là : ...*gắm đến ta*. Hay là : ...*ngắm vào ta*.

[← 212]

Kinh Thi : *giải cấu tương ngộ, thích ngã nguyện hê* : tình-cờ không hẹn mà gặp, thực thỏa lòng ước-ao của ta.

[← 213]

Câu này mỗi bản viết một khác : Bản thì viết *Dù đâu...* bản thì viết : *Dù mà*.

解結 *giải kết* là lấy trong sách nhà Phật : **解怨結俗** *giải oan kết tục*. Nghĩa là : đều chẳng may.

[← 214]

Nghĩa : ví dù có xảy ra làm sao nữa, thì cứ xin giữ một lời đá vàng, chứ không bao giờ sai.

[← 215]

筵曲 *trung khúc* là lời nói tâm-phúc.

[← 216]

Cổ-thi : 西山欲含半邊日 *tây sơn dục hàm bán biên nhật* : Núi non phía tây muốn ngậm nửa mặt trời.

[← 217]

Song-sa là cửa sổ cân bằng lượt.

[← 218]

Tiệc hoa tức là **花筵** *hoa duyên*, ta hay dùng dùng hai chữ ấy để nói bữa tiệc.

[← 219]

Có bản viết là : *Xăm-xăm băng nẻo...*

[← 220]

Câu này bản kinh viết rằng : *Nhật thừa gương giới bóng càn*, song xét câu thơ cổ-thi : **月明才上柳梢頭** *nguyệt minh tài thượng liễu sáo đầu* : bóng trăng mới soi qua trên ngọn cây liễu. Vậy để chữ *đầu càn* phải hơn.

[← 221]

Ngày xưa người Trác Dận nhà nghèo không có đèn, bắt đom-đóm đem vào để làm đèn mà học, cho nên về sau người ta lấy chữ *trường huỳnh* là màn đom-đóm mà gọi cái buồng học. Có bản viết là... *trường bình hắt-hiu*...

[← 222]

Thiu-thiu là mối ngủ chưa say.

[← 223]

Thuần Vu Phần ngày xưa ngủ dưới cây hòe, chiêm-bao thấy hai sứ-giả vờ vào làm Phò-mã, rồi được phong làm Thái-thú ở đất Nam-kha, vinh-hiến hơn 20 năm. Đến khi thức dậy thì chỉ thấy đàn kiến bên mình.

[← 224]

Câu này dịch thoát câu : **月移花影玉人來** *nguyệt di hoa ảnh ngọc nhân lai* : dưới bóng trăng bóng hoa mà có người đẹp như ngọc đi đến. Tả cái cảnh người đẹp đi ban đêm.

[← 225]

Vua Sở Tương-vương nằm mơ thấy một người đàn-bà đẹp lắm, hỏi là người ở đâu, thì thưa rằng : Thiếp là thần-nữ núi Vu-giáp, sớm làm mây, tối làm mưa.

[← 226]

Non Thần tức là 神州 *Thần-châu* là núi tiên ở. Câu này nói lúc bấy giờ Kim Trọng mới tỉnh dậy còn ngỡ-ngác, hình như hồn-vía vẫn còn ở đâu cõi thần-tiên.

[← 227]

Tây-sương : 與我實是明白, 安知不是夢中來 *dữ ngã thực thị minh bạch, an tri bất thi mộng trung lai* : bây giờ gặp nhau là sự thực, chắc đâu không phải là ở trong chiêm-bao.

[← 228]

Cái đài như hoa sen để thấp nển.

[← 229]

Các bản cũ viết là **窗桃** *song đào* : cửa sổ có hoa đào, nhưng thiết-tưởng viết *lô đào* **爐桃** thì có nghĩa hơn, vì là có chữ **桃爐**, **桃鼎** *đào lô*, *đào đỉnh*, là nói cái lò, cái đỉnh hình hoa đào.

[← 230]

箋 *tiên* là tờ giấy viết thư. Có bản viết là : *Tiên thể cùng đính một trương.*

[← 231]

Có bản viết là : *Đinh-ninh hai mặt...* nhưng câu : *hai mặt một lời* là giao-hẹn, hay là đôi-co điều gì, chứ đây là thề-nguyên thì để *hai miệng* như bản cũ phải hơn.

[← 232]

Đồng là 同心結 *đồng tâm kết* : cái nút thắt bằng hai giải lụa, dùng để làm biểu-hiện cái lòng kết-hợp của hai vợ chồng.

[← 233]

Chén hà là bởi chữ : 霞杯 *hà bôi*, là cái chén ngọc mùi vàng úa như ráng buổi chiều.

[← 234]

Đường-thi : 一飲瓊漿百感生 *nhất ẩm quỳnh tương bách cảm sinh* : Uống một chén rượu bằng nước ngọc-quỳnh, trong bụng sinh ra trăm mối cảm-tình.

[← 235]

Dải là bởi chữ 羅帶 *la đới* (có bản viết là *dải the*) là cái dây thắt lưng bằng lụa ; *hương lộn* là quyến cái mùi thơm vào.

[← 236]

Bình gương là bởi chữ 鏡屏 *kinh binh* là bình-phong thủy tinh.

[← 237]

Đây là nơi chưa thành vợ chồng.

[← 238]

Đã nói bên trên.

[← 239]

Có bản viết là : *Xin điều...*

[← 240]

Mấy câu Kim Trọng nói ở trên kia là ý muốn bảo Kiều đánh đàn cho mà nghe, vì Kiều vốn có tiếng là đàn hay. Nhưng không dám nói rõ ra, sợ Kiều không thuận. mấy câu Kiều trả lời lại, là ý nói trừ chuyện nguyệt hoa ra thì bảo gì cũng xin nghe.

[← 241]

琴臺 *Cầm-dài* là chữ Đường-thi nói chỗ Tư-mã Tương Như ngồi gảy đàn, rồi gặp nàng Trác Văn Quân. Người đời sau đặt tên chỗ ấy là Cầm-dài.

[← 242]

Chung Tử Kỳ ở đời Xuân-thu là người tài nghe âm-nhạc. Một hôm Bá Nha ngồi gảy đàn, bụng nghĩ trên núi, thì Tử Kỳ khen : « Tiếng đàn chót-vót như núi cao ». Kịp khi Bá Nha đang đánh đàn lại nghĩ xuống dưới sông, thì Tử-Kỳ lại khen : « Tiếng đàn cuộn-cuộn như nước chảy ». Sau Tử Kỳ chết, Bá Nha đứt dây, đập đàn đi, bảo rằng : « Trong thiên-hạ không còn ai nghe được đàn ta nữa ».

[← 243]

賤枝 *tiện-kĩ* là nghề mọn, lời nói khiêm.

[← 244]

孟光舉案齊眉 *Mạnh Quang cử án tề my*, nàng Mạnh Quang đưa cái mâm, nâng lên ngang mày. Nói ý kính-trọng. Có bản viết là : *Vội-vàng sinh đã cầm nâng...*

[← 245]

Tiếng *thân* đây là tiếng trợ-ngữ, như tiếng lăm thay, lăm ru. Tiếng cổ, bây giờ không hay nói.

[← 246]

Vũ là dây to, *văn* là dây nhỏ.

[← 247]

Cung 宮 và *thương* 商, là hai âm trong âm chính của âm-nhạc đời xưa. *Cung* là *quân* 君, tiếng nghe trầm-trọng. *Thương* là *chương* 章, là *thần* 臣, tiếng nghe mẫu tậ, tức là cao và nhanh.

[← 248]

Tư-mã Tương Như đời nhà Hán, gảy khúc đàn « phượng-cầu kỳ-hoàng » để ve nàng Trác Văn Quân. Trác Văn Quân nghe tiếng đàn hay mà mê, rồi hai bên lấy nhau.

[← 249]

Kê Khang đời nhà Tấn, hay đàn, có thầy dạy cho khúc Quảng-lãng.

[← 250]

Có bản viết là : *Một rằng Họa-nhạc, hai rằng Qui-vân*. Họa nhạc và Qui-vân là hai khúc đàn.

[← 251]

Chiêu Quân là cung-nhân đời nhà Hán, vua đem gả cho chúa Hung-nô. Lúc đi đến cửa ải, nhớ nước, nhớ nhà, cưỡi ngựa gảy đàn tì-bà là đề tả cái cảnh buồn.

[← 252]

Mấy câu này là dịch bài thơ Cầm, trong Đường-thi :

初疑颼颼凉風動

Sơ nghi táp-táp lương phong động,

又似蕭蕭著雨零

Hựu tự tiêu-tiêu mộ vũ linh ;

近若流泉來碧嶂

Cận nhưc lưu tuyền lai bích chương,

遠如玄鶴下青冥

Viễn như huyền hạc hạ thanh-minh.

[← 253]

Tiêu-tao là buồn. Có bản viết là : *thanh-tao* thì không phải.

[← 254]

Thanh-tâm tài-nhân : 斷人腸而傷己心也, *đoạn nhân trường nhi thương kỷ tâm giã* : Đứt ruột người mà đau lòng mình.

Dột là rầu, cũng như : ủ dột. Có bản viết là : *hao-hao*, nhưng các bản cũ đều viết là *nao-nao* cả.

[← 255]

Đây theo bản cũ dùng chữ *hoa hương*, nghĩa là người đẹp có hoa, có hương, thì lại đẹp thêm. Những bản khác, bản thì dùng chữ *hoa đèn* hay là *hoa lan*, bản thì dùng chữ *ngọn lan* hay là *ngọn đèn*.

[← 256]

Kinh Thi 桃之夭夭 *đào chi yêu yêu*, là nói cây đào non, để ví với người con-gái còn ít tuổi, có khi ví cái thời con-gái đi lấy chồng.

[← 257]

Bố-kinh, là bởi chữ **布裙荊釵** *bố quần kinh thoa* : quần vải-thoa cỏ. Nghĩa là đạo làm vợ có quyền để tang cha mẹ bằng sô gai.

[← 258]

Kinh Thi : **桑中濮上** *tang trung Bộc thượng*, là nói trai gái hẹn-hò nhau ở trong bụi dâu hay trên bờ sông Bộc.

[← 259]

Tây-sương : Nàng Thôi Oanh Oanh cùng với Trương Cung phải lòng nhau ở mái tây chùa Phổ-cứu. Hai người cùng tốt đôi phải lứa, nhưng đã đi ăn ngủ với nhau, rồi sau không lấy nhau.

[← 260]

Mây mưa là dùng để Sờ Tương-vương nằm mê thấy thần-nữ ở núi Vu-sơn. Thần ấy nói chuyện rằng : Thiếp thường hay làm mây buổi sáng, làm mưa buổi chiều. Về sau người ta dùng tiếng *mây mưa* để nói về chuyện trăng hoa cho khỏi tục. *Đá vàng* là cái lòng trinh-tiết của người đàn-bà.

[← 261]

Ý nói khi đã lấy nhau. Câu này lấy điển trong bài Trường hận-ca nói vua Đường Huyền-tông và Dương Quý-phi nguyện với nhau rằng : **在天願作比翼鳥，在地願為連理枝** *tại thiên nguyện tác tị dực điểu, tại địa nguyên vi liên lý chi* : Ở trên trời thì làm con chim liền cánh, ở dưới đất thì làm cành cây liền thớ.

[← 262]

Tạ Côn ghẹo người con-gái đang dệt cửi, bị người ấy cầm cái thoi ném vào mặt, gãy mất hai cái răng. Ý câu này và câu sau nói rằng : Nếu trước mà không giữ, thì sau thẹn với nhau.

[← 263]

Có bản viết là : *Còn thân ắt cũng đền-bồi có khi.*

[← 264]

Bóng tàu là bóng lá cây. *Vẽ ngân* là vẽ mặt trăng. Có bản viết là *vẽ sân* thì không đúng.

[← 265]

Có bản viết là : *Tin đâu đã gõ cửa ngăn gọi vào.* Có bản viết là : *Tin đâu đã đến cửa ngăn...*

[← 266]

Cửa sài là do chữ 柴門 *sài môn*, xếp củi làm cửa. Có bản viết là : *Cửa ngoài*...

[← 267]

辭堂 từ-đường cũng như **捐舍** quyên-xá nghĩa là bỏ nhà, tức là chết. Bản kinh chứa bốn câu sau này :

*Mở xem thủ bút nghiêm-đường,
Nhấn rằng : « Thúc-phụ xa đường mệnh-chung :
« Hãy còn ký-táng Liêu-đông,
« Cố-hương khơi diễn nghìn trùng sơn-khê.
« Rày đưa linh-thần về quê,
« Thế nào con cũng phải về hộ tang ».*

Mấy câu này có ý rõ-ràng hơn, nhưng lối-lẽ thật-thà, không phải giọng văn của tác-giả.

[← 268]

旅殯 *lữ thẩn* là chết chưa chôn còn quàn ở đất khách.

[← 269]

Đinh-ninh đây là nói đủ mọi điều.

[← 270]

Đôi-hỏi : đã-dễ.

[← 271]

Mấy câu này nói : Tuy mình đã đi xa, nhưng không quên lời đã thề với nhau.

[← 272]

Hai câu này là Kim Trọng dặn Kiều ở nhà gìn-giữ thân-thể cho khỏe mạnh, để mình đi cho yên lòng.

[← 273]

Có bản viết là : *Nhận-ngừng nàng mới...*

[← 274]

Gàn-quái là ngăn-trở. Có bản chữa lại là : *Ông tơ ghét bỏ chi nhau*. Nhưng chữ *gàn-quái* là tiếng đời trước hay dùng. Vậy theo bản cổ mà chỉnh lại.

[← 275]

Cổ-thi : 路宿風飡六百里 *lộ túc phong san lục bách lý* : Đi đường 600 dặm, phải ăn gió nằm sương.

[← 276]

Đường-thì : **肯把琵琶過別船** *khẳng bả tì-bà quá biệt thuyền* : Sao nữ ôm đàn tì-bà sang thuyền khác. Đây là lấy truyện trong bài Tì-bà-hành mà chê người đàn-bà không biết giữ cho trọn cái nghĩa cũ.

[← 277]

Trân-trọng đây là tiếng dặn-dò người đi xa phải giữ-gìn thân-thể cho được mạnh-khỏe.

[← 278]

Quyên nhật là con quốc kêu mau ; *nhận thừa* là con nhận bay thừa.

[← 279]

Tả cái vẻ mặt buồn của cô Kiều.

[← 280]

Hàn-huyền là lời hỏi thăm, đàn-ông hay đàn-bà dùng cũng được.

[← 281]

Già là cái gông, *giang* là gông vào cổ.

[← 282]

Kinh Thi : 蒼蠅之聲 *thường nhăng chi thanh* : tiếng con nhặng xanh. Ý nói ví với đồ tiểu-nhân bặng-nhặng.

[← 283]

Câu này theo bản cũ, cho chữ *gối mai* là bởi chữ 梅枕 *mai trẩm* cũng như 梅帳 *mai trương*, là nói sự vui-vẻ đoàn-tụ ở trong nhà. Có bản viết là : *Toang-hoang khung cửi, tan-tành gối mai*, hay là : *Rụng-rời khung dệt, tan-tành gối mai*. Lại có bản viết là : *Rụng-rời bọc liễu, tan-tành cỗi mai*.

[← 284]

細軟 *tế-nhuyễn* là đồ-đặc như quần áo, chăn gối v.v...

[← 285]

Có bản viết là : *Sạch-sành-sanh nhật cho.*

[← 286]

Dập là cái đồ dùng để bắt cá, *giật giằm* là kéo cái bẫy. Ý nói tự-dưng mắc phải tai-vạ, không biết tại ai bày mưu định kế để làm hại mình. Có bản viết là : *Vì ai giá họa vu oan rõ ràng*, cũng có nghĩa, song không hợp vần.

[← 287]

Xưng-xuất tức là tiêu-xưng.

[← 288]

Hoàng-hốt nghĩa là rối-rít không biết tính toán ra làm sao.

[← 289]

Có bản viết là : *Hạ từ van-vái suốt ngày.*

[← 290]

Tiếng kêu vang *lân-tuất* (thương-xót) thì rầm-rĩ lên, mà tay *tồi-tàn* thì cứ đánh-đập dữ-dội.

[← 291]

Giường là giường nhà, tức là tấm gỗ bắc ngang trên nóc nhà. Bọn sai-nha rút ngược hai cha con lên trên giường nhà.

[← 292]

Có bản viết là : *Dấu người đá...*

[← 293]

Có bản viết là : *Oan này chỉ có...*

[← 294]

Bản kinh chữa lại *xử biến* cũng có nghĩa.

[← 295]

會遇 *hội ngộ* là trai-gái gặp-gỡ nhau : **劬勞** *cù-lao* là chữ Kinh Thi : **哀哀父母生我劬勞** *ai ai phụ mẫu sinh ngã cù-lao* : thương-xót thay cha mẹ, công sinh ta ra khó-nhọc đường nào ! Câu này nói Kiều một bên đối với Kim Trọng, một bên đối với cha mẹ.

[← 296]

Có bản viết là : *Chữ tình, chữ hiếu...*

[← 297]

Tình-sử : 海誓山盟 *hải thệ sơn minh* : chỉ bể mà thề, chỉ núi mà nguyện. Dù bể cạn núi mòn mà lời thề-nguyện vẫn không đổi.

[← 298]

Kinh Dịch : **天生之, 地成之** *thiên sinh chi, địa thành chi* : trời sinh ra có hình, đất làm ra thành hình. Ta coi công-đức cha mẹ như trời đất, cho nên gọi là *sinh-thành*.

[← 299]

Có bản viết là : *thấy lời...*

[← 300]

規料 *qui-liệu* nghĩa là thu-xếp.

[← 301]

Bản kinh viết là : *thương nàng*, hình như lời của tác-giả nói. Song đây để chữ *thương lòng*, thành ra Kiều tự nghĩ cái cảnh mình lúc ấy, thì có lẽ hợp với cái ý của tác-giả hơn.

[← 302]

Có bản viết là : *Gặp cơn đổi gió thay mây bất kỳ*. Hay là : *Gặp cơn dạ bốc tai bay bất kỳ*.

[← 303]

Bản kinh viết là : *Đau bề...* song không bằng chữ *đau lòng*, vì hai tiếng *lòng* đi sóng với nhau, thì hơi văn mới mạnh.

[← 304]

Hạt mưa nghĩa là cái thân-phận đàn-bà. Tục-ngữ nói rằng : « *Thân em như hạt mưa rào, hạt xa xuống giếng hạt vào vườn hoa* ».

[← 305]

Thơ Mạnh Giao đời Đường : 欲將寸草心, 報答三春暉 *dục tương thốn thảo tâm, báo đáp tam xuân huy* : muốn đem tấc lòng cỏ đền-bồi khí sang ba tháng xuân. Có khí tốt mùa xuân mới có cỏ, cũng như có cha, thì mới có con.

[← 306]

冰人 *băng-nhân* là người làm mối.

[← 307]

Bởi chữ 霜信 *sương tín* là nói khi trời sắp có sương, thì có tin báo trước, như chim nhạn ở bên bắc bay lại thì ai ai cũng biết sắp có sương mù. Đây là nói tiếng đồn khắp cả mọi nơi.

[← 308]

過年 *quá niên* cũng như nói đã đứng tuổi, không trẻ không già.

[← 309]

Sỗ-sàng đây nghĩa là trơ-tráo, không biết khiêm-tốn.

[← 310]

Bản kinh viết là : *Nỗi mình đang tức nỗi nhà.*

[← 311]

Bản kinh viết là : ...*châu sa mấy hàng*. Song các bản cũ viết là *lệ hoa*. Và lại thêm hoa với lệ hoa, hai tiếng hoa đi với nhau có lẽ hay hơn.

[← 312]

Dín là tiếng cổ cũng như là e-lệ. Có bản viết là : *dạn gió e sương*. Chữ *dạn* ở đây không phải nghĩa.

[← 313]

Nhiều bản viết là : *Ngừng hoa* nghĩa là : nhìn, ngắm. Có bản mới lại viết là : *Xem hoa* hay là *nhìn hoa*.

[← 314]

Bởi câu : **容淡如菊，格瘦如梅** *dung đạm như cúc, cách sấu như mai* : vẻ thanh như hoa cúc, dáng gầy như cành mai. Đây tả cái vẻ người mỹ-nhân trong khi buồn, khi thẹn.

[← 315]

聘儀 *sính-nghi* là lễ cưới, đồ dẫn cưới. Câu này có bản viết là : *Sính-nghi vâng dạy bao nhiêu cũng trình.*

[← 316]

Có bản viết : *Ngặt nhà...*

[← 317]

Ngã giá là mà-cả xong.

[← 318]

Tục-ngữ ta hay nói : « Buông tay giằm, cầm tay chèo » nghĩa là lái thuyền mà-cả được giá mà chèo đi.

[← 319]

庚帖 *canh-thiếp* là cái thiếp biên niên-canh, hai bên trai gái đưa cho nhau, để so đôi tuổi.

[← 320]

Thiên-bảo dị-sử : Ông Trương Gia Trinh đời nhà Đường có năm đứa con gái, muốn gả một đứa cho người Quách Nguyên Chấn là một người hình-dung rất đẹp. Gia Trinh bèn sai năm con mỗi người cầm một sợi tơ dài, đứng trong nhà dòng ra ngoài, bảo Nguyên Chấn đứng ngoài rút phải sợi tơ của ai, thì lấy người ấy. Nguyên Chấn rút phải sợi tơ đỏ, lấy người con gái thứ ba.

Còn tích gieo cầu, thì lấy ở trong sách Tam-hợp bảo-kiếm : Chuyện vua Vũ-đế nhà Hán kén Phò-mã. Công-chúa ngồi trên lầu, ném quả cầu xuống, ai cướp được thì được làm Phò-mã.

[← 321]

Bấy là tiếng cổ, cũng như nói : lắm thế ! nhiều thế !

[← 322]

Ý nói trước sau cũng chết một lần mà thôi,

[← 323]

Có bản viết là : ...ông rắp...

[← 324]

Bản kinh viết là : ...*một chút hồng-nhan*. Có bản lại viết là : ...*một tấm hồng-nhan*.

[← 325]

Hán-thư : Cha nàng Đề Oanh phạm tội cung-hình, nàng dâng thư lên tâu vua Văn-đế, xin chuộc tội cho cha. Vua cảm lòng hiếu của nàng ấy mà tha tội cho người cha.

[← 326]

Đường-tùng-thư : Nàng Lý Ký nhà nghèo, bán mình chịu tình-nguyên đem thân vào cúng thần rằm, để lấy tiền cứu cha mẹ. Về sau nàng giết được thần rằm rồi lấy được vua Việt-vương.

[← 327]

Theo sách Trang-tử thì cây *xuân* là một thứ cây sống lâu, cứ 8.000 năm là một mùa xuân, 8.000 năm là một mùa thu. Lấy chữ *xuân* mà nói cha là vì ai cũng mong cho cha được sống lâu. Có bản viết là : *Xuân-huyền tuổi hạc càng cao*, nhưng cứ như ý câu dưới thì để *cổ xuân* phải nghĩa hơn. Có bản viết là : *Chồi xuân...*

[← 328]

Có bản viết là : *Lượng trên dù chẳng...* Đây theo bản cũ để chữ : *Lòng tơ...* Ý câu này là nói rằng : Dù cha cứ vương-viu không chịu cho con bán mình đi, thì mọi việc hư-hỏng cả.

[← 329]

Ý nói con bán mình phải đi xa, song còn cha ở nhà trông-nôm mẹ già cùng các em.

[← 330]

Có nhiều bản viết là : *Phận dành...*

[← 331]

Nghĩa là cũng ví như lúc còn thơ-ấu không nuôi được.

[← 332]

Có bản viết là : *toan quanh*.

[← 333]

Tiền-thần-luận : **手中有錢, 可變改黑白顛倒是非** *thủ trung hữu tiền, khả biến cải hắc bạch
điên-đảo thị phi*, là nghĩa hai câu này.

[← 334]

Lễ tâm là như ta nói : gọi là có chút lòng thành v.v...

[← 335]

Tinh-kỳ là giờ dẫn hôn. Trong sách có nói : **婚者見星而行** *hôn giả kiến tinh nhi hành* : đám cưới trông thấy sao mới đi, nghĩa là cưới về đêm.

[← 336]

Có bản viết là : Áo đầm giọt tủi...

[← 337]

Trời Liêu là nói đất Liêu-dương, chỗ Kim Trọng đi hộ tang chú.

[← 338]

Có bản viết là : *thôi thế là thôi*.

[← 339]

Chuyện luân-hồi : Hễ nợ ai kiếp này không trả được, thì kiếp sau sinh là trâu hay là ngựa ở nhà người có nợ, để đền trả cho xong.

[← 340]

竹梅 *trúc mai* là nói về tình-nghĩa giao-kết, cũng như cây trúc, cây mai vẫn làm bạn với nhau.

[← 341]

Tình-sử : Chuyện một người con-gái phải lòng một người lái-buôn ; người lái-buôn ấy đi không về, cô ta ốm tương-tư mà chết. Dem hỏa-táng xương thịt cháy cả, duy trong bụng chỉ còn có một cục không sao cháy được, đập cũng không vỡ. Đến sau người lái-buôn về khóc, nước mắt sa vào, cục ấy tan ra tuyết.

泉臺 *tuyền-đài* là ở dưới âm phủ, cũng như nói *dạ-đài* **夜臺** hay là **黃泉** *hoàng-tuyền*.

[← 342]

盤桓 *bàn-hoàn* : lưu-luyến, quẩn-quít, không nỡ bỏ ra, không nỡ dứt ra.

[← 343]

Có bản viết là : *giọt tràn thấm khăn*.

[← 344]

Giấc xuân là bởi chữ 春眠 *xuân miên*, nghĩa là giấc ngủ êm-ái.

Ông Vũ Trinh là quan Tham-tri bộ Hình đời trước, đọc đến chỗ này có phê rằng : « Thúy Vân xuất hiện ba lần, mà lần nào cũng trơ như hòn đá. Trong hội Đoạn-trường sao có của ngu-xuẩn như vậy, cô Đạm Tiên còn làm gì được nàng nữa ! Nàng chỉ đáng cho theo thói giàu-sang làm bà quan là phải ».

[← 345]

Có bản viết là : *Răng : lòng đương thốn-thức đầy.*

[← 346]

Bản kinh viết là : *Con tở...*

[← 347]

Bản kinh viết là : *sượng-sùng*.

[← 348]

鸞膠 *loan giao* là một thứ keo để gắn phím đàn, người ta thường dùng điển ấy nói về tình xưa nghĩa cũ đã gián-đoạn đi mà lại nối lại được.

[← 349]

Có bản viết là : *Hiếu tình khôn lẽ...*

[← 350]

含笑九泉 *hàm tiếu cửu tuyền*, nghĩa là có chết xuống dưới chín suối cũng hả lòng.

[← 351]

Các bản cũ và bản kinh đều viết là *Chiếc vành*. Có bản viết là *chiếc thoa* là lầm, bởi vì chiếc vành là của Kim Trọng tặng Kiều, còn *chiếc thoa* là của Kiều tặng lại Kim Trọng.

[← 352]

Bản kinh viết là : ...*vật này làm duyên* chữ *duyên* không đúng vần.

[← 353]

蒲柳之姿望秋而選彫 *bồ liễu chi tư vọng thu nhi tiên điêu* : cây bồ cây liễu, là thứ cây yếu-ớt, hễ trông thấy mùa thu đến thì đã rụng và héo rồi. Ví như người đàn-bà yếu-ớt.

Nghĩa trúc-mai là nghĩa giao-kết với nhau. Ý câu này nói : Dầu cái thân hèn-yếu này có nát đi nữa cũng còn mong báo đền cái nghĩa giao-kết với người tri-kỷ.

[← 354]

Đã nói bên trên.

[← 355]

Có nhiều bản viết là : *Rảy xin giọt lệ cho người thác oan*. Nhưng chữ *giọt lệ* không đúng với ý trong tờ lưu-thư của Kiều để lại cho Kim Trọng, nói rằng : Khi đánh đàn và đốt hương ấy lên, mà thấy có ngọn gió hiu-hiu thổi là hồn tôi về, thì xin rảy cho chén nước chè để rõ cái ý hai bên đã biết cho nhau.

[← 356]

水流花落 *thủy lưu hoa lạc* là nói những người bạc-mệnh như nước chảy hoa trôi.

[← 357]

Có bản viết là : *Cạn lời phách tán hồn bay.*

[← 358]

Giầu là nguôi, bớt. Có bản viết là : Mới nguôi cơn vụng... Bản kinh viết là : Mới mờ vẻ phẫn, chưa...

[← 359]

琥珀拾芥，磁石引針 *hỗ phách thập giới, từ thạch dẫn châm* : hổ phách bắt rác nhẹ, ta quen gọi là hạt cải, đá nam-châm hút cái kim, nghĩa là phối-hợp với nhau.

[← 360]

Rén : thông-thả, sè-sẽ ; *chiềng* : trình, thưa.

Có bản viết là : *nàng lại thưa trình*. *Trình* thì không đúng vần, mà *chiềng* thì ép vần quá.

[← 361]

他鄉白骨 *tha hương bạch cốt* : chết ở đất khách quê người.

[← 362]

Có bản viết là : *Thư-lâu*.

[← 363]

Quản là sáo, *huyền* là đàn.

[← 364]

Câu này dịch câu thơ chữ : 黃昏欲雨黑如藍 *hoàng hôn dục vũ hắc như lam*.

[← 365]

住坊 trú-phường là nhà trọ.

[← 366]

Xuân tỏa, là khóa xuân.

[← 367]

情鐘 *tình chung* : Tình-ái rớt riêng vào một người.

[← 368]

Đường thi : 秋霄只為一人長 *thu tiêu chỉ vị nhất nhân trường* : đêm buồn chỉ dài cho một người buồn. Có bản viết là *đêm sầu*.

[← 369]

Có người cho câu này do chuyện cổ-tích rằng : Một người đi bán mạt-cửa giả làm cám ; một người bán mướt-đăng giả làm dưa chuột. Hai người bán lẫn cho nhau, thành hai anh bợm cùng mắc bợm.

[← 370]

Tục-ngữ : « Cờ ở tay ai, người ấy phất ».

[← 371]

Vẻ ngọc, là vẻ đẹp của Kiều. *Khúc vàng* là lòng, bụng. Xem chữ « *tắc vàng* » câu « Dầu mòn bia đá, dám sai tắc vàng ! ».

[← 372]

Bởi chữ : **一笑千金** *nhất tiếu thiên kim* : một cười đáng nghìn vàng.

[← 373]

Tô-thi : **老人遊戲如童子, 不折梅枝, 折橘枝** *lão nhân du hí như đồng tử, bất chiết mai chi, chiết quất chi* : người già chơi như trẻ con, không bẻ cành mai lại bẻ cành quít, nghĩa là người già mà không đứng-đăng, cũng như ta nói : « Già đời còn chơi trống bỏi ». Có bản viết là : *Thì vin cành quách, cho cam sự đời...*

[← 374]

Bản kinh viết là : *Trong trần mấy mặt làng soi.*

[← 375]

Sách Bắc-lý-chí nói rằng : « Những gái thanh lâu tiếp khách xong, lấy vỏ thừu-lựu nấu lên rồi pha máu mào gà vào mà lại rửa thì lại nguyên ».

[← 376]

招集 *chiêu-tập* là nói những cách ngoài để sửa-chữa lại cho người ta mắc lừa, như nước vô lựu, máu mào gà v.v...

[← 377]

Con đen là bởi chữ 黔黎 *kiềm lê* là nói dân đen đầu, nghĩa là những người ngu-dại.

[← 378]

Có bản viết là : *Đến đây...*

[← 379]

Đường-thi : 開到荼蘼花事了 *khai đáo trà-mi hoa sự liễu* : nở đến hoa trà-mi thì sự chơi hoa đã hết rồi.

[← 380]

Hai câu này dịch câu : 忽被狂風妒雨, 豈知惜玉憐香 *hốt bị cuồng phong đố vũ, khởi tri tịch ngọc liên hương.*

[← 381]

Vợ chồng nhập phòng với nhau, thường trong buồng thấp đèn hoa.

[← 382]

Tô-thi : **汝非其人身腥膻** *nhữ phi kỳ nhân thân tinh chiên* : Người không phải là người quý, vì là thân-thể hôi-tanh lắm.

[← 383]

千金之身 *thiên kim chi thân* : thân đáng nghìn vàng.

[← 384]

捐生 *quyên sinh* nghĩa là tự-vẫn.

[← 385]

Hai tình là song thân. Có bản viết là : *Một tình thì chớ, hai tình thì sao*. Ý nói cái thân mình có thể liều chết được, song chỉ sợ làm lụy đến cha mẹ mình.

[← 386]

Bản kinh viết là : *Đánh liều âu cũng giãn dần.*

[← 387]

*Gáy sô*i* là gáy rằ*m* lên.*

[← 388]

Lầu mai là cái lầu của tuần-canh buổi sáng. *Còi sương* là cái còi rúc lúc còn sương.

[← 389]

岐 kỳ là đường rẽ. *Phân kỳ* là mỗi người đi một ngã. Bản kinh viết là : **臨岐** lâm kỳ.

[← 390]

Hán-thư chép rằng : Đường đi bên Tàu, cứ 5 dặm có một cái quán, gọi là đoản-đình, 10 dặm có một cái quán, gọi là tràng-đình **五里短亭十里長亭**.

[← 391]

Có bản viết là : *Vương-ông gánh tiệc...*

[← 392]

Bản kinh viết là : *Càng nhìn càng ứa giọt hồng. Giọt hồng* là lấy điển nàng Tiết Linh Vân đời nhà Tùy, khi từ-biệt song-thân, để ứng-tuyển vào cung, khóc đến nỗi những giọt nước mắt chảy ra như máu.

[← 393]

Nước đục bụi trong, là bởi câu **濁水清塵** *trọc thủy thanh trần*, ở *Tĩnh-sử*. Ý nói cái nghịch cảnh vì rằng nước thì thường trong, mà hóa đục ; bụi thì đục mà lại hóa ra trong, như thế là lờ-làng.

[← 394]

Đôi-đóa là vờ-vĩnh, hững-hờ. Có bản viết là : *Khi vào dùn-dăng...* cũng một nghĩa.

[← 395]

Chén khuyên là chén mời. Thơ Vương Duy đời Đường có câu : 勸君更盡一杯酒, 西出陽關無故人 *khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu, tây xuất Dương-quan vô cố nhân* : khuyên người uống cạn một chén rượu, khi ra khỏi cửa Dương-quan ở phía tây, thì không có ai là người cũ để mời uống rượu nữa.

[← 396]

Có bản viết là : *Mái ngoài nghi đã giục liền ruồi đi.*

[← 397]

Có bản viết là : *buộc vào* hay là *mắc vào*.

[← 398]

松 *tùng* là cây thông, **筠** *quân* là cây tre to. Người ta thường hay ví hai thứ cây ấy với người quân-tử có đại lượng.

[← 399]

Dây *cát* dây *đăng* là hai loài dây leo, nghĩa bóng là nói người làm lẽ-mọn.

[← 400]

Nhiệm là sẵn.

[← 401]

Lấy câu 云馳風逐 *vân trì phong trực* : mây ruổi gió chạy.

[← 402]

Cõi hồng-trần là đám trần-ai.

[← 403]

Bạc phau là trắng xóa ; *cầu giá* là vầng sương đọng ở trên mặt cầu.

[← 404]

Vi-lô là cây lau. Có bản viết là : *bông lau*.

[← 405]

Có bản viết là : *riêng say, hay riêng ngậy một người.*

[← 406]

Dặm khuya là đi ban đêm ; *ngất tạnh* là trời cao yên-lặng ; *mù khơi* là bốn bể mênh-mông tịch-mù.

[← 407]

Có bản viết là : ...*má hồng*.

[← 408]

Lấy chữ kính Lễ : 晨昏定省 *thần hôn định tỉnh* : sớm khuya hỏi thăm cha mẹ.

[← 409]

Nhờn-nhọt tức là mất sắc đi, không tươi, không thắm nữa.

[← 410]

Giã-hoạch-biên : Ở các nhà thanh-lâu hay thờ Bạch-my xích-nhờn thần.

[← 411]

Có bản viết là : *Hương hôm hoa sớm...*

[← 412]

Có bản viết là : *Cối xiêm lột áo sỡ-sàng.*

[← 413]

Thay hoa cúng, lấy hoa thả, lót xuống chiếu nằm.

[← 414]

Bản kinh viết là : *Bướm đi ong lại...*

[← 415]

Hàn-thực là tết mồng ba tháng ba ; *nguyên-tiêu* là tết rằm tháng giêng. Tục bên Tàu hai ngày ấy vui lắm. Ý nói : ngày đêm nào cũng được vui như những ngày ấy.

[← 416]

Có bản viết là : *Tin nhận vượt.*

[← 417]

Có bản viết là : *Tú-bà vắt véo...*

[← 418]

Kinh Thi : 嚙彼小星 *tuệ bỉ tiểu tinh*, là nói có vợ lẻ.

[← 419]

Bản kinh viết là : *Đủ điều hành sính vu qui.*

[← 420]

Bản kinh : *Dạy điều thay bậc đổi ngôi.*

[← 421]

Sách Phật nói rằng : Trong người ta có ba cái thần gọi là : Bành Kiêu, Bành Cự, Bành Chất. Ba thần ấy hay xui người ta làm điều ác, rồi cứ đến ngày canh-thân lại lên tâu Ngọc-hoàng Thượng-đế. Sách Đạo-giáo gọi là tam Thi.

[← 422]

Có bản viết là : *Vào nhà...*

[← 423]

Chịu tốt : Chịu im.

[← 424]

Bì-tiên : roi da.

[← 425]

Có bản viết là : *thôi thôi còn có tiếc gì.*

[← 426]

Sợ gan : cũng như nói : ghê cho cái gan dám liều mình tự-tử !

[← 427]

Có bản viết là : ...*chạy thầy thuốc men*.

[← 428]

Bản kinh viết là : *Trong mê trông thấy Đạm Tiên rõ-ràng.*

[← 429]

Nhân : nhân-duyên ; *quả* : kết quả.

[← 430]

Có bản viết là : ...*muốn lánh*.

[← 431]

Câu này bản kinh viết là : *Chịu trời cho vẹn kiếp tu.*

[← 432]

Có bản viết là : *Lựa lời ỡn-thỏa*.

[← 433]

Đương nhụy là mới nở. Có bản viết là : *Hoa xuân đương chiếng*. *Chiếng* là mới mọc mầm ra.

[← 434]

Đá vàng là nói quyết lòng giữ sự trinh-tiết ; *mưa-mây* là sự nguyệt-hoa. Ý nói đã quyết giữ trinh-tiết như thế, thì không ai nỡ ép-nài phải ra tiếp khách nữa.

[← 435]

Để đợi ngày lấy chồng.

[← 436]

Theo những bản cũ để : ...là *con-cái nhà*, nghĩa là : tìm con-cái nhà xứng đáng mà lấy. Có bản viết là : làm *con-cái nhà*, thì sai mất nghĩa.

[← 437]

Có bản viết là : *Vả suy...*

[← 438]

夙因 *túc nhân*, số tiền-định, là nợ-nần kiếp trước.

[← 439]

Chồng là chồng-chất lên. Có nhiều bản viết là : *Làm chi thì cũng một chồng kiếp sau*, thì e không đúng nghĩa. Nguyên nghĩa trong chính bản là : **翹想道前生孽債, 今日未還, 又增來生一重怨債, 何時還得乾淨** *Kiều tưởng đạo tiền sinh nghiệp trái, kim nhật vị hoàn, hựu tăng lai sinh nhất trùng oan trái, hà thời hoàn đắc càn tĩnh* : Kiều nghĩ thầm rằng : nợ kiếp trước mà kiếp này không trả, lại để kiếp sau nợ chồng lên một lần nữa, thì bao giờ gỡ ra cho xong.

[← 440]

Bản kinh viết là : *Lặng nằm ngẫm-nghĩ gót đầu*. Có bản viết là : *Lặng nghe ngẫm-nghĩ gót đầu*.

[← 441]

Đãi-dăng : Lôi thôi.

[← 442]

Tên lâu. Có bản viết là : *Trước sau Ngưng-bích...*, cũng có nghĩa.

[← 443]

Có bản viết là : ...vời *trông*.

[← 444]

Đồng tức là lời đồng-tâm, là lời nguyên-ước.

[← 445]

Bởi chữ : 海之角, 天之涯 *hải chi giốc, thiên chi nhai.*

[← 446]

Có bản viết là : *Tấm son gột đến...*

[← 447]

Người tựa cửa là mẹ chờ con. Lấy tích mẹ Vương Tôn Giả đời Chiến-quốc bảo con rằng : «
Mầy đi buổi sớm, tao tựa cửa đứng mong, mầy đi buổi chiều, tao tựa cửa đứng ngóng ».

[← 448]

Kinh Lễ : Thờ cha mẹ quạt khi nóng, ấp khi lạnh.

[← 449]

Chuyện Cao-sĩ : Đời nhà Chu có ông Lão Lai đã 70 tuổi, cha mẹ hãy còn. Một hôm ông mặc áo ngũ sắc ra sân múa, rồi giả cách ngã, khóc như trẻ con, để làm vui cho cha mẹ.

[← 450]

Tử là cây tử. Ta hay nói : **梓粉** *tử phần* là chỗ quê-hương, nhà-cửa mình ở cũ ; có khi nói ví cây tử là cha.

[← 451]

Có nhiều bản viết là : *Buồn trông cửa bể chiều hôm.*

[← 452]

Duềnh : vũng bể, vực sâu.

[← 453]

Có bản viết là : *Om-sòm*.

[← 454]

Có bản viết là : *Tân-ngân đứng rủ rèm châu.*

[← 455]

Dùng điển ở Tây-sương : **隔牆而酬和到天明** *cách tường nhi thù họa đáo thiên minh* : hai bên ngồi cách tường mà xướng họa với nhau từ tối đến sáng.

[← 456]

Mạch là dòng-dôi.

[← 457]

Đeo-đai là quyển-luyện. Có nhiều bản viết là : *Trông chàng nàng cũng...* thì e là lầm, vì không ăn nghĩa với câu trên.

[← 458]

Nổi gan : Nổi giận lên. Có bản viết là : *Tức gan*...

[← 459]

Bản kinh chứa câu này và câu sau là : *Nàng về sớm tựa lâu mai, Nghe lời đường cũng ra người sắt đanh.*

[← 460]

Đồng vọng là nghe văng-vẳng.

[← 461]

Cám lòng chua xót, đối với hai chữ nghĩ người câu trên : nhạt tình chơ-vơ, đối với hai chữ nghĩ mình. Nghĩa là : cảm cái lòng người ta thương mình, mà đỡ cái khổ lưu-lạc của mình.

[← 462]

Tế-độ là cứu-vớt ; *trầm-luân* là chìm-đắm.

[← 463]

Mảnh tiên là tờ giấy viết thư.

[← 464]

便鴻 *tiện-hồng* là gởi thư. Bởi tích vua Hán Vũ-đế bắt được thư buộc ở chân con nhạn (tức là loài chim hồng, như loài vịt trời) của Tô Vũ bên Hung-nô gởi về.

[← 465]

Lãng-dãng : mập-mờ, không rõ.

[← 466]

Tiên mai tức là 梅箋 *mai tiên* là tờ giấy hoa tiên.

[← 467]

Xem trong truyện tiểu-thuyết thì chữ « Tích việt » cắt nghĩa là : **廿一日戌時越牆相見** ngày 21, giờ Tuất, trèo qua tường sang với nhau, chứ không phải là **廿一日戌時走** ngày 21 giờ Tuất thì trốn. Vì lúc bấy giờ Kiều mới gặp mặt Sở Khanh, sau cách hai ngày nữa Sở Khanh mới rủ Kiều đi.

[← 468]

Tuất thì : giờ tuất.

[← 469]

Tây-sương : 隔墙花影動 *cách tường hoa ảnh động* : cách tường bên kia có bóng hoa lung-lay.

[← 470]

Chim lạc đàn.

[← 471]

Câu này là do chữ : **骨之肉, 死而生** *cốt nhi nhục, tử nhi sinh* : xương mà mọc thịt, chết mà sống lại. Nghĩa là : Dám nhờ cứu-vớt.

[← 472]

Người Ngự Thù người nước Tấn có một người vợ lẻ đẹp mà còn trẻ. Đến khi Ngự Thù gần chết dặn con là Ngự Khỏa phải đem người vợ lẻ chôn chung vào một áo quan. Ngự Thù chết rồi, người con không nghe lời ấy, cho người vợ lẻ ấy về. Đến sau Ngự Khỏa đi đánh tướng nhà Tần tên là Đỗ Hồi ở trên bãi cỏ xanh. Tự nhiên Đỗ Hồi vướng chân ngã, bị Ngự Khỏa đâm chết. Đêm hôm ấy Ngự Khỏa chiêm-bao thấy cha người vợ lẻ Ngự Thù hiện lên tạ ơn rằng : « Tôi cám cái ơn ông không chôn sống con tôi, cho nên kết cỏ quấn vào chửn Đỗ Hồi, cho nó ngã ».

[← 473]

Dương Bảo về đời Đông-Hán, đi chơi thấy một con chim sẻ vàng bị chim cắt đánh rơi xuống đất, bắt lấy đem về nuôi, đến khi khỏe-mạnh thả cho bay đi. Về sau bỗng có đứa trẻ mặc áo vàng, cầm bốn cái vành ngọc đến lễ tạ mà nói rằng : « Tôi cảm ơn ông có bụng cứu tôi, cho nên tôi đem ngọc này đến tạ, ông được ngọc này thì con cháu đời đời làm quan vinh-hiến ».

[← 474]

Ngựa truy phong là ngựa chạy theo được gió, tức là ngựa chạy nhanh.

[← 475]

Tức là thủ-hạ.

[← 476]

Kiện nhi : người có sức-vóc khỏe-mạnh.

[← 477]

Đời Nam Bắc-triều, Đàn-công bảo Vương Kinh Tắc rằng : **三十六計, 走為上策** *tam thập lục kế, tẩu vi thượng sách* : ba mươi sáu kế, chạy là hơn cả.

[← 478]

Bản kinh viết là :

*Dắt tay lên bước xuống lầu,
Song song đôi ngựa trước sau một đoàn.*

[← 479]

Khắc lậu là nói cái khắc ở trong đồng-hồ theo mặt nước chảy đi từng giọt mà sút xuống ; *canh tàn* là gần sáng.

[← 480]

Tả canh đêm mùa thu. *Nhọt* là cỏ có sương bám vào, mùi nhờn-nhọt. Có bản viết là : *Lối mòn lướt-mướt hơi sương*.

[← 481]

Lòng quê : lòng riêng, nghĩ riêng trong bụng.

[← 482]

Dậy-dàng : ồn ào, nổi lên.

[← 483]

Câu này có ý mỉa-mai, xót-xa lắm. Ông Nguyễn Lạng đời trước đọc đến câu này có phê rằng « Đến sự trinh-bạch mà cũng có khi phải xin hối, xin chữa, thì trò đời nghĩ cũng đáng bật cười thật ! ».

Có bản viết là : *Xót lòng trinh-bạch từ lâu đến giờ.*

[← 484]

Có bản viết là : *Đón rào đến mực...*

[← 485]

Phù-dung là hoa sen nở, nói ví người đàn-bà đẹp.

[← 486]

Đà đao là một miếng võ đánh hiểm, chạy đi để người ta đuổi, rồi quay đao lại chém. Đây nghĩa là chước lừa-dối.

[← 487]

Một cốt, một đồng là nói Tú-bà với Sở Khanh thông mưu với nhau để đánh lừa Kiều.

[← 488]

Có bản viết là : *Không dùng chỉ có người này nợ kia.*

[← 489]

Bớt lời : giữ mồm, giữ miệng.

Trây : trêu-gheo.

Mà đời : mà đi đời. Có bản viết là : *Bớt lời liệu chớ sân-si mà đời ! Sân-si* : tức giận.

[← 490]

Có bản viết là : *Nghe rằng mới có...*

[← 491]

Nhé : tiếng đệm sau cau, tỏ ý kêu, gọi.

[← 492]

Mạnh-tử : **推人入井而下之石** *thôi nhân nhập tỉnh nhi hạ chi thạch* : đẩy người xuống giếng rồi lại lấy đá ném theo. Ý nói rủ người đi mà làm hại. Có bản viết là : *Phỉnh người giầy xuống giếng thôi*.

Thơi là sâu thăm-thăm.

[← 493]

Bản kinh viết là : *Ai ai cũng gớm mặt người vô lương.*

[← 494]

Có bản viết là : *Chờ xong, nghỉ mới...*

[← 495]

Phương ngôn nói : Trong như giá, trắng như ngần. Ngần là con cá con, trắng như bột.

[← 496]

Bảy chữ là :

1. Khấp **泣** là khóc-lóc giả làm thương-yêu người khách.
2. Tiễn **剪** là cắt tóc đưa cho người khách để làm tin.
3. Thích **刺** là thích tên người khách vào cánh tay.
4. Thiêu **燒** là đốt hương thề nguyện.
5. Giá **嫁** là hẹn-hò lấy nhau.
6. Tẩu **走** là rủ nhau đi trốn.
7. Tử **死** là giả cách chết làm cho người khách quyến-luyến.

[← 497]

Tám nghề là tám cách chơi. Trong bản Kiều chữ có dẫn rõ-ràng, nhưng vì tục lăm cho nên không thích vào đây.

[← 498]

Bản kinh viết là : *Đủ điều lịch-sự mới mê được người.*

[← 499]

Khoé hạnh chính nghĩa là hai bên mép, tức là 杏口 *hạnh khẩu*, đây là cười nụ.

Nét ngài là lông mi, đây nói là liếc mắt, vì có chữ 眉目送情 *my mục tống tình* nghĩa là mắt liếc mà đưa.

[← 500]

Có bản viết là... *làng soi*. *Soi* là sành-sỏi.

[← 501]

Nàng Tiết Đào đời nhà Đường lúc bé làm bài thơ có câu : **枝迎南北鳥, 葉送往來風** *chi nghinh nam bắc điểu, diệp tống vãng lai phong* : Cành đón chim nam bắc, lá đưa gió đi lại. Người cha xem thơ biết con về sau không ra gì.

[← 502]

Tống Ngọc là người nước Sở. Tràng-khanh tức là Tư-mã Tương Như đời nhà Hán. Hai người đều đẹp trai và hay có tính trăng hoa.

[← 503]

Có bản viết là : *bốn mùa* nhưng không đúng vắn. Bản kinh viết là : *bốn hè* là bốn phía.

[← 504]

Có người đọc : ...*kẻ* mà. Nhưng các bản nôm đều viết là : *kẻ* là...

[← 505]

竹風梅雨 *trúc phong mây vũ* : là trúc gặp gió, hoa mai được mưa. Đây nói : là cảnh vui và đẹp, mà mình thờ ơ không thiết đến.

[← 506]

Có bản viết là : *Ôm lòng đòi đoan...*

[← 507]

Kinh Thi : 九子劬勞 *cửu tự cù-lao* là : 生 *sinh* (đẻ), 鞠 *cúc* (nâng đỡ), 撫 *phủ* (vuốt-ve), 畜 *súc* (nuôi cho bú mớm), 長 *trưởng* (nuôi cho lớn), 育 *dục* (nuôi, dạy-dỗ), 顧 *cố* (trông-nom), 復 *phục* (xem tính mà dạy-bảo), 覆 *phúc* (gìn-giữ).

[← 508]

日洛桑榆 *nhật lạc tang du* là mặt trời lặn về phương tây (tang du là phương tây) là nói cảnh người già.

[← 509]

Sân nhà ông Vương Hựu có ba cây hòe cho nên con ông ấy được vinh-hiến. Sân hòe đây nghĩa là anh em.

[← 510]

Bản kinh viết là : *Long-đong nhà bạc em ngậy.*

[← 511]

Hàn Hủ đời Đường có người vợ lẻ là Liễu-thị. Khi đi làm quan xa để ở đường Chương-đài trong thành Trường-an hơn ba năm, mỗi khi viết thư về thì gọi là : *Chương-đài liễu*, *Chương-đài liễu*. Liễu-thị bị người tướng phiên cướp đi mất. Tướng Hứa Tuấn dùng mưu cướp lại và vua lại cho về với Hán Hủ. Tình-sử chép chuyện ấy nói rằng : Hàn Hủ gởi thư cho Liễu-thị có câu : **章臺柳, 昔日青青今在否, 也應攀折他人手** *Chương-đài liễu, tích nhật thanh thanh kim tại phủ, giả ứng phan chiết tha nhân thủ* : cây liễu Chương-đài xưa xanh xanh nay còn không, hay là tay khác đã bẻ mất rồi ?

[← 512]

Giấc hương-quan là nằm mê thấy về cố-hương.

[← 513]

Tống-thi 泣損雙眸腸欲斷, 怕黃昏到又黃昏 *khấp tổn song mâu tràng dục đoạn, phạ hoàng-hôn đáo hựu hôn-hoàng* : khóc hại cả mắt, đứt cả ruột, sợ rằng hết chiều nay lại đến chiều mai cứ thế mãi.

[← 514]

Hoa-khôi là đầu các thứ hoa, nghĩa là người đẹp nhất trong đám hồng-lâu, thanh-lâu. Ngày xưa Đỗ Thập-nương gọi là Hoa-khôi vương-tử.

[← 515]

Trưởng tô : màn có tua. Nghĩa câu này là nói gặp người đẹp ở trong màn quí.

[← 516]

Có bản viết là : Chiều xuân...

[← 517]

Thanh là đồng thanh tương ứng ; *khí* là đồng khí tương cầu : *lễ hằng* là lễ thường. Nghĩa là cái lễ thường là đồng một thanh thì hợp với nhau, đồng một khí thì tìm đến nhau.

[← 518]

Có bản viết là : *Mết-mê...*

[← 519]

Bốc rời là bốc tiền rời mà tiêu, không đếm, ý nói hoang-phí, xa-xỉ. Có người nói rằng : ...*quen nết bốc trời*, lấy nghĩa hai chữ **滔天** *thao thiên*, ngất lên đến trời, như câu **滔天公子** hay là **豪氣滔天**, tức là nói người ngông. Nhưng xét trong các bản nôm không bản nào dùng chữ *bốc trời*, vậy nên đây cứ theo bản cũ mà để chữ *bốc rời*.

[← 520]

Lửa lựu là cái hoa lựu đỏ như lửa.

[← 521]

Thang lan là nước hoa lan nấu lên buông màn xuống tắm.

[← 522]

Có bản viết là : *Rõ-ràng trong ngọc, trắng ngà.*

[← 523]

Ngọc-trai-tập có câu : **鑄就天然一樣骨相** *Chú tự thiên nhiên nhất dạng cốt tướng* : đúc lên một bộ cốt tướng. Nghĩa là lúc Kiều bỏ xiêm áo ra xem hình-dánh rất đẹp.

[← 524]

Thơ luật Đường là lối thơ làm tám câu năm chữ hay bảy chữ theo đúng niêm luật bằng trắc, khởi có từ đời nhà Đường.

[← 525]

Tục Tào các quan Ngự-sử thường dùng đuôi con điếu làm chỏm mũ. Đến cuối đời nhà Tấn cho những người bậy-bà làm Ngự-sử nhiều lắm. Người đời ấy có câu rằng : **貂不足, 狗尾續** *điếu bất túc, cẩu vĩ tục* : đuôi điếu không đủ lấy đuôi chó nối vào. Vì lẽ ấy cho nên họa thơ thường nói nhún rằng : *nối điếu* là ý nói họa theo.

[← 526]

Nỗi quê cũng như lòng quê, tức là nỗi riêng.

[← 527]

Nghĩa là nhớ nhà. Cổ-thi : **天上黃雲影, 遊子何時歸** *thiên thượng hoàng vân ảnh, du tử hà thời quy* : trên trời có đám mây vàng, con đi bao giờ về. Có bản viết là : *mây hàng*, lấy chuyện ông Địch Nhân Kiệt trông thấy đám mây ở núi Thái-hàng, nói rằng : nhà cha mẹ ta ở dưới đám mây kia. Bản kinh viết là : ...*đám mây vàng*.

[← 528]

Thúc-sinh tưởng Kiều là con Tú-bà.

[← 529]

Thu ba là sóng mùa thu, là con mắt. Có bản viết là : *tuôn giọt thu ba*.

[← 530]

Ý nói muốn lấy làm vợ cho nên mới phải hỏi cận-kê để biết cho đến nơi đến chốn.

[← 531]

Bên thú 娶 là bên Thúc-sinh lấy vợ, bên tông 從 là bên Kiều lấy chồng.

[← 532]

平康港 *bình-khang hạng* là phố những nhà thanh-lâu ở.

[← 533]

Có bản viết là : ...*thế chẳng*.

[← 534]

同心帶 *đồng-tâm đai* là cái thắt-lưng đồng-tâm, cũng như đồng-tâm kết. Câu này nói : bấy lâu vợ chồng yêu-mến nhau.

[← 535]

Ý nói : Nếu chàng có cứng tay, thì che-chở được cho vài phần.

[← 536]

Đằng-la : cây cỏ leo. Ý nói : ví bằng thế vợ cả lại to hơn, thì thành ra đem vào hàm sư-tử, nghĩa là đem cho vợ cả hành-hạ.

[← 537]

Giã *chua* là người đàn-bà ghen ; *lửa nòng* là bởi chữ 火坑 *hỏa khanh* tức là chỗ thanh-lâu. Ý nói : nếu phải vợ cả ghen-tuông bắt luồn cúi khổ-sở, thì lại càng khổ hơn ở thanh-lâu.

[← 538]

Nhà thông tức là nhà xuân. Nhưng vì chữ xuân không đúng vần. Nghĩa câu này nói trên còn có cha. Có bản viết là : *Nhà Kiều còn có vườn thông*.

[← 539]

Liễu ngô hoa tường là ai hái cũng được.

[← 540]

Có bản viết là : ...ngại danh-giá chàng.

[← 541]

Không ngại đường xa-xôi.

[← 542]

乘涼 *thừa lương* là nghỉ mát, hóng mát, nghĩa là lấy điều đem Kiều đi chơi mát rồi đem giấu đi một nơi.

[← 543]

戰和 *chiến hòa* : *chiến* là dọa đi kiện Tú-bà **買良為娼** *mãi lương vi xướng* : mua con nhà lương-thiện để làm con hát. *Hòa* là dỗ Tú-bà để cho Kiều lấy Thúc-Sinh thì trả tiền lại cho.

Trong truyện tiểu-thuyết : Thúc-Sinh đem Kiều về ở nhà người Hoa Dương. Hoa Dương là một tay hào-phú ở xứ ấy, dọa đi kiện Tú-bà mua con nhà lương-thiện về làm nhà thổ. Người Bộ Tẩn thì đi dàn-xếp với Tú bà để cho êm chuyện.

[← 544]

Đàn-bà đi ở thanh-lâu trở về lấy chồng gọi là **還良** *hoàn lương*.

[← 545]

Ý nói ra khỏi chỗ khổ-sở.

[← 546]

Xôi : xôi ra, cái gì ở trong phát-hiện ra ngoài.

[← 547]

Lông : lông-lẫy, nổi rõ.

[← 548]

Cổ-thi : 梧桐一葉報秋來 *ngô-đồng nhất diệp báo thu lai* : cây ngô-đồng rụng lá là báo mùa thu đến.

Cành biếc là cành lá xanh. Đây là nói sắp đến mùa thu.

[← 549]

Giậu thu là 秋籬 *thu ly* : *giậu* hoa mùa thu ; *gió sương* là mằm cúc. Có bản viết là : ...chồi sương.

[← 550]

Có bản viết là : *xe bồ*, lấy điển 蒲車 song *xe bồ* theo lễ cổ là của vua dùng để đi đón người hiền, chứ không phải là người thường ai cũng đi được. *Gối yên*, nghĩa là cái gối dựa vào cái yên ngựa của các ông lão đời trước hay dùng.

[← 551]

Phong-lôi là cơn giận ầm-ầm như sấm, như gió.

[← 552]

E-ấp : e-lệ, sợ-hãi. *Nặng lòng e-ấp* là nói Thúc-ông sợ về nỗi con đã có vợ rồi mà lại chơi-bời, lấy người giang-hồ. Vậy ông mới tính bài bắt phải bỏ ra.

[← 553]

Bản kinh viết là : *Quyết ngay tăn-hẳn một bề.*

[← 554]

Ý nói làm tội thế nào cũng chịu.

[← 555]

Bản kinh viết là : *Phụ tình thôi có tiếc mình làm chi*. Đây ý nói : nếu lượng trên không thương, thì chết sống cũng liều, chứ bỏ Kiều thì không bỏ.

[← 556]

Bởi câu : 平地波濤 *bình địa ba đào* : đất bằng nổi sóng.

[← 557]

Phiếu hồng là trát quan.

[← 558]

Lấy chữ 鐵面 *thiết diện* nghĩa là ông quan chính-trực mà có oai nghiêm.

[← 559]

Câu này nói Thúc-sinh.

[← 560]

Câu này nói Thúy Kiều !

[← 561]

Nguyên là bên đứng thừa. Có bản chép là : ...*tình-trạng nguyên-đơn*. Nhưng chữ *đơn* không hợp văn.

[← 562]

Lôi-đình là hình-phép của quan.

[← 563]

Ba cây là bởi chữ **三木** *tam mộc*, tức là *nữu*, **枷** *gia*, **械** *giới*, là : khóa tay, gông cổ, cùm chận.

[← 564]

Bản kinh viết là : *Ba cây đống chặt một càn mẫu-đơn. Càn mẫu-đơn* là nói Kiều.

[← 565]

Hoen-quyện : lăm, ố. Câu này nghĩa là : má đào thì hoen ố ra, mày liễu thì tan-tác ra. Có bản viết là : *Đào nhănnhú má...*

[← 566]

Vóc là thân vóc. Tả cái cảnh Kiều trong khi bị hình-phạt phải đau-đớn khổ-sở.

[← 567]

Có bản viết là : *Có nghe mình trước...* Nhưng chữ *mình* ở đây không có nghĩa.

[← 568]

Thưa ngay : nói thật, nói thẳng.

[← 569]

Cầu thân là sự định lấy nhau.

[← 570]

Giải vi là cõi vầy, nghĩa là để gỡ ra.

[← 571]

木枷 *mộc-già* là cái gông. Ra bài thơ : cái gông.

[← 572]

Tiên-hoa là tờ giấy hoa tiên.

[← 573]

Giá lộp : giá cao hơn.

Thịnh Đường là lúc nhà Đường còn thịnh, là lúc thơ hay hơn cả. Câu này có bản viết là : ...*giá loát Thịnh Đường*, có bản viết là : *giá đáng Thịnh Đường*.

[← 574]

朱陳二姓世世婚姻, 因名朱陳村 *Châu Trần nhị tính thế thế hôn nhân, nhân danh Châu Trần thôn* : Họ Châu họ Trần đời đời lấy nhau, về sau nhân đó mà gọi là thôn Châu Trần. Đây là nói hai bên lấy nhau xứng đáng.

[← 575]

Có bản viết là : *Dấu ngoài là phép...*

[← 576]

花精紅燭 *hoa kiệu hồng chúc* : Kiệu hoa đuốc sáng là lễ rước dâu. Đây quan làm lễ đưa dâu.

[← 577]

Cổ xúy là bát âm.

[← 578]

桃花帳 *đào-hoa trướng* : màn hoa đào, tức là màn cô dâu.

[← 579]

蕙蘭 *huệ lan* : hoa huệ, hoa lan là ý nói sum-hợp một nhà.

[← 580]

Mãng là tiếng cổ, có hai nghĩa. Một là nghe tin, nghe đồn như nói : *Mãng tin xiết nỗi kinh-hoàng*. Hai là ham-mê mà quên đi : đây là nghĩa ấy.

[← 581]

Hết mùa xuân sang mùa hè.

[← 582]

cây bồ cây liễu, là thứ cây yếu-ớt, hễ trông thấy mùa thu đến thì đã rụng và héo rồi. Ví như người đàn-bà yếu-ớt.

[← 583]

Đàn-bà lấy chồng thì phải theo chồng, gọi là phận *chữ tòng*.

[← 584]

燕雁代飛 *yến nhạn đại phi* : nghĩa là chim yến chim nhạn đổi thay, nói từ mùa nọ sang mùa kia.

[← 585]

南有妻不, 葛藟荒之 *nam hữu cù mộc, cát-lũy oanh chi* : bên nam có cây to, cây cát-lũy leo lên, ý nói phận vợ lẽ.

[← 586]

糟糠之妻不可下堂 *tao kang chi the bất khả hạ đường* : vợ lấy tự ngày hàn-vi không nên để xuống dưới nhà, là nói không nên khinh-dể. Câu này chữ *tình* không vần được với chữ *tin* thành ra lạc vận.

[← 587]

Phi thường : không giống người thường, là nói những người sâu-sắc hiểm-độc.

[← 588]

Tục ngữ : « Sông sâu còn có kẻ dò, lòng người hồ dễ ai đo cho cùng ».

[← 589]

Có bản viết là : *Ví bằng giữ mực...*

[← 590]

Có bản viết là : *Định lòng sinh mới... Hồi trang* là sấm-sửa đồ-đạc để về.

[← 591]

Chén quan-hà là chén rượu tiễn-biệt.

[← 592]

Xuân-đình là chỗ chơi, *cao-đình* là chỗ tiễn-biệt. Cổ-thi : 皋亭相別處 *cao-đình tương biệt xứ* : chỗ biệt nhau ở *cao-đình*. Có bản viết là : *Xuân-đình thoát đã dọn ra cao-đình*.

[← 593]

Sông Tần là lấy ở câu hát cổ : 遙望秦川肝腸斷絕 *dao vọng Tần xuyên can trường đoạn tuyệt*
: xa trông nước sông Tần như nát gan đứt ruột.

[← 594]

陽關 *Dương-quan* là tên cửa ải. Mấy câu trên này là nói cái ý tiễn-biệt.

[← 595]

Tục-ngữ : « Lò được yếm thắm, khó lò được tròn kim » nghĩa là cái yếm thắm, tuy rằng đỏ, nhưng có khi vô ý không trông thấy, cái tròn kim tuy nhỏ, nhưng nhìn kỹ thì thế nào cũng thấy.
Có bản viết là : *Đễ mà ép xẫm luôn kim.*

[← 596]

Tây-sương : 秋來誰染楓林翠 *thu lai thùy nhiễm phong lâm thúy* : Đêm mùa thu ai đem nhuộm mất cái màu xanh của rừng cây phong.

關山 *quan-san* là cách ải, cách núi, ý nói xa-cách. Câu này là nói lúc tiễn-biệt vào cảnh mùa thu.

[← 597]

征鞍 *chinh-an* là cái yên ngựa đi đường.

[← 598]

Chinh-phụ ngâm : **相顧不相見, 青青陌上桑** *tương cố bất tương kiến, thanh thanh mạch thượng tang*. Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy, thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.

[← 599]

時來風送滕王閣 *thời lai phong tống Đằng-vương các* : vận đến một nơi, thì gió đưa vào gác Đằng-vương, nghĩa là gặp dịp may-mắn, cũng một ý như trong truyện Hoàng-trừ có câu : *Đưa duyên mượn gió gác Đằng*. Bản kinh viết là : *Duyên Đằng sớm thuận gió đưa*.

[← 600]

Nói những điều thất vào lý-sự thì thật giỏi.

[← 601]

Mới thăm ván đã bán thuyền, nghĩa là có mới nới cũ.

[← 602]

Bản kinh viết là : *Mách mau cũng rắp toan bài tăng công.*

[← 603]

Đứa thì phải vả miệng, đứa thì phải bẻ răng.

[← 604]

Hàn-huyền là lời hỏi thăm, đàn-ông hay đàn-bà dùng cũng được.

[← 605]

洗塵 *tẩy trần* là bữa tiệc thết người đi xa về, để rửa sạch bụi đi đường.

[← 606]

Có bản viết là : *Mấy phen cười tỉnh nói say.*

[← 607]

Tính-lý : 守口如瓶 *thủ khẩu như bình* : giữ miệng kín như miệng lọ.

[← 608]

E-ấp : e-lệ, sợ-hãi.

[← 609]

Đờ đòn cũng như nói đờ dần, tức là nói chống-chế.

[← 610]

Thú là nơi chỗ ở. Có bản viết là : *Non quê thuần hức bén mùi. Thuần* là tên thứ rau, *hức* là tên thứ cá. Trương Hàn nhà Tấn thấy cơn gió thu, sức nhớ mùi canh rau thuần, mùi chả cá hức. Đây nghĩa là quen cái cảnh cố-hương.

[← 611]

Có thơ rằng : 梧桐一葉落, 天下共知秋 *ngô-đồng nhất diệp lạc, thiên-hạ cộng tri thu* : một lá ngô-đồng rụng, thiên-hạ ai cũng biết là mùa thu.

[← 612]

關塞 *quan-tái* là chỗ xa-cách, cũng như chữ quan-san đã nói ở trên.

[← 613]

Mây bạc, là bởi chữ 白雲 *bạch vân*, ý nói cha ở xa.

[← 614]

Lấy chữ kính Lễ : *thần hôn định tĩnh* : sớm khuya hỏi thăm cha mẹ.

[← 615]

Nước trong tròng thấy bóng trời in ở dưới đáy nước.

[← 616]

Thành xây khói biếc : thành xây bằng khói, nghĩa là khói đất trong xanh bốc lên phủ cả thành, trông xa như thành xây bằng khói. *Non phơi bóng vàng* : lá cây trên rừng trông vàng úa cả. Hai câu này tả cảnh mùa thu bên Tàu.

[← 617]

Xe hương là xe của người đàn-bà đi.

[← 618]

Qui-ninh là con-gái về thăm cha mẹ.

[← 619]

Có bản viết là : *dây tới* ; có bản viết là : *dây thăm* hay là *dây trói*.

[← 620]

Có bản viết là : *tiếng cười*.

[← 621]

Côn-quang cũng như nói tay du-côn.

[← 622]

Cha mẹ đã già.

[← 623]

Không biết cha mẹ ra làm sao.

[← 624]

Săn-bìm, cũng như cát-lũy, nói người lẻ-mọn.

[← 625]

Cung Quảng là cung Quảng-hàn trong mặt trăng, chỗ Hằng Nga ở. Lấy câu trong bài Thất-tịch ca : 猶勝姮娥不嫁人, 夜夜孤眠廣寒殿 do *thắng Hằng Nga bất giá nhân, dạ dạ cô miên Quảng-hàn điện*. Nói chuyện sao Ngưu, sao Nữ, mỗi năm được gặp nhau một lần còn hơn nàng Hằng Nga không có chồng, đêm đêm cứ ngủ một mình trong cung Quảng-hàn.

[← 626]

Bản kinh viết là : *Nửa vành trăng nhợt...* Có sách chưa là do câu **三星在天** *tam tinh tại thiên* : ba sao giữa trời. Ba sao đây là sao Tâm trong nhị-thập bát-tú, vào cuối tháng ba thì chập tối thấy ở phương đông. Đây nói vừa mới tối đã thấy ba sao ở giữa trời, tức là vào quãng tháng bảy tháng tám. Câu này mỗi nơi cắt-nghĩa một khác. Có người cho là lấy chữ kinh Thi : **嘒彼小星, 三五在東** *tuệ bi tiểu tinh, tam ngũ tại đông*, nghĩa là trời gần sáng chỉ còn lậ-lòe mấy ngôi sao ở đằng đông. Có người thì nói là vợ lẽ. Có người cho là câu này nói đêm 23 tháng tám, nhưng không nói bởi lẽ gì mà cho như thế. Lại có người nói cả câu này là tả chữ **心** *tâm*, ba cái chấm trên là ba ngôi sao ; cái dòng ở giữa là vành trăng khuyết. Tâm là tên Thúc-sinh, ý nói nhớ Thúc-sinh. Nhưng đó chẳng qua là mọi người một ý, rồi nặn mãi ra, chứ không có gì là xác-thực.

[← 627]

Có bản viết là : *Phật-đài* thì sai. Đây là nói Kiều ra khấn ở bàn thờ Thiên-đài ở ngoài sân.

[← 628]

Có bản viết là : ...cạn lời vân-vi. Nhưng không đúng vắn.

[← 629]

Có bản viết là : ...*dậy ra*.

[← 630]

Có bản viết là : *để đánh lộn công, ai hay.*

[← 631]

Có bản viết là : *Xông pha bụi cỏ*... Nhưng các bản cũ và bản kinh đều viết : *Pha càn*... Nghĩa là chạy càn vào bụi cỏ, v.v...

[← 632]

Tang-trai : ma chay.

[← 633]

Lục-trình là đi đường bộ.

[← 634]

永訣 *vĩnh-quyết* là ly-biệt hẳn không bao giờ trông thấy nhau nữa.

[← 635]

Bản kinh đổi câu trên và câu này là : *Kể bao xiết nỗi thâm sâu, Đoạn-trường ai có qua cầu mới hay !*

[← 636]

飛符至鬼 *phi phù trí qui* là đốt bùa gọi được qui đến.

[← 637]

Tam đảo là ba núi tiên : Bồng-lai, Phương-trượng và Doanh-châu. Có bản viết là : *tam bảo*, cho là nhật, nguyệt, tinh.

[← 638]

Cửu tuyền là âm-phủ.

[← 639]

Có bản viết là : ...*nặng nghiệp oan-gia*.

[← 640]

Lấy số Tử-vi có cung « *mệnh* ». Gọi là Bội-tinh cũng được. Trong sách số có hai câu rằng :
Mệnh-cung, Bội-tinh lâm tắc hữu nạn : ở cung Mệnh mà có sao Bội chiếu vào, thì có nạn.

[← 641]

Chiến chiến cũng như rành-rành.

[← 642]

Bản kinh viết là : *Nghe lời thêm nổi chua cay*. Có bản viết là : *Lời đâu nói lạ đường này*.

[← 643]

Bản kinh viết là : *Đành rằng nàng đã cứu tuyền.*

[← 644]

Có bản viết là : *cánh chuyễn*, nhưng cứ theo chữ 湍 *suyễn* là đi nhanh, thì để chữ *suyễn* phải hơn.

[← 645]

Hoàng-lương là kê vàng. Ngày xưa Lữ-sinh đi thi không đỗ, vào hàng cơm nghỉ. Có một ông lão cho mượn cái gối nằm nghỉ, chiêm-bao thấy đỗ Tiến-sĩ, làm quan trải cả trong ngoài, vinh-hiến hơn 20 năm, rồi con cùng làm nên quan to cả. Về sau lại dâng sớ lên hạch Lý Lâm Phủ phải cách quan về. Tỉnh ra mới biết là một giấc mộng. Nồi kê nhà hàng còn chưa chín. Bởi thế mới gọi là mộng hoàng-lương.

[← 646]

Có bản viết là : *Mơ-màng chột tỉnh hồn mai*. Các nhà làm văn thường dùng chữ : *Quế phách mai* hồn để nói lúc ngủ cho lịch-sử.

[← 647]

Bàng-hoàng là như lúc say, lúc mê, mới tỉnh dậy, chưa rõ đầu-đuôi ra làm sao.

[← 648]

Ả-hoàn hay là liễu-hoàn, tức là con hầu.

[← 649]

Có bản viết là : ...*theo sau mọi người*.

[← 650]

Ngước : ngừng lên, trông lên trên cao. Có bản viết là : *Nhìn trông*.

[← 651]

Tức là Tể-tướng.

[← 652]

Bản kinh viết là : *Dức rằng giống khéo bơ-thờ quen thân*. Có bản viết là : *Mãng rằng...*

[← 653]

Có bản viết là : *Chẳng phường*.

[← 654]

Mèo ở mã, gà ở đồng, là những đứa vô loại.

[← 655]

Bản kinh viết là : *Nào là roi nọc đâu bay !*

[← 656]

Rân cũng như ran, nghĩa là dạ rằm lên.

[← 657]

Roi băng tre.

[← 658]

Bắt phải làm thị-tì, để châu-chực, hầu-hạ ở trong buồng Hoạn-bà.

[← 659]

Thanh-y là người hầu, đưa ở.

[← 660]

Quản-gia là người cai-quản lữ gia-nô, lữ đầy-tớ.

[← 661]

方便 *phương-tiện* là lời tử-tế phải-trái. Có bản viết là : *Giúp lời phương-tiện.*

[← 662]

好生 *hiếu-sinh* cũng như nói « làm phúc ».

[← 663]

Phương-ngôn : Dừng có mạch, vách có tai. *Dừng* là cái vách làm bằng phen.

[← 664]

Bản kinh viết là : *Có ai quen-thuộc cũng đừng nhận chi. – Nhìn là nhìn-nhận.*

[← 665]

Có bản viết là : ...*chứa-chan*.

[← 666]

Lầm-than là bởi chữ 塗炭 *đồ-thán* nghĩa là khổ-sở. Câu này ý nói : phen này khổ hơn phen trước.

[← 667]

Sao chẳng vừa-vừa thôi, lại quá-độ thế ?

[← 668]

夙債前冤 *túc trái tiền oan*, nghĩa là nợ kiếp trước, oan kiếp trước, kiếp này phải trả.

[← 669]

Bản kinh viết là : *Thềm xuân nương-náu.*

[← 670]

Ninh-gia cũng như qui-ninh.

[← 671]

Lầu-trang là bởi chữ 粧樓 *trang-lâu*, là lầu gương sáp của đàn-bà.

[← 672]

竹 *trúc* là sáo, **絲** *ti* là đàn.

[← 673]

Có bản viết là : *Sớm than-thở bóng, khuya năn-nỉ lòng.*

[← 674]

Có bản viết là : *Nước bèo*, cho là bởi ngữ 萍水相逢 *bình thủy tương phùng* : nước với bèo cùng gặp nhau, ý nói sự gặp-gỡ bất kỳ. Nhưng chữ *bình thủy* là nói gặp-gỡ trong khi bất kỳ, rồi mỗi người lại đi một nẻo, như nước đi đàng nước, bèo đi đàng bèo. Đây Kiều và Thúc-sinh đã lấy nhau rồi, không thể gọi là *bình thủy* được nữa. Để chữ *nước non*, nói là lời thề-ước, có lẽ phải hơn.

[← 675]

Cổ-thi : 四顧白雲迷 *tứ cố bạch vân mê* : Trông bốn bề mây trắng mờ-mịt.

[← 676]

鴛鴦分飛 *Uyên-ương phân phi* : Chim uyên và chim ương bay lẻ nhau ra : Uyên-ương là giống chim cứ đi đôi với nhau, ví như vợ chồng, mà đã bay lẻ ra, là cũng như vợ chồng mỗi người một nơi. Đây nói Thúc-sinh nhớ Kiều.

[← 677]

Trăng mới là mặt trăng đầu tháng, tựa như lông mày Kiều, nghĩa là trông thấy vành trăng đầu tháng mà nhớ người cũ.

In ngần : in thành vết, thành ngần rõ ra. Có bản viết là : *Mày ai...* cũng có nghĩa.

[← 678]

餘香剩粉 *dư hương thặng phần*. Hương phần còn thừa, nghĩa là người đi vắng rồi, chỉ có hương-phần khi trước đã dùng thừa còn để lại.

[← 679]

Hết hạ sang thu.

[← 680]

Hai câu này là nói hết một năm.

[← 681]

Bản kinh viết là : *Nhà lan*.

[← 682]

Cuốn cái màn là lên.

[← 683]

唐李林甫笑中有刀 *Đường Lý Lâm-phủ tiếu trung hữu đao* : Người Lý Lâm-phủ nhà Đường cười mà có con dao trong tiếng cười. Ý nói người thâm-hiểm.

[← 684]

Cổ-thi : 笑啼俱不敢, 方覺做人難 *tiếu đề câu bất cảm, phương giác tổ nhân nan* : Cười cũng dờ, khóc cũng dờ, mới biết người ta vào cái cảnh ấy không biết làm thế nào.

[← 685]

Từ câu : « *Càng trông mặt, càng ngẩn-ngơ* » đến câu : « *Khôn ngăn giọt ngọc, sụt-sùi nhỏ sa* », bản kinh chép như sau này :

*Sợ uy ruột rối vò tơ,
Tủi duyên đôi giọt tuôn mưa khôn hàn.
Rút-rè theo lũ tiểu-hoàn,
Cúi đầu cùng lạy một đoàn xa xa.
Trông tường chàng ngả cổ ra :
« Thực nàng Kiều đó sao mà ở đây ?
« Nhân làm sao đến thế này ?
« Thôi thôi hỡi đã mắc tay mặt thù !
« Thương ôi ! mảnh sắt vào lò,
« Bấy lâu nay biết dày-vò đến đâu ! »
Nỗi lòng chẳng đánh mà đau,
« Đường cười nói bỗng mặc dầu lệ ra.*

[← 686]

動容 *động dong* là đôi sắc mặt.

[← 687]

Trắc dĩ nghĩa là nhớ mẹ. Chữ kinh Thi : 陟彼岵兮, 瞻望母兮 *trắc bỉ Dĩ hê, chiêm-vọng mẫu hê* : lên núi Dĩ kia trông-ngóng mẹ.

Đau lòng chung thiên, là không bao giờ quên. Bản kinh đổi câu này và câu trên như sau này :

*Tìm điều chống chãi cho xong,
Lại còn có dám nói sòng nữa ru ?*

[← 688]

Hai câu này trong bản kinh không có.

[← 689]

Chén tạc chén thù 酬酢 là chén mời, chén trả lại.

[← 690]

Tri-hồ : bưng bầu rượu. Có bản viết là : *Bắt nàng rót rượu chực hầu đôi bên.*

[← 691]

Bản kinh viết là : *Nói vào những phép già tay có dòn.*

[← 692]

Ta hay nói : « Ngâm bồ-hòn », nghĩa là ngâm đẳng cũng phải chiều mà uống cho cạn.

[← 693]

Có bản viết là : *Tiểu-thư cười tỉnh nói say.*

[← 694]

Bản kinh viết là : *Ngón đàn*.

[← 695]

Tán-hoán là ngần-ngỡ, mê-mẩn. Có bản viết là : *Nàng đà choáng-váng tê-mê*.

[← 696]

Đồng là gỗ đồng 桐, là đàn làm bằng thứ gỗ vông, chứ không phải đồng là loài kim thanh.

[← 697]

Ngoài là ngoài mặt, trong là trong ruột.

[← 698]

Giọt sương cũng là nước mắt, bởi chữ 霜淚 *sương lệ*. Có bản viết là : *giọt Tương* là dùng điển bà Nga Hoàng và bà Nữ Anh khóc ở trên sông Tương.

[← 699]

Bản kinh viết là : *Sinh càng mê-mẩn rụng-rời.*

[← 700]

Có bản viết là : *Vội-vàng nói nói cười cười cho qua.*

[← 701]

Rồng là cái đồng-hồ của Tàu ngày xưa, làm hình như con rồng, đổ nước vào để chảy ra từng giọt.

[← 702]

Thúy và uyên là giống chim bay đi có đôi.

[← 703]

Có bản viết là : *Gỡ cho ra nợ...*

Bản kinh đối từ câu này cho đến câu : « *Diện tiền trình với Tiểu-thư* » ra như sau này :

*Sớm khuya hầu trước đài doanh,
Nét sầu khôn gượng, gót tình khôn hoen.
Tiểu-thư trông liếc quở liền :
Sa mà, nặng mặt, bởi duyên-cớ gì ?
Bì-tiên đem lại tức thì,
Cậy chàng hỏi nó rằng thì làm sao ?
Sinh đà ruột xót như cào,
Nói ra chẳng tiện, trông vào sao đang.
Loanh-quanh co rứt bò sàng,
Sợ đây, thương đấy, hai đường khôn xong.
Dưới thêm, trên kỷ, cùng trông,
Một lời chưa mở, hai dòng đã sa.
Lấy lòng giả cách hỏi tra,
Thân cung, nàng đã thảo qua một tờ.
Đọc rồi đưa lại Tiểu-thư,
Thoắt xem đường cũng ngẩn-ngơ xót tình.*

[← 705]

Chạm mặt : bất thành-linh bắt gặp kẻ thù-ngịch với mình.

[← 706]

Có bản viết là : *Lấy lòng...*

[← 707]

Thân-cung là cái tờ bày-tỏ tình đầu của mình.

[← 708]

Có bản viết là : *Thoắt xem, nàng cũng...*

[← 709]

Nhà vàng là bởi chữ 金屋貯嬌 *kim ốc chữ kiều* : Đúc nhà bằng vàng để cho người đẹp ở.

[← 710]

Có bản viết là : *Bây giờ âu liệu...* Để chữ *từ-bi* thì đúng với câu ở trong bản chữ : 賢妻須悲慈也 *hiền-thê tu từ-bi dã* : hiền-thê nên lấy lòng từ-bi mà thương người ta.

[← 711]

Cửa Không là cửa nhà Phật.

[← 712]

Có bản viết là : *Thôi thôi ! thôi cũng...*

[← 713]

Có bản viết là : *Cũng cho khỏi lụy trong...* Hay là : *Cũng cho cho nghỉ trong vòng bước ra.*

擬議 *nghe-nghị* có nghĩa là tính-toán lo-liệu.

[← 714]

Có người thích nghĩa *cây trăm thước* là cái nén hương, hơi bốc lên ; *hoa bốn mùa* là cái hoa đèn, mùa nào cũng có. Nhưng xem trong bản chữ có câu : **四時有不絕之花, 八節有長春之景** *tứ thời hữu bất tuyệt chi hoa, bát tiết hữu trường xuân chi cảnh* : bốn mùa lúc nào cũng có hoa, mà tám tiết có cảnh như mùa xuân. Vậy tường câu này là câu tả cái cảnh ở trong vườn có cây, có hoa mà thôi. Lại có người cho câu này là do câu kệ trong kinh Phật : **菩提百尺樹, 蓮座四時花** *bồ đề bách xích thụ, liên tọa tứ thời hoa* : cây bồ-đề cao một trăm thước, tòa sen có hoa bốn mùa.

[← 715]

Có bản viết là : *Có thảo thụ...*

[← 716]

Có bản viết là : *Chép kinh hay là viết kinh.*

[← 717]

Bản kinh viết là : *Cậy chàng đưa đến Phật-đường.*

[← 718]

Tam qui là : qui Phật, qui Pháp, qui Tăng.

Ngũ giới là : giới dân, giới tửu, giới vọng, giới đạo, giới sát.

[← 719]

Tên hai đứa hầu là : Xuân-hoa, Thu-nguyệt.

[← 720]

Trong sách tiểu thuyết Tây-du có chữ : 紫竹林 *tử trúc lâm* : rừng trúc tía là chỗ Quan-thế-âm bồ-tát ở. Vậy rừng tía là cảnh Phật, mà bụi hồng là cõi trần-tục.

[← 721]

Pho thủ-tự là pho sách tay viết ra.

Tâm hương : lấy tấm lòng làm nén hương.

[← 722]

Cành dương là cành lá của Phật Quan-âm nhúng vào nước cam-lộ để rảy vào đám chúng-sinh khổ-não.

Có bản viết là : *Mát thay...*

[← 723]

Quan-phòng là cách canh-giữ, tức là Hoạn Thư canh giữ. Có bản chữa là : *Cửa thuyền then*.
Hay là *Cửa phòng*.

[← 724]

Tì-bà-hành : **江州司馬青衫濕** *Giang-châu Tư-mã thanh sam thấp* : Quan Tư-mã châu Giang khóc ướt vạt tràng áo xanh. *Đầm* : ướt đầm. Có bản viết là : ...*ướt tràng áo xanh*.

[← 725]

Trong bản Kiều chữ có câu : **我幾欲與爾同死, 怎奈不嗣未有, 所以死子得** *ngã cơ dục giữ
nhĩ đồng tử, nhậm nại tử tự vị hữu, sở dĩ tử bất đắc* : Ta vẫn muốn chết với nàng, nhưng vì
chưa có con trai, nên không chết được. Vậy *tông-đường* đây là nói con trai.

[← 726]

Kinh Thi : **如可贖兮, 人百其身** *như khả thực hề, nhân bách kỳ thân* : Nếu có thể chuộc được, thì mất trăm mạng cũng chuộc.

[← 727]

Chiếc bách là chiếc thuyền làm bằng gỗ bách.

[← 728]

Sóng đào : sóng lớn.

[← 729]

Cổ-thi của Lý Thương Ẩn đời Đường 春蠶到死絲方盡 *xuân tà đáo tử ti phương tận* : Con tằm đến chết mới hết tơ. Có bản viết là : ...*cũng còn kéo tơ*.

[← 730]

Nhận là đè-nén xuống, *ngùng* là thương-xót, đây là nói nén cái thương-xót xuống. Có bản viết là : *Ngại-ngùng bắt tui lảng xa*. Nhưng nghe không rõ nghĩa.

[← 731]

Bút-pháp là cách viết chữ.

[← 732]

Thiếp Lan-đình là thiếp của Vương Hi Chi, chữ tốt lắm.

[← 733]

Thuyền trà là nước chè nhà chùa, nấu bằng gỗ cây mai.

[← 734]

Chữ *than* không vần được với chữ *bên*, thành ra câu này lạc vận.

[← 735]

Bản kinh viết là :

*Lặng nghe ngẩn một giờ lâu,
Đàn-bà thế ấy dễ hầu có hai.*

[← 736]

Có bản viết là : *Thảo nào chàng Thúc ra người bó tay !*

[← 737]

Đãi-dăng : Lôi thôi. Bản kinh viết là : *Thế mà chẳng nói chẳng rằng.*

[← 738]

Người Triệu Ân đời nhà Đường nói rằng : **怒著常情, 笑著不可測** *nộ giả thương tình, tiếu giả bất khả trắc* : Có điều gì không bằng lòng mà giận thì là thường tình, chứ cười thì khó lường được.

[← 739]

Có bản viết là : *Tiếng gà dẫu cỏ, dẫu giày*. Đây lấy ý hai câu trong bài thơ *Thương sơn tảo hành* của Ôn đình Quân đời Đường 鷄聲茅店月, 人迹板橋霜 *kê thanh mao điếm nguyệt, nhân tích bản kiều sương* : Tiếng gà gáy ở lều tranh có bóng trăng, cái bước chừa người đi trên cầu có sương. Tả cảnh người đi đêm khuya.

[← 740]

Ngàn dâu là bởi chữ 扶桑 *phù tang*. Nghĩa là phương đông. (Đừng lẫn với chữ *tang du* là bóng dâu). Bản kinh : *Trời đông mới dựng vừng dâu*.

[← 741]

Trụ-trì là sư đã thụ-giới lên hạng sư ông, sư bà.

[← 742]

Đoạn này bản kinh chép như sau này :

*Chuông vàng, khánh bạc, bên mình,
Kính dâng gọi chút vì tình xin tha.
Nguyên xưa sư-trưởng vân du,
Quen thầy Hăng-thủy ở chùa Bắc-kinh
Thấy người, thấy cửa, rành rành,
Nói đà phải đáp không tình hồ-nghi.
Dạy rằng : « Thiền-hữu tương-tri,
Sư đâu chưa đến, tiểu thì hãy đây ».
Gửi thân được chốn...*

[← 743]

恒水 *Hằng-thủy* là tên sư. Trong bản chữ nói rằng : Kiêu đến chùa gọi cửa, có bà vải ra hỏi. Kiêu nói rằng đi vân du đến đây, xin vào nghỉ chừa. Vải bảo việc ấy phải hỏi sư đương-gia. Kiêu hỏi sư đương-gia tên là gì ? Vải bảo là Giác-duyên. Kiêu nhớ lấy tên ấy rồi vào nói với Giác-duyên rằng : « Tôi cùng với thầy tôi định đi đến « Chiêu-ẩn am » thăm sư Giác-duyên. Không ngờ thầy tôi đi lạc đâu, tìm không thấy, mãi mới thấy chùa đây, không biết thầy tôi đã đi đến chưa ? » – Giác duyên nghĩ một lúc rồi hỏi có phải sư Hằng-thủy ở Trấn-giang không ? – Kiêu nhận là phải, vân vân...

[← 744]

Kinh nhà Phật đời xưa hay viết vào lá cây bối-đa.

[← 745]

Tiếng chày là tiếng dùi gõ chuông.

Nện sương là đánh lúc tan sương.

[← 746]

檀越 *đàn-việt* là người có công-đức với chùa. Về sau dùng rộng nghĩa ra gọi những người đi vãng cảnh chùa là *đàn-việt*.

Cửa Già là cửa nhà chùa. Tiếng Ấn-độ gọi chùa là Già-lam.

[← 747]

có bản viết là : ...*đến nỗi thì cũng thương*.

[← 748]

Đợi nước đến chực mới nhảy thì thành ra dại.

[← 749]

Có bản viết là : « *Thấy nàng nhặt phấn sờn son*, nghĩa là người đẹp phấn son không thấm vào đâu.

[← 750]

Có bản viết là : *Mãng thềm được mối...* Hay là : *Mãng thềm được món...*

[← 751]

Có bản viết là : *Nàng đà nhớn-nhác...*

[← 752]

Châu Trần nhị tính thế thế hôn nhân, nhân danh Châu Trần thôn : Họ Châu họ Trần đời đời lấy nhau, về sau nhân đó mà gọi là thôn Châu Trần. Đây là nói hai bên lấy nhau xứng đáng.

[← 753]

Có bản viết là : *Giống oan-gia...*

[← 754]

Ý nói : Không nghe lời trước đi, thì sau khổ thân.

[← 755]

Bản kinh viết là : *Nàng càng lan thăm, huệ sâu.*

[← 756]

Sách có câu : 傷弓之鳥, 見曲木而高飛 *thương cung chi điểu, kiến khúc mộc nhi cao phi* :
Chim đã phải cung, thấy cây cong cũng phải bay cao.

[← 757]

心盟 *tâm minh* : Lấy bụng thực mà thề.

[← 758]

Bản kinh bớt đi ba câu, mà để hai câu sau này :

*Mụ nghe tính đã chắc mười,
Mách tin họ Bạc tươi-bời sấm-sanh.*

[← 759]

Trác là hương-án.

[← 760]

Có bản chép là : *Ngoài sân...*

[← 761]

行院 *hành-viện* là cửa hàng thanh-lâu.

[← 762]

Có bản viết là : ...*thì buồn*.

[← 763]

Bán xong đi mất.

[← 764]

Theo số Tử-vi mà đàn-bà đã phải sao Đào-hoa và sao Hồng-loan chiếu mệnh, thì cả đời chỉ giang-hồ.

[← 765]

Hồng-quân là ông trời ; *hồng-quần* là người con-gái.

[← 766]

Bản kinh : *Kể từ lữ bước, bước ra.* Có bản viết là : *Lữ từ, nước bước, bước ra.*

[← 767]

Lần đầu là hết đêm ấy đến đêm khác. Có bản viết là : *Lần lữa...*

[← 768]

Khách biên-đình là người ở các miền biên-thùy.

[← 769]

Thơ của Hoàng Sào là tướng giặc đời nhà Đường, có hai câu : 半肩弓劍憑天縱, 一棹江山盡地維 *bán kiên cung kiếm bằng thiên tủng, nhất trạo giang sơn tận địa duy* : nửa vai đeo cung-kiếm có trời cho, một chèo đi khắp non sông trên đất. Hoàng Sào là tên giặc lớn đời Đường.

[← 770]

Có bản viết là : *Qua chơi nghe tiếng...*

[← 771]

心腹相期 *tâm phúc tương kỳ* : lấy tâm-phúc mà ở với nhau.

[← 772]

Nguyễn Tịch nhà Tấn ngày xưa tiếp khách, thấy người đáng trọng thì mắt xanh, ai đáng khinh thì mắt trắng.

[← 773]

Cá chậu chim lồng là người tầm-thường.

[← 774]

Đường thi : 不知肝膽向誰是, 令人卻憶 平原君 *bất tri can-đảm hưng thùy thị, linh nhân khước ức Bình-nguyên-quân* : Chẳng biết gan mật cùng ai tỏ, khiến người lại nhớ Bình-nguyên-quân. Bình-nguyên-quân là tướng nước Triệu đời Chiến-quốc, có tính đãi khách tối hậu, trong nhà lúc nào cũng có hơn 3.000 khách.

[← 775]

Vua Cao-tổ đời Đường lên làm vua ở đất Tấn-dương. Câu này bản kinh chữa là : *Rõng mây rõ mặt anh-hùng có phen.*

[← 776]

Có bản viết là : ...*Tri-kỷ* thấy âu mấy người.

[← 777]

Câu này có nhiều bản viết là : *Anh-hùng đứng giữa trần ai...* thì không có nghĩa. *Đoán giữa* hay là *biết giữa*, nghĩa là bấy giờ Từ Hải còn nhỏ-mọn, thế mà Kiều đã biết là người anh hùng mới là đoán già.

[← 778]

Muôn chung là ăn muôn hộc thóc ; *ngին tứ*, có nghìn cỗ xe.

[← 779]

Có bản viết là : *Hai trăm lại cứ...*

[← 780]

Thất bảo là bảy thứ báu : pha-lê, xa-cừ, hạt châu, ngọc, vàng, bạc, đôi-mồi.

[← 781]

Bát tiên là tám vị tiên : Chung Ly-Quyên, Lã Động-Tàn, Trương Quả, Lý Thiết-Quài, Lam Thái-Hòa, Tào Quốc-Cửu, Hà Tiên-Cô, Hàn Tương.

[← 782]

Trông vời : trông xa.

[← 783]

Có bản viết là : *Tiếng loa...*

[← 784]

Kinh Thi : **宜其家室** *ngghi kỳ gia-thất* : Vợ chồng lấy nhau cửa-nhà êm-ấm. Nói riêng hai chữ « nghi gia » là nói con-gái về nhà chồng.

[← 785]

Bởi chữ 絕裙 *tuyệt cứ*, nghĩa là người ở nhà nắm lấy vạt áo nhưng người đi cứ dứt đi.

[← 786]

Trang-tử 鵬飛九萬里 *bằng phi cửu vạn lý* : Chim bằng bay xa chín vạn dặm. Có bản viết là :
Cánh bằng tiện gió cất lìa dặm khơi. Lại có bản viết là : *Gió mây bằng đã đến kỳ dặm khơi*.

[← 787]

Tô-thi : **獨立無情緒, 倚窗點梅花** *độc lập vô tình tự, ý song điểm mai hoa* : đứng buồn một mình, tựa cửa sổ đếm xem hoa mai nở được bao nhiêu. Có bản viết là : *Nàng từ...*

[← 788]

Ngồi trong buồng không ra ngoài sân, cho nên không có vết giày ở trên rêu.

[← 789]

Cỏ cao hơn thước là vì cỏ không sửa-sang gì ; *liều gầy* là nói người mỹ-nhân trong khi buồn cũng như cây liễu rũ lá, trông gầy-mòn yếu-đuối.

[← 790]

梓枌 *tử phần* là quê nhà mình.

[← 791]

Mây Tần là lấy ý trong câu thơ của Hàn Dũ đời Đường : 雲橫秦嶺家何在 *vân hoành Tần lĩnh gia hà tại* : đám mây che ngang núi Tần, không trông-thấy quê-hương ở đâu. Nghĩa là nhớ nhà.

[← 792]

Da môi là da đôi-môi, *tóc sương* là tóc trắng như sương.

[← 793]

藕斷而絲連 *ngẫu đoạn nhi ti liên* : Cái ngó sen tuy bẻ gãy, nhưng cái tơ nó vẫn còn liền với nhau.

[← 794]

Hai câu này nói mong Từ Hải.

[← 795]

令旨 *lệnh-chi* là hiệu-lệnh của vua hay là của quan tướng.

[← 796]

Châu : tiếng gọi vợ chúa, vợ vua. 于歸 *vu qui* là về nhà chồng.

[← 797]

Kiệu phượng, màn loan. Những người đàn-bà có chức tước mới được dùng.

[← 798]

Hoa-quân giãp-giới : mũ hoa lóng-lánh phất-phơ.

Hà-y rờ-ràng : áo mùi ráng trời, trông rực-rỡ.

[← 799]

Có bản viết là : *Trúc lơ giải trước, kiệu vàng cất sau.*

[← 800]

火牌 *hỏa bài* là quân kỵ-mã đi báo tin trước.

[← 801]

Lừa : quen, có nếp. Câu này nghĩa là mình ăn-mặc cân-đai đã quen.

[← 802]

Đây là mượn nghĩa để nói người đàn-bà nhờ chồng.

[← 803]

Có bản viết là : *Thì thùng trống trện...*

[← 804]

Ruổi sao là bởi chữ 星馳 *tinh trì* là đi nhanh như sao đối ngôi.

[← 805]

Có bản viết là : *Chiếu danh truy tróc...*

[← 806]

Lệnh-tiến là cái tên của tướng cho cầm đi để làm tin. Có bản viết là : ...truyền ra.

[← 807]

誓師 *thệ sư* là lễ tế cáo trời đất, qui thần về việc sai quân đi bắt những người thù, và hiệu-dụ tướng-sĩ trước khi sai đi.

[← 808]

Câu này nghĩa là : nghe nói ai cũng giận, ai cũng muốn đi bắt cho được.

[← 809]

一網打盡 *nhất vông đả tận* : kéo một mẻ lưới vét được hết. Có bản viết là : ...*tóm về* đòi nơi nghĩa là ở các nơi tóm về. Còn có bản viết là : *Chia đi các ngả*... hay là *Sai đi các nẻo*...

[← 810]

Thị lập là đứng hầu ; *song phi* đứng ra hai hàng.

[← 811]

Bác đồng là súng bằng đồng.

[← 812]

Tiên nghiêm là hồi trống đánh lúc ra quân để cho nghiêm.

[← 813]

轅門 *viên môn* là cửa quân.

[← 814]

Bản kinh viết là : *Số danh trước xướng Thúc-lang.*

[← 815]

Sâm và Thương ta gọi lầm là sao hôm và sao mai. Nhưng sao hôm và sao mai là Kim-tinh, một hành-tinh đi ở trong quỹ-đạo trái đất. Theo sách Tả-truyện của Tào nói vua Cao-tân-thị đời thượng-cổ có hai người con tên là Ất-bá và Thực-trâm hay đánh nhau, vua đày Ất-bá đi ở Thương-khâu, chủ sao Thần, tức là sao Tâm, bởi vậy gọi sao Thần là sao Thương, và đày Thực-trâm đi ở Đại-hạ chủ sao Sâm. Khi sao Sâm ở đông thì sao Thương ở tây, không bao giờ gặp nhau. Người đời sau gọi anh em không hòa-mục là Sâm Thương.

[← 816]

Bản kinh viết là : *Nghĩa sâu đành trả ơn sâu cho vừa !*

[← 817]

Sợ cho Hoạn Thư mà mừng cho Kiều.

[← 818]

Mụ già là mụ Hoạn-gia.

Sư-trưởng là Giác-duyên.

[← 819]

Lúc Hàn Tín còn hàn-vi, đói-khổ, bà Phiếu-mẫu cho ăn một bữa cơm. Về sau làm nên phú-quí trả ơn một nghìn vàng.

[← 820]

獻俘 *hiển-phù* là đem nộp những người đã bắt được.

[← 821]

Có bản viết là : ...lựa điều kêu ca.

[← 822]

Các là Quan-âm-các.

[← 823]

Có bản viết là : ...*Khéo đã nên rằng.*

[← 824]

Có bản viết là : *Làm ra mang tiếng con người nhỏ-nhen !*

[← 825]

Bản kinh viết là : *Lệnh-quân truyền xuống trước tiên tha ngay.*

軍令 *quân lệnh* : lời quan truyền xuống.

[← 826]

Viên môn là cửa quân.

[← 827]

Có bản viết hai câu này là : *Nào là Bạc Hạnh Bạc-bà, Nào là Ưng, Khuyến, nào là Sở Khanh.*

[← 828]

Nội-đao là quân cầm đao, cầm búa, đứng hầu cận. Có bản viết là : *Lệnh quân truyền xuống khai đao.*

[← 829]

Bàng-hoàng là như lúc say, lúc mê, mới tỉnh dậy, chưa rõ đầu-đuôi ra làm sao.

[← 830]

野鶴山雲 *dã hạc sơn vân* : Con hạc ở ngoài đồng, đám mây ở trên núi, là nay đây mai đó như chim hạc ngoài đồng, đám mây trên núi.

[← 831]

行脚 *hành-cước* là đi bộ, những người đi tu thường hay dùng tiếng ấy.

[← 832]

Có bản viết là : *Còn nhiều ơn nghĩa...*

[← 833]

Có bản viết là : *Khắc xương chép dạ xiết chi.*

[← 834]

Bởi chữ : **肝腦塗地** *can não đồ địa* : Gan óc lằm xuống đất, nghĩa là nói dù chết cũng chưa trả được ơn.

[← 835]

Theo trong bản chữ là mở hội tẩy oan cho Kiều.

[← 836]

Trúc chẻ là bởi chữ 破竹 *phá trúc* là chẻ cây trúc. Cứ chẻ một đốt là cả cây tách đôi ra.

[← 837]

Ngói tan là bởi chữ 瓦解 *ngọa giải* là ngói sụt. Một mái ngói mà đã có mấy viên sụt thì cả mái sụt cả. Nghĩa là đánh đâu được đấy.

[← 838]

Có bản viết là : *Gió táp mưa sa* (gió táp là gió thổi mạnh).

[← 839]

Có bản viết là : ...*năm* tòa *Hải-nam*.

[← 840]

衣架飯囊 *y giá phạn nang*, nghĩa là những đồ tầm-thường, thân như cái giá để mặc áo, ruột như cái túi để đựng cơm.

[← 841]

Thường những bậc bá-vương hay tự xưng là cô hay là quả-nhân là lời nói khiêm.

[← 842]

Hải-tần là bãi bể, mạn bể.

[← 843]

Đẩy xe là bởi chữ **推轂** *thối cốc* : đẩy cái xe. Đời xưa khi tướng đi đánh giặc, vua tiễn ra đến cửa thành và lấy tay đẩy cái xe của ông tướng ngồi, tỏ ý là vua ủy-thác việc ra đánh-dẹp ở ngoài biên cho ông tướng.

[← 844]

撥勦 *bát-tiểu* là dẹp giặc. Có bản viết là : *phủ-tiểu* **董戎** *đồng-nhung* là chủ việc quân.

[← 845]

Chiêu-an là dụ về hàng.

[← 846]

Bản kinh viết là : *Phong thư đồ lễ sai quan thuyết hàng.*

[← 847]

Có bản viết là : ...*ràng buộc lấy nhau*. Lại có bản viết là : ...*đùm bọc lấy nhau*. Nhưng chữ *đùm bọc* thì e không đúng, vì hai chữ ấy có nghĩa là bênh-vực.

[← 848]

Có bản viết là : *E-dè gió dậ, hăi-hùng sóng va*. Hay là : *E-dè sóng vồ, hăi-hùng nước sa*.

[← 849]

Có bản viết là : *Rằng : Trong Thánh-trạch dồi-dào.*

[← 850]

Bởi chữ : **天平成地** *bình thiên thành địa*, nghĩa là sửa-sang nên việc cho trời đất.

[← 851]

Bài thơ tuyệt-cú của Trần Đào 陳陶 đời văn Đường có câu : 可憐無定河邊骨 *Khả liên Vô-định-hà biên cốt* : khả thương đồng xương ở bên sông Vô-định. *Vô-định-hà* là con sông chảy từ tỉnh Tuy-viễn qua phủ Diên-an ở Thiểm-tây vào sông Hoàng-hà. Vì có nhiều cát chỗ nông chỗ sâu, nên mới gọi là Vô-định. Ngày xưa quân Tào đánh Hung-nô ở đây chết nhiều lắm.

[← 852]

Hoàng Sào là tướng giặc đời nhà Đường.

[← 853]

Ý câu này nói : Muốn lập công-danh thì chỉ có một lối theo về với Triều-đình mà thôi.

[← 854]

城下要盟 *thành hạ yêu minh* là hai bên đến dưới thành giao-ước hòa với nhau.

[← 855]

Khắc cờ là hẹn giờ.

Tập công là đánh úp.

[← 856]

Cờ chiêu phủ là cờ dụ về hàng, và vố-về các quân-sĩ cho về an-cư lạc-nghệp.

[← 857]

Đầu 投 là đầu hàng.

[← 858]

Có bản viết là : ...*bốn bên dựng cờ*.

[← 859]

Có bản viết là : ...*dẫn như đồng*.

[← 860]

Bản kinh : *Quan quân thừa thế đuổi dài.*

[← 861]

Có bản viết là : ...*như giới cơn sầu*. Hay là : ...*như chảy mạch sầu*.

[← 862]

相纏 *tương triền* là quấn-quít với nhau.

[← 863]

Bản kinh viết là : *Mới đem vào nộp trong quân.*

[← 864]

Thành toán miếu-đường là bởi chữ **朝堂成的** nghĩa là mưu-mẹo đã định trước ở chốn miếu-đường, tức là chỗ Triều-đình.

[← 865]

Chấp công cũng như lập công.

[← 866]

昂藏一丈夫 *ngang tàng nhất trượng-phu*, là người đàn-ông chí-khí ngang-dọc trong đời.

[← 867]

Có bản viết là : *Thoắt đem mình bỏ chiến-trường như không.*

[← 868]

Bởi chữ 淺土一堆 *thiễn thổ nhất đôi* : Một đồng đất nông.

[← 869]

稿葬 *cảo-táng* hay là *kiểu-táng* là bọc cỏ mà chôn. Nghĩa là chôn đối-trá.

[← 870]

賀功 *hạ công* là tiệc mừng thắng trận.

[← 871]

Có bản viết là : *Nghe càng đắm, ngắm càng say*. Hay là : *Càng nghe, càng đắm, càng say*.

[← 872]

三生香火, *tam sinh hương hỏa* : ba đời có lời thề-ước lấy nhau. Có khi dùng hai chữ : *lửa hương* để chỉ lời thề-ước.

[← 873]

Tiểu Lân là vợ vua nước Tề, sau lại lấy Đại-vương nhà Đường, nhân có làm bài thơ rằng : 欲
知心斷絕, 應看膝弘 *dục tri tâm đoạn tuyệt, ưng khán tất thượng huyền* : muốn biết lòng đau
thế nào, thì nên xem cái dây đứt.

[← 874]

Gốc phần là gốc cây phần. Đây ý nói xin cho về quê-hương.

[← 875]

hạ công là tiếc mầung thắng trận.

[← 876]

Bàn kinh : *Lỡ lời biết tính thế nào là hay.*

[← 877]

Nhé : tiếng đệm sau cau, tỏ ý kêu, gọi.

[← 878]

潮 *triều* là nước thủy triều.

[← 879]

Có bản viết là : *Hẹn ta, thì phải dưới này rước ta.*

[← 880]

絕筆 *tuyệt bút* là một bài văn làm lúc sắp chết mà để lại.

[← 881]

Cửa bông tức là cửa thuyền. Có bản viết là : *Cửa phòng*, tưởng là lầm, vì đây là ở dưới thuyền.

[← 882]

Bao-la là mênh-mông rộng-rãi.

[← 883]

Nhà thuyền chày hay gọi kỳ nước lên là *con nước*.

[← 884]

Cho rồi ở đây cũng như nói mất rồi. Chữ *cho* dùng như trong câu : Làm *cho* mau, nói *cho* khéo v.v... Có bản viết là : *Quá rồi* hay là *vừa rồi*.

[← 885]

陰極陽回 *âm cực dương hồi* : hết khổ rồi đến sướng.

[← 886]

雲遊 *vân-du* là nói những người tu nay đây mai đó.

[← 887]

Đạo-cô : tiếng gọi người đàn-bà đi tu.

[← 888]

Có bản viết là : *Kiếp sau chịu những...* hoặc là *gặp những...*

[← 889]

Có bản viết là : *Vậy nên những tính thông-dong.*

[← 890]

Thanh-y hai lần là một lần ở nhà Hoạn-bà, một lần ở nhà Hoạn Thư.

[← 891]

Câu này mỗi bài viết một khác : Bản thì viết là ...*mỗi thủy tinh* là nói gieo mỗi xuống *thủy tinh* cung, tức là xuống thủy phủ. Bản thì viết là : *gieo mình vắng tanh*, là nói gieo mình xuống sông lúc vắng tanh. Bản nào cũng rõ nghĩa cả.

[← 892]

Tội-nghiệp là nghiệp xấu kiếp trước.

[← 893]

Có bản viết là : *Hại một người, cứu một người*. Không rõ ý thế nào.

[← 894]

夙愆 *Túc khiên* là tội kiếp trước.

[← 895]

Thú là nơi chỗ ở.

[← 896]

Có bản viết là : ...lộp nóc thảo-đường. Thảo đường là nhà tranh.

[← 897]

Thuê năm là thuê cả năm.

[← 898]

Trong chuyển vần là trong đạo Trời. Có bản viết là : Khéo thay...

[← 899]

Duềnh ngân là vụng nước.

[← 900]

Các nhà làm văn thường dùng chữ : *Quế phách mai hồn* để nói lúc ngủ cho lịch-sử.

[← 901]

Có bản viết là : ...*kiếp này dễ ai*.

[← 902]

Cứu người như khuyên Từ Hải ra hàng để khỏi sự chinh-chiến.

[← 903]

Có bản viết là : *Một mình...*

[← 904]

Có bản viết là : *Duyên xưa tròn-trặn...*

[← 905]

潮 *triều* là nước thủy triều.

[← 906]

Phù tang 扶喪 là đưa tang, cũng như hộ tang.

[← 907]

Quạnh-quẽ : vắng-vẻ, không có người.

[← 908]

Trong bài thơ tuyệt-cú của Thôi Hộ đời Đường có câu : **桃花依舊笑東風** *đào hoa y cựu tiếu đông phong* : hoa đào vẫn cười với gió đông như cũ.

[← 909]

Nhà bỏ vắng, chim én bay vào làm tổ.

[← 910]

Có bản viết là : *Điều này...*

[← 911]

Có bản viết là : *Hỏi thăm di-trú...*

[← 912]

Tràng-hận ca 此恨綿綿無絕期 *thử hận miên miên vô tuyệt kỳ* : sầu này dằng-dặc không bao giờ nguôi.

[← 913]

來生 *Lai sinh* là kiếp sau.

[← 914]

Ký-chú là dận dò.

[← 915]

Bản kinh : *gởi lòng để lạt, cất mình ra đi.*

[← 916]

Thôi là từng thôi một, lúc một.

[← 917]

Nhận là đè-nén xuống, ngừng là thương-xót, đây là nói nén cái thương-xót xuống.

[← 918]

Bản kinh đối câu này và câu sau là :

*Nặng lòng thương phận tơ đào,
Sẽ lòng đoái chút tuổi cao thân tàn.*

[← 919]

Câu này chữ *phiền* vần với chữ *hoàn* thì ép vần quá, vì không đúng với luật vần thông.

[← 920]

Các bản nô-m đều viết thế cả. Nhưng tưởng chữ *của* đi với chữ *kim-hoàn*, chữ *thề* đi với chữ *đàn* và *hương* thì phải hơn. Vậy nên đề :

*Của xưa giờ đến kim hoàn,
Thề xưa, lại giờ đến đàn với hương.*

[← 921]

Có bản viết là : *Mực mài nước mắt chép thư.*

[← 922]

Đồng là gỗ đồng 桐, là đàn làm bằng thứ gỗ vông, chứ không phải đồng là loài kim thanh.

[← 923]

Có bản viết là : *Bẻ-bai, rầu-rĩ, tiếng tơ.*

[← 924]

制科 *Chế-khoa* là một khoa thi hội.

[← 925]

榜春 *Bảng xuân* là đồ hội thi.

[← 926]

Ngõ hạnh là ngõ hoa hạnh trong vườn ngự uyển nhà vua. *Dặm phần* là quê nhà.

[← 927]

青雲 Thanh-vân là đi làm quan. Có nhiều bản viết câu này là : *chàng càng nhẹ bước thanh-vân*. Để chữ « *chàng* » ở đây thì thành ra tối, không rõ là Kim hay là Vương.

[← 928]

Cái rế bè ở chừn sóng, lúc chìm lúc nổi.

[← 929]

琴堂 *Cầm đường* là nhà quan huyện. Từ Tiệm đời Xuân-thu làm quan huyện ở nước Lỗ, thường hay gảy đàn làm việc quan. Cho nên nhà quan huyện gọi là cầm-đường.

[← 930]

Ông Triệu Biện đời nhà Tống, ngày xưa đi làm quan chỉ đem có một con hạc và một cái đàn đến quận, làm quan thanh-liêm lắm.

[← 931]

Thanh là đồng thanh tương ứng ; *khí* là đồng khí tương cầu : *lễ hằng* là lễ thường. Nghĩa là cái lễ thường là đồng một thanh thì hợp với nhau, đồng một khí thì tìm đến nhau.

相尋 *Tương tầm* : tìm lẫn nhau.

[← 932]

Có bản viết là : *Có mua...*

[← 933]

堅貞 *Kiên trinh* : giữ trinh.

[← 934]

Có bản viết : *Hơn đời...*

[← 935]

Có bản viết là : *Song còn chưa biết họ tên.*

[← 936]

Có bản viết là : *Anh-hùng lúc ấy tính-danh là gì ?*

[← 937]

Bản kinh viết rằng : *Thúc rằng* : « *Đương buổi loạn-ly.*

[← 938]

Vân-mông là tin-tức. Bản kinh viết là : ...*sự công thế* nào.

[← 939]

消耗 *tiêu-hao* cũng là tin-tức.

[← 940]

Bản kinh viết là : *Kiếp phong-trần biết bao giờ đã xong.*

[← 941]

Có bản viết là : *Mảnh gương* thì sai, là vì lúc thề với nhau chỉ có *hương*, chứ không phải là *gương*.

[← 942]

Lửa hương để chỉ lời thề-ước.

[← 943]

Bình là đèo, bồng là cỏ nổi trên mặt nước.

[← 944]

鼎鐘 *đỉnh-chung* là bởi câu : **列鼎而食, 食時擊鐘** *liệt đỉnh nhi thực, thực thời kích chung* : bày vạc mà ăn, đánh chuông mà gọi người về ăn. Nghĩa là ăn nhiều, và nhiều người ăn, tức là cảnh phú-quí.

[← 945]

Áng can-qua : chỗ chiến-trường.

[← 946]

Bản kinh viết là : *Ngôi sao biết đã...*

[← 947]

Năm mây là năm sắc mây. Chiếu nhà vua thường có vẽ mây ngũ sắc.

[← 948]

Thuộc tỉnh Phúc-kiến bây giờ.

[← 949]

Bản thì viết *Hoài-dương*, bản thì viết *Thư-dương*. Nhưng cứ trong địa-dư Tàu, thì có huyện Phú-dương ở bờ sông Tiền-đường, gần Hàng-châu thì để chữ *Phú-dương*, có lẽ đúng hơn.

[← 950]

赴官 *phó quan* là đi đến sung chức.

[← 951]

Quân lệnh : lời quan truyền xuống.

[← 952]

Vời trông : trông xa ra trên mặt nước.

[← 953]

衛精 *trinh vệ* : là loài chim. Chuyện con gái vua Viêm-đế chết đuối ở bể Đông, sau hóa làm chim trinh-vệ ngày ngày đến núi Tây-sơn ngậm đá đem ra lấp bể.

[← 954]

Có bản viết là : *Xúm quanh kẻ-lẽ...*

[← 955]

Cửa Bồ-đề là cửa Phật.

[← 956]

草庵 *thảo-am* là chùa lợp cỏ.

[← 957]

冥 *minh* là mờ, tối, cũng như nghĩa chữ âm.

[← 958]

冗源 *cửu-nguyên* cũng như *cửu-tuyền* là ở dưới âm-phủ.

[← 959]

Quyển : ố ra, hoen ra.

[← 960]

Bản kinh viết là : *Gieo mình dưới gối huyền-đỉnh. Dưới gối là bởi chữ 膝下 tất hạ. Con đối với cha mẹ thì gọi là tất hạ.*

[← 961]

Câu này có nhiều bản viết là : *Đứng trông nàng đã trở sầu làm tươi*. Ý nói Kiều đứng trông thì không có nghĩa. Và xem trong bản tiểu-thuyết có câu : **金重不便上前, 只得眉歡眼笑** *Kim Trọng bất tiện thương tiên, chỉ đắc my hoan nhơn tiếu*. Kim Trọng không tiện lên chào hỏi Kiều, chỉ đứng tỏ ra bộ vui mừng. Vậy để chữ *chàng cũng* thì phải hơn.

[← 962]

Có bản viết là : *Rủ nhau...*

[← 963]

Trần-tạ : bày-tỏ cái lòng cảm tạ. Trong sách tiểu-thuyết chép rằng : Khi Kiều kể sự khổ-sở của mình và nói chuyện Giác-duyên cứu vớt mình ở sông Tiền-đường, thì cả nhà Vương viên-ngoại phục xuống lạy tạ Giác-duyên.

[← 964]

度生 *độ sinh* là tiếng bên Phật nói cứu-vớt cho chúng-sinh.

[← 965]

Kinh Thi 天作之合 *thiên-tác chi hợp* : trời làm cho hai bên gặp nhau hay lấy nhau.

[← 966]

Hỗ phách thập giới, từ thạch dẫn châm : hồ phách bắt rác nhẹ, ta quen gọi là hạt cái, đá nam-châm hút cái kim, nghĩa là phối-hợp với nhau.

[← 967]

Tình-sử : **破鏡重圓** *phá kính trùng viên* : Gương đã vỡ lại lành, là nói đã ly-biệt rồi lại sum-hợp.

[← 968]

Có bản viết là : *Khuôn thiêng lừa-đào...*

[← 969]

Có bản viết là : *Còn văng trắng cũ...*

[← 970]

Kinh Thi : Thơ phiếu mai (mai rụng) 標有梅, 其實七兮 *Phiếu hữu mai, kỳ thực thất hề* : ...kỳ thực tam hề. Nghĩa là quả mai mười phần còn bảy phần : ...còn ba phần, nhưng vẫn hãy còn quả, ví như người đàn-bà đã hơi quá tuổi song lấy chồng cũng còn vừa. Có bản viết là : *ba bảy khi vừa*.

[← 971]

Đào non là bởi chữ : « Đào chi yêu yêu » trong Kinh Thi là nói cây đào non, để ví với người con-gái còn ít tuổi, có khi ví cái thời con-gái đi lấy chồng.

[← 972]

Bản kinh : *Sự muôn năm kể làm chi bây giờ.*

[← 973]

Cổ-thi : 心如歸海潮, 幕風留不佳 *tâm như qui hải triều, mộ phong lưu bất trụ* : lòng như nước thủy-triều đã về bể, gió buổi chiều giữ lại không được.

[← 974]

Thơ của Vương Bột : 物換星移幾度秋 *vật hoán tinh di kỷ độ thu* : Vật đổi sao dời, trải bao nhiêu mùa thu.

[← 975]

Có bản viết là : ...*chi mình*.

[← 976]

家室緣諧 *gia-thất duyên hài* : vợ chồng đã nên duyên vui-vẻ.

[← 977]

Phong nhị là giữ lấy nhị hoa.

[← 978]

塵垢 *trần-cấu* là đất bụi dơ bẩn.

[← 979]

Bố-kinh, là bởi chữ *bố quần kinh thoa* : quần vải-thoa cỏ. Nghĩa là đạo làm vợ có quyền để tang cha mẹ bằng sô gai.

[← 980]

琴瑟 *cầm-sắt* là tình vợ chồng, **琴棋** *cầm-kỳ* là tình bạn-hữu.

[← 981]

權 *quyền* là theo cái tình-thế trong một lúc mà làm, chứ không phải là giữ đạo thường, **執經** *chấp kinh* là giữ đạo thường, cứ nhất định về một mặt.

[← 982]

Bản kinh : *Bụi nào còn đực đến mình ấy vai.*

[← 983]

Tan sương đầu ngõ thì trông thấy hoa : vén mây giữa trời thì trông thấy trăng.

Có bản viết là. *Tan sương mới ngỏ ánh mây giữa trời.*

[← 984]

Thơ của Thôi Giao 崔郊 đời Đường có câu 侯門一如深如海, 從此蕭郎是路人 *Hầu môn nhất nhập thâm như hải, Tòng thử Tiêu-lang thị lộ nhân* : cửa hầu vào rồi sau như bể, Từ đó Tiêu-lang là người khách đi đường. Lấy điển vợ Tiêu-lang tên là Lục Chân bị người ta bắt đem dâng ông Quách Tử Nghi. Từ đó chàng Tiêu trông thấy vợ, cứ dừng-dừng như khách đi đường. Ý câu này nói rằng : nữ nào để hằng-hờ không nhận người cũ hay sao ?

[← 985]

Có bản viết là : ...dứt lời.

[← 986]

Có nhiều bản viết là : *Gót đầu*.

[← 987]

Có bản viết là : ...*Đoàn viên tiệc mở nhà lan.*

[← 988]

Có bản viết là : ...*hồng giảng bức* là.

[← 989]

Có bản viết là : ...đôi đà xứng đôi.

[← 990]

Có bản viết là : ...*Những từ trên ngọn đào tơ*. Lấy nghĩa là kể từ khi bắt được cái thoa trên ngọn đào.

[← 991]

Từ câu này đến hết câu : « *Hoa xưa ong cũ, mấy phen chung tình* » bản kinh chép như sau này :

*Thế-gian đâu có hội này,
Bỏ lòng chua-xót thỏa ngày khát-khao,
Canh tàn gạt ngọn đèn cao,
Nhìn nhau đường giấc chiêm-bao mơ-màng.
Sánh vai chung gối đêm trường,
Lạ gì yêu phấn dấu hương thể tình.*

[← 992]

Có bản viết là : ...đêm này trăng sao.

[← 993]

Có bản viết là : *Khéo là*.

[← 994]

Bản kinh viết là : *Yêu nhau để xấu cho người.*

[← 995]

Có bản viết là : *Thì đà em đó...* Nhưng các bản nôm cũ đều viết : *Thì còn.*

[← 996]

« *Chữ trinh* » đây là nói cái lòng trinh-tiết của Kiều vốn giữ với Kim Trọng tự xưa đến nay. Dầu có phải ong qua bướm lại cũng là bất-đắc-dĩ, chứ cái lòng thi-chung vẫn không đổi. Đây là nói cái trinh của Kiều đối với Kim Trọng ; cái trinh ấy Kiều muốn giữ cho được trọn- vẹn, không nỡ đem cái thân tồi-tàn mà đãi người tình-chung.

[← 997]

Có bản viết là : ...*nữ giày cho tan*.

[← 998]

Có bản viết là : ...*khôa đực khơi trong*.

[← 999]

Khôn hàn là khó hết, khó ngăn lại được.

[\[← 1000 \]](#)

Hồ điệp là con bướm-bướm. Trang Chu ngày xưa nằm mơ thấy mình hóa ra bướm bướm. Mấy câu này là dịch bốn câu thơ Cầm-sắt của Lý Thương Ẩn đời Đường.

莊生曉夢迷蝴蝶

Trang sinh hiếu mộng mê hồ-điệp,

蜀帝春心化杜鵑

Thục-đế xuân tâm hóa đồ-quyên,

滄海月明珠有淚

Thương hải nguyệt minh châu hữu lệ,

藍田日暖玉生煙

Lam-điền nhật noãn ngọc sinh yên.

[← 1001]

Tục truyền rằng Thục-đế ngày xưa mất nước, chết hóa làm con quốc, đêm ngày sầu-oán kêu mãi không thôi.

[← 1002]

Duềnh là vụng, *quyên* là do chữ thuyền-quyên nghĩa bóng nói mặt trăng ; *duềnh quyên* là vũng nước có mặt trăng soi vào.

[← 1003]

Lam điền là chỗ gieo hạt thành ra ngọc. Mới đông tức là ngọc mới thành.

[← 1004]

Bản kinh chép đoạn này :

*Đầu mây tươi liễu cuống lòng thỏa hoa,
Rằng : Này cũng lạ thay là !
Xưa nay rầu rĩ, nay ra vui-vầy ?
Tẻ vui cũng tại lòng này,
Thôi chiều khổ tận đến ngày cam lai.*

[← 1005]

Có bản viết là : *Thương vui bởi tại.*

[← 1006]

Có bản viết là : *Một phen tri-kỷ mừng nhau.*

[← 1007]

Có bản viết là : *trời vừa dặng đông.*

[← 1008]

Chuyện tiểu-thuyết tàu chép rằng : Khi Kiều cho người đến đón Giác-duyên, thấy có câu thơ để lại : 若問吾身何處去, 常伴飛鶴半空雲 *nhược vấn ngô thân hà xứ khứ, thường bạn phi hạc bán không vân*. Muốn hỏi ta ở đâu, thì ta vẫn đi chơi với chim hạc trên mây.

[← 1009]

Quan giai làm quan cứ lên bậc một.

[← 1010]

Thừa giai làm thừa-đương việc gia đình. Có bản viết là : *Thừa tôn*.

[← 1011]

Vườn xuân là nói ví sự vui-vầy trong gia-đình như cái vườn hoa mùa xuân.

[← 1012]

Nghĩa là người có tài hay bị tai-nạn.

[← 1013]

Chữ *Nghiệp* đây là bởi chữ « *Karma* » trong kinh nhà Phật mà dịch ra, nghĩa là đã sinh ra làm người, thì ai cũng có cái nghiệp của mình. *Nghiệp* tức là công-việc của mình làm kiếp này, và lại là cái kết-quả ở kiếp sau của mình, dù hay dù dở, cứ luân-hồi mãi không bao giờ hết được. Mà cái *nghiệp* ấy là tự ở mình gây ra, chứ không phải là ai gây cho mình. Hễ có *thân* là có *nghiệp*, *thân* với *nghiệp* cứ đeo-đăng nhau mãi, trừ lúc nào đã tu được như Phật, bỏ hẳn được cái *thân* đi thì mới giải-thoát được cái *nghiệp*.

[← 1014]

Nghĩa là mình tự trách mình mà thôi.

[← 1015]

Thiện căn là cái gốc thiện.

[← 1016]

Cốt giữ lấy cái bụng, chứ không nên cậy tài. Làm người nên cố gây lấy cái nền đức, để cho nhẹ cái *ngiệp* kiếp sau, chứ càng có tài thì càng hay sinh sự thì tất cái *ngiệp* lại càng nặng thêm mãi ra.